

NGUYỄN NGỌC HUY



**Các ẩn số
chính trị**
Trong Tiểu Thuyết
Võ Hiệp
KIM DUNG

THANH PHƯƠNG THƯ QUÁN
1986

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU

CHƯƠNG I:
CÁC NHƠN VẬT TƯỢNG TRUNG CHO MỘT VÀI QUỐC GIA ĐẶC BIỆT TRÊN THẾ GIỚI HOẶC MÔ TẢ
MỘT VÀI CHÁNH KHÁCH NỔI TIẾNG TRONG LỊCH SỬ TRUNG QUỐC CẬN ĐẠI.

MỤC 1:
CÁC NHƠN VẬT TƯỢNG TRƯNG CHO MỘT VÀI QUỐC GIA ĐẶC BIỆT TRÊN THẾ GIỚI.

I- Nhơn vật và đoàn thể tiêu biểu cho nước Trung Hoa cổ điển : Trung Thần Thông, Châu Bá Thông và phái Toàn Chân

A- Ý nghĩa của ngoại hiệu Trung Thần Thông.

B- Ý nghĩa của họ Vương là họ của Trung Thần Thông

C- Thái độ của Trung Thần Thông đối với Cửu Âm Chân Kinh, biểu lộ thái độ của nước Trung Hoa cổ điển đối với khoa học.

D- Châu Bá Thông, biểu tượng cho nền công nghệ cổ của Trung Quốc.

Đ- Cái nắm móc trên bả nhơn sâm làm tăng công lực của Trung Thần Thông, biểu tượng nền văn hoá cổ của Trung Hoa.

E- Ý nghĩa của phái Đạo Giáo Toàn Chân

1. Vị trí của Đạo Giáo trong lịch sử Trung Quốc.

2. Phái Toàn Chân, tiêu biểu cho tánh cách dung hợp của nền văn hoá Trung Hoa.

G- Ý nghĩa các kỹ thuật tranh đấu của phái Toàn Chân.

1. Nhứt Dương Chỉ.

2. Thái Cực Quyền

3. Thiên Cương Bắc Đẩu Trận.

H- Các nhơn vật có thể được Vương Trùng Dương (Trung Thần Thông) biểu tượng.

I- Các nhơn vật có liên hệ đến phái Toàn Chân sau Vương Trùng Dương : Quách Tĩnh và Dương Khang.

II – Nhơn vật tượng trưng cho nước Nhật: Đông Tà

A- Các dấu hiệu cho thấy rằng Đông Tà tượng trưng cho nước Nhật.

1. Vị trí địa lý và biệt danh của nước Nhật.
2. Tánh sợ lửa của Đông Tà.
3. Họ của Đông Tà và tên của bà vợ ông.

B- Thân thể Đông Tà, biểu lộ việc dân Nhật đã thấm nhuần văn hoá Trung Hoa.

C- Các đặc tính của người Nhật làm cho họ phân biệt với người Trung Hoa.

1. Các sáng chế văn hoá đặc biệt của người Nhật so với văn hoá Trung Hoa.
2. Sự dị biệt giữa người Nhật và người Trung Hoa trong các quan niệm căn bản phát xuất từ văn hoá Trung Hoa.

D- Lối cư xử của Đông Tà, biểu tượng tinh thần quốc gia đặc biệt của người Nhật.

E- Âm khí của Đông Tà, biểu tượng cho đòn kinh tế mà người Nhật dùng để bành trướng thế lực.

III- Nhơn vật tượng trưng cho các nước Tây Phương: Tây Độc, Âu Dương Công Tử và Dương Quả.

A- Tây Độc và Âu Dương Công Tử: tiêu biểu cho các nước Tây Phương nói chung và các nước Âu Châu nói riêng.

1. Các dấu hiệu vật chất cho thấy rằng Tây Độc và Âu Dương Công Tử tượng trưng cho các nước Âu Châu.
2. Nếp sống của Tây Độc và Âu Dương Công Tử, biểu lộ của văn hoá Âu Châu theo sự nhận xét của người Trung Hoa.
3. Con rắn, biểu tượng cho nền văn hoá Tây Phương phát xuất từ Âu Châu.
 - a/ Sự liên hệ giữa tài nghệ của Tây Độc và con rắn.
 - b/ Sự liên hệ giữa con rắn và nền văn hoá Tây Phương phát xuất từ Âu Châu.
- 4- Kỹ thuật tranh đấu của Tây Độc, biểu tượng cho lễ lối tranh đấu của người Tây Phương.
 - a/ Võ thuật của Tây Độc bộc lộ sự dị biệt căn bản giữa hai nền văn hoá Trung Hoa và Tây Phương.
 - b/ Cách xử sự của Tây Độc biểu tượng chánh sách được các nước Tây Phương áp dụng.

5. Sự điên cuồng và mất trí của Tây Độc, biểu tượng cho sự vong thân và sự mất vị thế đại diện cho Tây Phương của Âu Châu.

B- Dương Quá: tiêu biểu cho nước Mỹ.

1. Sự tương đồng và dị biệt của người Mỹ và người Âu Châu được mô tả qua các chi tiết liên hệ đến Tiểu Long Nữ và đến sự giao thiệp giữa Tiểu Long Nữ với Dương Quá.

2. Những điểm đáng lưu ý trong sự giao thiệp giữa Dương Quá và Bắc Cái.

3. Các ngoại hiệu của Thần Điều Đại Hiệp và Tây Cuồng và việc Dương Quá học võ thuật với Độc Cô Cầu Bại.

IV- Nhơn vật và đoàn thể tiêu biểu cho Liên Xô: Bắc Cái và Cái Bang.

A- Các dấu hiệu cho thấy rằng Bắc Cái và Cái Bang tượng trưng cho Liên Xô và Đảng Cộng Sản Quốc Tế.

1. Vị trí địa lý của Liên Xô đối với Trung Quốc.

2. Các biểu tượng của uy quyền Bang chủ Cái Bang.

3. Ý nghĩa họ Hồng là họ của Bắc Cái và môn qui của Cái Bang.

B- Các kỹ thuật tranh đấu của Bắc Cái và Cái Bang:

1. Đà Cầu Bổng Pháp, tiêu biểu cho chủ trương giai cấp tranh đấu.

2- Hàng Long Thập Bát Chương, tiêu biểu cho Biện Chứng Pháp Duy Vật.

a/ Kinh Dịch

b/ Kinh Dịch so với Biện Chứng Pháp Duy Vật.

3. Kỹ thuật tranh đấu tập thể của Cái Bang: Kiên Bích Trận biểu tượng cho kỹ thuật tổ chức và tranh đấu của Đảng Cộng Sản Quốc Tế.

4. Tánh chất của công phu Bắc Cái nói chung.

C- Nhơn vật được Bắc Cái biểu tượng: Lénine.

1. Ý nghĩa của các biệt hiệu Cửu Chỉ Thần Công và Hồng Thất Công.

2. Sự ẩn hiện bất thường của Bắc Cái so với hành động bí mật của Lénine.

3. Các phe ăn mày áo dơ và áo sạch, tiêu biểu cho các Đảng Cộng Sản Đệ Tam và Đệ Tứ Quốc Tế.

4. Tâm tánh Bắc Cái so với chủ nghĩa Lénine.

D- Hoàng Dung: biểu tượng cho Staline.

1. Tâm tánh Hoàng Dung so với tâm tánh Staline
2. Thân thể Hoàng Dung so với thân thể Staline
3. Cuộc tranh đấu của Hoàng Dung để nắm quyền Bang chủ Cái Bang so với cuộc tranh đấu của Staline để nắm quyền Tổng Bí Thư Đảng Cộng Sản Liên Xô.

V- Nhon vật tượng trưng cho các nước thuộc Đế Tam Thế Giới nói chung và nước Thái Lan nói riêng: Nam Đế.

A- Vị trí địa lý của các nước đang mở mang so với các nước đã kỹ nghệ hoá và của Đại Lý và Thái Lan so với Trung Quốc.

B- Con lươn thần làm tăng thêm công lực của Nam Đế, biểu tượng cho nền văn hoá cổ của Thái Lan.

C- Công phu của Nam Đế, biểu lộ ảnh hưởng của các nền văn hoá khác nhau đối với Thái Lan.

D- Việc Nam Đế học công phu Nhứt Dương Chỉ, biểu lộ ảnh hưởng thêm của Trung Quốc đối với Thái Lan trong giai đoạn cận đại.

VI- Các nhon vật và đoàn thể tượng trưng cho các nước theo chế độ độc tài hữu phái: Thiết Bang Chương và anh em họ Cừ cùng Công Tôn Chỉ.

A- Bang chủ Thiết Chương Bang Cừ Thiên Nhận và người anh song sinh Cừ Thiên Lý, tiêu biểu cho nước Đức Quốc Xã và nước Ý Phát Xít và thể hiện Hitler và Mussolini

1. Các đặc điểm của Thiết Chương Bang so với các đặc điểm của các Đảng Quốc Xã Đức và Phát Xít Ý.
2. Sự tương đồng và dị biệt giữa hai Đảng Phát Xít và Quốc Xã, biểu tượng bằng sự khác nhau giữa anh em song sinh giống nhau như đúc.
3. Kỹ thuật chiến đấu của Thiết Chương Bang đối chiếu với chủ trương và lẽ lối làm việc của hai Đảng Quốc Xã và Phát Xít.
 - a/ Công phu Thủy Thượng Phiêu của Cừ Thiên Nhận và các chủ nghĩa siêu nhon và siêu tộc của Đảng Quốc Xã Đức.
 - b/ Tài nghệ và xảo thuật của Cừ Thiên Lý so với tài nghệ và xảo thuật của Mussolini.
 - c/ Tổ chức của Thiết Chương Bang so với tổ chức của hai Đảng Quốc Xã và Phát Xít nói chung.
4. Đặc điểm riêng của Đảng Quốc Xã Đức.
 - a/ Bội tinh Thập Tự Sắt của Quốc Gia Đức so với hai bàn tay sắt, tín hiệu của Bang chủ Thiết Chương Bang.
 - b/ Chữ Vạn của Quốc Gia Đức so với hai bàn tay sắt, tín hiệu của Bang chủ Thiết Chương Bang.

B- Cừu Thiên Xích và chồng là Công Tôn Chỉ tiêu biểu cho các quốc gia nhỏ yếu theo chế độ độc tài hữu phái nói chung và nước Tây Ban Nha nói riêng.

1. Cừu Thiên Xích, tượng trưng cho nhánh nhỏ yếu nhứt trong phong trào Phát Xít và đặc biệt là ở nước Tây Ban Nha.

2. Công Tôn Chỉ, tiêu biểu cho cánh hữu ôn hoà ở các nước nhỏ bé, và đặc biệt là Tướng Franco của Tây Ban Nha.

VII- Sự giao thiệp giữa các nước được các cao thủ vô lâm biểu tượng theo cái nhìn của Kim Dung.

A- Sự giao thiệp giữa các nước Tây Phương với Trung Quốc, biểu lộ qua sự giao thiệp giữa Tây Độc và Dương Quá với phái Toàn Chân.

B- Sự giao thiệp giữa người Nhựt với Trung Quốc và các nước Tây Phương, biểu lộ qua sự giao thiệp giữa Đông Tà với phái Toàn Chân và Tây Độc cùng Dương Quá.

C- Sự giao thiệp giữa Liên Sô với Trung Quốc, Nhựt và các nước Tây Phương, biểu lộ qua sự giao thiệp giữa Bắc Cái với Trung Thần Thông, Đông Tà và Tây Độc.

D- Sự giao thiệp giữa các nước thuộc Đế Tam Thế Giới đặc biệt là Thái Lan với Trung Quốc, Nhựt, các nước Tây Phương và Liên Sô, biểu lộ qua sự giao thiệp giữa Nam Đế với Trung Thần Thông, Đông Tà, Tây Độc và Bắc Cái.

Đ- Sự giao thiệp giữa nước Đức với Trung Cộng, các nước Tây Phương khác, Liên Sô và các nước thuộc Đế Tam Thế Giới, biểu lộ qua sự giao thiệp giữa Cừu Thiên Nhận với phái Toàn Chân, Tây Độc, Bắc Cái và Nam Đế.

MỤC II:

CÁC NHƠN VẬT ĐƯỢC DÙNG ĐỂ MÔ TẢ MỘT VÀI CHÁNH KHÁCH NỔI TIẾNG TRONG LỊCH SỬ TRUNG QUỐC CẬN ĐẠI

I- Các chánh khách Trung Quốc về phía Cộng Sản.

A- Các nhơn vật biểu tượng cho các lãnh tụ Trung Cộng trong bộ Tiểu Ngạo Giang Hồ.

1. Các điểm tương đồng giữa Triều Dương Thần Giáo và Đảng Trung Cộng.

2. Nhậm Ngã Hành, biểu tượng Mao Trạch Đông và Đông Phương Bất Bại, biểu tượng Lưu Thiểu Kỳ.

a/ Mỗi liên hệ giữa Nhậm Ngã Hành với Đông Phương Bất Bại bên trong Triều Dương Thần Giáo so với mỗi liên hệ giữa Mao Trạch Đông với Lưu Thiểu Kỳ bên trong Đảng Trung Cộng.

b/ Các đặc tánh của Nhậm Ngã Hành và Đông Phương Bất Bại so với các đặc tánh của Mao Trạch Đông và Lưu Thiểu Kỳ

c/ Cách Đông Phương Bất Bại đối xử với Nhậm Ngã Hành sau khi bắt giam ông này để làm Giáo Chủ Triều Dương Thần Giáo, so với cách Lưu Thiểu Kỳ đối xử với Mao Trạch Đông sau khi giành địa vị Chủ tịch Nhà Nước Trung Cộng.

d/ Thái độ Nhậm Ngã Hành trước khi bị bắt giam và sau khi giành lại được chức vị Giáo Chủ Triều Dương Thần Giáo, so với thái độ Mao Trạch Đông trước khi mất chức Chủ tịch Nhà Nước Trung Cộng và sau khi lật đổ được Lưu Thiểu Kỳ để nắm lại thực quyền.

đ/ Cái chết của Nhậm Ngã Hành và ý kiến của Kim Dung đối với Mao Trạch Đông, cùng ước vọng của Kim Dung về chánh sách tương lai.

B. Các nhơn vật biểu tượng cho các lãnh tụ Trung Cộng trong bộ Lộc Đình Ký.

1. Thần Long Giáo, tượng trưng cho Đảng Trung Cộng trong bộ Lộc Đình Ký.

a/ Các điểm giống nhau giữa Thần Long Giáo và Triều Dương Thần Giáo.

b/ Vài điểm đặc biệt của Thần Long Giáo so với Triều Dương Thần Giáo nhưng cũng dùng để ám chỉ đường lối và phương pháp làm việc của Đảng Trung Cộng.

2. Hồng Giáo Chủ, biểu tượng Mao Trạch Đông trong bộ Lộc Đình Ký.

a/ Ý nghĩa của tên họ Giáo Chủ Thần Long Giáo.

b/ Thể chất và khả năng Giáo Chủ Thần Long Giáo so với Mao Trạch Đông.

c/ Chánh sách của Giáo Chủ Thần Long Giáo đối với nước La Sát, tức là nước Nga, so với chánh sách của Trung Cộng đối với Liên Xô.

d/ Nội bộ của Thần Long Giáo liên hệ đến Hồng Phu Nhơn, so với nội bộ của Đảng Trung Cộng liên hệ đến Bà Giang Thanh.

đ/ Cái chết của Hồng Giáo Chủ đối chiếu với cái chết của Nhậm Ngã Hành, và ý kiến của Kim Dung đối với Mao Trạch Đông và Đảng Trung Cộng.

II- Các chánh khách Trung Quốc về phía người Quốc Gia.

A- Phe Bạch Đạo, tượng trưng cho các đoàn thể và nhơn vật phía người Quốc Gia.

1. Lập trường chánh thức của phe bạch đạo biểu tượng cho lập trường chánh thức của người Quốc Gia.

2. Nhược điểm của phe bạch đạo tượng trưng cho phe Quốc Gia: sự dị biệt và phân hóa.

a/ Các cá nhơn và đoàn thể thuộc phe bạch đạo.

b/ Sự khác nhau trong chánh sách của các đoàn thể thuộc phe bạch đạo.

c/ Sự xung đột nội bộ của một số đoàn thể thuộc phe bạch đạo.

3. Thái độ thật sự của các phái trong phe bạch đạo tượng trưng cho phe Quốc Gia so với lập trường chánh thức của họ.

a/ Các đoàn thể thành thật làm đúng theo những điều mình chánh thức chủ trương.

b/ Các đoàn thể không làm đúng theo lập trường công khai mình đã đưa ra.

B- Nhạc Bất Quần, tượng trưng cho ông Tưởng Giới Thạch.

1. Nhơn vật Nhạc Bất Quần dưới ngòi bút Kim Dung.

a/ Bề ngoài khả kính của nhơn vật mang ngoại hiệu Quân Tử Kiếm

b/ Tánh chất ngụy quân tử của Nhạc Bất Quần.

2. Nhơn vật mà Nhạc Bất Quần biểu tượng: ông Tưởng Giới Thạch.

a/Tên họ của Nhạc Bất Quần so với tên ông Tưởng Giới Thạch.

b/ Đời sống chánh trị của ông Tưởng Giới Thạch so với đời sống Nhạc Bất Quần.

c/ Lề lối làm việc của ông Tưởng Giới Thạch so với lề lối làm việc của Nhạc Bất Quần.

d/ Các điểm không trùng hợp giữa đời sống của ông Tưởng Giới Thạch và của Nhạc Bất Quần.

CHƯƠNG II : CÁC THÔNG ĐIỆP CHÁNH TRỊ KÍN ĐÁO CỦA KIM DUNG XÉT QUA MỘT SỐ NHƠN VẬT CHÁNH YẾU VÀ CÁC CỐT CHUYỆN CỦA ÔNG.

MỤC I: SƠ LƯỢC VỀ THÂN THỂ VÀ SỰ TÍCH CÁC NHƠN VẬT CHÁNH YẾU TRONG CÁC BỘ TRUYỆN VÕ HIỆP NỔI TIẾNG CỦA KIM DUNG

I- Tiêu Phong tức Kiều Phong.

II- Đoàn Dự

III- Hư Trúc tức Hư Trúc Tử.

IV- Mộ Dung Phục.

V- Quách Tĩnh.

VI- Dương Khang tức Hoàn Nhan Khang.

VII- Dương Quá.

VIII- Trương Vô Kỵ tức Tạ Vô Kỵ.

IX- Linh Hồ Xung.

X- Vi Tiểu Bảo.

MỤC II: CÁC THÔNG ĐIỆP CHÁNH TRỊ VÀ DIỄN TRÌNH BIẾN CHUYỂN CỦA TƯ TƯỞNG KIM DUNG XÉT QUA SỰ TÍCH CÁC NHƠN VẬT CHÁNH YẾU VÀ CÁC CỐT CHUYỆN TRONG CÁC BỘ TRUYỆN VÕ HIỆP NỔI TIẾNG NHỨT CỦA ÔNG

I- Thông điệp mà Kim Dung nhắn gửi cho những người hoạt động chánh trị qua sự tích các nhơn vật chánh yếu trong các bộ truyện võ hiệp nổi tiếng nhất của ông.

A- Các điểm độc đáo của các nhơn vật chánh yếu.

1. So sánh thân thế các nhơn vật chánh yếu.
2. So sánh tư chất các nhơn vật chánh yếu.
3. So sánh cách xử thế của các nhơn vật chánh yếu.
4. So sánh thái độ của các nhơn vật chánh yếu về mặt tình ái.

B- Phần giống nhau giữa các nhơn vật trên đây dùng làm thông điệp chánh trị của Kim Dung.

1. Tinh thần xung phong.
2. Tinh thần phóng khoáng.
3. Tinh thần khoan dung.
4. Tinh thần hào phóng dám xài tiền những khi cần.
5. Quyết tâm không lừa thầy phản bạn.

II- Các thông điệp chánh trị mà Kim Dung đưa ra trong một số đề tài quan trọng được ông trình bày và mổ xẻ.

A- Vấn đề chánh nghĩa của con người tranh đấu chính trị.

1. Chánh nghĩa dựa vào dân tộc.
 - a/ Bản chất của chánh nghĩa dựa vào dân tộc.
 - b/ Chánh nghĩa dân tộc và các nhơn vật chánh yếu trong các truyện võ hiệp Kim Dung.
 - c/ Hai khía cạnh đặc biệt của vấn đề chánh nghĩa dân tộc, biểu lộ qua trường hợp của Tiêu Phong và Vi Tiểu Bảo.
 - d/ Những khổ tâm nan giải mà người theo chánh nghĩa dân tộc có thể gặp.
2. Chánh nghĩa dựa vào một đạo lý có tánh cách tổng quát.
 - a/ Vấn đề chánh nghĩa dựa vào một đạo lý có tánh cách tổng quát.
 - b/ Sự hợp tác và xung đột giữa các phe phái trong hai bộ Tiểu Ngạo Giang Hồ và Cô Gái Đồ Long.
 - c/ Các khía cạnh đáng lưu ý liên hệ đến chánh nghĩa đặt nền tảng trên một đạo lý có tánh cách tổng quát.

d/ Sự xuất hiện trong thực tế của các điều mà Kim Dung mô tả trong hai bộ Tiểu Ngạo Giang Hồ và Cô Gái Đồ Long.

B- Vấn đề tranh thủ một mục tiêu trọng đại.

1. Mục tiêu và phương pháp đạt mục tiêu của một số cao thủ võ lâm.

a/ Mục tiêu của một số cao thủ võ lâm.

b/ Phương pháp đạt mục tiêu của một số cao thủ võ lâm.

2. Các thông điệp chánh trị của Kim Dung liên hệ đến vấn đề tranh thủ mục tiêu.

a/ Việc phải biết hạn chế mục tiêu của mình.

b/ Thông điệp chánh trị của Kim Dung được gói ghém trong thuật Song Thủ Hổ Bác hay Phân Thân Song Kích.

c/ Thông điệp chánh trị của Kim Dung xét qua kết quả cuộc tranh thủ mục tiêu của các cao thủ võ lâm.

3. Tánh chất các thông điệp chánh trị của Kim Dung liên hệ đến vấn đề tranh thủ mục tiêu.

III- Diễn trình biến chuyển trong quan điểm của Kim Dung về các vấn đề chánh trị xét qua sự tích các nhân vật chánh yếu và các cốt chuyện trong các bộ truyện võ hiệp nổi tiếng nhất của ông.

A- Ảnh hưởng của khung cảnh trong đó Kim Dung sanh trưởng đối với quan điểm sơ khởi của ông về các vấn đề chánh trị.

1. Khung cảnh trong đó Kim Dung sanh trưởng.

2. Quan điểm sơ khởi của Kim Dung về các vấn đề chánh trị.

B. Sự thay đổi trong quan điểm của Kim Dung về các vấn đề chánh trị.

1. Lý do của sự thay đổi trong quan điểm của Kim Dung.

2. Quan điểm mới của Kim Dung.

C- Các ý tưởng mới và các mơ ước của Kim Dung về chánh trị.

1. Các ý tưởng mới của Kim Dung về con người và về đời sống chánh trị.

a/ Nhận định về tánh cách không hoàn thiện của con người và của các đoàn thể do con người thành lập.

b/ Chủ trương cởi mở khoan dung và phản giáo điều.

2. Các mơ ước lớn của Kim Dung về chính trị, sự hoà giải hoà hợp giữa các phe phái và các dân tộc.

a/ Mơ ước của Kim Dung về dân tộc Trung Hoa.

b/ Mơ ước của Kim Dung về sự hoà bình trong nhơn loại.

c/ Tinh thần đại hùng, đại lực và đại từ bi của Phật Giáo đối với sự hoà giải hoà hợp hoàn toàn bên trong các dân tộc và sự hoà giải hoà hợp giữa các dân tộc đưa đến một nền hoà bình vững chắc cho loài người.

KẾT LUẬN

Sách của nhà thơ Thái Thụy Vy gởi cho Lê Thy đánh máy lại để lưu trữ

LỜI MỞ ĐẦU

Dân tộc Trung Hoa là một dân tộc có biệt tài kể chuyện. Lịch sử văn học của họ đã trải qua mấy ngàn năm liên tục nên có thể được xem là lâu dài và bền vững như thề giới. Nhiều tác phẩm của họ đã được các dân tộc khác nhất là dân tộc Việt Nam, biết rõ và thưởng thức. Trong số các tác phẩm này, có những bộ truyện chẳng những bao gồm những tình tiết gay cấn, những dữ kiện và tư tưởng tân kỳ mà còn chứa đựng một ý nghĩa thâm thúy. Do đó, nó chẳng những hấp dẫn được người bình dân mà còn tạo ra được nhiều đề tài suy nghiệm cho những người có một trình độ học vấn cao.

Trước đây, các bộ truyện PHONG THẦN, TÂY DU, ĐÔNG CHÂU LIỆT QUỐC, TÂY HÁN CHÍ VÀ TAM QUỐC CHÍ đã đồng thời được người bình dân say mê, và người trí thức nghiền ngẫm một cách thích thú để tìm hiểu các ý nghĩa triết lý hoặc các bài học chánh trị tiềm ẩn bên trong tác phẩm. Thời hiện đại, cũng có nhiều tác giả Trung Hoa nổi tiếng.

Nhưng có lẽ ngày nay tác giả được biết nhiều nhất là Kim Dung. Theo một bài đăng trong tuần báo FAR EASTERN ECONOMIC REVIEWS ngày 8 tháng 8 năm 1985 thì từ khi ông bắt đầu cho đăng các tác phẩm của ông trên các nhật báo ở Hongkong năm 1955, Kim Dung đã có hàng triệu độc giả trong các cộng đồng Trung Hoa ở khắp nơi trên thế giới ngoài Hoa Lục vì ở Hoa Lục đảng Trung Cộng đã cấm đọc truyện võ hiệp từ năm 1949 với lý do là loại truyện này có trình cách phản động và phong kiến. Phần chánh quyền Đài Bắc thì không cấm nhơn dân đọc truyện võ hiệp nhưng lại bài xích Kim Dung vì ông là người thiên tả.

Tuy nhiên việc cấm đọc truyện võ hiệp Kim Dung đã chấm dứt cả ở Hoa Lục lẫn ở đảo Đài Loan. Theo sự nhận xét của bài báo đăng trên tờ FAR EASTERN ECONOMIC REVIEWS nói trên đây thì ngày nay, có lẽ Kim Dung là tác giả duy nhất về tiểu thuyết được hai ông Đặng Tiểu Bình và Tưởng Kinh Quốc thưởng thức. Người dân Hoa Lục rất mê say truyện võ hiệp Kim Dung. Khi tác phẩm ông được phát hành lần đầu tiên ở Quảng Châu, người ta đã nối đuôi nhau để mua và chỉ trong một ngày là sách ông đã bán sạch. Số độc giả của ông ở Hoa Lục sẽ còn tăng thêm vì năm 1985 một nhà xuất bản ở Thiên Tân đã cho in truyện võ hiệp Kim Dung với lỗi chữ giản hoá hiện đang thông dụng. Ấn bản đầu tiên lên đến 500000 quyển. Ngoài ra còn nhiều nhà xuất bản khác ở Hoa Lục in và phát hành sách của Kim Dung, mỗi bộ sách in ra ít nhất cũng là 200000 quyển. Một trong những lý do làm cho truyện của Kim Dung được người Trung Hoa cả ở Hoa Lục lẫn hải ngoại nhiệt liệt hoan nghênh như vậy là vì nhờ nó mà các thế hệ trẻ biết được nền văn hoá cổ truyền của dân tộc mình.

Người Việt Nam chúng ta vốn đã chịu nhiều ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa và biết thưởng thức các truyện võ hiệp y như người Trung Hoa. Do đó. Kim Dung cũng là tác giả được người Việt Nam chúng ta biết đến nhiều nhất. Vào cuối thập niên 1960 đầu thập niên 1970 ở Miền Nam Việt Nam. phong trào đọc truyện võ hiệp Kim Dung rất mạnh. Thời đó, trừ ra một vài tờ báo có một vị thế đặc biệt vững chắc còn thì đều phải đăng bộ tiểu thuyết Kim Dung đang viết và đăng mỗi ngày trên các báo Hoa ngữ xuất bản ở Hongkong và Chợ Lớn. Nhứt báo Việt Nam nào trể nải trong việc dịch và đăng lại bộ tiểu thuyết ấy thì thường mất nhiều độc giả.

Trong Phái Đoàn V. N. C. H. tham dự Hòa Hội ở Paris từ cuối năm 1968, bộ TIẾU NGẠO GIANG HỒ của Kim Dung đã là một đề tài mạn đàm hữu ích. Phái Đoàn này vốn gồm nhiều thành phần khác nhau. Thiếu Tướng Nguyễn Cao Kỳ lúc đó là Phó Tổng Thống đã được Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu giao cho nhiệm vụ giám sát Phái Đoàn. Ông Đại Sứ Phạm Đăng Lâm, lúc đó là Tổng Lãnh Sự V. N. C. H. ở Pháp. được bổ nhiệm làm Trưởng Phái Đoàn. Ngoài ra, về phía các nhơn viên của Chánh Phủ V. N. C. H. thời đó còn có Ông Nguyễn Xuân Phong, nguyên Bộ Trưởng Bộ Lao Động rồi Bộ Xã Hội và một số viên chức các bộ, nhất là Bộ Ngoại Giao. Nhưng bên cạnh các vị trên đây, Phái Đoàn lại có những người không phải là nhơn viên chánh phủ như Luật Sư Vương Văn Bắc, Nữ Luật Sư Nguyễn Thị Vui và chúng tôi, lúc đó là Tổng Thư Ký Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến. Những người không phải là nhơn viên chánh phủ bên trong Phái Đoàn, tuy đồng ý với chánh phủ về việc phải bảo vệ Miền Nam Việt Nam chống lại sự xâm lăng của Cộng Sản, nhưng không phải tán thành chánh phủ về mọi việc. Đặc biệt Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến mà chúng tôi là Tổng Thư Ký lúc đó ở vào vị thế một chánh đảng đối lập. Các dân biểu của Phong Trào đã nhiều lần cùng với các dân biểu đối lập khác biểu quyết chống lại các dự luật của chánh phủ và lên tiếng đòi hỏi chánh phủ phải thực thi dân chủ. bảo đảm các quyền tự do căn bản của người công dân và thanh trừng các phần tử tham nhũng hiệp đáp bóc lột nhơn dân.

Khi Hòa Hội sắp khai mạc, Thiếu Tướng Nguyễn Cao Kỳ đã cho người sang mượn một biệt thự ở vùng Neuilly làm nơi ăn ở cho các nhơn viên Phái Đoàn không có tư thất ở Paris. Việc nhiều nhơn viên của Phái Đoàn ở chung với nhau một chỗ có hai cái lợi: một là đỡ tốn kém, hai là các nhơn viên thường gặp mặt nhau và có thể tập họp nhau nhanh chóng để thảo luận về công việc của Phái Đoàn. Tất cả mọi người

lúc đó đều đồng tâm nhất trí trong việc đối phó với Cộng Sản. Nhưng giữa Thiếu Tướng Nguyễn Cao Kỳ và các cộng sự viên của ông một bên, và các nhơn viên Phái Đoàn không thuộc thành phần chánh phủ một bên, vẫn có nhiều sự dị biệt về nhiều mặt. Chẳng những không có cái nhìn giống nhau về các vấn đề chánh trị nội bộ của V.N.C.H., họ còn có những sự khác nhau trong nghề nghiệp, trong quan niệm về cuộc đời, trong nếp sống cũng như trong lễ lối tiêu khiển. Bởi đó, ngoài việc trao đổi tin tức mỗi người thăm lượm được và thảo luận với nhau về những việc phải làm để đối phó với Cộng Sản, họ không còn điểm tương đồng nào khác để thắt chặt thêm sự giao hảo với nhau.

Bộ TIỂU NGẠO GIANG HỒ được đăng trên báo hằng ngày của Sài Gòn lúc đó đã cung cấp một đề tài rất hữu ích cho mọi người. Trong Phái Đoàn, ai cũng đọc bộ võ hiệp trên đây do người ở Sài Gòn gởi qua và cũng đều thích thú theo dõi nó. Việc mạn đàm về các nhơn vật và các tình tiết trong TIỂU NGẠO GIANG HỒ đã giúp cho các nhơn viên Phái Đoàn V. N. C. H. sống chung nhau tại biệt thự mướn ở Neuilly có dịp nói chuyện vui vẻ với nhau ngoài công việc Phái Đoàn mà không sự đụng chạm đến nhau và mất niềm hảo cảm đối với nhau.

Ở Miền Bắc Việt Nam trước đây chánh quyền cộng sản đã cấm đọc truyện võ hiệp. Nhưng sau khi Cộng Sản chiếm lấy Miền Nam Việt Nam, nhơn dân Miền Nam vẫn tiếp tục đọc các bộ truyện võ hiệp Kim Dung mà họ còn giữ được và ngay cả đến bọn cán bộ cộng sản cũng đọc và say mê các tác phẩm ấy. Ngoài ra, nhơn dân Miền Bắc Việt Nam ngày nay cũng thích thú đọc truyện võ hiệp Kim Dung. Riêng cộng đồng Việt Nam ở hải ngoại thì từ mấy năm trước đây đã có phong trào đọc lại truyện võ hiệp Kim Dung và hiện giờ lại đến phong trào xem các phim video về các bộ truyện ấy.

Truyện võ hiệp Kim Dung đã phổ biến trong giới độc giả Việt Nam đến mức đó thì tự nhiên phải có nhiều người Việt Nam viết bài bình luận về nó. Trong số những người này, cũng có kẻ đề cập đến một vài khía cạnh có liên quan đến chánh trị. Lúc bộ TIỂU NGẠO GIANG HỒ vừa chấm dứt, Ông Trần Việt Sơn đã viết bài đăng trong hai số 1683 và 1684 của báo CHÍNH LUẬN để nêu ra một số nhận xét về hồi kết cuộc của bộ truyện đó. Các bài này đã được trích đăng lại trong bản dịch TIỂU NGẠO GIANG HỒ của Ông Hàn Giang Nhạn (Quyển 14-15. trang 2679- 2686).

Trong các bài báo nêu ra trên đây Ông Trần Việt Sơn đã nhấn mạnh chỗ trong TIỂU NGẠO GIANG HỒ các môn phái không thực hiện được sự đoàn kết nội bộ và không thật tâm đoàn kết với các môn phái cùng mục tiêu đấu tranh đều bị tiêu diệt. Ông cũng lưu ý rằng những người sống sót trong cuộc đấu tranh và không những sống sót mà còn thành công rực rỡ là những người tính việc đoàn kết thực sự, có thái độ quên mình để lo cho đại cuộc nên không tranh giành quyền vị, và áp dụng đúng những nguyên tắc của lễ đạo Đông Phương.

Ông Trần Việt Sơn là một nhà bình luận chánh trị nổi tiếng của Miền Nam Việt Nam trước đây. Bài ông viết về TIỂU NGẠO GIANG HỒ hiển nhiên là có ý nhắc nhở các chánh khách và các chánh đảng quốc gia Việt Nam nên rút ra từ bộ truyện võ hiệp này các bài học cần thiết. nhất là bài học đoàn kết để đối phó hữu hiệu với Cộng Sản. Vậy, ông đã phần nào đề cập đến một khía cạnh chánh trị trong truyện

võ hiệp Kim Dung. Nhưng Ông Trần Việt Sơn đã không đi sâu hơn vào câu chuyện về vấn đề này. Ông cũng không nói đến các khía cạnh chánh trị khác trong các bộ truyện võ hiệp của Kim Dung. Ngoài ông ra, ít có ai khác nghĩ rằng Kim Dung có thể có một dụng ý chánh trị khi viết các tác phẩm của mình. Do đó, dường như chưa có tác giả nào nghiên cứu kỹ các ẩn số chánh trị bên trong các tác phẩm của nhà đại văn hào này.

Sự khiêm khuyết nói trên đây, có lẽ phát xuất từ lập trường chánh trị của chính Kim Dung. Trong một bài đăng ở NGUYỆT SAN THUẦN VĂN HỌC và được trích đăng lại trong bản dịch LỘC ĐỈNH KÝ của Hàn Giang Nhạ (Quyển 2, trang 208-212), Kim Dung đã tuyên bố như sau: *"Nội dung tiểu thuyết không tránh khỏi sự biểu lộ những tư tưởng của tác giả, nhưng không phải tác giả cố ý đem nhân vật, sự tích cùng bối cảnh rơi đến một lãnh vực tư tưởng hoặc chính sách nào đó... Tiểu thuyết võ hiệp không liên quan gì đến tư tưởng chánh trị, ý thức tôn giáo, khoa học đúng hay trật, đạo đức phải hay trái..."*

Với những lời lẽ như trên, Kim Dung đã gần như khẳng định là ông không có dụng ý chánh trị gì khi viết các bộ tiểu thuyết võ hiệp lừng danh của ông. Dĩ nhiên là tác giả phải có những lý do đặc biệt để nói như vậy. Nếu không phải là người thân cận với ông hoặc có những tri thức rõ rệt về thân thế của ông, chúng ta rất khó suy đoán ra các lý do này. Điều mà độc giả không có hân hạnh biết rõ tác giả có thể nhận thấy là mặc dầu tác giả bảo rằng ông không có dụng ý chánh trị khi viết các bộ tiểu thuyết võ hiệp của ông, một số trong các bộ tiểu thuyết này đã có những dữ kiện có ý nghĩa chánh trị. Các dữ kiện này vừa đủ số lượng vừa ăn khớp vào nhau để có thể đưa ra những thông điệp về lập trường của tác giả.

Cứ theo các bài báo Hoa ngữ được trích đăng trong bản dịch LỘC ĐỈNH KÝ của Hàn Giang Nhạ (Quyển I – trang 5-10) thì lúc Trung Cộng mới tranh đoạt được quyền lãnh đạo Trung Quốc, Kim Dung còn ở lại lục địa, và sau đó, ông mới dời ra Hongkong. Lúc đầu, ông làm biên tập viên cho hai tờ báo thiên tả tại đó là ĐẠI CÔNG BÁO và TRƯỜNG THÀNH HỌA BÁO. Đến năm 1957, ông mới thoát ly hai tờ báo này.

Qua các chi tiết trên đây và nghiên cứu các ẩn số trong một số tác phẩm của Kim Dung, ta có thể suy đoán rằng tác giả là một người vốn theo lý tưởng cách mạng tả khuynh. Lúc ban đầu, ông tỏ ra có thiện cảm với các đoàn thể theo tư tưởng xã hội chủ nghĩa và các quốc gia theo chế độ cộng sản, và do đó mà chọi lại các đoàn thể thuộc hữu phái và các nước Tây Phương. Nhưng sau đó, ông nhận chân rằng người cộng sản áp dụng một chánh sách chuyên chế toàn diện, tàn ác và phi nhân nên ông đã quay ra kết án họ. Ông cũng đồng thời điều chỉnh lại cái nhìn của ông đối với các đoàn thể chánh trị có lập trường chống chọi lại nhau. Ông không còn xem các đoàn thể ấy là chỉ gồm những người xấu và hoàn toàn quấy, mà cho rằng mỗi đoàn thể đều có những người tốt và những người xấu và thường thì vừa có phần phải và phần quấy. Mặt khác, một số nhơn vật nổi tiếng và có khả năng cũng không phải được xem như là hoàn toàn tốt và thuộc phe chánh, hay hoàn toàn xấu và thuộc phe tà.

Nhưng kể bên sự thay đổi trong cái nhìn về các đoàn thể và các nhơn vật dính dáng đến cuộc tranh đấu chánh trị, Kim Dung đã đưa ra một triết lý bất biến về cuộc tranh đấu này. Đó là nền triết lý rút ra từ nền đạo lý Đông Phương. Trước hết là tư tưởng Đạo Gia, một học phái đã xuất hiện từ đời Xuân Thu Chiến Quốc (từ thế kỷ thứ 8 đến thế kỷ thứ 3 tr. Công Nguyên) và đã có một ảnh hưởng tinh thần rất mạnh đối với dân tộc Trung Hoa. Ngoài ra Kim Dung cũng có trực tiếp nêu ra nhiều tư tưởng của Phật Giáo Đại Thừa đã thịnh hành ở Trung Quốc từ đời nhà Tùy (581-618).

Đi sâu vào các chi tiết liên hệ đến các ẩn số chánh trị trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung, chúng ta có thể nhận thấy hai loại dữ kiện:

1- Trước hết, một số nhơn vật đã được dùng để tượng trưng cho một vài quốc gia đặc biệt trên thế giới hoặc để mô tả một vài chánh khách nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc cận đại.

2- Ngoài ra, một số sự việc trong hầu hết nếu không phải là tất cả các bộ truyện võ hiệp Kim Dung đã diễn tả quan niệm của tác giả về vấn đề tranh đấu chánh trị và một phần trong quan điểm này dựa vào nền triết lý của Đạo Gia và của Phật Giáo.

Trong bộ sách này, chúng tôi sẽ lần lượt trình bày hai loại dữ kiện nói trên đây. Nhưng vì đa số tác phẩm của Kim Dung đã lấy lịch sử Trung Quốc làm khung cảnh nên chúng tôi thiết nghĩ cũng nên cần phác họa qua lịch sử này để độc giả có một ý niệm tổng quát về khung cảnh của các bộ truyện võ hiệp Kim Dung.

Trong thời kỳ tiền sử, người Trung Hoa đã tập trung ở Hoa Bắc, đặc biệt là trên các vùng hoàng thổ phì nhiêu tại lưu vực sông Hoàng, ở các tỉnh Thiểm Tây, Sơn Tây và Hà Nam ngày nay. Ban đầu các bộ tộc người Hoa đã sống độc lập với nhau; về sau, họ mới kết hợp lại với nhau. Theo truyền thuyết thì triều đại đầu tiên là nhà Hạ (2205-1766 trước Công Nguyên); kế đó là nhà Thương (1766-1402 tr. CN) về sau đổi tên lại thành nhà Ân (1401-1123 tr. CN). Dưới các triều đại này, chế độ phong kiến mới mạnh nhen.

Từ thế kỷ 12 tr. CN. chế độ phong kiến thành hình với nhà Châu (1122-249 tr.CN). Theo chế độ đó, vua nhà Châu là vị chúa tể tối cao; bên dưới là các vua chư hầu, mỗi người làm chủ một nước. Kinh đô đầu tiên của triều đại này ở gần thành phố Tây An hiện tại (thuộc Thiểm Tây). Trong mấy thế kỷ đầu, vua nhà Châu có một uy quyền rất lớn đối với các vua chư hầu. Nhưng đến thế kỷ thứ 8 tr.CN, nhà Châu suy yếu dần dần. Năm 771, để tránh áp lực của người Khuyển Nhung, vua nhà Châu dời đô về Lạc Ấp (nay là Lạc Dương trong tỉnh Hà Nam). Vì kinh đô mới ở phía đông của kinh đô cũ nên các sử gia đã gọi giai đoạn đầu của triều đại này là Tây Châu đổi chiều lại tên Đông Châu của giai đoạn sau. Uy quyền nhà vua Đông Châu đối với các vua chư hầu ngày một giảm bớt. Trong thời kỳ từ thế kỷ thứ 8 đến thế kỷ thứ 5 tr.CN mà sử gọi là thời kỳ Xuân Thu, các nước chư hầu mạnh đã phát triển thế lực bằng cách thôn tính các nước chư hầu nhỏ. Từ cuối thế kỷ thứ 5 đến cuối thế kỷ thứ 3 tr. CN chỉ còn một số ít nước lớn tranh chiến với nhau liên miên nên thời kỳ này được gọi là thời kỳ Chiến Quốc.

Năm 221 tr. CN, vua nước Tần đã chinh phục hết các nước khác và thống nhất Trung Quốc, thiết lập chế độ quân chủ chuyên chế. Nhà Tần đóng đô ở Hàm Dương (trong tỉnh Thiểm Tây ngày nay) và làm chủ cả lưu vực sông Hoàng và sông Dương Tử, lại mở rộng lãnh thổ Trung Quốc đến các tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây và Quý Châu ngày nay.

Nhưng nhà Tần chỉ làm chủ Trung Quốc trong một thời gian ngắn và sụp đổ năm 207 tr. CN. Tiếp theo đó nhà Hán cầm quyền cai trị Trung Quốc cho đến năm 220 sau CN với một thời kỳ ngắn (từ năm 8 đến năm 25 sau CN) bị gián đoạn vì sự cướp ngôi của Vương Mãng. Từ năm 202 tr. CN đến lúc Vương Mãng cướp ngôi, nhà Hán đóng đô ở Trường An (trong tỉnh Thiểm Tây ngày nay) và sau khi khôi phục lại ngôi báu, triều đại này dời đô về Lạc Dương (trong tỉnh Hà Nam ngày nay). Vì đó, thời kỳ Tiền Hán cũng được gọi là Tây Hán trong khi Hậu Hán cũng được gọi là Đông Hán. Về mặt lãnh thổ thì nhà Hán đã mở rộng thêm bản đồ Trung Quốc. Phía Nam, họ chiếm đến tỉnh Vân Nam và miền Bắc Trung Việt, phía bắc, họ chiếm miền bắc nước Triều Tiên, tỉnh Liêu Ninh và một phần đất Nội Mông Cổ ngày nay.

Từ năm 220 đến năm 589, Trung Quốc bị lâm vào cảnh phân hoá. Ban đầu, lãnh thổ Trung Quốc bị chia ra cho ba nước Ngụy (220-265), Thục (221-265) và Ngô (221-280). Năm 265, nhà Tấn làm chủ được các đất Ngụy và Thục rồi về sau chiếm luôn đất Ngô để thống nhất Trung Quốc. Triều đại này vẫn giữ kinh đô của nhà Đông Hán là Lạc Dương, nhưng chỉ cai trị Trung Quốc được một thời kỳ ngắn thì đã suy vì các vị thân vương trong hoàng tộc tranh quyền và xung đột mãnh liệt với nhau. Vào đầu thế kỷ thứ tư, năm sắc tộc thiểu số ở Hoa Bắc là Hung Nô, Kiết, Tiên Ti và Khương thừa lúc chánh quyền nhà Tấn bạc nhược nổi lên chiếm cứ Hoa Bắc, gây tình trạng mà các sử gia gọi là nạn Ngũ Hồ Loạn Hoa. Từ năm 317 đến năm 40, vua nhà Tấn chỉ còn giữ được một phần lãnh thổ Trung Quốc và phải dời đô về Kiến Nghiệp, sau đổi làm Kiến Khương (Nam Kinh ngày nay) và thời kỳ này được gọi Đông Tấn để đối chiếu lại Tây Tấn trước đó. Từ khi nhà Tấn sụp đổ luôn năm 420 cho đến năm 589, Trung Quốc bước vào một giai đoạn được sử gọi là thời kỳ Nam Bắc Triều. Ở Hoa Nam, có 4 triều đại kế tiếp nhau là Tống (420-479), Tề (479-502), Lương (502-557) và Trần (557-589); ở Hoa Bắc thì 5 triều đại kế tiếp nhau là Bắc Ngụy (386-534), Đông Ngụy (534-550), Tây Ngụy (534-556), Bắc Tề (550-577) và Bắc Châu (577-581).

Trung Quốc đã thống nhất trở lại với nhà Tùy (581-618) nhưng chỉ một thời gian ngắn, triều đại này lại sụp đổ, nhường chỗ cho nhà Đường (618-907). Triều đại này đóng đô ở Trường An là kinh đô cũ của nhà Tây Hán. So với đời nhà Hán, lãnh thổ Trung Quốc đời nhà Đường có thêm một phần đất Tân Cương, một phần các tỉnh Hắc Long Giang và Cát Lâm, nhưng về sau đã mất phần đất ở Bắc Triều Tiên và một phần đất ở Liêu Ninh trong khi đất Vân Nam tách ra lập nước Nam Chiếu.

Năm 907, nhà Đường sụp đổ. Trong nửa thế kỷ tiếp theo đó, Trung Quốc lại bị phân hoá thành nhiều nước với nhiều triều đại kế tiếp nhau, trong đó quan trọng nhất là các nhà Hậu Lương (907-923), Hậu Đường (923-936), Hậu Tấn (936-946), Hậu Hán (947-950) và Hậu Châu (951-959). Sử Trung Quốc gọi thời kỳ này là thời kỳ Ngũ Đại.

Nhà Tống đã thống nhất Trung Quốc trở lại năm 960 và đóng đô ở Biện Kinh (nay là Khai Phong trong tỉnh Hà Nam). Nhưng lúc đó, lãnh thổ Trung Quốc đã thu hẹp lại.

Phía nam thì dân tộc ta đã thu hồi nền độc lập và lập nước Đại Cồ Việt, sau đổi làm Đại Việt và đóng đô ở Hoa Lư (trong tỉnh Ninh Bình hiện tại) rồi sau đó dời về Thăng Long (tức là Hà Nội ngày nay). Đất Vân Nam vốn đã tách ra lập nước Nam Chiếu từ đời nhà Đường lúc này đổi tên là nước Đại Lý, đóng đô ở thành Dương Thụ Mị (nay là Đại Lý trong tỉnh Vân Nam). Phần đất phía tây Trung Quốc gồm Thanh Hải và Tây Tạng ngày nay thì từ đời Đường đã lập nước Thổ Phồn đóng đô ở La Sa (trong đất Tây Tạng ngày nay).

Về phía tây bắc thì một phần đất Nội Mông Cổ và phía tây bắc tỉnh Cam Túc đã bị người họ Thát Bạt tách ra lập nước Tây Hạ, đóng đô ở Hưng Khánh (nay là Ngân Xuyên trong tỉnh Ninh Hạ). Ngoài ra còn có nước Đại Liêu do người Khiết Đan thành lập ở phía đông bắc với một phần các tỉnh Hà Bắc, Sơn Tây và các tỉnh Liêu Ninh, Cát Lâm, Hắc Long Giang cùng một phần đất Nội Mông Cổ. Nước này có cả thảy 5 kinh đô: Thượng Kinh là kinh đô nguyên thủy lúc mới lập quốc đặt ở Lâm Hoàng (nay là Lâm Tây trong tỉnh Liêu Ninh), Trung Kinh đặt ở Đại Định (nay là Bình Tuyền trong tỉnh Hà Bắc), Nam Kinh sau đổi làm Đông Kinh đặt ở Liêu Dương (trong tỉnh Liêu Ninh ngày nay), Tây Kinh đặt ở Đại Đồng (trong tỉnh Sơn Tây ngày nay) và Nam Kinh (tức là Bắc Kinh ngày nay).

Trong các nước kể trên đây thì nước hùng cường nhất và có chủ trương xâm lấn nhà Tống là Đại Liêu. Để đối phó với họ, nhà Tống đã liên kết với người Nữ Chân là bộ tộc lệ thuộc người Khiết Đan sống ở lưu vực sông Tùng Hoa trong các tỉnh Cát Lâm và Hắc Long Giang hiện tại. Với sự yểm trợ của nhà Tống, người Nữ Chân quật khởi lên chống lại người Khiết Đan. Năm 1115, họ tách vùng đất họ cư ngụ ở lưu vực sông Tùng Hoa ra để lập nước Đại Kim rồi tiến lên đánh phá nước Đại Liêu. Năm 1125, họ đã diệt xong nước này và đến năm 1126, họ lại tràn sang xâm lấn lãnh thổ nhà Tống, chiếm hết dải đất ở phía bắc hai con sông Hoài và Hán tức là toàn tỉnh Hà Bắc, Sơn Tây, Sơn Đông, phía bắc hai tỉnh Giang Tô và An Huy cùng phần lớn các tỉnh Hà Nam và Thiểm Tây ngày nay. Nước Đại Kim đặt Thượng Kinh ở Hội Ninh (gần Bạch Thành trong tỉnh Cát Lâm ngày nay), gọi Đại Định là Bắc Kinh, Liêu Dương là Đông Kinh, Đại Đồng là Tây Kinh và lấy kinh đô cũ của nhà Tống là Biện Kinh làm Nam Kinh.

Phần nhà Tống thì phải dời đô về Lâm An (tức là Hàng Châu trong tỉnh Triết Giang ngày nay). Do đó sử gọi triều đại này là Nam Tống để đối chiếu với nhà Bắc Tống của thời kỳ trước cuộc xâm lấn của nước Đại Kim. Các nhà vua Nam Tống có chủ trương trọng văn khinh võ nên thể nước suy nhược và họ phải áp dụng một chính sách nhân nhượng với nước Đại Kim để được yên ổn. Trong khi người Nữ Chân nổi lên đánh nước Đại Liêu thì người Mông Cổ chiếm đất Nội Ngoại Mông Cổ ngày nay. Khoảng cuối thế kỷ thứ 12, họ lại quật khởi lên. Năm 1206, nhà lãnh đạo Mông Cổ Thiết Mộc Chân tự xưng là Thành Cát Tư Hãn, nghĩa là vị hoàng đế làm chủ cả hải nội và đóng đô ở Karakorum. Từ lúc đó, ông bắt đầu mở những chiến dịch tấn công nước Tây Hạ và đến năm 1227 thì diệt được nước này. Mặt khác từ khoảng 1221-1222, ông đã dẫn người Đại Kim về phía Nam sông Hoàng. Con Thành

Cát Tư Hãn là Oa Khoát Đài (hay A Loa Đài) về sau được biết dưới miếu hiệu Nguyên Thái Tông (t.v. 1220-1246) đã ước hệ với người Tống để đánh nước Đại Kim và tiêu diệt nước này từ giữa thế kỷ thứ 13 và sau khi chiếm lấy nước Đại Lý năm 1253, áp lực của họ đối với nhà Tống càng mạnh mẽ hơn. Cuối cùng, nhà Nam Tống đã bị người Mông Cổ diệt năm 1276.

Từ năm 1277, người Mông Cổ đã thành lập nhà Nguyên và đóng đô ở Đại Đô (thuộc vùng phụ cận Bắc Kinh ngày nay). Với triều đại này, Trung Quốc chỉ là một bộ phận của một đế quốc rộng lớn nằm choàng trên hai châu Á – Âu. Tuy nhiên đế quốc này đã bị chia ra làm nhiều nước giữa các hoàng thân Mông Cổ. Riêng về Trung Quốc thì người Mông Cổ không nắm quyền thống trị được đến 100 năm. Vào giữa thế kỷ 14, đã có nhiều cuộc nổi loạn của người Hán tộc và năm 1368 thì người Hán tộc đã tự giải phóng để lập nhà Minh.

Triều đại mới này cầm quyền từ 1368 đến 1644. Kinh đô lúc đầu đặt ở Nam Kinh nhưng đến năm 1420, nhà Minh quyết định dời đô về Bắc Kinh. Về mặt lãnh thổ thì Trung Quốc lúc đó chưa chiếm luôn được các đất Mông Cổ, Thanh Hải, Tân Cương và các tỉnh Cát Lâm và Hắc Long Giang. Về phía nam thì năm 1407, nhà Minh đã đem binh chiếm nước ta, nhưng chỉ đến năm 1427 họ lại phải rút về.

Từ đầu thế kỷ thứ 17, người Nữ Chân (trước đây đã lập nước Đại Kim và sau này tự gọi là người Mãn Châu) đã quật khởi trở lại và tổ chức được một lực lượng quân sự hùng mạnh. Năm 1621, họ đã chiếm được Liêu Dương và lấy thành phố này làm kinh đô. Đến năm 1636, nhà lãnh đạo Nữ Chân lập nước Đại Thanh và dời đô về Phụng Thiên (nay là Thẩm Dương trong tỉnh Liêu Ninh). Trong khi đó, tại Trung Quốc có nhiều phong trào nổi lên chống lại nhà Minh. Triều đình nhà Minh vì phải lo ngăn đỡ quân Thanh nên không thể dốc toàn lực đối phó với các nhóm chống đối võ trang bên trong. Năm 1644, người cầm đầu một trong các nhóm chống đối này là Lý Tự Thành kéo quân vào chiếm lấy Bắc Kinh. Vua nhà Minh là Sùng Trinh phải treo cổ tự tử. Tướng nhà Minh là Ngô Tam Quế đã rước quân Thanh vào bên trong lãnh thổ nhà Minh để đánh Lý Tự Thành và nhà Thanh đã thừa thế chiếm luôn Trung Quốc rồi ngự trị luôn Trung Quốc đến năm 1911 mới bị cách mạng Trung Hoa lật đổ. Sau khi làm chủ Trung Quốc, nhà Thanh đóng đô ở Bắc Kinh. Dưới triều đại này, lãnh thổ Trung Quốc đã được mở rộng ra gần như hiện nay.

Trong sách này, có nói đến nhiều địa danh ở Trung Quốc. Để độc giả có thể nhận được vị trí các địa danh đó, chúng tôi xin kèm theo đây một bản đồ Trung Quốc hiện tại với các địa danh được nói đến. Ngoài ra, vì các bộ truyện võ hiệp của Kim Dung đã nói nhiều đến các việc xảy ra đời nhà Tống là lúc có nhiều nước đối chọi nhau, sách này còn có hai bản đồ, một trong thời kỳ Bắc Tống (960-1126) và một trong thời kỳ Nam Tống (1127-1276) để độc giả có thể thấy rõ vị trí của các nước đó đối với nhau.

Sau hết, vì trong truyện võ hiệp của Kim Dung có nói đến nhiều phái võ nên chúng tôi thiết tưởng cũng nên có ít lời về các phái này.

Nổi tiếng ở Trung Quốc về võ thuật là hai phái Thiếu Lâm và Võ Đang, một phái do người Phật Giáo và một phái do người Đạo Giáo lãnh đạo.

Ở Trung Quốc vốn có hai ngôi chùa mang tên là Thiếu Lâm, một ngôi ở ngọn Thiếu Thất của Tung Sơn trong tỉnh Hà Nam, một ngôi ở ngọn Tử Cái của Bàn Sơn trong tỉnh Hà Bắc. Chùa Thiếu Lâm ở Hà Nam được xây dựng năm Thái Hoà thứ 20 đời Hậu Ngụy (496), còn chùa Thiếu Lâm ở Hà Bắc thì được xây dựng trong niên hiệu Chí Chính (1341-1368) đời nhà Nguyên. Trong hai ngôi chùa nói trên đây thì ngôi ở Hà Nam nổi tiếng hơn cả. Tại ngôi chùa này, có chỗ Đức Đạt Ma Tổ Sư ngồi ngó vào vách đá trong suốt 9 năm.

Phái võ Thiếu Lâm phát xuất từ ngôi chùa ở tỉnh Hà Nam. Vào đầu thế kỷ thứ 7, mười ba tăng nhơn võ nghệ cao cường của chùa này đã giúp Tần Vương, tức là vua Đường Thái Tông (t.v. 627-649) sau này, trong việc bình định giặc Vương Thế Sung. Vì thế, họ rất được trọng vọng. Từ đó, chùa Thiếu Lâm ở Hà Nam cho tăng nhơn nghiên cứu và luyện tập võ nghệ và lần lần lập ra môn phái Thiếu Lâm phổ biến khắp nơi ở Trung Quốc.

Về phái Võ Đương thì theo truyền thuyết, người sáng lập là Tổ Sư Trương Tam Phong, một lãnh tụ Đạo Giáo đời nhà Tống. Căn cứ của phái này ở Võ Đương Sơn trong tỉnh Hồ Bắc. Phái Võ Đương đã được nổi tiếng về môn nội công và về Thái Cực Quyền.

Ngoài hai phái nổi tiếng trên đây, các bộ truyện võ hiệp của Kim Dung còn đề cập đến nhiều phái võ khác ít quan trọng hơn. Trong số này, có những phái có lẽ do tác giả đặt ra chứ không hẳn có thật trong lịch sử. Riêng phái Toàn Chân là một phái có thật của Đạo Giáo, được thành lập vào đời nhà Tống và đặt căn cứ tại Chung Nam Sơn trong tỉnh Thiểm Tây. Về các phái chuyên về kiếm pháp được Kim Dung gọi chung là Ngũ Nhạc Kiếm Phái, nó gồm có năm phái võ đặt căn cứ ở năm hòn núi lớn là Tung Sơn trong tỉnh Hồ Nam, Hoa Sơn trong tỉnh Thiểm Tây và Hằng Sơn trong tỉnh Sơn Tây. Phái Thanh Thành thì đặt căn cứ ở Thanh Thành Sơn trong tỉnh Tứ Xuyên.

Địa điểm làm căn cứ cho các phái võ kể trên đây có thể biết được dễ dàng vì tánh cách độc nhứt của các tên núi dùng làm danh hiệu cho các phái võ đó. Đối với một số phái võ khác cũng lấy tên những ngọn núi lớn làm danh hiệu thì vấn đề phức tạp hơn vì ở Trung Quốc có nhiều ngọn núi cùng mang một tên.

Như tên Nga Mi đã được dùng để gọi sáu ngọn núi lớn, một trong tỉnh Tứ Xuyên, hai trong tỉnh Phước Kiến, một trong tỉnh Hà Nam, một trong tỉnh An Huy và một trong tỉnh Quảng Tây. Trong các ngọn núi này thì ngọn núi trong tỉnh Tứ Xuyên nổi tiếng hơn cả có thể phái Nga Mi được nói đến đặt căn cứ tại đó.

Về núi mang tên Không Động thì có cả thảy ba ngọn: một trong tỉnh Hà Nam, một trong tỉnh Cam Túc và một trong tỉnh Giang Tây.

Riêng tên Côn Luân thì được dùng để chỉ một dãy núi rất dài chạy dọc theo ranh giới hai khu tự trị Tân Cương và Tây Tạng rồi vào sâu trong tỉnh Thanh Hải, chỗ không có ngọn núi nào tên Côn Luân để ta có thể biết đó là căn cứ của phái võ Côn Luân.

Về phần Thiên Sơn thì đó cũng là một dãy núi dài trong khu tự trị Tân Cương. Còn Phiếu Diếu Sơn thì không tìm thấy trong các tự điển về địa danh của Trung Quốc cho nên chúng ta không thể biết chắc được Cung Linh Thửu làm căn cứ cho Thiên Sơn Đồng Mỗ ở địa điểm nào.

Cũng như Phiếu Diếu Sơn, Bạch Đà Sơn làm căn cứ cho Tây Độc không có trong các từ điển về địa danh của Trung Quốc và có lẽ do Kim Dung đặt ra chứ không phải là những ngọn núi có thật

- CHƯƠNG I

- MỤC I

I- NHƠN VẬT VÀ ĐOÀN THỂ

TIÊU BIỂU CHO NƯỚC TRUNG HOA CỔ ĐIỂN:

Trung Thần Thông , Châu Bá Thông và Phái Toàn Chân

Trong các tác phẩm của Kim Dung nói đến Võ Lâm Ngũ Bá, có nhiều dấu hiệu cho thấy rằng đệ nhất bá là Trung Thần Thông và đoàn thể do ông lãnh đạo là phái Toàn Chân đã được dùng để tiêu biểu cho **nước Trung Hoa cổ điển**. Kim Dung là người Trung Hoa. Do đó, việc ông xem Trung Hoa là nước xứng đáng dẫn đầu các nước khác là việc tự nhiên. Thật sự thì trong thời cận đại, nước Trung Hoa không phải là cường quốc mạnh như thế giới . Bởi đó, mặc dầu danh hiệu đệ nhất bá võ lâm đã đạt được sau một cuộc tranh tài bằng võ nghệ, nó không phải được dùng để chỉ quốc gia cường thịnh như thế mà để nói đến quốc gia có nền văn hoá đáng trọng vọng nhất.

A- Ý NGHĨA CỦA NGOẠI HIỆU TRUNG THẦN THÔNG.

1- **Trung** là ở ngay chính giữa. Từ ngàn xưa, người Tàu đã tự hào là mình sống ngay chính giữa địa cầu. Họ đã chánh thức gọi dân tộc họ là dân tộc Trung Hoa và

nước họ là Trung Quốc. Các danh xưng trên đây đã cho thấy rõ quan niệm của họ về vấn đề này.

2- Về mặt tinh thần, người Trung Hoa lại theo **đạo trung dung**. Một số người thường lầm tưởng rằng *trung dung* là một thái độ ở nửa chừng trong mọi việc. Nhưng nếu hiểu *trung dung* như vậy thì khi phải chọn giữa hoà bình với chiến tranh, người đương nhiên phải theo chủ trương xung đột hạn chế, và khi phải chọn giữa việc làm người lương thiện với việc làm người ăn cướp thì người đương nhiên phải chấp nhận làm người ăn trộm. Sự chọn lựa máy móc như vậy không có gì khó khăn và cũng không có tánh cách đạo lý chút nào nên ta không hiểu *đạo trung dung* như vậy được. Thật sự trong Hán văn, chữ **trung** 中 cũng đọc là **trúng** có nghĩa là **đúng, hợp**. Nó chỉ tư thế của một con người lúc nào cũng đứng trong vị thế quân bình, không nghiêng không lệch về phía nào, và trong mọi việc làm đều có thái độ thích ứng, vừa phải, không thái quá cũng không bất cập. Vì mọi việc trong đời đều biến đổi không ngừng nên việc theo *đạo trung dung* như thế không phải là dễ dàng. Nhưng nếu người cố gắng theo *đạo trung dung* được thì người trở thành sáng suốt, hiểu biết được mọi sự việc và có thể biến cải để ứng phó với mọi khó khăn, mọi trở lực, mọi địch thủ. Nói cách khác, người trở thành Thần Thông và có thể tự bảo vệ, đồng thời thực hiện được các nguyện vọng của mình.

3- Như thế, ngoại hiệu TRUNG THẦN THÔNG vừa gọi đúng danh hiệu, vừa nêu ra một quan niệm triết lý căn bản và khả năng đặc biệt của quốc gia Trung Hoa. Trong vũ trụ quan của người Trung Hoa từ ngàn xưa, ngũ hành cùng các phương hướng và các màu sắc có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Vị thế trung ương thuộc hành thổ và liên hệ với màu vàng. Bởi đó trong bộ VÕ LÂM NGŨ BÁ, Trung Thần Thông đã

thường mặc áo vàng, mà trong tổ chức chánh trị cổ của Trung Hoa, màu vàng lại là màu dành cho nhà vua. Việc Trung Thần Thông thường mặc màu vàng xác nhận địa vị số một của ông ta trong võ lâm.

B – Ý NGHĨA CỦA HỌ *VƯƠNG* LÀ HỌ CỦA TRUNG THẦN THÔNG

Địa vị số một của Trung Thần Thông trong võ lâm được gọi là địa vị bá chủ. Nhưng mặc dầu đã tham dự cuộc tỷ thí để đoạt chức vị bá chủ võ lâm, Trung Thần Thông lại có một bản chất trái ngược lại tư tưởng bá chủ.

1. Trung Thần Thông vốn là một người họ Vương mà trong từ ngữ Trung Hoa, **vương** có nghĩa là vua. Trong Hán văn thì chữ *vương* 王 gồm 3 nét ngang và 1 nét dọc. Lúc khởi thủy, có thể đây là hình vẽ cái búa 王 mà nhà cầm quyền dùng để chặt đầu những kẻ trái lệnh hay phạm pháp. Nhưng khi đã có một nền văn hoá khá cao rồi, người Trung Hoa giải thích rằng trong chữ *vương*, 3 nét ngang tượng trưng cho Trời, Đất và Người, và nét dọc hàm ý nối liền ba nét ngang trên đây. Lối giải thích trên đây đã trở thành cổ điển. Nó biểu lộ rõ rệt quan niệm cho rằng quyền uy của một nhà vua xứng đáng với danh hiệu vua được xây dựng không phải trên võ lực mà trên đạo lý. Đạo lý mà nhà vua phải dựa vào được gọi là **vương đạo**. Nó đòi hỏi nhà vua phải hành động theo nhân nghĩa, và phải dùng những phương tiện chánh đáng để phục vụ nhơn dân. Chủ trương làm chánh trị theo *vương đạo* chính là chủ trương mà dân Trung Hoa đã chánh thức đề cao trong suốt mấy ngàn năm lịch sử.

2. Việc theo lý tưởng *vương đạo* của Trung Hoa đã được Kim Dung bộc lộ rõ rệt qua việc Trung Thần Thông nhứt quyết không dùng CỬU ÂM CHÂN KINH. Đó là một tác phẩm dạy các căn bản để luyện nội công. Người tập đúng mức và thành công

có thể chữa cho kẻ bị đánh mang nội thương trầm trọng và chính mình thì có thể trường sanh bất lão. Nhưng CỬU ÂM CHÂN KINH lại bao gồm những phương pháp luyện công có cái ác độc dị thường. Công phu Cửu Âm Thần Trảo phải cần dùng một số lớn heo dê còn sống để người luyện tập dùng ngón tay thọc mạnh vào trong óc của chúng. Sự luyện tập này phải kéo dài cho đến khi năm ngón tay đủ sự cứng rắn và chánh xác cần thiết. Đã vậy, người luyện tập còn phải tẩm thêm chất độc trên ngón tay. Công phu Độc Hạp Thần Công thì chuyên luyện tập móng tay, luyện xong thì chỉ cần đụng vào thân một người nào là người ấy chết không phương cứu chữa. Công phu Tội Tâm Chưởng thì có thể làm một quả tim của kẻ địch nát bấy và kẻ địch phải thổ huyết mà chết. Hai công phu Độc Hạp Thần Công và Tội Tâm Chưởng cũng phải dùng thú vật như mèo chó để cho người luyện tập thí nghiệm.

C- THÁI ĐỘ CỦA *TRUNG THẦN THÔNG* VỚI CỬU ÂM CHÂN KINH BIỂU LỘ THÁI ĐỘ CỦA NƯỚC TRUNG HOA CỔ ĐIỂN ĐỐI VỚI KHOA HỌC

1. Ta có thể nghĩ rằng Kim Dung đã dùng CỬU ÂM CHÂN KINH để chỉ các khoa học thực nghiệm. Các khoa học này nêu ra những nguyên tắc quan sát và suy luận có thể mở mang trí tuệ con người và giúp vào sự cải thiện đời sống của loài người về mọi phương diện. Nhưng nó cũng đồng thời bao gồm những cách thức làm việc trái với đạo nhân, như việc dùng các con thú làm vật thí nghiệm hay việc chế tạo các vũ khí hại người quá độ như các chất nổ có sức tàn phá lớn lao, các vũ khí hoá học hoặc vũ khí hạch tâm.

Cứ theo hai bộ VÕ LÂM NGŨ BÁ và ANH HÙNG XẠ ĐIỀU thì Trung Thần Thông đã cố công tìm ra được bộ CỬU ÂM CHÂN KINH nhưng sau khi xem qua, ông đã quyết định không dùng nó mà còn nghiêm cấm môn đệ tập luyện theo nó.

Trong bộ THẦN ĐIỀU ĐẠI HIỆP, Kim Dung cho biết rằng Trung Thần Thông đã phải áp dụng các nguyên tắc ông đọc được trong CỬU ÂM CHÂN KINH mới sáng chế được các thế võ có đủ khả năng thắng các đòn của phái Cổ Mộ vốn mang tánh cách chế khắc võ thuật của phái Toàn Chân . Mặt khác, các cao thủ võ lâm đều tìm CỬU ÂM CHÂN KINH để học và khi học được thì đều tiến bộ rất nhiều. Tuy nhiên, Trung Thần Thông vẫn duy trì quyết định không cho môn đệ ông học CỬU ÂM CHÂN KINH.

2. Kim Dung đã dùng các sự kiện này để chỉ thái độ của người Trung Hoa trước đây đối với khoa học thực nghiệm. Người Trung Hoa thời xưa đã có những phát minh khoa học cao diệu. Họ đã làm được kim chỉ nam, chế được thuốc súng, làm đồ gốm rất tốt và xây dựng được nhiều công trình kiến trúc vĩ đại, đặc biệt là các cầu móng không cần cột chôn ở giữa dòng sông để chống đỡ, khiến cho người Âu Châu hâm mộ. Đời Tam Quốc (thế kỷ thứ 3 sau CN), Hoa Đà đã biết giải phẫu và đã dám nghĩ đến việc mổ óc cho Tào Tháo. Nhưng các nhà lãnh đạo tinh thần của Trung Hoa từ thời xưa đã hướng dẫn dân tộc họ về việc tuyệt đối tôn trọng đạo đức mà quay lưng lại khoa học thực nghiệm. Đó là một quan điểm sai lầm tai hại mà hậu quả được nêu rõ trong các tác phẩm của Kim Dung nói đến Trung Thần Thông và phái Toàn Chân. Mặc dầu Trung Thần Thông đã đoạt được địa vị đệ nhất bá võ lâm, các đệ tử kế vị ông để lãnh đạo phái Toàn Chân về sau, đã thua sút các cao thủ đã từng bị ông đánh bại.

D- CHÂU BÁ THÔNG, BIỂU TƯỢNG CHO NỀN CÔNG NGHỆ CỔ CỦA TRUNG QUỐC

1. Trong phái Toàn Chân, ngoài Trung Thần Thông, chỉ có Châu Bá Thông là đã từng học CỬU ÂM CHÂN KINH. Tuy nhiên, ông này bắt đầu dĩ mới phải đọc nó và lại theo đúng lời dạy của vị Giáo Chủ họ Vương là sư huynh mình nên lúc đầu, ông đã không sử dụng các điều nó dạy. Dầu vậy, ông cũng gián tiếp nhờ nó mà có một tài nghệ kinh người không thua sút Đông Tà, Bắc Cái, Tây Độc và Nam Đế. Mãi đến lúc về già, Châu Bá Thông mới dùng chiêu số Đại Phục Ma Pháp của CỬU ÂM CHÂN KINH để luyện Không Minh Chưởng. Nhưng mặc dầu thông minh đỉnh ngộ, có tài sáng chế các môn võ và cuối cùng cũng có một võ công siêu tuyệt, Châu Bá Thông không phải là người lãnh đạo phái Toàn Chân, cũng không được xem là đệ nhất bá võ lâm. Đã thế, ông còn bị gọi là Lão Ngoan Đồng, tức là ông già mà có tánh hay chơi đùa như trẻ con, vì tánh ông ham vui, không theo đuổi những công việc làm đứng đắn một cách liên tục được.

Trong phần kết cuộc bộ THẦN ĐIỀU ĐẠI HIỆP, Châu Bá Thông đã được chọn làm kẻ thay thế Trung Thần Thông làm một trong năm bá chủ võ lâm với ngoại hiệu là Trung Ngoan Đồng. Nhưng lúc ấy, phái Toàn Chân đã suy sụp mà Châu Bá Thông cũng không hề nghĩ gì đến phái ấy. Mặt khác, theo Kim Dung, vì ông tánh tình phóng dật không ưa giới luật câu nệ, nên ông không được các nhà lãnh đạo chánh thức của phái Toàn Chân mến chuộng. Vậy, Châu Bá Thông không được Kim Dung dùng để tượng trưng toàn diện cho Trung Quốc như Trung Thần Thông trước đó.

2. Với các chi tiết trên đây, chúng ta có thể nghĩ rằng Châu Bá Thông là người được dùng làm biểu tượng cho nền công nghệ cổ của Trung Quốc. Nền công nghệ này vốn dựa vào sự thực nghiệm. Nó đã sản xuất những công trình rất tinh xảo, không thua các công trình sản xuất ở bất cứ nước nào khác. Nhưng phần lớn các phát minh

của nó nhờ thực nghiệm mà nó chỉ dùng vào việc mua vui hay vào hoạt động nghệ thuật, chứ không dùng vào việc tăng cường lực lượng quốc gia. Như thuốc súng chẳng hạn, đã được người Trung Hoa phát minh rất sớm, nhưng họ đã dùng nó để làm pháo bông nhiều hơn để làm đại pháo đánh thành phá lũy. Mặt khác, những người thợ khéo của xã hội cổ Trung Quốc không được trọng vọng như những người đồng nghề ở các nước khác, đặc biệt là các nước Tây Phương, vì công việc của họ chỉ được xem là việc dùng để cho vui tai đẹp mắt mà không hữu ích cho nền chánh trị vương đạo nên họ chỉ được xem là hạng phục dịch cấp dưới của nhà vua. Tuy vẫn nói rằng “nhứt nghệ tinh, nhứt thân vinh”, người Trung Hoa trước đây đã khinh thường người thợ khéo và đặt những người trong ngành công nghệ nói chung ở hạng thứ ba trong bốn hạng người của xã hội: dưới hai hạng sĩ và nông.

Từ khi nắm được toàn quyền lãnh đạo nước Trung Hoa, Đảng Trung Cộng đã đưa nước này vào một đường lối hoàn toàn mới. Bởi đó, nước Trung Hoa cổ điển kể như đã chấm dứt về mặt chánh trị và hiện nay, nó chỉ còn được người ta biết đến và hâm mộ nhờ các tác phẩm thuộc mọi loại nó còn để lại. Các điểm trên đây đã được Kim Dung ám chỉ qua việc phái Toàn Chân lần lần suy sụp sau cái chết của Trung Thần Thông và chỉ còn được kính trọng nhờ Châu Bá Thông, một nhơn vật võ nghệ cao siêu và tánh tình khả ái làm cho người ta mến phục, nhưng không có sự nghiêm chỉnh cần thiết để có thể đóng vai tuồng lãnh đạo hay đại diện cho môn phái của mình.

Đ- CÁI NẤM MỘC TRÊN BÃ NHƠN SÂM LÀM TĂNG CÔNG LỰC TRUNG THẦN THÔNG, BIỂU TƯỢNG NỀN VĂN HÓA CỔ TRUNG HOA

1- Về phần Trung Thần Thông thì sở dĩ ông luyện được một công lực siêu phàm là vì lúc nhỏ ông đã ngẫu nhiên ăn được cái nấm mộc trên chỗ đổ bã nhơn sâm từ mấy

chục năm trước tích tụ lại. Nhơn sâm là một trân quý có khả năng bổ dưỡng con người . Bã của nó đã bị đem bỏ vì đã hết công dụng, nhưng lại làm nảy sinh được cái nấm quý. Cậu bé họ Vương sau này là Trung Thần Thông đã ăn cái nấm đó và chết mất ba ngày. Người nhà đã sắp đem cậu đi chôn, chỉ nhờ có thầy là Thanh Hư Chơn Nhơn đến và giải cứu cho, cậu mới sống lại được. Đạo hiệu *Trùng Dương* mà thầy của Trung Thần Thông đặt cho ông bao hàm ý đã chết mà được sống trở lại.

2. Với câu chuyện trên đây, Kim Dung muốn mô tả tính cách cao quý nhưng rất cổ của nền văn hoá Trung Hoa. Nền văn hoá này đã được duy trì liên tục từ mấy ngàn năm. Do đó, mặc dầu có nhiều điểm hay và có công dụng tốt trong quá khứ, nó không khỏi có chỗ không còn thích ứng với đời sống hiện tại. Nền văn hoá Trung Hoa đã tạo cho nước ấy một sức mạnh tinh thần thâm hậu, nhưng cũng đã là một trở ngại lớn cho việc canh tân trong mấy thế kỷ sau này và suýt làm cho Trung Hoa bị liệt cường qua phân hay chinh phục, nghĩa là suýt bị loại luôn khỏi trường chánh trị quốc tế.

E- Ý NGHĨA CỦA PHÁI ĐẠO GIÁO TOÀN CHÂN

1. Vị trí của Đạo Giáo trong lịch sử Trung Quốc.

Xét về mặt văn hoá thì hệ thống tư tưởng Trung Hoa được người ngoại quốc biết đến nhiều nhất là Nho Giáo, còn xét về mặt võ thuật thì môn phái Thiếu Lâm. Nhưng Trung Thần Thông lại được Kim Dung mô tả như là người theo Đạo Giáo. Đó là vì Nho Giáo chỉ chuyên về văn học mà không nghiên cứu về võ thuật, còn môn phái Thiếu Lâm có tiếng về võ thuật lại là một môn phái của Phật Giáo mà Phật Giáo vốn từ Ấn Độ truyền sang nên bị người Trung Hoa xem là một tôn giáo ngoại lai. Về phần Đạo Giáo, nó là một tôn giáo phát xuất từ Trung Quốc mà cũng có nghiên cứu về võ

thuật. Bởi vậy, nó đã được Kim Dung dùng để biểu tượng cho tài nghệ của nước Trung Hoa.

Xu hướng trọng Đạo Giáo hơn Phật Giáo đã có ở Trung Hoa từ thời trước. Trong quá khứ, khi theo nguyên tắc tam giáo đồng lưu, người Việt Nam ta đã xem Nho Giáo, Phật Giáo và Đạo Giáo như nhau, và có lúc đã chịu ảnh hưởng của Phật Giáo nhiều hơn hai tôn giáo kia. Người Trung Hoa, trái lại, lúc nào cũng đặt Nho Giáo lên trên hết, và tuy vẫn phải dung nạp Phật Giáo vì quần chúng sùng tín tôn giáo, các chánh quyền Trung Quốc hai đời Đường (618-907) và Tống (960-1276) đã trọng Đạo Giáo hơn Phật Giáo.

Vì truyền thuyết cho rằng một Giáo Tổ của Đạo Giáo là Lão Tử vốn họ Lý, mà vua nhà Đường cũng họ Lý, nên triều đại này đã nhận Lão Tử làm tiên nhon của mình và đặc biệt ưu đãi Đạo Giáo. Năm 667, vua Đường Cao Tông đã phong Lão Tử tước Thái Thượng Huyền Nguyên Hoàng Đế. Đến năm 736, vua Đường Huyền Tông lại quyết định cho các đạo sĩ và nữ quan (tức là các phụ nữ theo học Đạo Giáo) thuộc sự quản trị của Tông Chánh Tự là cơ quan coi sóc các việc liên hệ đến những người trong tông thất, nghĩa là có họ hàng với nhà vua. Nói cách khác, từ đời vua này, những người theo Đạo Giáo được xem như là người trong hoàng tộc. Đối với Phật Giáo, chánh quyền quân chủ Trung Hoa trước đây đã nhiều lần áp dụng chánh sách chèn ép. Riêng đời nhà Đường thì năm 845, vua Võ Tông đã ra lệnh đàn áp Phật Giáo, phá hủy nhiều chùa và bắt một số tăng ni hoàn tục làm cho Phật Giáo bị suy.

Nhà Tống đã tiếp tục chánh sách của nhà Đường. Nhưng vì vốn họ Triệu nên các nhà vua Tống không thể nhận Lão Tử làm tiên nhon của mình. Do đó, họ phải tạo ra

một vị thần Đạo Giáo khác để tôn thờ làm tổ tiên. Đó là Triệu Công Minh, một vị thần cõi cộp đen, cũng được gọi là Huyền Đàn Nguyên Soái.

Vậy, từ thế kỷ thứ 7, chánh quyền Trung Hoa đặc biệt tôn sùng Đạo Giáo và sang thế kỷ thứ 8, với việc xem đạo sĩ và nữ quan như là người trong hoàng tộc, tôn giáo này được nâng lên hàng quốc giáo. Kim Dung đã dựa vào các sự thật trên đây khi mô tả Trung Thần Thông, người biểu tượng của nước Trung Hoa cổ điển, như là một nhà lãnh tụ Đạo Giáo. Tác giả các bộ truyện võ hiệp nói đến Trung Thần Thông vốn không phải là người có ác cảm với Phật Giáo. Trái lại, ông đề cao tư tưởng Phật Giáo trong nhiều tác phẩm, như là trong các bộ THIÊN LONG BÁT BỘ và LỤC MẠCH THẦN KIẾM. Nhưng vì có chủ ý dùng Trung Thần Thông để biểu tượng nước Trung Hoa cổ điển, ông đã phải hạ thấp giá trị Phật Giáo xuống về mặt võ thuật, mặc dầu môn phái Thiếu Lâm theo Phật Giáo đã nổi tiếng khắp nơi. Trong bộ VÕ LÂM NGŨ BÁ, ông cho thấy rằng Trung Thần Thông ngay từ lúc trẻ đã nhiều lần thắng một cách dễ dàng các nhà sư của chùa Thiếu Lâm trong các cuộc tỷ thí. Mặt khác, ta có thể nhận thấy rằng trong hai bộ VÕ LÂM NGŨ BÁ và ANH HÙNG XẠ ĐIỀU, không có vị cao tăng Trung Hoa nào có một vai tuồng siêu việt, đáng được tôn trọng.

2. Phái Toàn Chân: tiêu biểu cho tánh cách dung hợp của nền văn hoá Trung Hoa

Phái Đạo Giáo mà Vương Trùng Dương lãnh đạo tên là Toàn Chân. Đạo Giáo vốn đã được Trương Đạo Lăng sáng lập dưới đời Đông Hán (25-220) và đặt căn cứ chánh tại nơi họ Trương tu luyện là Long Hồ Sơn (trong tỉnh Giang Tây ngày nay). Nhưng từ lúc nước Đại Kim chiếm lấy phía bắc Trung Quốc, triều đình nhà Tống phải dời về phương nam, người theo Đạo Giáo ở Hà Bắc thuộc quyền cai trị của người Đại Kim

đã tách ra và lập ba phái phân biệt nhau là Toàn Chân, Đại Đạo, Thái Ất. Trong ba phái này, Toàn Chân là phái mạnh nhất.

Toàn Chân vốn có nghĩa là sự thật đầy đủ, trọn vẹn. Môn phái Đạo Giáo này đã mang danh hiệu trên đây vì ngoài chủ trương riêng của Đạo Giáo, nó lại còn bao gồm những chủ trương của Nho Giáo và Phật Giáo. Các môn phái Đạo Giáo trước đó chỉ chuyên về việc luyện linh đơn và làm phù chú. Phái Toàn Chân đã thêm vào các công phu trên đây, việc theo đạo trung hiếu của Nho Giáo và các giới luật của Phật Giáo. Những người theo môn phái này đã gọi nó là Toàn Chân chính vì nó bao gồm trọn vẹn các chơn lý mà các tôn giáo lớn lưu hành ở Trung Quốc đã nêu ra. Nói chung lại thì tuy cốt là Đạo Giáo, phái Toàn Chân cũng chứa đựng cả giáo lý của Nho Giáo và Phật Giáo và điều này đã mô tả đúng tánh cách dung hợp của nền văn hoá Trung Hoa trước đây.

G- Ý NGHĨA CÁC KỸ THUẬT TRANH ĐẤU CỦA PHÁI TOÀN CHÂN

1. Nhứt Dương Chỉ:

Cứ theo hai bộ VÕ LÂM NGŨ BÁ và ANH HÙNG XẠ ĐIỀU thì công phu lợi hại nhất của Giáo Chủ phái Toàn Chân là Nhứt Dương Chỉ.

a. Chữ **nhứt** trước hết có nghĩa là qui tập hết các sự việc về một mối. Việc phái Toàn Chân tuy là theo Đạo Giáo nhưng đã bao gồm các giáo lý của Nho Giáo và Phật Giáo chính nó đã là một biểu lộ cho tinh thần qui tập các nguyên lý hay về một mối. Ngoài ra chúng ta còn có thể nhận thấy rằng các triết gia Trung Hoa khi nghiên cứu các dữ kiện có mối liên hệ với nhau thì thường có xu hướng tìm mẫu số chung của các dữ kiện ấy để làm bộc lộ tánh cách đồng nhứt của nó. Khi nói về KINH THI, Khổng

Tử đã bảo rằng bộ sách này có 300 thiên, nhưng chỉ cần một lời là tóm được hết ý nghĩa của nó, ấy là “*không nghĩ bậy*” (THI tam bá, **nhút** ngôn dĩ tế chi, viết : tư vô tà . – LUẬN NGŨ, Vi Chánh). Nói về mối đạo của mình, Giáo Tổ của Nho Giáo cũng bảo là nó có thể do nơi một lẽ mà thông suốt tất cả (Ngô đạo **nhút** dĩ quán chi. LUẬN NGŨ, Lý Nhân). Cứ theo lời giải thích của Tăng Tử, đó là việc thành tâm thật ý để suy lòng mình ra lòng người. Sự cố gắng qui tập các sự việc về một mối nói trên đây phát xuất từ một quan niệm làm căn bản cho cả nền tư tưởng cổ của Trung Hoa. Đó là quan niệm xem trời, đất và vạn vật đều cùng chung một thể với nhau (thiên địa vạn vật **nhút** thể).

Ngoài ý qui tập hết các sự việc về một mối, chữ **nhút** còn có nghĩa là chuyên tâm vào một việc gì. Thiên Cao Dao Mô trong KINH THU’ đã bảo: “Nhơn tâm duy nguy, đạo tâm duy vi, duy tinh, duy **nhút**, doãn chấp quyết **trung**” . Câu này hàm ý rằng vì mọi sự việc đều biến đổi không ngừng nên lòng người rất dễ bị nghiêng lệch và ở vào thể bất ổn (nguy) mà mối đạo thì tế nhị và ẩn ảo khó thấy rõ được (vi) cho nên người phải giữ cho lòng mình trong suốt (tinh) và chuyên **nhút** thì mới giữ được cái **trung**. Như vậy, **nhút** là một điều kiện để đạt đạo **trung**.

b. Về chữ **đương**, nó chỉ là một nguyên tắc căn bản trong vũ trụ quan của người Trung Hoa. Nó được dùng để đối chiếu lại **âm**, vốn chỉ một nguyên tắc khác nó và thường được xem là phần nào chọi lại nó. Như sáng là *đương* mà tối là *âm*, nam phái là *đương* mà nữ phái là *âm*, cõi sống là *đương* mà cõi chết là *âm*. Về mặt xử thế thì sự quang minh chánh trực thuộc *đương*, sự ám muội tà khúc thuộc *âm*. Về mặt võ nghệ thì cương thuật thuộc *đương* mà nhu thuật thuộc *âm*.

Tên Nhứt Dương Chỉ hàm ý rằng công phu lợi hại hơn hết của Trung Thần Thông dựa vào cương thuật tới mức tối đa và rất dũng mãnh. Kim Dung đã dùng hình ảnh này để cho thấy rằng nền chánh trị lý tưởng của Trung Hoa có tánh cách quang minh chánh trực và có mục đích thực hiện cảnh thế giới đại đồng làm cho cả thiên hạ sống yên vui hoà mục và dùng sự nhân nghĩa mà đối xử với nhau.

Tuy nhiên, trên đời không thể chỉ có *dương* mà không có *âm*. Và lại, việc vào dương thuần túy là điều trái với đạo **trung**. Bởi đó, Nhứt Dương Chỉ không phải là một công phu thường dụng. Theo Kim Dung, nó làm hao tổn rất nhiều nội lực và khi người dùng nó rồi thì nguyên khí và tinh lực trong người bị tiêu hao, phải tĩnh dưỡng nhiều ngày mới hồi phục lại công lực. Theo bộ ANH HÙNG XẠ ĐIỀU thì người dùng công phu Nhứt Dương Chỉ để chữa một nội thương trầm trọng của kẻ khác phải mất công lực trong 5 năm; nếu có học CỬU ÂM CHƠN KINH và luyện tập lại đúng mức thì cũng phải mất mấy tháng mới có công lực lại như xưa. Bởi đó, Trung Thần Thông bất đắc dĩ lắm mới dùng đến Nhứt Dương Chỉ.

Nếu xem Trung Thần Thông là tiêu biểu cho một quốc gia thì việc dùng Nhứt Dương Chỉ có thể xem như là việc huy động toàn quốc để thực hiện một công trình rất lớn lao. Sự tấn công kẻ địch bằng công phu Nhứt Dương Chỉ có thể so sánh với việc gây chiến tranh với quốc gia khác. Dầu có đem thắng lợi về cho mình, chiến tranh cũng làm cho quốc gia hao tổn nhơn lực, tài lực và quốc gia phải cần một thời gian mới khôi phục lại tình trạng bình thường. Với lối mô tả Nhứt Dương Chỉ, Kim Dung có ý cho biết rằng nước Trung Hoa cổ điển không chủ trương dùng chiến tranh làm phương pháp chánh yếu để giải quyết các vụ xung đột với nước khác như một số quốc gia hiếu chiến trên thế giới, và chỉ dùng đến chiến tranh một cách bất đắc dĩ thôi.

2. Thái Cực Quyền

Trong tình trạng bình thường, Trung Thần Thông và người của phái Toàn Chân đã dùng Thái Cực Quyền trong các cuộc giao đấu. Thái Cực là tình trạng vũ trụ lúc còn là một khối hỗn mang chưa phân ra thành trời đất. Trong triết lý cổ Trung Hoa, nó dùng để chỉ một tình trạng thống nhất nhưng bao gồm các yếu tố khác nhau. Do đó, Thái Cực hàm có lưỡng nghi là **âm** và **dương** và Thái Cực Quyền mà phái Toàn Chân thường sử dụng gồm có cả nguyên tắc cương và nhu. Về mặt nội công thì phái Toàn Chân đã luyện Thái Ất Huyền Công. Thái Ất hay Thái Nhứt vốn là tên của một ngôi sao tượng trưng cho một nguyên lý linh thiêng trong vũ trụ. Giữa Thái Ất và Thái Cực có sự liên hệ mật thiết với nhau. Thái Ất có thể xem như là sự thể hiện của Thái Cực và do đó mà cũng gồm cả hai nguyên tắc *âm dương*. Vì thế Thái Ất Huyền Công của phái Toàn Chân được Kim Dung mô tả như là một công phu vừa cương vừa nhu, khi vận chơn khí thì làm cho thân thể mềm xốp như bông gòn hay cứng như gang sắt. Điều này thích hợp với đạo **trung** và hàm ý rằng tùy theo **vương đạo** và hướng về việc dùng nhuon nghĩa, nền chánh trị Trung Hoa cũng gồm có việc dùng võ lực và hình phạt để trừng trị những kẻ làm bậy.

3. Thiên Cương Bắc Đẩu Trận.

Ngoài kỹ thuật tranh đấu cá nhân, phái Toàn Chân lại có một kỹ thuật tranh đấu tập thể làm bảo pháp trấn sơn là Thiên Cương Bắc Đẩu Trận. Theo kỹ thuật này, phải có bảy người ngồi theo vị thế của bảy ngôi sao trong chòm sao Bánh Lái, với sao Bắc Đẩu làm chủ chốt. Khi ngồi theo vị thế đó và tương ứng tương trợ nhau, bảy người trên đây hợp tập được công lực của nhau và công lực này trở thành một sức mạnh lớn lao làm cho kẻ địch khó có thể thắng họ được.

Chữ **cương** theo nghĩa đen là sợi dây lớn làm giềng cho một cái lưới. Nó thường được dùng với chữ **kỷ** vốn có nghĩa là sắp xếp các sợi tơ, và hai chữ **cương kỷ** ghép lại dùng để chỉ một trật tự đã an bài. Theo khoa thiên văn của người Trung Hoa thời cổ, các ngôi sao trên trời được sắp xếp thành hai bộ phận: chòm sao Bắc Đẩu thuộc **thiên cương**, còn dải Ngân Hà thì thuộc **địa kỷ**. Ở thế gian thì từ ngữ **cương kỷ** dùng để nói đến trật tự và qui luật của một quốc gia và **thiên cương** là qui chế chánh trị đương hữu.

Vậy Thiên Cương Bắc Đẩu Trận mượn danh hiệu của một chòm sao trên trời, nhưng cũng ám chỉ nền chánh trị một nước. Ta nên lưu ý rằng nhà triết học được người Trung Hoa thờ làm thánh sư là Khổng Tử đã từng so sánh nền chánh trị dựa vào đạo đức với ngôi sao Bắc Đẩu, ở yên một chỗ mà các sao khác đều phải châu về (LUẬN NGŨ, Vi Chánh). Như thế, việc bảy người phái Toàn Chân ngồi theo vị thế bảy ngôi sao của chòm sao Bán Lái để chống địch và danh hiệu Thiên Cương Bắc Đẩu Trận của kỹ thuật tranh đấu tập thể này đã được Kim Dung dùng để nói đến chủ trương căn bản của người Trung Hoa lấy đạo đức làm nền tảng cho việc lãnh đạo xã hội và gây tinh thần đoàn kết giữa mọi người làm cho cộng đồng trở thành một lực lượng mạnh mẽ vô địch.

H- CÁC NHƠN VẬT CÓ THỂ ĐƯỢC VƯƠNG TRÙNG DUONG BIỂU TƯỢNG.

Nói chung lại thì trong hai bộ VÕ LÂM NGŨ BÁ và ANH HÙNG XẠ ĐIỀU, chúng ta đã tìm thấy nhiều dữ kiện làm cho chúng ta có thể tin rằng Kim Dung đã dùng nhơn vật Trung Thần Thông và phái Toàn Chân để ám chỉ nước Trung Hoa cổ điển. Theo sự mô tả của ông thì Trung Thần Thông chết, phái Toàn Chân suy sụp lần

lần về cả hai mặt võ công lẫn đạo đức. Những người nổi nghiệp Trung Thần Thông chẳng những không giữ được địa vị số 1 ông đã được, mà cuối cùng phái Toàn Chân do họ lãnh đạo còn gần như tan vỡ khi căn cứ của nó là Trùng Dương Cung ở Chung Nam Sơn bị đốt cháy. Sau Trung Thần Thông, người cao thủ của phái Toàn Chân có võ công siêu tuyệt ngang với các bá chủ võ lâm khác, đó là Châu Bá Thông. Nhưng ông này không phải là người lãnh đạo của môn phái và không nghĩ gì đến nó. Qua các sự kiện trên đây, Kim Dung đã có ý bảo rằng nước Trung Hoa cổ điển đã có nền văn hoá cao diệu như thế giới, nhưng vì quá chú trọng đến đạo đức mà quay lưng lại khoa học thực nghiệm nên nó lần lần suy vi và cuối cùng đã sụp đổ với việc Cộng Sản nắm chánh quyền, thành ra chỉ còn tồn tại với các công trình công nghệ tuyệt xảo của mình.

Nếu muốn lấy một nhơn vật siêu việt trong lịch sử Trung Quốc thời Cộng Sản chưa nắm trọn chánh quyền để so sánh với Vương Trùng Dương thì ta có thể nêu ra hai người:

1. Trước hết là Khổng Tử (551-479 tr. CN). Ông là người được dân Trung Hoa thờ làm thánh sư trong hơn hai ngàn năm. Ông tập hợp các trí thức thời ông để xây dựng một học thuyết làm nền tảng cho cả nền văn hoá và chánh trị cổ của Trung Quốc và học thuyết này bao gồm các đặc tánh mà chúng tôi đã phân tích trên đây về ý thức hệ của dân tộc Trung Hoa. Nhưng khi một môn đệ là Phàn Trì muốn học làm ruộng hay làm vườn thì Khổng Tử đã bảo nên đi tìm một ông lão làm vườn hay làm ruộng mà học. Sau đó ông còn chê trí Phàn Trì là chí khí nhỏ hẹp. Theo ông, đi học là học **lễ**, **nghĩa** và **tín** khiến cho dân chúng từ bốn phương xa lạ khâm phục và đại con đến để theo mình (LUẬN NGŨ, Tử Lộ). Vậy chính Khổng Tử là người đã dạy dân Trung

Hoa chỉ nên hướng về đạo đức mà quay lưng lại khoa học thực nghiệm, cũng như Vương Trùng Dương đã nghiêm cấm môn đệ học CỬU ÂM CHƠN KINH.

2. Tuy nhiên, Khổng Tử là một nhơn vật quá cổ nên không thích hợp với khung cảnh chánh trị thời nay. Bởi đó, có lẽ nhà chánh trị Trung Hoa cận đại có thể so sánh với Vương Trùng Dương là Tôn Văn. Ông là người được cả dân Trung Hoa tôn trọng và gọi là Quốc Phụ. Tên tự ông là Dật Tiên, mà theo quan niệm Trung Hoa, **tiên** là một nhơn vật nhờ theo Đạo Giáo mà được trường sanh bất lão. Địa vị Quốc Phụ của Tôn Văn cũng giống như địa vị Giáo Chủ phái Toàn Chân của Trung Thần Thông.

Theo bộ THẦN ĐIỀU ĐẠI HIỆP thì trước khi đi tu làm đạo sĩ, Trung Thần Thông đã từng tổ chức cuộc tranh đấu để chống lại người Kim, và sau đó phái Toàn Chân do ông sáng lập là một đoàn thể có chủ trương chống lại người Mông Cổ. Phần Ông Tôn Văn thì đã làm cách mạng giải thoát nước Trung Hoa khỏi sự cai trị của nhà Thanh do người Mãn Châu xây dựng, để bắt đầu chánh sách tự tân tự cường. Điều đáng lưu ý là dân Mãn Châu chính là giống dân đã thành lập nước Đại Kim trước đây. Vậy, Tôn Văn với Trung Thần Thông đã có một quá trình tranh đấu chống sự xâm lược của dị tộc như nhau.

Mặt khác, ngoài tên húy là Văn và tên tự là Dật Tiên, họ Tôn lại còn có tên hiệu là Trung Sơn. Ta có thể nhận thấy rằng tên hiệu này có chữ **trung** bên trong như ngoại hiệu Trung Thần Thông của Vương Trùng Dương. Về mặt ý thức hệ, Tôn Văn đã chủ trương kết hợp ba hệ thống tư tưởng Dân Tộc, Dân Quyền và Dân Sinh gồm có tư tưởng Quốc Gia, Tự Do và Xã hội làm một mối trong chủ nghĩa Tam Dân, lại tìm cách dung hoà nền văn hoá cổ của Trung Hoa với những cái hay của nền văn hóa thế giới. Đường lối chánh trị của ông dựa trên tinh thần dân bản, lại hướng đến lý tưởng

thế giới đại đồng. Những điểm trên đây có sự tương đồng với chủ trương đường lối phái Toàn Chân là một đoàn thể đã kết hợp giáo lý của Nho Giáo, Phật Giáo và Đạo Giáo và lấy Thiên Cương Bắc Đẩu Trộn làm kỹ thuật tranh đấu trần sơn.

Sau hết, lá cờ Thanh Thiên Bạch Nhựt Mãn Địa Hồng mà Tôn Văn và Trung Hoa Quốc Dân Đảng do ông lãnh đạo lấy làm quốc kỳ có hình mặt trời chói lọi tiêu biểu cho nền chánh trị dựa vào sự quang minh chánh trực và có thể so sánh với công phu Nhứt Dương Chỉ của phái Toàn Chân.

I- CÁC NHƠN VẬT CÓ LIÊN HỆ ĐẾN PHÁI TOÀN CHÂN SAU VƯƠNG TRÙNG DƯƠNG: *QUÁCH TỈNH* và *DƯƠNG KHANG*

Sau khi Tôn Văn chết, không còn vị chánh khách Trung Hoa nào được toàn thể người Trung Hoa tôn trọng, cũng như sau khi Vương Trùng Dương chết, không còn người nào trong phái Toàn Chân có được tầm vóc của ông trừ Châu Bá Thông, nhưng Châu Bá Thông lại không được đứng vào địa vị lãnh đạo phái này. Bộ ANH HÙNG XẠ ĐIỀU có nói đến hai nhơn vật có liên hệ đến phái Toàn Chân là Quách Tỉnh và Dương Khang.

1. Quách Tỉnh đã học nội công với đại đệ tử của Vương Trùng Dương là Mã Ngọc, nhưng không được Mã Ngọc nhận làm học trò. Sau đó ông đã thờ Bắc Cái làm sư phụ, mà như chúng tôi sẽ trình bày sau. Bắc Cái là một nhơn vật tượng trưng cho Liên Sô và Đảng Cộng Sản Quốc Tế.

Mặt khác, Quách Tỉnh đã có thêm nhiều công lực nhờ hút được huyết con rắn quý của Lương Tử Ông. Con rắn này nguyên là một con rắn độc màu đen, nhưng sau khi được Lương Tử Ông nuôi lâu năm bằng những loại trăn được, nó trở thành đỏ như

huyết. Như chúng tôi sẽ trình bày trong đoạn nói về Tây Độc, con rắn là một biểu tượng của nền văn hoá Tây Phương. Ngoài ra, hiện nay, người ta thường dùng màu đen để biểu tượng cho cánh hữu bảo thủ và màu đỏ để biểu tượng cho cánh tả cách mạng. Các chi tiết trên đây cho thấy rằng con rắn của Lương Tử Ông được dùng để ám chỉ chủ nghĩa Cộng Sản. Triết lý của chủ nghĩa này vốn phát xuất từ **biện chứng pháp** của Hegel là một nhà học giả hữu phái của nước Đức. Karl Marx là học trò của Hegel; ông đã biến **biện chứng pháp Hegel** thành **biện chứng pháp duy vật** và làm nền tảng cho hệ thống tư tưởng cách mạng vô sản của mình. Kim Dung đã dùng con rắn đỏ để chỉ biện chứng pháp duy vật của Karl Marx. Biện chứng pháp duy vật thiên tả này vốn phát xuất từ biện chứng pháp hữu phái của Hegel, cũng như con rắn đỏ của Lương Tử Ông vốn là con rắn đen bị đổi màu sau khi được nuôi lâu năm bằng trân dược.

Vậy, Quách Tĩnh biểu tượng cho một nhơn vật Trung Hoa có một sở học khá vững về nền văn hoá cổ truyền của nước mình, nhưng sau đó, đã theo chủ nghĩa cộng sản của Karl Marx và gia nhập Đảng Cộng Sản Quốc Tế. Trong các chánh khách Trung Hoa quan trọng xuất hiện sau Tôn Văn, người thích ứng hơn hết với các chi tiết trên đây là Mao Trạch Đông.

Trong hai bộ ANH HÙNG XẠ ĐIỀU và THẦN ĐIỀU ĐẠI HIỆP, Quách Tĩnh đã không nhận lãnh quan chức của triều đình nhà Tống mà ông cho là hủ bại với những ông vua ham mê tử sắc và những viên quan hèn nhát gian nịnh. Nhưng ông đã cùng với viên trấn thủ thành Tương Dương (nay là Tương Phàn trong tỉnh Hồ Bắc) lãnh đạo cuộc tranh đấu chống lại các cuộc tấn công của quân Mông Cổ. Những điều này có thể so sánh với các việc Mao Trạch Đông tuy không thuận với chánh phủ Trung

Hoa Dân Quốc, nhưng đã cùng chánh phủ này lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Nhật.

Trong phần kết cuộc của bộ THẦN ĐIỀU ĐẠI HIỆP, Quách Tĩnh lại được công nhận làm Bắc Hiệp hay Bắc Cái trong số Vô Lâm Ngũ Bá. Với sự kiện này, Kim Dung đã muốn nêu ý kiến là Mao Trạch Đông xứng đáng cầm đầu Cộng Sản Quốc Tế hơn là các nhà lãnh đạo Sô Viết kế vị cho Staline. Ta không nên lấy làm lạ về quan điểm này vì khi viết bộ THẦN ĐIỀU ĐẠI HIỆP, Kim Dung đã bớt thiện cảm với Cộng Sản Nga, nhưng vẫn còn hoan nghinh Trung Cộng.

2. Dương Khang vừa là người anh em kết nghĩa với Quách Tĩnh, vừa là người đã nhiều lần chống chọi lại Quách Tĩnh. Lúc ban đầu, ông được Khuru Xứ Cơ là sư đệ của Mã Ngọc nhận làm đệ tử. Vậy, ông chánh thức là người của phái Toàn Chân. Nhưng ông đã được Hoàn Nhan Liệt là một thân vương nước Đại Kim nuôi từ nhỏ và xem như con ruột. Một mặt vì thương mến và thâm cảm ơn nuôi dưỡng từ tể, một mặt vì luyến tiếc sự giàu sang của vương thất nước Đại Kim mặc dầu nước ấy đang ở vào lúc sắp bị diệt, Dương Khang đã tiếp tục trung thành với Hoàn Nhan Liệt ngay cả lúc đã được biết chắc là vị vương giả này thật sự là người thù đã làm hại cha mẹ ruột mình. Dương Khang cũng có một đôi lần bị mối thù cha mẹ thúc giục nên có ý định làm hại Hoàn Nhan Liệt, nhưng lần nào ông cũng bỏ qua ý định đó.

Cứ theo lời mô tả của Kim Dung thì Hoàn Nhan Liệt có thể xem như là tiêu biểu cho phe đế quốc xâm lược. Về phần Dương Khang thì hơn vật chánh trị thời cận đại gần với hình ảnh của ông nhiều hơn hết là Uông Tinh Vệ. Ông này vốn là một nhà ái quốc chống lại nhà Thanh và là một nhơn vật hợp tác chặt chẽ với Tôn Văn trong Trung Hoa Quốc Dân Đảng.

Trong thời kỳ chống lại nhà Thanh, ông Uông Tinh Vệ đã tỏ ra rất dũng cảm. Khi bị bắt lúc hãy còn rất trẻ, ông đã không sợ hãi mà còn làm một bài thơ để biểu lộ ý chí mình như sau:

*Kháng khái ca Yên thị,
Thung dung tác Sở tù.
Dẫn đao thành nhứt khoái,
Bất phụ thiếu niên đầu.*

Yên thị là cái chợ ở Yên Kinh, tức là Bắc Kinh ngày nay, nơi nhà Nguyên do người Mông Cổ thành lập dùng làm kinh đô. Lúc người Mông Cổ đánh Nam Tống thì một nhà ái quốc Trung Hoa là Văn Thiên Tường đã mộ quân chống lại họ. Ông bị bắt và bị cầm tù ở Bắc Kinh ngày nay vì không chịu đầu hàng. Trong khi ở trong ngục, ông làm bài Chánh Khí Ca để biểu lộ lòng trung nghĩa bất khuất của mình, và về sau đã bị người Mông Cổ xử tử ở Bắc Kinh.

Sở tù là người tù nước Sở. Đó là danh hiệu để chỉ Chung Nghi, một người nước Sở bị bắt làm tù binh, nhưng trong khi bị địch giam giữ vẫn có vẻ ung dung và giữ lễ lối ăn mặc cư xử của nước mình.

Vậy với bài thơ trên đây, ông Uông Tinh Vệ đã lấy gương Văn Thiên Tường và Chung Nghi ra để biểu lộ ý chí của mình không chịu khuất phục nhà Thanh. Ông quyết tâm giữ thái độ ung dung như Chung Nghi và nếu có bị xử tử thì sẵn sàng ca hát một cách kháng khái ở pháp trường như Văn Thiên Tường, chỉ mong cho đao của người giám trảm chặt cho ngon để không uống công chém cái đầu của một người thiếu niên như mình.

Sau khi Trung Hoa Dân Quốc thành lập, ông Uông Tinh Vệ trở thành một người cộng sự mật thiết với ông Tôn Văn và là một trong những người tranh quyền lãnh đạo với Tưởng Giới Thạch. Ông rất muốn cho Trung Quốc canh tân theo nước Nhật để trở thành cường thịnh, nhưng dĩ nhiên không thể không tán thành việc nước Nhật chinh phục Trung Quốc. Tuy nhiên, một mặt vì không chấp nhận quyền lãnh đạo của ông Tưởng Giới Thạch, một mặt vì đặt chủ trương chống lại Trung Cộng trên chủ trương chống Nhật nên về sau, ông đã chịu thành lập một Chính Phủ Trung Hoa hợp tác với người Nhật khi nước Nhật xâm lấn Trung Quốc. Do đó, Uông Tinh Vệ đã bị đa số người Trung Hoa hiện đại lên án về chỗ đã hợp tác với kẻ thù của nước mình. Nếu quả thật Kim Dung dùng Dương Khang để biểu tượng cho Uông Tinh Vệ thì ông đã theo xu hướng chung của đồng bào ông.

- CHƯƠNG I

- MỤC I

II- NHƠN VẬT TƯỢNG TRUNG CHO NƯỚC NHẬT:

ĐÔNG TÀ

A- CÁC DẤU HIỆU CHO THẤY RẰNG ĐÔNG TÀ TƯỢNG TRUNG CHO NƯỚC NHẬT.

1. Vị trí địa lý và biệt danh của nước Nhật.

Xét về mặt địa lý thì nước Nhựt ở phía đông Trung Quốc. Trong các bộ truyện võ hiệp của Kim Dung có nói đến Đông Tà thì nhơn vật mang ngoại hiệu này đã thường xuất hiện với bộ áo màu xanh. Cứ theo vũ trụ quan của người Trung Hoa thì màu xanh thuộc hành mộc và liên hệ với phương đông. Vậy, việc Đông Tà mặc áo màu xanh nhấn mạnh thêm chỗ vị trí của nước Nhựt ở phía đông Trung Quốc. Mặt khác, căn cứ của Đông Tà là một hòn đảo mang tên là đảo Đào Hoa, mà nước Nhựt lại gồm một số đảo và được nổi tiếng trên thế giới là xứ của hoa anh đào.

2. Tánh sợ lửa của Đông Tà.

Trong bộ VÕ LÂM NGŨ BÁ, Kim Dung cho biết rằng lúc nhỏ, Đông Tà rất sợ lửa, vì có một vị thiền sư đắc đạo đoán rằng số ông có thể vì lửa mà bị chết non. Điều này có thể dùng để ám chỉ việc các đảo Nhựt có nhiều núi lửa và thường bị động đất làm cho nhơn dân bị thiệt hại nhiều và rất sợ hoả hoạn. Trước Thế Chiến II, lúc chưa phát minh được kỹ thuật giữ cho nhà khỏi bị sập vì động đất, người Nhựt không dám xây dựng cao ốc bằng xi-măng cốt sắt, mà chỉ cất nhà nhẹ bằng tre vào gỗ để ít bị tai nạn khi có động đất làm cho nhà sập. Nhưng chính vì cất nhà bằng tre và gỗ nên dân Nhựt không dám dùng lò sưởi hay dùng hệ thống nước nóng nấu bằng dầu để sưởi nhà cho ấm vào mùa đông, bởi lẽ làm như vậy thì rất dễ bị nạn cháy cả thành phố khi có động đất. Phương pháp cổ truyền của dân Nhựt để chống lại sự lạnh lẽo của đêm đông là tắm nước thật nóng cho người nóng ran lên trước khi lên giường ngủ và nhờ đó mà chỉ cần đắp mền kín là khỏi bị lạnh trong khi ngủ. Chỉ sau này, khi đã phát minh kỹ thuật giữ cho nhà khỏi sập vì động đất, người Nhựt mới cất những cao ốc bằng xi-măng cốt sắt và theo phương pháp Tây Phương sưởi nhà bằng lò sưởi hoặc dùng dầu nấu nước nóng phân phối cho các phòng ốc. Chúng ta cũng được biết rằng thời Thế

Chiến II, các cuộc oanh tạc của Mỹ trên các thành phố Nhựt, nhứt là thủ đô Đông Kinh, đã gây những nạn cháy kinh khủng vì nhà cửa phần lớn cất bằng gỗ và tre.

3. Họ của Đông Tà và tên của bà vợ ông.

Ngoài ra, chúng ta cũng nên lưu ý rằng Đông Tà là người họ Hoàng. Trong ngôn ngữ Trung Hoa, **hoàng** có nghĩa là màu vàng. Do đó, ta có thể nghĩ rằng Kim Dung dùng họ Hoàng để nói lên việc dân tộc Nhựt là một dân tộc da vàng. Dân tộc này vốn có mối liên hệ chặt chẽ với dân tộc Trung Hoa. Mối liên hệ giữa hai bên đã được Kim Dung ám chỉ trong tên của bà vợ Đông Tà. Trong **VỖ LÂM NGŨ BÁ**, bà này có tên là Hương Điệp, nhưng trong **ANH HÙNG XẠ ĐIỀU** thì tên mà Đông Tà khắc trên mộ vợ lại là Mai Hương. Sự khác biệt này có thể là một điều sơ xuất của tác giả **VỖ LÂM NGŨ BÁ** trong trường hợp bộ truyện này không phải do chính Kim Dung viết ra. Nhưng cũng có thể chính Kim Dung đã viết cả hai bộ **VỖ LÂM NGŨ BÁ** và **ANH HÙNG XẠ ĐIỀU** và có ý bảo rằng bà vợ của Đông Tà đã đổi tên sau khi ra đảo Đào Hoa. Dầu sao thì Mai Hương cũng có nghĩa là mùi thơm của hoa mai, mà hoa mai lại được người Trung Hoa xem như là quốc hoa, tức là loài hoa biểu tượng cho nước họ. Sự kiện bà vợ Đông Tà mang tên Mai Hương có thể có nhiều ý nghĩa khác nhau. Nó có thể ám chỉ rằng dân tộc Nhựt rất gần với dân tộc Trung Hoa về mặt chủng tộc, nhưng cũng có thể biểu tượng cho việc dân tộc Nhựt đã thấm nhuần văn hoá Trung Hoa.

B- THÂN THỂ ĐÔNG TÀ: BIỂU LỘ VIỆC DÂN NHỰT ĐÃ THẤM NHUẦN VĂN HOÁ TRUNG HOA.

1. Ảnh hưởng sâu đậm của văn hoá Trung Hoa đối với dân tộc Nhựt đã được Kim Dung mô tả trong thân thể của Đông Tà. Nhơn vật này đã theo học Châu Đồng là một trong những vị anh hùng của Lương Sơn Bạc và là thầy của một vị danh tướng Trung Hoa nổi tiếng trung cương là Nhạc Phi. Trước khi theo học Châu Đồng, Đông Tà đã là một thư sinh học theo Nho Giáo. Từ khi làm môn đệ Châu Đồng, ông đã học thêm về võ nghệ, nhưng vẫn không xao lãng việc học văn. Bởi đó, ông là người văn võ kiêm toàn. Không những thuộc các sách vở điển tịch Trung Hoa, ông còn biết hết các môn võ thuật lưu hành ở Trung Quốc. Hơn nữa, ông cũng rất thông thạo về các thú tiêu khiển của người Trung Hoa là cầm, kỳ, thi, hoạ, làm được thơ phú, bài ca, thổi tiêu rất hay, lại nắm vững mọi loại kỹ thuật Trung Hoa như y dược, bói toán, chiêm tinh, tướng số, nông điền, thủy lợi, binh lược v.v.. Nếp sống của ông là nếp sống của người Trung Hoa thuộc hạng giàu sang. Ông biết thưởng thức các món ăn ngon, các thứ rượu và trà quý của Trung Quốc. Thuyền và nhà của ông được trang trí bằng gấm tốt, bằng những danh hoạ, những sách hay hiếm có, những cổ ngoạn đắt tiền. Tuy nhiên, Đông Tà lại là người thâm hiểu Đạo Giáo và hướng về sự thanh tĩnh vô vi.

2. Ngoài ngoại hiệu Đông Tà, ông lại còn được gọi là Dược Sư. Trong các bộ VÕ LÂM NGŨ BÁ, ANH HÙNG XẠ ĐIỀU và THẦN ĐIỀU ĐẠI HIỆP, Kim Dung đã cho biết rằng Đông Tà đã chế ra nhiều môn thuốc trị thương, chữa bệnh hay bổ dưỡng. Tuy nhiên, y dược chỉ là một trong các kỹ thuật ông học được và ông không phải chuyên môn dùng kỹ thuật đó để đi cứu người hay hại người như các nhơn vật mang hiệu Dược sư hay Dược Vương trong các bộ truyện võ hiệp khác. Do đó, chúng ta có thể nghĩ rằng danh hiệu Dược Sư được dùng để gọi ông kế bên ngoại hiệu Đông Tà ắt có một dụng ý đặc biệt. Chúng ta có thể nhận thấy rằng trong tín ngưỡng Phật Giáo Đại Thừa thanh hành của phương đông là Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật. Như

thể, danh hiệu Dược Sư của Đông Tà có thể dùng để ám chỉ rằng dân tộc Nhựt là một dân tộc ở phía đông Trung Quốc và có theo Phật Giáo Đại Thừa. Vậy, với lối mô tả thân thể Đông Tà, Kim Dung đã cho thấy rằng dân tộc Nhựt đã theo học văn hoá Trung Hoa và đã có một nền văn hoá chịu ảnh hưởng của văn hoá Trung Hoa về mọi phương diện.

C- CÁC ĐẶC TÍNH CỦA NGƯỜI NHỰT LÀM CHO HỌ PHÂN BIỆT VỚI NGƯỜI TRUNG HOA.

Nói chung lại thì Đông Tà đã biết rõ các kỹ thuật của Trung Hoa về mặt đạo đức, ông đã có học giáo lý các tôn giáo lớn của Trung Hoa, đặc biệt là Nho Giáo và Đạo Giáo. Ông có một tinh thần thoát tục và có những tánh tốt được dân tộc Trung Hoa đề cao là ngay thẳng, cương trực và nói ra thì giữ lấy lời. Ông đã nhiều khi ra tay cứu giúp những người yếu thế chống lại bọn tham quan ô lại và bọn trộm cướp hiếp đáp dân lành. Ngoài ra ông cũng rất kính trọng các trung thần liệt sĩ. Tuy nhiên, ông lại không được Kim Dung liệt vào hạng người theo chánh đạo mà lại bị xem là một nhon vật nhuốm đầy tà quái. Điều này có nghĩa là theo ý Kim Dung thì mặc dầu thấm nhuần văn hoá Trung Hoa và chánh thức theo quan niệm Trung Hoa về đạo đức, người Nhựt không phải hoàn toàn theo văn hoá Trung Hoa , cũng không phải cư xử đúng theo quan niệm đạo đức của người Trung Hoa .

1. Các sáng chế văn hoá đặc biệt của người Nhựt so với văn hoá Trung Hoa

Tuy có học các môn võ thuật Trung Hoa, Đông Tà đã không dùng các môn ấy mà tự sáng chế ra một số môn võ riêng cho mình như Lạc Anh Chưởng, Phách Không Chưởng, Tảo Diệp Thoái, Ngọc Tiêu Kiếm Pháp, Đạn Chỉ Thần Công ... Một trong

các vũ khí của Đông Tà là cây ngọc tiêu. Tiếng tiêu của ông thổi có thể êm đềm hoà dịu, nhưng cũng có thể khêu gợi các tình cảm của người một cách mãnh liệt, nhứt là bản Thiên Ma Vũ Khúc kích thích dục tình rất mạnh mẽ và có thể làm cho người nghe điên loạn được. Để bảo vệ căn cứ của mình, Đông Tà đã dựa vào Kỳ Môn Bát Trộn của Không Minh mà lập ra một Phản Kỳ Môn Bát Trộn, bao trùm gần hết đảo Đào Hoa. Trận đồ của Đông Tà cũng dựa vào các nguyên tắc sinh khắc, âm dương, ngũ hành, nhị thập bát tú và 64 quẻ kép của Bát Quái cùng các đặc tính của các quẻ đó như trận đồ của Không Minh. Tuy nhiên, trong các trận đồ của Đông Tà, vị trí các quẻ lại ngược lại vị trí các quẻ trong trận đồ Không Minh.

Với các chi tiết trên đây, Kim Dung ám chỉ rằng tuy có học theo văn hoá Trung Hoa , người Nhựt vẫn có những sáng chế của mình và có khi biến chế văn hoá Trung Hoa để áp dụng cho mình. Về tôn giáo thì ngoài Nho Giáo, Phật Giáo và Đạo Giáo, họ còn có một tôn giáo là Thần Đạo. Về văn tự, tuy có dùng chữ Hán, họ lại có những thứ chữ đặc biệt cho họ là katakana và hiragan. Về võ thuật, họ có các môn đặc sắc như Nhu Đạo (Judo), Hiệp Khí Đạo (Aikido), Kiếm Đạo (Kendo) ... Nhon cuộc hoà tấu giữa Đông Tà và Tây Độc trên đảo Đào Hoa, Kim Dung đã cho biết rằng công phu của Đông Tà thể hiện qua tiếng tiêu thuộc nhu tánh, trái với công phu Tây Độc thể hiện qua tiếng đàn tranh thuộc cương tánh. Với chi tiết này, Kim Dung đã ám chỉ rằng môn võ tiêu biểu cho kỹ thuật tranh đấu của người Nhựt là Nhu Thuật về sau được biến chế để thành ra Nhu Đạo.

2. Sự dị biệt giữa người Nhựt và người Trung Hoa trong các quan niệm căn bản phát xuất từ văn hoá Trung Hoa

Riêng sự kiện Đông Tà dựa vào Kỳ Môn Bát Trộn của Khổng Minh để lập Phản Kỳ Môn Bát Trộn có thể được Kim Dung dùng để ám chỉ việc người Nhựt thay đổi thứ tự của các mục tiêu chánh trị so với quan niệm Trung Hoa . Từ ngàn xưa, người Trung Hoa đã hướng đến lý tưởng thế giới đại đồng và trong tư tưởng của họ, việc **bình thiên hạ** là mục tiêu tối hậu, **trị quốc** chỉ cốt để dọn đường cho việc bình thiên hạ. Người Nhựt, trái lại, đã lấy việc xây dựng cho quốc gia mình hùng cường làm mục tiêu tối hậu và chánh sách đối ngoại của Nhựt luôn nhắm vào việc phục vụ riêng cho nước Nhựt chứ không phải hướng đến việc làm lợi cho mọi dân tộc như nhau theo lý tưởng đại đồng của Trung Hoa .

Qua việc mô tả võ công và kỹ thuật bảo vệ căn cứ của Đông Tà, Kim Dung đã cho thấy phần nào sự khác nhau giữa người Nhựt với người Trung Hoa . Việc đặt quyền lợi dân tộc lên trên lý tưởng đại đồng đã là một điểm dị biệt quan trọng. Ngoài ra, việc Đông Tà dùng tiếng tiêu để kích thích dục tình con người một cách mãnh liệt còn hàm ý rằng người Nhựt không theo đúng **trung dung** của người Trung Hoa mà thiên về sự tưng dục, giống như người Tây Phương mà biểu tượng là Tây Địch như chúng tôi sẽ trình bày trong đoạn nói về nhơn vật sau này. Một biểu lộ khác của sự thiếu tự chế của người Nhựt là việc Đông Tà quá bi thương về cái chết của vợ đến mức muốn chết theo bà, và gần như điên cuồng khi nghe nói con gái là Hoàng Dung cũng đã chết. Vậy, theo Kim Dung, người Nhựt đã nhiễm một số ác tật của người Tây Phương. Do đó, ông mới gọi nhơn vật tượng trưng cho họ là Đông Tà, đối chiếu lại Tây Địch.

3. Sự dị biệt giữa người Nhựt và người Trung Hoa về tâm tánh và cách xử sự.

Các đặc tánh của người Nhựt cũng đã được Kim Dung mô tả qua tâm tánh và lối xử sự của Đông Tà. Nhơn vật này vốn cao ngạo ương gàn, không xem thiên hạ ra chi.

Khi ông muốn làm gì thì ông nhứt quyết làm cho bằng được, bất chấp dư luận. Ông đã huấn luyện môn đồ và con gái ông theo tinh thần trọng thực danh, không câu nệ tiểu tiết, có thể trộm cắp, cướp giựt của người những khi cần. Trong thực tế, Đông Tà đã có đủ phương tiện ăn xài huy hoắc và lập một căn cứ vừa kiên cố vừa sang trọng là vì ông đã dựa vào võ công siêu tuyệt của mình để đi lấy tiền của người giàu có hoặc đi tống tiền các tiêu cực lớn làm ăn phát đạt. Ông đã điềm nhiên nhận lãnh danh hiệu kẻ cướp mà người ta gán cho ông. Ông đã tìm mọi cách chiếm cho được CỬU ÂM CHƠN KINH và đã dùng cách bắt nhốt Châu Bá Thông để nhờ sự tử thí với ông này mà học các bí pháp chiến đấu của phái Toàn Chân.

Qua sự mô tả này, Kim Dung đã cho thấy rằng trái với người Trung Hoa thiên về lý thuyết và quay lưng lại khoa học thực nghiệm, người Nhựt đã hướng nhiều hơn về sự thực hành và đã tỏ ra tha thiết học về khoa học thực nghiệm. Họ đã dùng mọi biện pháp để học hay đánh cắp các phương pháp chế tạo hữu hiệu của các dân tộc khác đem về áp dụng trong nước họ. Mặt khác, người Nhựt cũng đã tỏ ra thái quá trong sự tự hào về nòi giống mình cũng như trong ý chí bành trướng thế lực. Thời trước, hải tặc Nhựt đã cướp bóc thương thuyền các nước trên biển, có khi còn đổ bộ lên cướp bóc trên lãnh thổ Trung Hoa. Sau khi canh tân và trở thành cường thịnh, nước Nhựt còn đi xâm chiếm thuộc địa và trước Thế Chiến II, đã điềm nhiên xưng danh là Đế Quốc Nhựt Bản, chớ không xấu hổ khi bị công kích về chánh sách đế quốc của mình.

D. LỐI CƯ XỬ CỦA ĐÔNG TÀ, BIỂU TƯỢNG TINH THẦN QUỐC GIA ĐẶC BIỆT CỦA NGƯỜI NHỰT

1. Trong sự đối xử với kẻ khác, Đông Tà nhiều khi tỏ ra gian狡 và tàn độc. Lúc mới gặp Trung Thần Thông lần đầu ở hoang đảo Đông Tà đã dùng lối thổi ống tiêu

khích động tâm thần của Trung Thần Thông, nếu ông này định lực yếu kém thì không khỏi bị tẩu hỏa nhập ma, chết ngay tức khắc. Để có CỬU ÂM CHƠN KINH mà nghiên cứu, Đông Tà đã bày mưu gạt Châu Bá Thông đánh cuộc với mình, và dùng thủ đoạn xảo trá để thắng cuộc, với mục đích làm cho Châu Bá Thông phải trao CỬU ÂM CHƠN KINH cho vợ mình đọc. Trong việc làm này, ông đã khai thác tánh ngây thơ của Châu Bá Thông và việc Châu Bá Thông không biết rằng bà vợ của Đông Tà có khả năng thuộc lòng một bản văn khó hiểu sau khi đọc bản văn ấy một lần. Bộ hạ Đông Tà gốc là những người tàn ác bị Đông Tà bắt được rồi cắt lưỡi, đâm lủng tai cho trở thành câm điếc để dùng.

Sau khi hai người đệ tử là Trần Huyền Phong và Mai Siêu Phong trái môn qui tư tình nhau rồi đánh cắp CỬU ÂM CHƠN KINH để trốn đi, Đông Tà đã trừng phạt các đệ tử khác bằng cách cắt đứt gân chơn của họ rồi đuổi ra khỏi đảo Đào Hoa, mặc dầu các đệ tử này vô tội. Khi gặp lại Mai Siêu Phong, mặc dầu đã thấy là lúc nghe tin mình bị hại, bà này tỏ ý sẵn sàng đi báo thù cho mình, Đông Tà vẫn không tha tội và cấy vào khớp xương sống của bà một cây phụ cốt châm có tẩm chất độc, chất độc này mỗi ngày vận hành sâu lần làm cho người bị hình phạt đau đớn không chịu nổi. Đông Tà chỉ hoãn cho phụ cốt châm này không hành hạ Mai Siêu Phong ngay và đặt ba điều kiện cho Mai Siêu Phong thi hành để được tha hỷ. Trong các điều kiện này, có việc tìm phần CỬU ÂM CHƠN KINH mà vợ chồng bà đã đánh cắp rồi làm một cuộc điều tra để giết tất cả ai đã đọc qua tài liệu này, và việc tự hủy phá công phu mà bà đã học trong CỬU ÂM CHƠN KINH đã đánh cắp. Nhưng tuy khắc nghiệt đối với đệ tử Đông Tà lại không chấp nhận cho người khác đụng đến đệ tử của mình, dầu cho họ có lỗi lầm sai quấy.

2. Những điều trên đây cho thấy rằng trong con mắt Kim Dung, nước Nhựt không ngần ngại dùng bất cứ phương tiện nào để đạt các mục tiêu của mình và các thủ đoạn cùng phương pháp hành động bạo tàn của nước ấy đã được áp dụng không những cho người ngoại quốc mà cho cả người công dân Nhựt, mặc dầu lúc nào nước Nhựt cũng tận lực binh vực các công dân của mình đối với người ngoại quốc. Điều đáng để ý là tuy đã bị thầy đối xử một cách hết sức tàn nhẫn ác độc và bắt theo một kỷ luật rất gắt gao, bọn đồ đệ của Đông Tà đều hết sức tôn trọng thầy và tuyệt đối trung thành với thầy. Lục Thừa Phong cũng như Khúc Linh Phong đã hoàn toàn tuân theo môn qui của Đông Tà, không hề dạy con các môn võ mình đã học với ông. Riêng Khúc Linh Phong tuy bị Đông Tà làm cho tàn tật đã lên vào cung vua nhà Tống đánh cắp các đồ trân bảo và các danh hoạ với mục đích đem dâng cho thầy về sau. Phùng Mặc Phong thì đến già vẫn nhớ đến thầy và tận lực chiến đấu bảo vệ thanh danh của thầy. Ngay đến Mai Siêu Phong cũng đã liều mạng đỡ đòn của Tây Độc thay thầy và do đó mà phải chết. Nhưng trước khi chết, bà đã tự làm cho hai tay bị gãy để hủy diệt các công phu Cửu Âm Bạch Cốt Trảo và Tội Tâm Chương đã học trong CỬU ÂM CHƠN KINH mà vợ chồng bà đã đánh cắp của thầy, theo điều kiện mà Đông Tà đã đặt ra cho bà trước đây. Khi được Đông Tà ngỏ lời khen ngợi và nhìn nhận lại là đệ tử trung thành, bà hết sức vui mừng và lạy thầy đến chết.

Các sự kiện trên đây đã được dùng để mô tả tinh thần ái quốc và sự trung thành không bờ bến mà nước Nhựt đã đào tạo được cho con dân mình bằng một kỷ luật rất nghiêm ngặt và một chánh sách khắc nghiệt. Ta có thể nhận thấy rằng các đệ tử của Đông Tà dầu trước có tên gì thì cũng đều đổi lại tên **Phong** khi về đảo Đào Hoa. Chữ Phong ở đây có nghĩa là gió, giống như chữ Phong trong danh từ nổi tiếng của Nhựt là **Thần Phong** (Kamikaze). Thần Phong nguyên là danh từ dùng để chỉ trận bão lớn

năm 1281 đã làm đắm nhiều chiến thuyền của hạm đội Mông Cổ được lệnh tiến đánh nước Nhựt, làm cho nước này khỏi nạn bị xâm chiếm. Trong thời Thế Chiến II, người Nhựt đã dùng danh từ Thần Phong để đặt cho các đội phi công cảm tử tình nguyện lao phi cơ chứa đầy chất nổ của mình xuống các chiến hạm Đồng Minh và nổ tung với các chiến hạm này, với hy vọng giữ cho nước Nhựt khỏi thua trận.

Các tên Huyền Phong, Siêu Phong, Thừa Phong, Linh Phong, Mặc Phong của đám đệ tử Đông Tà đều có liên hệ với danh từ Thần Phong. Nó cho thấy rằng họ tiêu biểu cho tinh thần cảm tử của người Nhựt trong thời từ Thế Chiến II trở về trước. Ngoài họ ra, Đông Tà không còn huấn luyện người đệ tử nào khác trong tinh thần đó. Khi trở về già, Đông Tà có lúc đã tỏ ra hối hận vì đã xử sự quá khắc nghiệt với học trò mình. Những điều này dùng để ám chỉ rằng sau Thế Chiến II, mặc dầu còn tồn tại như một đại quốc, nước Nhựt đã thay đổi chánh sách và không còn quá khắc nghiệt đối với công dân mình như trước.

Đ- ÁM KHÍ CỦA ĐÔNG TÀ, BIỂU TƯỢNG CHO ĐÒN KINH TẾ MÀ NGƯỜI NHỰT DÙNG ĐỂ BÀNH TRƯỚNG THẾ LỰC

Một điểm khác đáng lưu ý là Đông Tà có biệt tài dùng ám khí và ám khí thường được ông dùng là các mũi kim vàng. Qua hình ảnh này, Kim Dung có thể muốn nói đến việc người Nhựt dùng kinh tế làm một vũ khí để bành trướng thế lực. Trong lịch sử cận đại, hai lực lượng chi phối chánh sách của nước Nhựt là quân phiệt và tài phiệt. Nhóm tài phiệt được hình thành từ trước khi nước Nhựt canh tân. Không những góp phần vào việc canh tân này, nó còn giúp vào việc bành trướng thế lực của nước Nhựt. Trong khi chánh sách của quân phiệt dựa vào việc dùng vũ lực một cách trắng trợn thì chánh sách của tài phiệt lại dựa vào phương tiện kinh tế và có tính cách kín đáo hơn,

nhưng cũng rất có hiệu lực. Bởi đó, Kim Dung đã ví nó như là việc dùng những cây kim vàng làm ám khi để làm tê liệt địch thủ của mình.

Nói chung lại thì trong các bộ truyện võ hiệp của Kim Dung có nói đến Đông Tà, có nhiều chi tiết cho rằng tác giả các bộ truyện ấy đã dùng nhơn vật này để ám chỉ nước Nhựt. Ta có thể nhận thấy rằng trong Võ Lâm Ngũ Bá đã luận võ trên đỉnh núi Hoa Sơn lần đầu chỉ có ông là còn sống đến kỳ luận võ lần chót và vẫn giữ nguyên ngoại hiệu Đông Tà không thay đổi. Chi tiết này được dùng để chỉ việc chế độ chánh trị Nhựt xây dựng chung quanh uy quyền của Thiên Hoàng đã tồn tại qua dòng thời gian từ đời thượng cổ đến ngày nay.

III-NHƠN VẬT TƯỢNG TRUNG CHO CÁC NƯỚC TÂY PHƯƠNG :

TÂY ĐỘC, ÂU DƯƠNG CÔNG TỬ, DƯƠNG QUÁ

Trong khi Đông Tà là một nhơn vật chịu ảnh hưởng của nền văn hóa Trung Hoa và tượng trưng cho nước Nhựt thì Tây Độc, Âu Dương Công Tử và Dương Quá lại là những nhơn vật hoàn toàn xa lạ với nền văn hoá này và có thể xem như là những kẻ tượng trưng cho các nước Tây Phương, với Tây Độc và Âu Dương Công Tử tiêu biểu riêng cho các nước Âu Châu và Dương Quá tiêu biểu riêng cho nước Mỹ.

A. TÂY ĐỘC VÀ ÂU DƯƠNG CÔNG TỬ ,TIÊU BIỂU CHO CÁC NƯỚC TÂY PHƯƠNG NÓI CHUNG VÀ CÁC NƯỚC ÂU CHÂU NÓI RIÊNG.

1. Các dấu hiệu vật chất cho thấy rằng Tây Độc và Âu Dương Công Tử tượng trưng cho các nước Âu Châu. Về mặt vị trí địa lý, các nước Âu Châu vốn ở phía tây Trung Quốc. Do đó, các nước mà nhơn dân có nguồn gốc chủng tộc và văn hóa ở Âu

Châu được người Trung Hoa và các dân tộc chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa gọi chung là các nước Tây Phương.

Nhơn vật mang ngoại hiệu Tây Độc được xem là Bạch Đà Sơn Chủ, tức là chúa núi Bạch Đà, mà chữ *bạch* trong Hán văn lại có nghĩa là màu trắng. Mặt khác, ông ta cũng như Âu Dương Công Tử thường mặc áo trắng, các nô tỳ của họ cũng được trang phục với sắc trắng. Võ khí của Tây Độc là cây đàn tranh đúc bằng thép. Về phần Âu Dương Công Tử thì võ khí là một cây quạt bằng sắt. Theo vũ trụ quan của người Trung Hoa thì màu trắng thuộc hành kim và liên hệ đến phía tây. Việc chú cháu Tây Độc ở Bạch Đà Sơn, thường mặc áo trắng và dùng sắc trắng để trang phục cho nô tỳ mình, đồng thời dùng một võ khí bằng thép hay sắt tức là chất thuộc kim loại, xác nhận vị trí của các nước Âu Châu ở phía Tây Trung Quốc. Ta lại có thể nhận thấy rằng chú cháu Tây Độc họ Âu Dương, và trong danh hiệu của họ này có chữ *ÂU* dùng để ám chỉ Âu Châu.

2. Nếp sống của Tây Độc và Âu Dương Công Tử biểu lộ của văn hóa Âu Châu theo sự nhận xét của người Trung Hoa.

Trái với nếp sống của Trung Thần Thông và Đông Tà là một nếp sống đạo đức và chịu ảnh hưởng của Đạo Giáo nên hướng về sự thanh tĩnh vô vi, nếp sống của Tây Độc và của Âu Dương Công Tử là một nếp sống hướng về sự hưởng thụ vật chất và thiếu hẳn yếu tố đạo đức. Riêng mối liên hệ giữa Tây Độc với Âu Dương Công Tử đã là một biểu tượng của sự phản đạo đức. Kim Dung đã cho biết rằng Tây Độc vì thông dâm với chị dâu mà ngầm sát hại anh ruột mình, và Âu Dương Công Tử trên danh nghĩa là cháu gọi ông bằng chú, nhưng thật sự lại chính là con ruột của ông. Căn cứ của Tây Độc ở Bạch Đà Sơn có nhiều gái đẹp thuộc nhiều chủng tộc khác nhau. Họ

được tập luyện để biết múa hát, và ngoài việc phục vụ cho thú nhục dục của chủ, họ còn được dùng làm một dụng cụ cho cuộc tranh đấu để giành địa vị bá chủ võ lâm mà Tây Độc đeo đuổi. Âu Dương Công Tử lại còn dâm dật hơn Tây Độc . Ngoài việc mua vui với các nữ tỳ đã có, ông còn đi bắt cóc thêm con gái đẹp nhà lành để thỏa mãn thú tánh. Qua tâm tánh trên đây của Tây Độc và Âu Dương Công Tử, Kim Dung đã cho thấy quan niệm của những người Trung Hoa theo truyền thống Đông Phương. Trong con mắt của những người này, đó là một nền văn hóa đặt nền tảng trên sự tự do cá nhân và thiên về sự hưởng thụ vật chất nên có tánh cách phóng túng và đồi trụy.

Để có phương tiện ăn xài và thực hiện các kế hoạch của mình, Tây Độc đã dùng lối giết người đoạt vật để thu thập tiền của. Căn cứ của ông ở Bạch Đà Sơn chứa nhiều vàng bạc và ngọc ngà châu báu. Ở đây, ta cần phải nhận thấy chỗ khác nhau giữa Tây Độc với Đông Tà: các bảo vật của Tây Độc toàn là loại bảo vật trần quý về mặt vật chất, trong khi Đông Tà, ngoài các bảo vật loại này, lại còn có những bảo vật trần quý về mặt tinh thần như các bức tranh đẹp, các sách hay v.v. . . Điều này không có nghĩa là các nước Tây Phương không biết thưởng thức hay không bảo trọng các bảo vật trần quý về mặt tinh thần, vì thật sự các nước ấy không thiếu các loại bảo vật đó và cũng rất trọng nó. Bởi đó, khi mô tả tài sản của Tây Độc, Kim Dung chỉ muốn nhấn mạnh trên tinh thần của người Tây Phương thiên về các quyền lợi vật chất chứ không phải đề cao đời sống tinh thần như người các nước chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa.

3. Con rắn, biểu tượng cho nền văn hóa Tây Phương phát xuất từ Âu Châu.

a. Sự liên hệ giữa tài nghệ của Tây Độc với con rắn.

Về mặt khả năng, tài nghệ của Tây Độc có nhiều mối liên hệ với rắn. Họ Âu Dương ở Bạch Đà Sơn vốn chuyên nuôi độc xà ác mãng. Mặt khác, sở dĩ Tây Độc có một nội công thâm hậu là vì lúc trẻ, anh em ông đã may mắn được uống huyết và ăn thịt con Bạch Long Xà là một loại rắn thần hiếm có. Sau đó, họ đã lượm được bộ NGŨ ĐỘC KỶ KINH và dựa vào đó mà luyện những công phu lợi hại. Tây Độc chuyên sử dụng nọc độc của loài rắn. Với môn Độc Xà Thần Công ông có thể cho nọc độc của mười con rắn rút vào cơ thể của ông rồi dồn vào đầu mười ngón tay. Luyện được môn này rồi thì chỉ cần phát ra sức gió của ngón tay cũng đủ làm cho kẻ địch bị thương, và nếu đầu ngón tay xia trúng vào kẻ địch thì kẻ địch còn bị nguy hiểm hơn là bị rắn độc cắn. Trong cây đàn tranh mà Tây Độc dùng làm vũ khí, có đặt hai con rắn giả nanh sắc bén được tẩm luyện trong nọc rắn độc để ngấm hại địch thủ một cách bất ngờ. Ngoài ra, Tây Độc còn một cây xà trượng có cái nanh thép sắc bén như cái nanh trong cây đàn tranh, đồng thời có hai con rắn độc quấn vào và thay phiên nhau, hễ một con bò lên thì một con bò xuống. Tây Độc cũng có luyện tập rắn để lập thành xà trận, và dùng một số nam nô đề điều khiển bầy rắn của mình. Sau hết, để đối phó với các tay cao thủ võ lâm lợi hại, ông đã ngấm sáng tạo một môn võ đặc biệt là Kim Xà Quyền.

Theo truyền thuyết các nước Tây Phương, con rồng không phải là một thần vật được tôn trọng như con rồng của truyền thuyết Trung Hoa. Con rồng Trung Hoa được xem như là một trong tứ linh là bốn con vật linh nhất trong vũ trụ. Nó có một khả năng biến hóa vô cùng và có nhiệm vụ giúp trời trong nhiều công việc, đặc biệt là công việc làm mưa để cho nhơn gian có nước mà dùng. Do đó, người Trung Hoa rất tôn trọng con rồng và lấy nó làm biểu tượng cho nhà vua. Phần con rồng Tây Phương thì cũng được xem là một con vật có sức mạnh siêu phàm đáng sợ, nhưng đó là một

quái vật chứ không phải là một linh vật. Nó không có nhiều khả năng biến hóa như con rồng Trung Hoa. Nó vẫn chỉ làm những việc có lợi cho nó mà có hại cho loài người, và tài đặc biệt của nó là phun ra lửa để hạ kẻ địch. Trong vũ trụ quan Trung Hoa, lửa thuộc hành hỏa và có liên hệ với màu đỏ. Vậy năm lần sọc đỏ dưới bụng con Bạch Long Xà có thể đã được Kim Dung dùng để ám chỉ khả năng phun lửa của con rồng Tây Phương.

b. Sự liên hệ giữa con rắn và nền văn hoá Tây Phương phát xuất từ Âu Châu.

Con Bạch Long Xà thì tuy mang danh hiệu là rồng, nhưng thật sự chỉ là một con rắn. Loài động vật này được xem là đồng loại với rồng, nhưng lại là một động vật thường không có khả năng siêu việt. Theo quan niệm chung thì con rắn là tiêu biểu cho sự lừa dối và phản bội. Riêng trong Thánh Kinh của người Tây Phương, con rắn lại còn là một hiện thân của quỷ, lúc quỷ xúi giục thí tổ của loài người là Bà Eve và Ông Adam, làm cho hai vị đó cãi lời dạy của Đức Chúa Trời và ăn trái cây cấm mọc ở giữa Thiên Đường. Theo Thánh Kinh này, sau khi ăn trái cây cấm thì Eve và Adam biết mình trần truồng và xấu hổ vì sự trần truồng đó nên hái lá cây sung kết lại để che hạ thể của mình. Vậy, trái cây cấm này là cái giúp người hiểu biết, tức là trí tuệ hay khả năng khoa học và con rắn chính là động cơ tâm lý thúc đẩy con người tìm tòi để hiểu biết.

Ngoài câu chuyện kể trên đây trong Thánh Kinh, con rắn còn có một vai tuồng quan trọng trong các thần thoại và trong quan niệm của người Tây Phương. Thời cổ, hình hai con rắn quấn trên một cành nguyệt quế hay một cành cảm lãm là biểu hiệu chánh của Hermès (ở Hy Lạp) và Mercury (ở La Mã) là những vị thần chủ sự việc mua bán, du lịch, phát minh, biến chế và trộm cắp và do đó mà trở thành biểu hiệu

cho Thương Mãi và Hòa Hợp. Các vị sứ giả và thông tín viên mang dấu hiệu này thì được hưởng quyền bất khả xâm phạm. Mặt khác, hình con rắn lại còn được dùng trong biểu hiệu của nghề y dược. Biểu hiệu của nghề y là một con rắn quấn trên một bó que còn biểu hiệu của nghề dược là một con rắn nhả nọc độc trong một cái ly. Đó là vì con rắn được xem là tượng trưng cho sự lạnh lợi mà người y sĩ phải có để đối phó với các chứng bệnh mình gặp và nọc con rắn tuy độc, nhưng lại có thể dùng để khắc chế chất độc khác theo nguyên lý dĩ độc trị độc.

Vậy nói chung lại thì trong quan niệm Tây Phương, con rắn vừa là động cơ tâm lý thúc đẩy người mở rộng phạm vi tri thức bằng hoạt động trí tuệ, và biểu tượng cho trí thông minh, sự khôn ngoan, khéo léo, lạnh lợi cùng khả năng biến chế, vừa là một con vật tuy độc hại nhưng lại có một vai tưởng hữu ích trong việc chữa lành bệnh cho người. Như thế, con rắn có liên hệ mật thiết đến nền văn hóa Tây Phương và có thể dùng làm biểu tượng cho nền văn hóa ấy.

Với việc anh em Tây Độc nhờ được uống huyết và ăn thịt con Bạch Long Xà mà tăng thêm công lực, Kim Dung có ý muốn ám chỉ rằng các nước Tây Phương sở dĩ mạnh là nhờ có một nền văn hóa cổ cũng như Trung Hoa. Nhưng nền văn hóa cổ của Tây Phương so với nền văn hóa cổ của Trung Hoa thì không đáng được trọng vọng bằng. Tiềm lực của nền văn hóa cổ Trung Hoa được biểu tượng bằng cái nắm móc trên bả nhơn sâm nên có tánh cách tinh túy và không mang thú tánh. Về tiềm lực của nền văn hoá cổ Tây Phương, nó được biểu tượng bằng con rắn có tánh cách như con rồng Tây Phương. Tuy cũng có sự hữu dụng, nó còn mang thú tánh và còn chứa đựng những khuynh hướng tàn bạo độc ác có thể mang những mối hại lớn đến cho người.

Với quan niệm nêu ra trong Thánh Kinh và trong các thần thoại của người Tây Phương, liên kết con rắn với trí tuệ hay khả năng khoa học và với sự khôn ngoan, khéo léo, lanh lợi cùng khả năng biến chế ta có thể bảo rằng khi cho biết là kỹ thuật chiến đấu của Tây Độc dựa nhiều vào con rắn, Kim Dung đã có dụng ý nói đến việc nền văn hóa Tây Phương đặt nền tảng trên trí tuệ. Do đó, Ngũ Độc Kỳ Kinh cũng có thể xem như là một quyển sách dạy về kỹ thuật khoa học, đặc biệt là kỹ thuật chế ngự để sử dụng các lực lượng thiên nhiên được biểu tượng bằng bảy rắn độc được luyện tập để lập thành xà trận.

Nói chung, kỹ thuật khoa học của người Tây Phương có thể dùng để phục vụ con người, nhưng cũng có thể dùng vào việc chiến đấu và tàn hại con người. Khi gặp điều kiện bất thuận lợi, nó có thể quay lại hại người sử dụng. Như môn Độc Xà Thần Công khi dùng để tấn công địch mà bị địch phản kích làm cho đòn mình đánh ra bị dội ngược lại, thì chính chất độc mình luyện để hại người lại trở lại hại mình. Ta có thể so sánh việc này với việc dùng bom hơi độc khi có chiến tranh. Người ta có thể dùng bom hơi độc để tàn phá nước địch, nhưng nếu gặp gió mạnh thổi hơi độc trở lại vào nước mình thì nước mình không khỏi bị thiệt hại nặng.

Mặt khác, việc thiên về trí tuệ và khả năng khoa học cũng làm cho các nước Tây Phương thường áp dụng một chánh sách hợp lý. Điều này đã được Kim Dung nhắc đến khi ông bảo rằng Tây Độc thường thành công trong các mưu đồ của mình là vì ông ta biết hành động đúng lúc, phải chỗ, không để lòng nông nổi lôi cuốn.

4. Kỹ thuật tranh đấu của Tây Độc, biểu tượng cho lẽ lối tranh đấu của người Tây Phương.

a. Võ thuật của Tây Độc bộc lộ sự dị biệt căn bản giữa hai nền văn hóa Trung Hoa và Tây Phương.

Về mặt võ thuật, Tây Độc thường dùng môn Thần Đà Tuyết Sơn Chưởng Pháp. Nhưng công phu lợi hại nhất của ông là Cáp Mô Công. Cáp Mô là danh từ dùng để chỉ chung loài cóc nhái. Riêng con cóc là một con vật hình dáng xấu xa, da xù xì vì có nhiều mụn nổi lên, mà các mụn này lại có chứa đựng chất độc. Tây Độc không những luyện tập bằng cách hút các chất độc này vào cơ thể rồi hòa hợp nó với chân khí của mình, mà còn bắt chước tư thế con cóc khi sử dụng công phu này. Qua hình ảnh đó, Kim Dung cho thấy rằng võ thuật của người Tây Phương dựa vào sức mạnh một cách cục mịch nên không có sự tế nhị và sự huê dạng của các đòn võ thuật Trung Hoa hay Nhật. Mặt khác, khi mô tả cuộc hoà tấu giữa Tây Độc với Đông Tà trên đảo Đào Hoa, Kim Dung lại cho biết rằng công phu của Tây Độc thể hiện bằng tiếng đàn tranh thuộc cương tánh. Điều này xác nhận thêm tánh cách thô bạo thuần dựa vào sức lực của môn quyền thuật Tây Phương.

Trong giai đoạn sau của đời mình, Tây Độc đã bị Hoàng Dung gạt và luyện tập CỬU ÂM CHON KINH theo nguyên tắc ngược chiều, nên từ kinh mạch đến các chiêu thức đều trái ngược với đường lối bình thường, thậm chí đến động đầu xuống đất, trở cẳng lên trời khi di chuyển và đánh nhau với kẻ khác. Với hình ảnh này, Kim Dung đã cho thấy rõ sự dị biệt căn bản trong hai nền văn hóa Trung Hoa và Tây Phương. Nền văn hóa Trung Hoa đặt nền tảng trên đạo đức cho nên lúc nào cũng xem tâm quan trọng hơn trí. Nền văn hóa Tây Phương lúc đầu cũng trọng đạo đức nhưng đến mấy thế kỷ sau này, lại thiên về việc mở mang trí tuệ nhiều hơn và lần lần xem trí

quan trọng hơn tâm. Theo cái nhìn của Kim Dung, đó là một sự thay đổi trái với thiên lý, chẳng khác nào như việc trở căng lên trời, động đầu xuống đất.

b. Cách xử sự của Tây Độc biểu tượng chánh sách được các nước Tây Phương áp dụng.

Trong việc xử sự bình thường cũng như trong việc mưu đồ tranh đoạt ngôi bá chủ võ lâm, Tây Độc đã dùng sự trí trá. Ông không lui bước trước thủ đoạn tàn độc nào để đạt mục đích và không hề nghĩ đến công ơn kẻ khác đối với mình. Điều này hàm ý rằng theo Kim Dung, các nước Tây Phương đã đi xa hơn nước Nhựt trong việc áp dụng nguyên tắc “cứu cánh biện minh cho phương tiện”.

Trong cuộc luận võ đầu tiên ở Hoa Sơn, Tây Độc đã dùng mỹ ngôn trợn và xà trợn để đối phó với Trung Thần Thông, mà hơi độc do bày răn của ông phun ra trong không khí lại có khả năng kết tụ lại chứ không tan. Tiếng đàn tranh ông dùng để điều khiển bày răn cũng như để lung lạc tinh thần của đối phương có tánh cách kích động dục tình của con người rất mãnh liệt.

Các hình ảnh này có dụng ý cho thấy rằng người Tây Phương bản tánh bồng bột mà lại đề cho tình cảm tự do biểu lộ chứ không kiềm chế nó như người Trung Hoa. Trong sự bành trướng thể lực, người Tây Phương chẳng những đã dùng sức mạnh vật chất mà còn dùng lối phổ biến nếp sống phóng túng của họ để làm yếu các nước khác. Các tư tưởng của họ được phát thanh cho cả thế giới nghe bị xem như là hơi độc mà bày răn của Tây Độc phun ra trong không khí, có thể làm cho người hít phải nó bị ngộ độc mà chết. Ở đây, tư tưởng Kim Dung cũng giống như tư tưởng của các nhà lãnh

đạo bảo thủ của Trung Cộng hiện nay, cho rằng Trung Hoa bị nạn “ô nhiễm tinh thần” khi chịu mở cửa tiếp xúc rộng rãi với các nước Tây Phương.

Sự kiện Tây Độc có nhiều nam nô và nữ tỳ (để phục vụ mình nhắc lại ba việc trong lịch sử các nước Tây Phương: một là việc người Tây Phương đã áp dụng chế độ buôn bán nô lệ, hai là họ đã đi chinh phục nhiều thuộc địa, ba là họ đã dùng các nô lệ cũng như dùng người dân ở các thuộc địa của họ trong việc phục vụ nền kinh tế cùng chủ trương bành trướng thế lực của họ. Việc Tây Độc trở mặt đánh Bắc Cái sau khi ông này đã cứu mạng mình có thể là hình ảnh để ám chỉ một cổ sự lúc các nhóm dân Âu Châu mới đến Mỹ Châu. Các nhóm này đã gặp những khó khăn nan giải trong việc mưu sinh và tưởng đã phải chết hết, chỉ nhờ người thổ dân giúp lương thực cho, họ mới tồn tại được. Nhưng về sau, họ lại lấn lên, chiếm lấy đất đai và tàn sát những người thổ dân đã từng cứu giúp họ.

5. Sự điên cuồng và mất trí của Tây Độc, biểu tượng cho sự vong thân và sự mất vị thế đại diện cho Tây Phương của người Âu Châu.

Trong cuộc luận võ kỳ hai ở Hoa Sơn, Tây Độc đã vì điên cuồng và có những đòn ngược chiều quá kỳ quặc nên đã làm cho cả Đông Tà lẫn Bắc Cái phải hoang mang sợ hãi. Nhưng vì bị Hoàng Dung trêu chọc, ông đã đồng thời mất trí và không còn nhớ mình là ai. Sự kiện này mang nhiều ý nghĩa khác nhau.

a. Trước hết, nó biểu lộ một sự kiện mà chính các triết gia Tây Phương đã gọi là hiện tượng vong thân: vì bông bột, lại thiên về trí hơn tâm thành ra có xu hướng nghiêng về sự thái quá chớ không theo đạo trung dung của người Trung Hoa nên người các nước Âu Châu cuối cùng đã để cho các mục tiêu của họ lấn lên làm chủ lấy

họ. Họ không phải xem tiền của danh vọng như là các yếu tố giúp vào sự sống của họ mà lại sống cho mục đích tìm tiền của danh vọng. Điều này đã làm cho dân Âu Châu trải qua một cuộc khủng hoảng tinh thần trầm trọng sau Thế Chiến 1. Mặt khác nói chung thì trong quá khứ người Âu Châu đã nhiều lần xung đột mãnh liệt với nhau. Họ đã gây ra những cuộc nội chiến, như các cuộc xung đột đẫm máu giữa người theo Công Giáo La Mã và người theo các hệ phái Tin Lành; họ cũng đã gây ra những trận chiến tranh tàn khốc giữa các nước Âu Châu với nhau làm chết không biết bao nhiêu nơnon mạng. Điều này đã được Kim Dung đặc biệt nói đến qua việc Tây Độc giết anh ruột mình.

b. Ngoài ra, ta còn có thể nhận thấy rằng ban đầu các nước Âu Châu là biểu tượng cho tất cả các nước Tây Phương, nhưng về sau, lúc khối Tây Phương trở thành mạnh nhứt thế giới thì vai tuồng của các nước Âu Châu đã bị lu mờ, và khi nói đến Tây Phương, người ta lại nghĩ nhiều hơn đến nước Mỹ. Tuy phần lớn cũng là do dân Âu Châu mà ra, dân Mỹ lại không phải ở Âu Châu. Việc các nước Âu Châu một vị thế tiêu biểu cho khối Tây Phương đã được Kim Dung ám chỉ khi ông cho biết rằng Tây Độc mất trí, không còn biết mình tên là Âu Dương Phong và tưởng Âu Dương Phong là một nơnon vật khác hơn mình.

B. DƯƠNG QUÁ: TIÊU BIỂU CHO NƯỚC MỸ.

Việc người Mỹ cuối cùng vượt lên hơn người Âu Châu để làm tiêu biểu cho cả khối Tây Phương đã được Kim Dung đề cập đến với sự xuất hiện của Dương Quá trong bộ THẦN ĐIỀU ĐẠI HIỆP . Nơnon vật này vốn là đứa con do Tàn Nam Cầm sanh ra sau khi bị Dương Khang hãm hiếp, và đã phải sống trong cảnh cô độc không có gia đình từ thuở nhỏ, thành ra đã phải lưu lạc khắp nơi. Phần Tàn Nam Cầm thì

xuất thân từ một gia đình sống về nghề bắt rắn độc, mà rắn, như chúng ta đã thấy, lại có tánh cách biểu tượng cho nền văn hóa Tây Phương phát xuất từ Âu Châu.

Ngoài ra, Dương Quá lại có mối liên hệ đặc biệt với Tây Độc. Vì quá thương nhớ Âu Dương Công Tử, đứa con của ông đã bị Dương Khang giết chết nên Tây Độc muốn nhận Dương Quá làm con. Phần Dương Quá thì cảm thấy mình cô độc và nhận chân rằng Tây Độc thật sự thương yêu mình nên cũng đã nhận Tây Độc làm nghĩa phụ. Tây Độc đã truyền dạy cho Dương Quá các công phu siêu tuyệt của mình.

Qua nguồn gốc và thân thế Dương Quá, Kim Dung đã nêu lên lánh cách hỗn tạp của nhơn dân Mỹ. Những người đến lập nghiệp ở Mỹ vẫn là những người phiêu lưu đã phải rời bỏ quê cha đất tổ vì đói khó hay vì lý do tôn giáo hoặc chánh trị mà bị đàn áp. Họ thuộc nhiều chủng tộc khác nhau vô cùng. Tuy nhiên, dân Mỹ vẫn mang tánh cách Tây Phương rõ rệt vì đa số các chủng tộc cấu tạo thành nhơn dân Mỹ đã phải xuất từ Âu Châu, và nền văn hóa Mỹ, trong căn bản, cũng cùng tánh chất với nền văn hóa Âu Châu. Dầu vậy dân Mỹ cũng có một số đặc điểm làm cho họ khác với dân Âu Châu.

1- Sự tương đồng và dị biệt giữa người Mỹ và người Âu Châu được mô tả qua các chi tiết liên hệ đến Tiểu Long Nữ và đến sự giao thiệp giữa Tiểu Long Nữ với Dương Quá.

a. Tiểu Long Nữ là một phụ nữ thường mặc áo màu trắng và dùng làm vũ khí một dải lụa trắng có đính trái cầu bằng kim loại. Ngoài ra, nhơn vật này còn nuôi một bầy ong sắc trắng để lấy mật mà dùng, đồng thời bảo vệ chỗ cư trú của mình chống lại sự xâm nhập của người lạ mặt. Màu trắng và chất kim loại của các vật liên hệ đến Tiểu

Long Nữ xác nhận rằng nhơn vật này là người thuộc nền văn hóa Tây Phương nói chung. Về phần con ong nó biểu tượng cho sự siêng năng cần mẫn và tinh thần làm việc tập thể. Các đặc tánh trên đây chính là đặc tánh của người Mỹ là giống dân đã phát minh ra phương pháp làm việc lối dây chuyền. Bầy ong trắng của Tiểu Long Nữ có nọc rất độc có thể làm chết người, nhưng người bị loại ong này chích chỉ cần lấy mật của nó để điều trị là thoát hiểm. Với chi tiết trên đây, Kim Dung ám chỉ rằng phương pháp tổ chức và làm việc của xã hội Hoa Kỳ có nhiều tệ hại, nhưng cũng cung phụng được cho người nhiều quyền lợi, đồng thời lại chứa đựng những yếu tố để tự sửa chữa và cải thiện.

b. Từ nhỏ, Tiểu Long Nữ đã học võ thuật của phái Cổ Mộ nên chẳng những sống biệt lập một mình mà còn phải diệt các tình cảm của mình. Tuy nhiên, về sau, bà lại yêu Dương Quá rất mực và tỏ ra chí tình với Dương Quá. Phần Dương Quá là người dồi dào tình cảm và từ nhỏ cũng đã cô cút, nhưng trái với Tiểu Long Nữ, ông đã trôi nổi khắp nơi và thường bị người khác lừa dối, gạt gẫm và chèn ép. Do đó, ông thích phiêu lưu. nhưng có lúc cũng muốn tìm nơi ẩn dật, xa lánh loài người. Trong thời kỳ 16 năm xa cách Tiểu Long Nữ và sau khi đã luyện được võ công trác tuyệt, ông đã đi khắp đó đây và ra tay tế khốn phò nguy nên đã nổi danh là đại hiệp.

Các chi tiết trên đây về Tiểu Long Nữ và Dương Quá rất phù hợp với đặc tánh của người Mỹ. Lối xử sự của người Mỹ nói chung là một lối xử sự không tình cảm. Trong lịch sử, dân Mỹ nhiều khi đã theo chủ trương cô lập chỉ lo công việc của nước mình và mặc kệ các nước khác mà họ cho là thường hay gây sự đánh nhau một cách phi lý. Nhưng mặt khác, người Mỹ lại nhiều lúc biểu lộ tinh thần hào hiệp, can thiệp vào các

vấn đề thế giới và dùng võ lực hoặc tiền của để giúp đỡ các dân tộc bị xâm lăng hay nghèo đói.

c. Sự liên hệ giữa Tiểu Long Nữ với Dương Quá cũng biểu lộ một đặc tánh của dân Mỹ. Trong các cộng đồng người Âu Châu đến Mỹ lập nghiệp đầu tiên cách đây mấy thế kỷ về trước, số phụ nữ ít hơn số đàn ông. Họ lại thường là những người can đảm và táo tợn. Bởi đó, người phụ nữ Mỹ đã được đặc biệt nể nang và đã đóng một vai tuồng quan trọng. Mặt khác, xã hội Mỹ đã do người phiêu lưu thành lập nên không có những câu thúc lễ giáo chặt chẽ như người Âu Châu.

Những điều trên đây đã được Kim Dung ám chỉ khi nói đến Tiểu Long Nữ và Dương Quá. Trong bộ THẦN ĐIỀU ĐẠI HIỆP, Dương Quá đã tuyên bố rằng: người đời trọng nam khinh nữ, nhưng riêng tôi là Dương Quá thì trọng nữ khinh nam. Đó là một câu nói biểu lộ thái độ chung của người dân Mỹ đối với đàn bà. Về việc Dương Quá cũng như Tiểu Long Nữ đều bị xem là học trò mà làm trái lại đạo của thầy mình, nó đã được dùng để ám chỉ sự kiện dân Mỹ tuy theo văn hóa Tây Âu, nhưng lại có những chủ trương ngược lại quan niệm người Âu Châu. Trong bộ THẦN ĐIỀU ĐẠI HIỆP, Tiểu Long Nữ là người lớn tuổi hơn, lại đã từng làm thầy dạy Dương Quá. Nhưng cuối cùng, hai người đã yêu nhau. Chẳng những lấy nhau làm vợ chồng, họ còn nhiều lần biểu lộ tình yêu của họ trước mặt mọi người, bất chấp sự chỉ trích chê bai của dư luận. Điều này biểu lộ tinh thần người Mỹ, vốn phóng túng và không câu nệ lễ giáo như người Âu Châu.

2. Những điểm đáng lưu ý trong sự giao thiệp giữa Dương Quá và Bắc Cái.

Sự giao thiệp của Dương Quá và Bắc Cối cũng là điều đáng được lưu ý. Trong bộ THẦN ĐIỀU ĐẠI HIỆP, Dương Quá đã tỏ ra rất khâm phục Bắc Cối. Ông đã được Bắc Cối truyền cho một số bí quyết và chiêu thức của Đả Cầu Bổng Pháp. Như chúng tôi sẽ trình bày trong đoạn nói về Bắc Cối, môn võ này đã được Kim Dung dùng để ám chỉ chủ trương giai cấp tranh đấu. Tuy nhiên, Dương Quá đã nhứt định từ khước không chịu nhận Bắc Cối làm thầy, và đã không thiên về bên nào trong cuộc tranh đấu giữa Bắc Cối với nghĩa phụ mình là Tây Độc.

Các chi tiết trên đây đã được dùng để ám chỉ quan niệm của người Mỹ về mặt xã hội. Nước Mỹ vốn do người phiêu lưu thành lập nên không có sự phân biệt giai cấp theo huyết thống một cách cứng rắn, cũng không có sự đặc biệt tôn kính hạng trí thức khoa bảng như các nước Âu Châu. Nói cách khác, tuy người Mỹ chịu ảnh hưởng văn hóa Âu Châu, xã hội Mỹ lại không có một cánh hữu gồm những nhà quý tộc và khoa bảng được trọng vọng như các xã hội Âu Châu. Điều này đã được Kim Dung nói đến một cách bóng bẩy qua việc Dương Quá bị Quách Phù chặt đứt mất cánh tay mặt nên chỉ còn có cánh tay trái mà thôi. Về mặt pháp lý, người lao động Mỹ được xem bình đẳng với các hạng người khác trong xã hội và khi đã tập hợp lại được để có sức mạnh cần thiết, họ đã có thể đương đầu lại các hạng người khác trong xã hội để bảo vệ quyền lợi của mình. Với chủ trương không phân biệt giai cấp, người Mỹ đã có một quan niệm khác với người Âu Châu do Tây Độc tượng trưng, nhưng xã hội Mỹ lại là một xã hội tư bản nên dân Mỹ cũng không chấp nhận chủ nghĩa cộng sản của Liên Xô mà Bắc Cối là tiêu biểu.

3 . Các ngoại hiệu Thần Điều Đại Hiệp và Tây Cuồng cùng việc Dương Quá học võ thuật của Độc Cô Cầu Bại.

a. Mặt khác, chúng ta có thể nhận thấy rằng Dương Quá có ngoại hiệu là Thần Điều Đại Hiệp mà chim điều (tiếng Anh là eagle) lại được người Mỹ dùng làm biểu hiệu cho nước mình và quốc huy của nước Mỹ có vẽ hình loại chim này. Mặt khác, trong cuộc luận võ ở Hoa Sơn lần chót, Dương Quá đã được xem là người kế vị cho Tây Độc làm một bá chủ võ lâm, nhưng vì ông không ác hại như Tây Độc nên được gán cho cái ngoại hiệu Tây Cuồng. Trong số năm cao thủ võ lâm của kỳ luận võ cuối cùng này, Dương Quá là người trẻ nhất, lại học được hầu hết các môn võ thuật của các cao thủ khác. Bởi đó, tuy không được chánh thức xem là đệ nhất bá chủ võ lâm, thật sự thì danh hiệu đó chắc chắn là phải lọt vào tay ông. Ngoài ra, trong thời kỳ hành hiệp giang hồ, Dương Quá đã được mọi người tôn trọng và ông đã điều khiển được rất nhiều cao thủ không chấp nhận từng phục các bá chủ võ lâm khác. Từ các ngoại hiệu Thần Điều Đại Hiệp và Tây Cuồng đến các dữ kiện liên hệ đến cuộc luận võ ở Hoa Sơn lần cuối cùng, các chi tiết được nêu ra đều cho thấy rõ Dương Quá là biểu tượng của Hoa Kỳ, nước Tây Phương cường thịnh nhất hoàn cầu sau khi trận Thế Chiến II chấm dứt và nhờ dùng chánh sách viện trợ các nước mà gây được cảm tình của nhiều dân tộc khác trên thế giới.

b. Điểm chót mà chúng ta nên lưu ý là Kim Dung đã viết bộ THẦN ĐIỀU ĐẠI HIỆP trước năm 1975 là năm mà người Mỹ đã thất bại ở Việt Nam, khiến cho người Mỹ phải chịu thua trận lần đầu tiên trong lịch sử của mình. Từ khi lập quốc cho đến đó, dân tộc Mỹ đã đánh đâu thắng đó nên Kim Dung đã bảo rằng Dương Quá học được võ thuật của một vị tiền bối võ lâm đã khuất bóng từ lâu nhưng lúc sanh tiền thì không hề thua ai trong một trận chiến đấu thành ra tự mang danh là Độc Cô Cầu Bại. Chi tiết này xác nhận thêm rằng dưới ngòi bút của Kim Dung, Dương Quá quả thật là nhơn vật tượng trưng cho nước Mỹ.

IV- NHON VẬT VÀ ĐOÀN THỂ TIÊU BIỂU CHO LIÊN SÔ: BẮC CÁI VÀ CÁI BANG.

Về phần Bắc-Cái, có nhiều dấu hiệu cho thấy rằng Kim Dung đã dùng ông để biểu tượng cho Liên Sô và như vậy thì Cái Bang do ông lãnh đạo chính là Đảng Cộng Sản Quốc Tế. Ta nên lưu ý rằng trong thời kỳ viết các bộ VÕ LÂM NGŨ BÁ, ANH HÙNG XẠ ĐIỀU và THẦN ĐIỀU ĐẠI HIỆP, Kim Dung còn là một người thiên tả và có cảm tình với xã hội chủ nghĩa. Như chúng tôi sẽ trình bày trong Mục II của sách này, ông đã đổi quan điểm của ông đối với những người theo chủ nghĩa trên đây khi viết các bộ TIỂU NGẠO GIANG HỒ và LỘC ĐỈNH KÝ. Nhưng trong ba bộ VÕ LÂM NGŨ BÁ, ANH HÙNG XẠ ĐIỀU và THẦN ĐIỀU ĐẠI HIỆP, Kim Dung đã bộc lộ cảm tình nồng hậu của mình đối với Liên Sô và Đảng Cộng Sản Quốc Tế bằng cách mô tả Bắc-Cái như là một nhon vật anh hùng và nghĩa hiệp rất đáng kính trọng.

A. CÁC DẤU HIỆU CHO THẤY RẰNG BẮC CÁI VÀ CÁI BANG TƯỢNG TRUNG CHO LIÊN SÔ VÀ ĐẢNG CỘNG SẢN QUỐC TẾ

1- Vị trí địa lý của Liên Sô đối với Trung Quốc.

Về mặt vị trí địa lý, Liên Sô có biên giới chung với Trung Quốc ở phía bắc và phía tây, nhưng vì hướng tây đã được dùng để chỉ các nước Âu Châu nói chung nên Kim Dung phải dùng hướng bắc để nói đến Liên Sô. Cứ theo vũ trụ quan của người Trung Hoa thì phương bắc liên hệ đến hành thủy và màu đen. Nếu Bắc-Cái chỉ là một nhon vật võ lâm thông thường thì tác giả VÕ LÂM NGŨ BÁ, ANH HÙNG XẠ ĐIỀU và THẦN ĐIỀU ĐẠI HIỆP đã để ông mặc y phục màu đen và đưa ra những chi tiết liên hệ đến hành thủy khi nói đến tài nghệ của ông. Nhưng vì Bắc-Cái tượng trưng cho

Liên Xô và Đảng Cộng Sản Quốc Tế nên khi mô tả ông, Kim Dung đã không theo qui tắc chung của các bộ tiểu thuyết võ hiệp Trung Hoa.

2. Các biểu tượng uy quyền của Bang Chủ Cái Bang.

Trong các tác phẩm có nói đến Bắc-Cái, vật biểu tượng cho uy quyền Bang Chủ là cây gậy tre màu xanh lá cây, và riêng Bắc-Cái lại có một kỷ vật đặc biệt là cái hồ lô sơn màu đỏ đựng rượu. Đối với thế giới hiện đại, màu đỏ là màu của cuộc tranh đấu cách mạng, và riêng Đảng Cộng Sản Quốc Tế đã lấy nó làm tiêu biểu cho mình. Mặt khác, hệ thống tư tưởng cộng sản lúc đầu chỉ lấy thợ thuyền làm lực lượng nòng cốt cho cuộc tranh đấu cách mạng, đến Lenin lại xem nông dân là một lực lượng không kém thợ thuyền trong cuộc tranh đấu này. Cây gậy màu xanh lá cây tiêu biểu cho uy quyền Bang Chủ Cái Bang là một sản phẩm của đất đai chứ không phải của công nghệ. Ta có thể xem nó là tượng trưng cho nông dân. Cái hồ lô đỏ và cây gậy tre xanh lá cây xác nhận thêm là Kim Dung đã dùng Bắc-Cái và Cái Bang để ám chỉ Liên Xô và Đảng Cộng Sản Quốc Tế.

3. Ý nghĩa họ Hồng của Bắc-Cái và môn qui của Cái Bang.

Mặt khác, Bắc-Cái là người họ Hồng. Chữ HỒNG ở đây có nghĩa là lớn rộng mệnh mông như trong các từ ngữ hồng thủy, hồng phúc... nhưng nó đồng âm với chữ hồng là màu đỏ. Ngoài ra trong Hán văn, chữ Hồng là họ của Bắc-Cái gồm có hai phần, bên tả là bộ thủy còn bên hữu là chữ CỘNG y như chữ CỘNG trong từ ngữ Cộng Sản. Bắc-Cái là người trong Cái Bang là những kẻ ăn mày, không có nhà cửa, không có tài sản riêng. Họ sống bằng cách ăn xin và không trộm cướp, nhưng đối với hạng tham quan ô lại và cường hào ác bá bóc lột dân chúng và hạng làm giàu bất nhơn hay phi

pháp, họ có quyền tự do cướp đoạt tiền của để dùng. Họ thường làm việc cướp đoạt trên đây và đã đem tiền của cướp đoạt được để cứu giúp người nghèo. Họ lại được tổ chức chặt chẽ và có một hệ thống cấp bậc được ấn định rõ ràng. Trên hết là Bang Chủ, kế đó là các Trưởng Lão, rồi đến các cấp chỉ huy sắp theo thứ bậc cao thấp được biểu thị bằng số túi mà họ mang trên lưng, và dưới hết là Bang chúng. Họ phải theo đúng môn qui và khi phạm kỷ luật thì bị trừng phạt nặng nề. Họ Hồng của Bắc-Cái hàm ý lớn rộng mênh mông, lại đồng âm với chữ hồng là màu đỏ và viết ra chữ thì có chữ cộng bên trong, cũng như môn qui của Cái Bang đều cho thấy rõ hơn là Kim Dung đã dùng tổ chức này để nói đến Đảng Cộng Sản Quốc Tế là một thứ chánh đảng theo tư tưởng thế giới đại đồng và chủ trương làm một cuộc cách mạng thế giới trong đó lực lượng nông cốt là người vô sản theo một kỷ luật nghiêm khắc.

B- CÁC KỸ THUẬT TRANH ĐẤU CỦA BẮC CÁI VÀ CÁI BANG.

1. Đả Cầu Bồng Pháp, tiêu biểu cho chủ trương giai cấp tranh đấu.

Về mặt võ khí, cây gậy tre xanh tiêu biểu cho uy quyền Bang Chủ Cái Bang mang danh hiệu là Đả Cầu Bồng, nghĩa đen là cây gậy đánh chó. Trong ngôn ngữ thông thường của những kẻ tay sai phục vụ cho người có thế lực hay tiền bạc thường được gọi là “chó săn”. Trong các tác phẩm của Kim Dung nói đến Bắc-Cái, bọn người làm việc hoặc bợ đỡ nịnh hót hạng hào phú, hạng ác bá hay bọn cường địch xâm lăng đất nước đều bị Cái Bang xem là chó. Cái Bang có môn võ đặc biệt hữu hiệu là Đả Cầu Bồng Pháp để đối phó với cường địch, và cứ theo Kim Dung thì người của Cái Bang cầm cây Đả Cầu Bồng có quyền đánh các nhà vua hôn ám, các quan lại gian nịnh và các cường hào ác bá. Qua chi tiết trên đây, ta có thể bảo rằng Kim Dung đã dùng phép gậy này để ám chỉ chủ trương giai cấp tranh đấu của người theo chủ nghĩa Marx nói

chung và người Cộng Sản nói riêng. Như mọi người đều biết, chủ trương này chống lại các chánh quyền bảo thủ và các giai cấp bị cho là giai cấp bóc lột.

2. Hàng Long Thập Bát Chương, tiêu biểu cho Biện Chứng Pháp Duy Vật.

Riêng Bắc-Cải lại có môn võ đặc biệt của mình là Hàng Long Thập Bát Chương gồm 18 chiêu thức mạnh mẽ và vi diệu khôn lường. Tên của 18 chiêu thức này đều có chữ LONG ở trong. Đáng lưu ý hơn hết là các chiêu thức Tiềm Long Vật Dụng, Hiện Long Tại Điền, Phi Long Tại Thiên, Kháng Long Hữu Hối và Long Chiến Vu Dã hoặc Chiến Long Tại Dã, vì các tên này có dính dáng đến các hào trong Kinh Dịch.

a- Kinh Dịch

Bộ Kinh này nguyên là một tác phẩm tối cổ và tối ảo diệu của người Trung Hoa. Các nhà hiền triết đã cấu tạo nên nó có dụng ý dùng đồ biểu để diễn tả sự biến hoá vô cùng của vạn vật. Họ cho rằng trong vũ trụ, thường có hai nguyên tắc đối chiếu lại nhau, và có khi chọi lại nhau là dương và âm. Họ đã dùng vạch liền _____ để biểu tượng dương, và vạch đứt – - để biểu tượng âm, rồi ghép các biểu tượng dương và âm lại theo mô thức để diễn tả các tình thế có thể xảy ra trong vũ trụ bằng số lượng và vị trí của hai biểu tượng dương và âm đối với nhau. Lúc đầu, họ ghép ba vạch lại làm một đơn vị gọi là Quái, tức là quẻ, và tạo ra cả thảy 8 quẻ : Càn , Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài gọi chung là Bát Quái.. Sau đó họ lại ghép các quẻ trên đây lại thành cặp nằm chồng lên nhau và tạo ra 64 quẻ kép. Mỗi quẻ kép như vậy có 6 vạch, mỗi vạch như vậy gọi là một hào và có một tên chung tùy theo vị trí của mình. Hào dương được gọi là Cửu, tức là số 9, hào âm được gọi là Lục, tức là số 6. Nếu ta đi từ dưới lên trên thì hào ở thấp nhất gọi là Sơ, kế đó là Nhị, rồi Tam, Tứ, Ngũ và hào ở

trên hết gọi là Thương. Hai chữ Sơ và Thương thì đặt trước, còn các chữ Nhị, Tam, Tứ, Ngũ thì đặt sau chữ Cửu hay chữ Lục. Quẻ kép gồm có cả thảy 64 cái, mà mỗi cái có 6 hào như vậy nếu tính chung lại thì có cả thảy 384 hào, mỗi cái trong 384 hào này biểu tượng cho một tình thế và đều có tên riêng cho mình.

Đáng để ý hơn hết trong 64 quẻ kép là quẻ Bát Thuần Càn gồm có 2 quẻ Càn ghép lại và Bát Thuần Khôn gồm có 2 quẻ Khôn ghép lại. Quẻ Càn gồm có ba vạch liền tượng trưng cho trời, quẻ Khôn gồm có ba vạch đứt tượng trưng cho đất. Vậy, Bát Thuần Càn gồm sáu vạch liền tượng trưng cho dương thuần túy và Bát Thuần Khôn gồm sáu vạch đứt tượng trưng cho âm thuần túy. Tên các chiêu thức Tiềm Long Vật Dụng, Hiện Long Tại Điền, Phi Long Tại Thiên, Kháng Long Hữu Hối trong Hàng Long Thập Bát Chương đúng là tên các hào Sơ Cửu, Cửu Nhị, Cửu Ngũ và Thượng Cửu của quẻ kép Bát Thuần Càn. Trong quẻ kép Bát Thuần Khôn thì hào Thượng Lục có tên là Long Chiến Vu Dĩ rất gần với tên Chiến Long Tại Dĩ vì cả hai tên này đều hàm ý là rồng đánh nhau ở cánh đồng.

b- Kinh Dịch so với Biện Chứng Pháp Duy Vật.

Với việc dùng một số tên hào trong Kinh Dịch để đặt cho một số chiêu thức của Hàng Long Thập Bát Chương, chúng ta có thể nghĩ rằng khi nói đến pho chương pháp này Kim Dung đã có ý ám chỉ Duy Vật Biện Chứng Pháp. Như thế là vì Kinh Dịch và Duy Vật Biện Chứng Pháp có những nguyên tắc căn bản giống nhau. Cả hai đều cho rằng trên đời, mọi vật đều biến đổi không ngừng. Mặt khác, theo Kinh Dịch, sự biến đổi này phát xuất từ sự tương sanh tương khắc giữa âm và dương, còn Biện Chứng Pháp Duy Vật thì cho rằng sự biến đổi sở dĩ có là vì trong mọi sự vật đều có những

yếu tố mâu thuẫn nhau. Vậy, Kinh Dịch và Biện Chứng Pháp Duy Vật đã có một quan điểm tương tự như nhau về nguyên nhân sự biến đổi tất yếu của các sự vật.

3. Kỹ thuật tranh đấu tập thể của Cái Bang:

Kiên Bích Trận, biểu tượng cho kỹ thuật tổ chức và tranh đấu của Đảng Cộng Sản Quốc Tế.

Ngoài Đả Cầu Bồng Pháp và Hàng Long Thập Bát Chương là các kỹ thuật tranh đấu cá nhân, Cái Bang lại còn có một kỹ thuật tranh đấu tập thể gọi là Kiên Bích Trận. Theo kỹ thuật này, hàng mấy chục ngàn người nối liền nhau lại và góp sức nhau thành một khối vô cùng vững chắc. Hễ đằng đầu bị tấn công thì đằng đuôi tiếp cứu, hễ đằng đuôi bị tấn công thì đằng đầu tiếp cứu, hễ đoạn giữa bị tấn công thì hai đầu ứng phó liền. Kiên Bích Trận này có thể trở thành Xa Luân Kiên Bích Trận, gồm vô số người lan tràn khắp nơi, chỗ nào tiếp nối nhau tấn công kẻ địch trên khắp mặt chiến trường, cứ một đội bị đánh tan thì năm ba đội khác lại xuất hiện. Do đó, dầu có sức khoẻ dồi dào, võ công cực cao minh, đối thủ cũng khó lòng tránh khỏi bị thất bại. Kiên Bích Trận như mô tả trên đây có thể so sánh với lẽ lối tổ chức của Đảng Cộng Sản Quốc Tế, có mặt ở mọi nước và được phối trí để giúp đỡ cho nhau một cách hữu hiệu, nên dễ nắm phần thắng lợi trong các cuộc tranh đấu với kẻ địch.

4. Tánh chất của công phu Bắc-Cái nói chung.

Về tánh chất của công phu Bắc-Cái nói chung thì Kim Dung cho biết rằng nó thuộc cương tánh như công phu Tây Độc. Điều này phù hợp với chủ trương tranh đấu bạo tợn của Đảng Cộng Sản Quốc Tế, và hàm ý rằng lẽ lối tranh đấu của Cộng Sản bắt nguồn từ lẽ lối tranh đấu của các nước Âu Châu.

C- NHƠN VẬT ĐƯỢC BẮC-CÁI BIỂU TƯỢNG: LENIN

Vậy, trong các bộ truyện võ hiệp của Kim Dung có nói đến Võ Lâm Ngũ Bá, chúng ta có thể thấy nhiều dữ kiện chứng tỏ rằng Bắc Cái và tổ chức Cái Bang do ông lãnh đạo đã được tác giả dùng để ám chỉ Liên Xô và Đảng Cộng Sản Quốc Tế. Ngoài ra, một số dữ kiện khác làm cho chúng ta có thể nghĩ rằng Bắc Cái đã được dùng để biểu tượng riêng cho nhà lãnh tụ Cộng Sản Quốc Tế Lenin.

1. Ý nghĩa của các biệt hiệu Cửu Chỉ Thần Công và Hồng Thất Công.

Trong các bộ truyện võ hiệp của Kim Dung, Bắc Cái còn có biệt hiệu là Cửu Chỉ Thần Cái tức là ông ăn mày thần có chín ngón tay. Ông cũng được gọi là Hồng Thất Công, dịch sát nghĩa chữ là *Ông Bảy họ Hồng*. Hai con số 9 và 7 trên đây rất đáng chú ý.

Chủ nghĩa Cộng Sản vốn do Karl Marx tung ra năm 1848. Đến năm 1864, những người theo chủ trương tranh đấu cho quyền lợi vô sản đã họp nhau lại lập thành một đoàn thể gọi là Quốc Tế Lao Động. Nhưng sau một thời gian hoạt động, đoàn thể này đã tan vỡ. Năm 1889, những người theo tư tưởng Karl Marx lại thành lập một đoàn thể khác gồm các Đảng Xã Hội hay Dân Chủ Xã Hội ở các nước. Đoàn thể này cho là mình kế tiếp công nghiệp của Quốc Tế Lao Động thành lập năm 1864 nên tự gọi là Đệ Nhị Quốc Tế. Lenin đã tham dự Quốc Tế này. Nhưng sau đó, ông cho rằng nó đã phản bội quyền lợi vô sản nên khi cướp chánh quyền ở Nga và thành lập năm 1917, ông đã tổ chức một đoàn thể mới gọi là Đệ Tam Quốc Tế gồm các Đảng Cộng Sản ở các nước. Lúc Lenin chết, Stalin và Trotsky đã tranh nhau quyền kế vị. Stalin nắm phần thắng lợi và trục xuất Trotsky khỏi Liên Xô. Trotsky ra ngoài Liên Xô rồi thì thành lập

một đoàn thể Cộng Sản Quốc Tế khác chống lại Stalin và gọi đoàn thể này là Đệ Tứ Quốc Tế.

Hai bàn tay của Bắc Cái còn có 9 ngón vì ngón trỏ trên bàn tay mặt khi có hơi thom của món ăn thì cứ giựt lên rần rật làm ông bức bối nên ông đã chặt bỏ nó đi. Ngón tay bị chặt này có thể kể như là tiêu biểu cho Quốc Tế Lao Động đầu tiên đã hoàn toàn tan vỡ. Chín ngón còn lại tiêu biểu cho ba đoàn thể hiện còn tồn tại là Đệ Nhị, Đệ Tam, Đệ Tứ Quốc Tế, vì đem cộng các số 2, 3 và 4 lại thì thành ra con số 9. Điều này ám chỉ rằng Lenin có liên hệ đến cả ba Quốc Tế này. Mặt khác, tên hiệu Hồng Thất Công của Bắc Cái ám chỉ rằng Lenin là thủy tổ của các phe Cộng Sản Đệ Tam và Đệ Tứ, vì hai con số 3 và 4 cộng lại thì thành ra 7.

2. Sự ẩn hiện bất thường của Bắc Cái so với hành động bí mật của Lenin.

Lenin thường hoạt động bí mật, thay đổi chỗ ở một cách bất thường để tránh sự theo dõi của thám tử các nước tư bản. Điều này cũng giống lối hành động của Bắc Cái là một nhơn vật thường được những người có cảm tình so sánh với con giao long, khi ẩn khi hiện không biết đâu mà lường.

3. Các phe ăn mày áo dơ và áo sạch, tiêu biểu cho các Đảng Cộng Sản Đệ Tam và Đệ Tứ Quốc Tế.

Mặt khác, ta có thể nhận thấy rằng lúc Bắc Cái còn là Bang Chủ, trong Cái Bang đã có hai phe ăn mày: một phe áo lành, sạch và phe áo rách, dơ. Hai phe này tuy vẫn cộng tác với nhau, nhưng cũng có sự hiềm khích và chống chọi nhau. Phe áo lành và sạch gồm có ba vị Trưởng Lão, nhưng lại chỉ có hai phần mười Bang chúng. Trong

khi đó, phe áo rách và dơ chỉ có một Trương Lão, nhưng lại nắm tám phần mười Bang chúng.

Ta có thể nghĩ rằng phe áo lành và sạch là biểu tượng cho phe của Trotsky trong Quốc Tế Cộng Sản: họ gồm có nhiều người lãnh đạo có tên tuổi và có khả năng, nhưng ít có đảng viên ở hạ tầng cơ sở. Phe áo rách và dơ thì biểu tượng cho phe của Stalin: họ có ít người lãnh đạo có tên tuổi và có khả năng, nhưng lại gồm đa số đảng viên ở hạ tầng cơ sở. Theo Kim Dung, sự xung đột giữa hai phe ăn mày trong Cái Bang không có thể dàn xếp được vì nó không phải phát xuất từ quyền lợi mà vì sự khác nhau về quan điểm nơon sinh. Điều này ám chỉ việc hai phe Cộng Sản Đệ Tam và Đệ Tứ chống nhau không phải chỉ vì tranh quyền mà vì có lập trường lý thuyết khác nhau xa.

Cả hai phe ăn mày áo lành và ăn mày áo rách đều hết sức tôn kính và tòng phục Bắc Cái. Về phần Bắc Cái, ông cũng xem họ như nhau và để biểu lộ sự cư xử công bằng đối với họ, ông đã thay phiên, cứ một năm mặc áo lành thì một năm mặc áo rách. Điều này có mục đích cho thấy rằng Trotsky và Stalin đều chấp nhận sự lãnh đạo của Lenin, còn Lenin thì bao dung cả hai phe và không tỏ ra thiên về phe nào.

4. Tâm tánh Bắc Cái so với chủ nghĩa Lenin.

Về mặt tâm tánh, Bắc Cái là người cương trực và có tinh thần nghĩa hiệp bình vực kẻ nghèo yếu như Trung Thần Thông. Nhưng trái với Trung Thần Thông, ông không theo nếp sống thanh đạm mà lại thích các món ăn ngon, các thứ rượu quý. Ông đã từng vào cung vua để thưởng thức các món được nấu cho nhà vua ăn, và đã ẩn núp trong hoàng cung vì mục đích này ngay trong khi ông đã mất công lực vì bị Tây Độc đánh.

Các chi tiết này đều thích ứng với Lenin. Ông theo lý tưởng thực hiện một xã hội không giai cấp, không có cảnh tượng người bóc lột người, nhưng không phải đặt nền tảng suy luận của mình trên chủ nghĩa duy tâm hay duy linh như một nhà lãnh đạo tôn giáo, mà lại theo chủ nghĩa duy vật. Chủ nghĩa này đã được Kim Dung ám chỉ bằng tánh thích ăn ngon. Sau khi lật đổ chế độ Nga Hoàng, Lenin đã vào ở điện Cẩm Linh là hoàng cung của nước Nga, và trong giai đoạn chót của đời ông, ông đã ngoạ bệnh nên không còn điều khiển được Đảng Cộng Sản Liên Xô một cách trực tiếp mặc dầu ông vẫn giữ chức Chủ Tịch của Đảng ấy.

D. HOÀNG DUNG, BIỂU TƯỢNG CHO STALIN.

Trong bộ ANH HÙNG XẠ ĐIỀU, Kim Dung có nói đến việc Bắc Cái truyền ngôi Bang Chủ cho Hoàng Dung một cách âm thầm khi ông bị mất công lực. Điều này có thể ám chỉ việc Stalin kín đáo chuẩn bị việc kế vị Lenin lúc ông này ngoạ bệnh. Một số dữ kiện liên hệ đến việc Hoàng Dung nối ngôi Bang Chủ của Bắc Cái có thể so sánh với các dữ kiện liên hệ đến cuộc tranh quyền kế vị trong Đảng Cộng Sản Liên Xô.

1. Tâm tánh Hoàng Dung so với tâm tánh Stalin.

Hoàng Dung vốn là một phụ nữ, lại là con của Đông Tà và không khỏi bị ảnh hưởng của cha về mặt tinh thần. Do đó, tuy bản chất tốt và khôn ngoan, can đảm, bà vẫn có phần xảo trá và có tánh gian hùng, không kể tiếng thị phi. Bà rất đa nghi, lại dám có những thủ đoạn tàn độc trong những lúc cần thiết chứ không phải hoàn toàn nhân hậu như Bắc Cái. Stalin cũng là người khôn ngoan và can đảm. Nhưng tuy là người phái nam, ông lại gian hiểm, xảo quyệt, thường làm việc ban đêm và thích núp

trong bóng tối để hành động. Theo quan niệm cổ của Trung Hoa, đó là tánh tình và lẽ lối làm việc của phái nữ vốn thuộc âm. Mặt khác, Stalin cũng rất đa nghi. Đã vậy, tuy trung thành với chủ nghĩa cộng sản và đã hoàn toàn làm chủ Liên Xô và Đảng Cộng Sản Quốc tế, ông không có được tài đức của Lenin và thường tỏ ra độc ác. Thêm nữa Stalin vốn là người của xứ Georgia. Vậy ông không phải là người Nga chánh gốc, mà thuộc một sắc tộc thiểu số ở Nga và điều này đã được Kim Dung nhắc khéo bằng sự kiện Hoàng Dung là con gái của Đông Tà, nhơn vật tiêu biểu cho nước Nhựt.

2. Thân thế Hoàng Dung so với thân thế Stalin.

Lúc nhỏ, Hoàng Dung đã học một số võ thuật của cha. Sau đó nhơn gặp Bắc Cái bà mới dùng nghệ thuật nấu các món ăn ngon và mưu kế cùng lời lẽ khéo léo để làm cho Bắc Cái mến bà và vui lòng truyền dạy võ công cho bà và cho người tình của bà là Quách Tĩnh. Nhưng bà đã không được học Hàng Long Thập Bát Chương như Quách Tĩnh mà chỉ được học một môn võ ít lợi hại hơn là Yên Song Phi. Đến lúc trao quyền ngôi Bang Chủ cho bà, Bắc Cái mới dạy bà bí quyết sử dụng Đả Cầu Bồng.

Cái tình tiết này có những chỗ tương tự với một số dữ kiện trong thân thế Stalin. Ông này lúc nhỏ đã theo Thiên Chúa Giáo Chánh Thống và đã vào học ở một chủng viện để làm giáo sĩ cho tổ chức tôn giáo này. Nhưng về sau, ông lại bỏ đạo, theo Đảng Cộng Sản và được chỉ định là Tổng Bí Thư của Đảng Cộng Sản Liên Xô. Lúc ông mới nắm giữ chức vụ đó, nó chưa có tầm quan trọng lớn lao như về sau này. Nhưng ông đã nhờ nó mà thân cận với Lenin và lấy danh nghĩa Lenin để điều khiển công việc nội bộ của Đảng, đồng thời gài người của mình vào bộ máy Đảng. Những điều này đã làm cho ông thật sự điều khiển được Đảng Cộng Sản Liên Xô lúc Lenin còn sống và nắm phần thắng lợi trong việc tranh quyền kế vị Lenin. Nhưng Stalin không phải là nhà lý

thuyết giỏi thông thạo Duy Vật Biện Chứng Pháp như các nhà lãnh đạo cộng sản Đệ Tam Quốc Tế đồng thời. Ông chỉ giỏi trong việc tổ chức Đảng và điều khiển Đảng trong cuộc tranh đấu giai cấp.

3 . Cuộc tranh đấu của Hoàng Dung để nắm quyền Bang Chủ Cái Bang so với cuộc tranh đấu của Stalin để nắm quyền Tổng Bí Thư Đảng Cộng Sản Liên Xô.

Trước khi ra mặt tranh đấu để nắm quyền Bang Chủ Cái Bang, Hoàng Dung đã được cảm tình và sự giúp đỡ của phe ăn mày áo rách và bị sự thù ghét hãm hại của phe ăn mày áo lành . Khi đã ra mặt tranh đấu để nắm quyền Bang Chủ, Hoàng Dung lại cũng chỉ tỷ thí với các Trưởng Lão cầm đầu phe ăn mày áo lành . Và khi đã được toàn thể Cái Bang công nhận mình là Quyền Bang Chủ, bà đã phá bỏ lệ cũ, không để cho Bang chúng phun đàm dãi vào người như các Bang Chủ tiền nhiệm. Ngay sau khi được công nhận là Quyền Bang Chủ, bà đã trừng phạt Bành Trướng Lão là một trong những người lãnh đạo phe ăn mày áo lành đã từng ám hại bà trước khi bà ra mặt tranh quyền Bang Chủ. Vị Trưởng Lão này đã bị hạ thấp cấp bậc trong Cái Bang, và theo Kim Dung, sau đó, ông còn phạm tội lợi dụng võ công cao cường để bắt và mưu toan hãm hiếp Tàn Nam Cầm là mẹ của Dương Quá. Về sau nữa, Bành Trướng Lão đã âm mưu với người Mông Cổ để làm cho Cái Bang phân hóa thành nhiều chi.

Về phần Stalin thì từ lúc Lenin còn ngoại bệnh, ông đã phải trực tiếp đương đầu với Trotsky trong việc điều khiển Đảng Cộng Sản Liên Xô và sau đó, trong việc giành quyền kế vị Lenin. Nhờ dàn xếp để cho phe mình chiếm đa số trong các cơ cấu của Đảng nên trong Đại Hội bầu người lãnh đạo thay Lenin ông đã nắm phần thắng lợi mặc dầu đã bị phe Trotsky chống đối mãnh liệt. Sau khi cầm quyền điều khiển Đảng

Cộng Sản Liên Xô, ông đã loại trừ và trừng phạt những người theo phe của Trotsky. Những người này về sau đã thành lập ra nhiều chi phái Đệ Tứ Quốc Tế khác nhau. Người theo phe Trotsky tại Liên Xô thì bị đưa ra Tòa Án vì những tội thường phạm hoặc vì bi tổ cáo là làm gián điệp cho các nước tư bản. Việc Đệ Tứ Quốc Tế chia ra thành nhiều chi phái và các tội mà Stalin gán cho họ đều phù hợp với các chi tiết liên hệ đến Bành Trướng Lão. Sau khi Stalin đã củng cố được quyền hành của mình bằng cách loại trừ hết phe Trotsky, các đảng viên cộng sản Liên Xô không ai còn dám phê bình chỉ trích người lãnh đạo tối cao của Đảng như thời Lenin còn sống. Thật đúng là hình ảnh của một Bang Chủ làm trái lại tinh thần căn bản của Cái Bang và không cho ai phun đàm dãi lên mặt vị Bang Chủ mới nhậm chức để nhắc cho ông ta nhớ rằng mình cũng là một người ăn mày như thuộc hạ và phải chịu nhục để thông cảm nỗi niềm khổ nhục của giới ăn mày.

V- NHƠN VẬT TƯỢNG TRUNG CHO CÁC NƯỚC THUỘC ĐỆ TAM THẾ GIỚI NÓI CHUNG VÀ NƯỚC THÁI LAN NÓI RIÊNG

Trong cuộc luận võ đầu tiên ở Hoa Sơn, ngoài Trung Thần Thông, Đông Tà, Tây Độc và Bắc Cái , lại còn có Nam Đế. Nhơn vật sau này đã được Kim Dung đem đối chiếu lại với Bắc Cái một cách đặc biệt. Về địa vị xã hội thì hai bên thật là khác nhau: một người tuy giữ chức vụ Bang Chủ một bang hội lớn nhưng đầu sao cũng là một kẻ ăn mày, còn một người thật sự là vua. Nhưng trong việc mô tả Nam Đế, tác giả VÕ LÂM NGŨ BÁ và ANH HÙNG XẠ ĐIỀU lại có một xuất lệ đáng để ý như khi mô tả Bắc Cái.

Trong vũ trụ quan của người Trung Hoa, giữa các phương hướng và ngũ hành cùng các màu sắc, có sự liên hệ mật thiết với nhau. Các tiểu thuyết gia Trung Hoa viết truyện võ hiệp thường dùng các chi tiết biểu lộ sự liên hệ này trong các tác phẩm của họ. Đối với Trung Thần Thông, Đông Tà và Tây Độc, Kim Dung cũng đã làm như vậy.

Nhưng như ta đã thấy, ông đã không áp dụng nguyên tắc biểu lộ sự liên hệ giữa phương hướng, ngũ hành và màu sắc khi mô tả Bắc Cái. Ông đã dùng cái hồ lô màu đỏ và cây gậy tre màu xanh lá cây làm tiêu biểu cho vị Bang Chủ Cái Bang mặc dầu phương bắc liên hệ hành thủy và màu đen. Đó là vì nhơn vật Bắc Cái đã được ông dùng để tượng trưng cho Liên Xô lãnh đạo Đảng Cộng Sản Quốc Tế. Phương nam vốn liên hệ đến hành hỏa và màu đỏ, mà màu đỏ đã được dùng để mô tả Bắc Cái nên tác giả VÕ LÂM NGŨ BÁ và ANH HÙNG XẠ ĐIỀU không còn dùng nó và hành hỏa để nói đến y phục và tài nghệ của Nam Đế. Điều này xác nhận rằng y như Bắc Cái, Nam Đế không phải là một cao thủ võ lâm thông thường mà là một nhơn vật tượng trưng cho một nước.

Nước được Nam Đế tượng trưng nói một cách tổng quát là nước đang mở mang trong Thế Giới Đệ Tam, và nói một cách đặc biệt hơn là nước Thái Lan.

A. VỊ TRÍ CỦA CÁN NƯỚC ĐANG MỞ MANG SO VỚI CÁC NƯỚC ĐÃ KỸ NGHỆ HOÁ VÀ CỦA ĐẠI LÝ VÀ THÁI LAN SO VỚI TRUNG QUỐC

Ta có thể nhận thấy rằng hiện nay, cuộc tranh chấp giữa các nước đã kỹ nghệ hóa một bên, và các nước đang mở mang một bên, đã được gọi là cuộc tranh chấp Bắc-Nam. Vậy, phương bắc là phương tập trung các nước kỹ nghệ hóa, còn phương nam

thì tập trung các nước đang mở mang, và phương nam nói chung có thể dùng để chỉ các nước thuộc Thế Giới Đệ Tam.

Mặt khác, Nam Đế chính là vua nước Đại Lý, một nước được thành lập trong lãnh thổ của tỉnh Vân Nam ngày nay. Nước này đã có từ đời nhà Đường (618-907) và ban đầu gọi là nước Nam Chiếu. Nó đã có lúc rất cường thịnh và vào thế kỷ thứ 9, lúc đất nước ta còn bị nhà Đường cai trị dưới tên là An Nam, người Nam Chiếu đã nhiều lần đem binh lần đánh. Nước Nam Chiếu về sau đổi tên lại là Đại Mông, rồi Đại Lễ, đến đầu đời nhà Tống (960-1276) ở Trung Quốc mới lấy tên là nước Đại Lý.

Nhơn dân nước Đại Lý này vốn thuộc nòi giống Thái. Khi người Mông Cổ quật khởi lên vào thế kỷ thứ 13, và đánh chiếm các nước thì nhà vua Mông Cổ tên Mông Kha, (về sau được gọi là Nguyên Hiến Tông, t.v. 1251-1259) đã sai em là Hốt Tất Liệt (về sau nối ngôi anh và được gọi là Nguyên Thế Tổ, t.v. 1260-1294) mở cuộc tấn công nhà Tống. Nhơn dịp này, Hốt Tất Liệt đã cho một bộ tướng của mình là Ngột Lương Hợp Thai vào nước Đại Lý và chiếm thủ đô nước ấy năm 1253. Sau đó, lãnh thổ Đại Lý bị sát nhập luôn vào bản đồ Trung Quốc thành tỉnh Vân Nam. Viên tướng đem binh đánh Đại Lý và con Hốt Tất Liệt là Hốt Kha Kích được phong làm Vân Nam Vương đều là những nhơn vật có liên hệ đến lịch sử Việt Nam. Chính Ngột Lương Hợp Thai đã đem binh sang đánh Việt Nam lần thứ nhứt dưới đời nhà Trần năm 1257, còn Vân Nam Vương thì đã nhiều lần lấy thế lực uy hiếp Việt Nam nên đã được Trần Hưng Đạo nói đến trong bài hịch khuyên răn các tướng sĩ ông viết năm 1284. Khi nước Đại Lý mất, một số người dân nước ấy đã di cư về phía nam, một bộ phận vào nước Lào, một bộ phận đến ở với người Thái trên đất Thái Lan hiện tại. Sự

nhập cư của họ đã tăng cường lực lượng của người Thái và đưa đến việc thành lập tại đó một quốc gia cường thịnh, trước đây gọi là Xiêm La và ngày nay gọi là Thái Lan.

B. CON LƯƠN THẦN LÀM TĂNG THÊM CÔNG LỰC CỦA NAM ĐẾ, BIỂU TƯỢNG CHO NỀN VĂN HOÁ CỔ CỦA THÁI LAN

Về mặt khả năng thì Nam Đế sở dĩ có được một công lực siêu phàm không thua các cao thủ khác là vì lúc trẻ, ông đã hút được huyết của một con lươn thần. Việc này có thể đem đối chiếu với việc Trung Thần Thông và Tây Độc có được công lực siêu phàm nhờ ăn cái nấm mọc trên bã nhờn sâm hoặc uống huyết và ăn thịt con Bạch Long Xà. Nói chung thì nó dùng để ám chỉ ảnh hưởng của một nền văn hóa tối cổ đến tiềm lực một quốc gia đó làm cho quốc gia đó vững mạnh.

Nhưng Trung Quốc, các nước Tây Phương và các nước Thái Lan có những điểm giống nhau mà cũng có những điểm khác nhau về mặt này. Theo sự mô tả của Kim Dung, khi uống huyết và ăn thịt con Bạch Long Xà giữa lúc đói rét, Tây Độc đã thấy tinh thần và thể chất phấn chấn lên ngay. Điều này ám chỉ việc nền văn hóa cổ của các nước Tây Phương chỉ giúp vào sự tiến bộ của họ về mặt vật chất chứ không gây trở lực gì có thể làm nguy hại đến nền độc lập của họ. Trái lại, Nam Đế khi hút huyết con lươn thần cũng như Trung Thần Thông khi ăn cái nấm mọc trên bã nhờn sâm thì đã bị mê man ba ngày, tưởng đã phải bỏ mạng, chỉ nhờ có dì nhơn đến kịp mới cứu sống họ được và thu nhận họ làm đệ tử. Sự kiện này đã được Kim Dung dùng để nói đến việc Trung Quốc cũng như Thái Lan tuy có nhờ nền văn hóa cổ mà có một sức mạnh tinh thần thâm hậu, nhưng cũng đã bị nền văn hóa đó ngăn trở trong việc canh tân và suy t làm cho mình bị mất nền độc lập.

Về bản chất thì thần vật đã giúp Nam Đế tăng thêm công lực là một con lươn chúa gọi là Kim Thiện Vương. Tuy là một trăn vật, nó không phải thuộc loài thảo mộc tinh túy như cái nầm biểu tượng cho nền văn hóa cổ Trung Hoa, mà là một động vật còn mang thú tánh như con Bạch Long Xà biểu tượng cho nền văn hóa cổ của các nước Tây Phương. Tuy có khả năng siêu phàm nên được cho là có tánh thông linh, con lươn thần Kim Thiện Vương thật sự là một quái vật đã ăn thịt người. Quái vật này sống sâu dưới nước và được liệt vào loài cá. Điều này ám chỉ rằng nền văn hóa cổ của Thái Lan thuộc hệ thống văn hóa của các dân tộc Đông Nam Á Châu. Một phần người của các dân tộc này thuở trước đã sống ở Hoa Nam. Về sau, họ bị người Trung Hoa dồn về phía nam của Trung Quốc hiện tại, và những người còn ở lại và sống trên lãnh thổ Trung Quốc thì đã bị người Trung Hoa đồng hóa. Người của các dân tộc Đông Nam Á Châu này đã được người Việt Nam và người Trung Hoa thời được gọi chung là Bách Việt và được các học giả về nôm chủng học gọi là nòi giống Indonesian, trong khi ông Bình Nguyên Lộc lại đặc biệt gọi họ là nòi giống Mã Lai. Họ có liên hệ ít nhiều ăn dân tộc Việt Nam ta, và nền văn hóa của họ là nền văn hóa của một giống dân sống về nông nghiệp và ngư nghiệp.

Trong bộ VÕ LÂM NGŨ BÁ, Kim Dung cho biết rằng sau khi hút được huyết con lươn thần, mình Nam Đế trờ ra ở tay chơn và đầu mặt, còn thì ở chỗ khác trong châu thân đều có mọc những mụn đỏ bầm, các mụn này khi mọc rồi thì biến thành cứng rắn như vảy cá rất dày, đao thương đâm không lủng được. Nhờ đó, Nam Đế có thể chịu đựng các đòn mãnh liệt của địch thủ mà không hề hấn gì. Hiện tượng mọc vảy cá biểu lộ tánh cách thô sơ thấp kém của công lực, vì công lực cao thì hội nhập hoàn toàn vào cơ thể và không thể hiện ra ngoài. Nó có thể được Kim Dung dùng để ám chỉ rằng về mặt võ thuật, công lực của người Thái Lan không phải chỉ dựa vào sự luyện tập mà

còn dựa vào một số yếu tố ngoại lai như bùa, phép, gông, ngải v.v. . . Nó cũng cho thấy rằng trong con mắt Kim Dung, nền văn hóa cổ của Thái Lan chưa đạt mức cao siêu của nền văn hóa cổ Tây Phương và dĩ nhiên là còn thua nền văn hoá cổ của Trung Hoa nhiều hơn.

C- CÔNG PHU CỦA NAM ĐẾ, BIỂU LỘ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC NỀN VĂN HOÁ KHÁC NHAU ĐỐI VỚI THÁI LAN

Nhưng ngoài nền văn hóa cổ của mình, Thái Lan còn tiếp nhận văn hóa nước khác. Theo Kim Dung, họ Đoàn làm vua nước Đại Lý vốn là hậu duệ của một nhon vật trong giới võ lâm Trung Hoa. Mặt khác, vị thầy đầu tiên của Nam Đế là một đạo sĩ hiệu Ngọc Động Chơn Nhơn. Như chúng tôi đã trình bày trong đoạn nói về Trung Thần Thông, Đạo Giáo đã được hai triều Đường và Tống xem như là quốc giáo, và có thể biểu tượng cho tài nghệ Trung Hoa. Vậy, với các chi tiết trên đây, Kim Dung đã cho chúng ta biết rằng Thái Lan đã có chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa.

Tuy nhiên, khi đã lớn tuổi rồi. Nam Đế lại thoái vị và xuống tóc đi tu theo Phật Giáo, với pháp danh là Nhứt Đăng Đại Sư. Người thế độ cho ông không phải là một cao tăng Trung Hoa mà là một nhà sư Thiên Trúc tức là Ấn Độ. Kim Dung đã dùng việc này để nói lên việc mặc dầu có chịu ảnh hưởng của nền văn hóa Trung Hoa, Thái Lan cốt yếu lại là một nước theo Phật Giáo, mà Phật Giáo Thái Lan là Phật Giáo Tiểu Thừa từ Ấn Độ truyền sang, chứ không phải là Phật Giáo Đại Thừa thanh hành ở Trung Quốc. Một chi tiết khác xác nhận điều này là việc Nhứt Đăng Đại Sư rất thông hiểu Phạn ngữ. Chính ông đã dịch hộ Quách Tĩnh các câu tiếng Phạn mà Đạt Ma Tổ Sư đã viết trong CỬU ÂM CHƠN KINH.

Nói chung thì trong việc xây dựng cơ cấu quốc gia và trong chánh sách giữ nước, ban đầu Thái Lan đã chịu ảnh hưởng của nền văn hóa cổ trong nước và của Phật Giáo nhiều hơn của nền văn hóa Trung Hoa. Điều này được thể hiện trong các môn công phu của Nam Đế. Theo Kim Dung cho biết thì nhơn vật này chuyên sử dụng Tiên Thiên Công và Kim Cương Quyền. Tiên Thiên vốn có nghĩa là tự nhiên, bẩm sinh. Danh hiệu Tiên Thiên của môn công phu hàm ý rằng tiềm lực Thái Lan dựa vào các tin tưởng cổ truyền đã có từ khi dân Thái xuất hiện trên địa cầu. Kim Cương theo nghĩa đen là chất đá quý cứng rắn và trong suốt. Nhưng trong Phật Giáo, đó còn là tên của một bộ Kinh, và đồng thời là danh hiệu của các vị thần hộ pháp.

Qua việc Nam Đế sử dụng Tiên Thiên Công và Kim Cương quyền, Kim Dung muốn ám chỉ rằng nền chánh trị Thái Lan còn giữ rất nhiều yếu tố cổ truyền riêng của người Thái, đồng thời bị sự chi phối rất mạnh của Phật Giáo Tiểu Thừa. Đạo này được xem là quốc giáo, Giáo Hội có một ảnh hưởng rất lớn đối với nhơn dân cũng như đối với chánh quyền và các nhà sư được mọi người, kể cả nhà vua, rất mực kính trọng. Mặt khác, những người trong giới thượng lưu, ngay đến nhà vua, đều phải vào chùa tu một thời gian. Phong tục trên đây của Thái Lan đã được Kim Dung nói đến qua việc Đoàn Nam Đế cuối cùng đã xuống tóc đi tu. Chính vì sự kiện này và vì vai tuồng cốt yếu của Phật Giáo đối với Thái Lan mà trong cuộc luận võ kỳ chót ở Hoa Sơn, Nam Đế đã được đặt cho một ngoại hiệu mới là Nam Tăng.

D- VIỆC NAM ĐẾ HỌC CÔNG PHU NHỨT DƯƠNG CHỈ BIỂU LỘ ẢNH HƯỞNG THÊM CỦA TRUNG QUỐC ĐỐI VỚI THÁI LAN TRONG GIAI ĐOẠN CẬN ĐẠI

Tuy nhiên, về sau, Nam Đế lại học công phu Nhứt Dương Chỉ với Trung Thần Thông, lúc ông này thấy rằng mình sắp chết và muốn truyền công phu này lại cho Nam Đế để Nam Đế đối phó với Tây Độc. Sự kiện này có thể dùng để ám chỉ việc người Thái Lan đã tiếp nhận thêm ảnh hưởng của Trung Hoa hồi thế kỷ thứ 18. Lúc ấy, một số người Trung Hoa đã được triều đình Thái Lan trọng dụng, và họ đã đóng một vai tưởng quan trọng về mặt chánh trị. Năm 1767, nước Thái Lan (thời ấy còn gọi là nước Xiêm La) đã bị người Miến Điện tấn công và đã thảm bại. Trong cuộc tấn công này, người Miến Điện đã bắt được nhà vua Thái Lan đem về nước họ. Khi ấy, một tướng lãnh gốc Trung Hoa tên là Trịnh Quốc Anh, và mang tên Thái là Phya Taksin, đã cứu được nước Thái Lan khỏi mất. Ông đã lên làm vua nước ấy từ đó cho đến năm 1782 mới bị dòng vua hiện đang trị vì ở Thái Lan thay thế. Trong thời kỳ làm vua Thái Lan, dĩ nhiên là Trịnh Quốc Anh đã áp dụng một số kỹ thuật chánh trị của người Trung Hoa ở nước Thái Lan.

Mặt khác, chúng ta có thể nhận thấy rằng mặc dầu Trung Thần Thông là người đầu tiên luyện được Nhứt Dương Chỉ, môn đệ ông đã không học được công phu này và Nhứt Dương Chỉ cuối cùng đã trở thành công phu độc đáo của Nam Đế và môn đồ họ Đoàn. Như chúng tôi đã trình bày trong đoạn nói về Trung Thần Thông, Nhứt Dương Chỉ biểu tượng cho lý tưởng thế giới đại đồng làm cho cả thiên hạ sống yên vui hòa mục và dùng sự nhân nghĩa mà đối xử với nhau. Đó là lý tưởng của nước Trung Hoa cổ điển, nhưng nó không còn được Trung Công áp dụng khi đã nắm được chánh quyền, mà lại được các nước thuộc Đệ Tam Thế Giới hiện tại đề cao. Sự kiện này đã được Kim Dung ám chỉ qua việc phái Toàn Chân không còn biết nền công phu Nhứt Dương Chỉ và công phu này trở thành bí quyết riêng của Hoàng Gia họ Đoàn ở nước Đại Lý.

VI- CÁC NHƠN VẬT VÀ ĐOÀN THỂ TƯỢNG TRƯNG CHO CÁC NƯỚC THEO CHẾ ĐỘ ĐỘC TÀI HỮU PHÁI: THIỆT CHƯỞNG BANG VÀ ANH EM HỌ CỪU CÙNG CÔNG TÔN CHỈ

Ngoài Trung Thần Thông, Đông Tà, Tây Độc, Bắc Cái và Nam Đế, các bộ VÕ LÂM NGŨ BÁ, ANH HÙNG XẠ ĐIÊU và THẦN ĐIÊU ĐẠI HIỆP còn nói đến anh em nhà họ Cừu là những nhơn vật có võ công siêu tuyệt. Nói chung thì các nhơn vật này đã được Kim Dung dùng để ám chỉ các nước theo chế độ độc tài hữu phái.

A. BANG CHỦ THIẾT CHƯỞNG BANG CỪU THIÊN NHẬN VÀ NGƯỜI ANH SONG SANH CỪU THIÊN LÝ TIÊU BIỂU CHO NƯỚC ĐỨC QUỐC XÃ VÀ NƯỚC Ý PHÁT XÍT VÀ THỂ HIỆN BẰNG HITLER VÀ MUSSOLINI

Khi mở cuộc luận võ ở Hoa Sơn lần đầu tiên, Trung Thần Thông đã có mời Bang Chủ Thiết Chưởng Bang đến dự, nhưng lúc ấy ông này nhận thấy công lực mình còn kém nên lo luyện Ngũ Độc Thần Chưởng và không đáp ứng lời mời. Do đó, ông không có tỷ thí với Võ Lâm Ngũ Bá để phân hơn kém. Tuy nhiên, ông vẫn được giới võ lâm nói chung xem như là một nhơn vật có tài nghệ tương đương với Trung Thần Thông, Đông Tà, Tây Độc, Bắc Cái và Nam Đế. Mặt khác, Bang Chủ Thiết Chưởng Bang lại có một người anh song sinh giống ông như hệt, nhưng tài nghệ kém ông rất xa. Chúng ta có thể xem hai nhơn vật này như là biểu tượng của hai nước Đức Quốc Xã và Ý Phát Xít và thể hiện bằng hai nhà lãnh tụ Hitler và Mussolini.

1. Các đặc điểm của Thiết Chưởng Bang so với các đặc điểm của các Đảng quốc Xã Đức và Phát Xít Ý.

a. Điều chúng ta có thể nhận thấy trước nhất là Thiết Chưởng Bang là một môn phái chuyên dùng rắn độc để tập luyện võ công, y như Tây Độc. Mặt khác, danh hiệu cũng như công phu căn bản của họ là Thiết Chưởng, mà thiết lại có nghĩa là sắt, tức là một chất thuộc kim loại. Đó là những dấu hiệu cho thấy rằng các nhơn vật của đoàn thể này đã được Kim Dung dùng để tượng trưng cho những nước âu Châu, thuộc khối Tây Phương. Lề lối làm việc hung bạo, cũng như việc đưa người ra làm quan để bóc lột và đàn áp dân chúng, giết người cướp của, và xem mạng người dân như cỏ rác có thể so sánh với chánh sách độc tài toàn diện hữu phái mà các nhà lãnh tụ Quốc Xã và Phát Xít đã áp dụng khi cầm quyền ở Đức và Ý.

b. Mặt khác, theo sự mô tả của Kim Dung, Thiết Chưởng Bang lúc đầu là một bang hội do những nhà ái quốc thành lập với mục đích chống sự xâm lấn của nước ngoài, về sau mới lầm lạc đi vào con đường hung bạo, làm hại cho đất nước và nhơn dân. Những điều này phù hợp với lịch sử chung của hai phong trào Quốc Xã và Phát Xít.

Các nước Đức và Ý vốn là những nước có một nền văn minh lâu đời và theo Thiên Chúa Giáo. Sau Thế Chiến I, hai nước này đã bị thương tổn nặng về mặt tinh thần. Nước Đức đã thua trận và phải ký Hiệp Ước Versailles nhận chịu những điều kiện bất lợi và nhục nhã. Phần nước Ý thì đứng về phía lực lượng Đồng Minh thắng trận, nhưng vì yếu hơn các nước Đồng Minh khác nên bị họ xem thường. Nước Ý chỉ tham chiến vì hai nước Anh và Pháp đã hứa hẹn là nếu thắng trận thì Ý sẽ được chia cho một phần đất Áo. Nhưng khi Thế Chiến I chấm dứt, vị Tổng Thống Wilson nước Mỹ theo chủ trương Dân Tộc Tự Quyết nên ông không chấp nhận các yêu sách của nước

Ý đối với lãnh thổ Áo và hai nước Anh Pháp đã nuốt bỏ lời hứa của mình để theo lập trường của Tổng Thống Wilson. Do đó, người Ý rất bất mãn các nước Đồng Minh và có cảm giác là bị khinh thường.

Phong trào Quốc Xã Và Phát Xít đã khai thác sự bất mãn của hai dân tộc Đức và Ý, nhứt là lúc họ gặp khó khăn trong đời sống vì khủng hoảng kinh tế. Việc đề cao tinh thần dân tộc đã được người Đức và người Ý hoan nghênh nên hai Đảng Quốc Xã Và Phát Xít đã nắm được chánh quyền bằng những cuộc bầu cử tự do và hợp pháp.

Nhưng sau khi nắm được chánh quyền, họ đã áp dụng chánh sách độc tài toàn diện hữu phái và thiết lập một chế độ chuyên chế khắc nghiệt. Riêng người Đức đã thực hiện chủ trương bài trừ Do Thái và sát hại hàng triệu người Do Thái vô tội.

2. Sự tương đồng và dị biệt giữa hai Đảng Phát Xít và Quốc Xã, biểu tượng bằng sự khác nhau giữa hai anh em song sinh giống nhau như đúc.

a.. Chế độ Quốc Xã và Phát Xít chỉ mới xuất hiện sau Thế Chiến I và điều này đã được Kim Dung ám chỉ qua việc Bang Chủ Thiết Chương Bang không tham dự cuộc luận võ đầu tiên ở Hoa Sơn. Hai phong trào Quốc Xã và Phát Xít vốn phân biệt nhau và xuất hiện ở hai nước khác nhau. Tuy nhiên, nó có những điểm tương đồng lớn lao đến mức người ta đã xem nó như nhau. Phong trào Phát Xít xuất hiện trước phong trào Quốc Xã một thời gian ngắn, và khi gây ra phong trào Quốc Xã, Hitler đã bắt chước lẽ lối tổ chức và hành động của phong trào Phát Xít do Mussolini lãnh đạo. Nhưng về sau, Đảng Quốc Xã lại mạnh mẽ hữu hiệu hơn Đảng Phát Xít nhiều, vì dân tộc Đức vốn siêng năng và làm việc có phương pháp, trong khi dân Ý tánh tình dễ dãi và ham vui chơi chớ không cần cù làm việc. Bởi đó, trong khi Đức Quốc Xã đã thắng

được nhiều trận lớn và làm cho thế giới hải hùng thì Ý Phát Xít lại rất yếu kém và thường thua trận. Ngay đến việc chinh phục một nước nhược tiểu ở Phi Châu như Abyssinia (nay là Ethiopia), Ý Phát Xít cũng đã chật vật lắm mới thắng, và khi đánh một nước nhỏ ở Âu Châu là Hy Lạp, Ý Phát Xít đã thất bại nặng, phải nhờ Đức Quốc Xã tiếp tay. Tuy nhiên, vì phong trào Phát Xít xuất hiện trước nên trên thế giới, danh từ Phát Xít đã được dùng để nói đến chế độ độc tài toàn diện hữu phái một cách tổng quát, chỉ khi nào phải minh định rằng chế độ được nói đến là chế độ áp dụng ở Đức, người ta mới dùng danh từ Quốc Xã.

b. Những điều trên đây đã được Kim Dung ám chỉ trong một số chi tiết liên hệ đến Thiết Chuông Bang. Mặc dầu hai nước Đức Quốc Xã và Ý Phát Xít khác nhau, các nhơn vật biểu tượng cho họ là Cừ Thiên Nhận và Cừ Thiên Lý được xem là thuộc một bang hội với nhau, và sự tương đồng lớn lao giữa hai phong trào Quốc Xã và Phát Xít cũng như việc hai phong trào ấy xuất hiện hầu như đồng thời với nhau đã được Kim Dung ám chỉ bằng việc trình bày hai

nhơn vật trên đây như là hai anh em song sinh. Các chi tiết về hai nhơn vật này cũng phù hợp với sự thật về hai phong trào Phát Xít và Quốc Xã. Cừ Thiên Lý biểu tượng cho nước Ý Phát Xít được xem là anh, nhưng vì biếng nhác nên võ công rất tầm thường, chỉ dùng sự điêu ngoa bịp bợm mà lừa người. Trong khi đó, Cừ Thiên Nhận biểu tượng cho nước Đức Quốc Xã tuy là em nhưng lại siêng năng cần mẫn, cố công luyện tập võ nghệ nên đã có một võ công siêu tuyệt làm cho mọi người hải sợ, và cầm quyền điều khiển cả Thiết Chuông Bang, thành ra anh là Cừ Thiên Lý phải ở vào địa vị thuộc hạ.

3. Kỹ thuật chiến đấu của Thiết Chưởng Bang đối chiếu với chủ trương và lẽ làm việc của hai Đảng Quốc Xã và Phát Xít.

a. Công phu Thủy Thượng Phiêu của Cừ Thiên Nhận và các chủ nghĩa siêu nhon và siêu tộc của Đảng Quốc Xã Đức.

Về mặt kỹ thuật chiến đấu thì ngoài việc dùng rắn như Tây Độc, và công phu Thiết Chưởng, Bang Chủ Thiết Chưởng Bang còn một công phu kinh công độc đáo: ông có thể đi trên tuyết mà không để dấu chơn, và có thể đi dưới sông như trên bờ. Do đó, người ta đã gọi ông bằng ngoại hiệu Thủy Thượng Phiêu. Như ta đã thấy, việc anh em Cừ Thiên Lý và Cừ Thiên Nhận chuyên dùng rắn độc và luyện công phu Thiết Chưởng hàm ý rằng các nước mà họ biểu tượng là những nước Âu Châu. Riêng danh từ Thủy Thượng Phiêu, nó có nghĩa là nổi trên mặt nước. Với danh hiệu này, công phu độc đáo của Bang Chủ Thiết Chưởng Bang có lẽ đã được Kim Dung dùng để ám chỉ chủ nghĩa siêu nhon và siêu tộc của Đảng Quốc Xã Đức.

Theo chủ nghĩa siêu nhon thì trong nhon loại, có những người tài giỏi vượt lên trên những kẻ khác, và làm được những công việc vĩ đại, phi thường mà phàm nhon không làm được. Sự tiến bộ của nhon loại trên con đường văn minh hoàn toàn do nơi các siêu nhon này mà có. Quần chúng chỉ hưởng các công trình của họ và muốn cho nhon loại tiến bộ, quần chúng phải hoàn toàn tùng phục và tuân lệnh họ. Quan niệm siêu nhon đặt nền tảng trên sự bất bình đẳng giữa loài người. Nhưng theo Đảng Quốc Xã Đức, sự bất bình đẳng này không phải chỉ xuất hiện giữa các cá nhân, mà còn xuất hiện giữa các chủng tộc. Đảng này cho rằng chủng tộc tài giỏi nhất trong cả nhon loại là chủng tộc Aryan. Đó là một siêu tộc đã tạo lập văn minh ở khắp nơi trên thế giới. Nhưng vì bị lai giống với các chủng tộc thấp kém hơn bị họ chinh phục nên nhiều

nhánh dân Aryan đã bị thoái hóa và không duy trì nổi nền văn minh mình đã xây dựng. Riêng dân Đức là nhánh dân Aryan thuần túy duy nhất còn sót lại, và xứng đáng làm chủ cả địa cầu. Nhưng muốn thực hiện sứ mạng lãnh đạo cả nhơn loại, người Đức phải giữ cho chủng tộc mình thuần túy và do đó mà phải diệt trừ người Do Thái đang sống chung lộn với dân Đức.

b- Tài nghệ và xảo thuật của Cừ Thiên Lý so với tài nghệ và xảo thuật của Mussolini

Đảng Phát Xít Ý không theo chủ nghĩa siêu tộc như Đảng Quốc Xã Đức mà theo chủ nghĩa sùng thượng Quốc Gia. Mong tưởng của Đảng này là làm cho nước Ý cường thịnh và khôi phục lại địa vị bá chủ của Đế Quốc La Mã xưa kia. Nhưng vì khả năng quá kém, nên nước Ý Phát Xít đã phải chật vật lắm mới chinh phục được nước Abyssinia. Do đó, những lời tuyên bố nẩy lửa của nhà lãnh tụ Mussolini về sự cường mạnh của nước Ý Phát Xít chỉ có tánh cách khoa trương, và nước Ý Phát Xít không phải là một đe dọa thật sự cho các nước khác. Điều này đã được Kim Dung ám chỉ qua việc Cừ Thiên Lý biểu diễn trò mang cái chum sắt đựng đầy nước để lội qua sông. Bên ngoài trông vào, người ta tưởng là cái chum nước ấy nặng đến cả ngàn cân, mà khi lội qua sông, Cừ Thiên Lý lại nổi lên hều hều như là nước chỉ ngập đến đầu gối. Người không biết việc thấy như vậy thì rất sợ Cừ Thiên Lý. Nhưng thật sự thì cái chum chỉ có một vỏ sắt mỏng và bên trên gần miệng chum, lại có dán giấy mỏng và lóng làm cái đáy để chum có thể chỉ đựng một chút nước mà thấy như đầy. Ở dưới đáy sông thì Cừ Thiên Lý đã lén đặt trước những cái chậu chìm để ông đặt chân mà đi.

Mặt khác, khi gặp những địch thủ mạnh hơn mình, Cừ Thiên Lý đã thường giả đau bụng để xin đi cầu và nhờ cơ hội này mà lẩn trốn. Việc này có liên hệ đến một cổ sự đặc biệt của nước Ý Phát Xít. Lúc mới lên cầm quyền và áp dụng chánh sách độc tài, Mussolini đã bị nhiều dân biểu đối lập chống lại. Mussolini vốn không tàn ác bằng Hitler nên không giết hại những người này. Để làm cho họ hoảng sợ mà chấm dứt sự chống đối, ông chỉ sai thủ hạ đến nhà họ rồi bắt họ uống dầu đu đủ tía. Họ bị đi cầu đến là người và không dám chống đối ông nữa. Tuy việc đi cầu được áp dụng cho đối lập, nhưng ý kiến dùng dầu đu đủ tía là của Mussolini nên trong ANH HÙNG XA ĐIỀU Cừ Thiên Lý tiêu biểu cho Mussolini đã giờ trò xin đi cầu để né tránh cường địch.

c- Tổ chức của Thiết Chương Bang so với tổ chức của hai Đảng Quốc Xã và Phát Xít nói chung.

Tổ chức của Thiết Chương Bang rất chặt chẽ và bủa ra ở nhiều nơi. Lúc Quách Tĩnh và Hoàng Dung lên vào căn cứ họ ở núi Thiết Chương, Thiết Chương Bang đã huy động người bao vây và khi thấy Quách Tĩnh và Hoàng Dung chạy lên trên cái hang trên đầu núi là nơi họ không có quyền lên, họ đã dùng xà trận để tấn công. Những điều này nhắc lại việc các Đảng Phát Xít và Quốc Xã đã có tổ chức rất chặt chẽ và có hành động rất mạnh mẽ cương quyết, không khác Cái Bang biểu tượng cho Đảng Cộng Sản Quốc Tế.

4. Đặc điểm riêng của Đảng Quốc Xã Đức.

Ngoài các điểm chung cho cả hai phong trào Phát Xít Ý và Quốc Xã Đức, lại có một vài điểm chỉ liên hệ đến Quốc Xã Đức.

a. Bội tinh Thập Tự Sắt của Quốc Gia Đức so với hai bàn tay sắt, tín hiệu của Bang Chủ Thiết Chưởng Bang.

Tín hiệu của Bang Chủ Thiết Chưởng Bang là hai bàn tay sắt. Đối với người Đức, sắt hàm ý cương kiên anh dũng. Năm 1813, vua nước Phổ (một quốc gia về sau trở thành một tỉnh bang nòng cốt của nước Đức) đã tạo ra một bội tinh mang tên là Thập Tự Sắt và bội tinh này về sau đã trở thành huy chương cao quý nhất của dân tộc Đức về mặt quân công.

b. Chữ Vạn của Quốc Gia Đức so với hai bàn tay sắt, tín hiệu của Bang Chủ Thiết Chưởng Bang.

Mặt khác, trong bộ ANH HÙNG XẠ ĐIỀU, khi đến dự cuộc luận võ kỳ hai ở Hoa Sơn, Cừ Thiên Nhận lại thỉnh linh hồi cải sau khi bị Bắc Cái mắng, và xin theo làm đồ đệ của Nam Đế lúc ấy đã trở thành Nhút Đẳng Đại Sư. Từ đó, Cừ Thiên Nhận chỉ còn được biết dưới pháp danh Từ Ân Đại Sư. Có thể Kim Dung đã dùng hình ảnh này để nói lên sự hối hận của người Đức sau trận Thế Chiến II về việc làm của nước họ thời Quốc Xã. Các Chánh Phủ Tây Đức sau này có chánh sách rất hòa dịu đối với nước Do Thái và với các nước Đông Âu. Nhưng cũng có thể Kim Dung dùng việc Cừ Thiên Nhận trở thành Từ Ân Đại Sư để ám chỉ việc Hitler dùng chữ Vạn để làm biểu hiệu cho Đảng Quốc Xã.

Chữ Vạn vốn là một dấu hiệu đã xuất hiện từ thiên niên kỷ thứ ba tr. C. N. ở nhiều nơi trên thế giới, kể cả Á Châu và Âu Châu. Ở các nước Bắc Âu, nó được xem như là hình vẽ cái búa của Thần Thor là Thần Sấm Sét, biểu tượng cho chiến tranh. Nhưng chữ Vạn được biết nhiều hơn là chữ Vạn ở Ấn Độ. Tên mà các nước Tây Phương

dùng ít chỉ chữ Vạn là Swastika vốn phải xuất từ chữ Phạn Svatiska có nghĩa là kết tường an lạc. Hình chữ Vạn ở Ấn Độ  là biểu tượng của mặt trời hay là của lửa, tức là một nguyên tắc mang sự ấm áp sáng sủa và nghị lực đến cho muôn loài. Theo sự giải thích của một số học giả thì chữ Vạn này là hình vẽ đường quỹ đạo của mặt trời nhìn từ Bắc Bán Cầu. Ở bán cầu này, chúng ta thấy buổi sáng mặt trời mọc ở hướng đông, đến trưa thì ném về hướng nam, rồi chiều thì lặn ở hướng tây, cứ như thế mãi ngày này sang ngày khác. Bởi đó, chữ Vạn vẽ lại quỹ đạo của mặt trời bắt đầu từ hướng đông để đi về hướng nam rồi quay về hướng tây và sau cùng quặt xuống để trở lại đi từ hướng đông về hướng nam. Hai đường vẽ này gác chéo lên nhau biểu lộ sự liên tục triền miên của quá trình được mô tả. Vì thế chữ Vạn hàm ý liên tục và tái tạo không ngừng.

Theo kinh Phật thì trên ngực Đức Như Lai có hình chữ Vạn và đó là một trong 32 tướng tốt của Ngài. Bởi đó, từ xưa, Phật Giáo đã lấy chữ Vạn làm một trong những biểu tượng của mình. Đến thế kỷ thứ 20, một số người quốc gia quá khích ở Âu Châu lại cho rằng chữ Vạn là một dấu hiệu biểu tượng cho chủng tộc Aryan, và vì Hitler cho rằng dân Đức là nhánh thuần túy duy nhất của chủng tộc Aryan hiện còn sót lại nên ông đã lấy chữ Vạn làm biểu hiệu cho Đảng Quốc Xã. Thật ra, chữ Vạn  mà Hitler dùng có các nhánh đi ngược chiều so với chữ Vạn cổ của Ấn Độ được Phật Giáo dùng . Dầu vậy việc Hitler dùng chữ Vạn đã làm cho dấu hiệu này bị cả thế giới thù ghét nên sau Thế Chiến II, Phật Giáo không còn dùng chữ Vạn nhiều như trước. Trong bộ ANH HÙNG XẠ ĐIỀU, Nhứt Đăng Đại Sư là một vị cao tăng theo phái Tiểu Thừa và thông thuộc tiếng Phạn nên việc Cừu Thiên Nhận xin theo ông đã

được Kim Dung dùng để ám chỉ việc Hitler lấy chữ Vạn mà ông ta cho là phát xuất từ nhánh dân Aryan ở Ấn Độ làm biểu hiệu cho Đảng Quốc Xã của mình.

B- CỪU THIÊN XÍCH VÀ CHỒNG LÀ CÔNG TÔN CHỈ: TIÊU BIỂU CHO CÁC QUỐC GIA NHỎ YẾU THEO CHẾ ĐỘ ĐỘC TÀI HỮU PHÁI NÓI CHUNG VÀ NƯỚC TÂY BAN NHA NÓI RIÊNG.

Trong bộ ANH HÙNG XẠ ĐIỀU, Kim Dung chỉ nói đến hai anh em Cừu Thiên Nhận và Cừu Thiên Lý. Nhưng trong bộ THẦN ĐIỀU ĐẠI HIỆP, ta lại thấy xuất hiện người em gái của hai nhơn vật ấy là Cừu Thiên Xích cùng với chồng là Công Tôn Chỉ.

Chúng ta có thể xem cặp vợ chồng này là tiêu biểu cho các quốc gia nhỏ yếu theo chế độ độc tài hữu phái, và đặc biệt là nước Tây Ban Nha thời ông Franco nắm chánh quyền.

1. Cừu Thiên Xích, tượng trưng cho nhánh nhỏ yếu nhất trong phong trào Phát Xít và đặc biệt là ở nước Tây Ban Nha.

a. Theo sự mô tả của Kim Dung, Cừu Thiên Xích tuy là phụ nữ, nhưng võ công rất cao vì bà đã được Bang Chủ Thiết Chương Bang là Cừu Thiên Nhận tận tâm truyền thụ võ công. Tuy nhiên, về mặt cảm tình thì bà lại mến người anh cả là Cừu Thiên Lý nhiều hơn. Bà thường đứng về phía Cừu Thiên Lý khi ông này bị Cừu Thiên Nhận trách mắng. Chính vì binh vực Cừu Thiên Lý mà bà đã cãi nhau với Cừu Thiên Nhận rồi bỏ nhà ra đi. Bà gặp Công Tôn Chỉ và kết hôn với ông này rồi truyền dạy thêm võ công cho ông này làm cho ông này trở thành một cao thủ võ lâm. Nhưng về sau, Công Tôn Chỉ đã gạt cho bà uống thuốc mê rồi cắt hết gân chơn của bà và quăng bà xuống

đáy Tuyết Tình Cốc. Bà phải sống cô độc trong một cảnh giam hãm rất khổ sở suốt mười năm mới được Dương Quá và con gái bà là Công Tôn Lục Ngạc cứu ra. Bà đã tìm mọi cách báo thù Công Tôn Chỉ. Nhưng cuối cùng, hai vợ chồng đã vì đánh nhau mà rơi xuống đáy Tuyết Tình Cốc và chết một lượt với nhau.

b. Các chi tiết trên đây rất phù hợp với các quốc gia nhỏ yếu hơn Đức Quốc Xã và Ý Phát Xít, nhưng cũng theo chế độ độc tài hữu phái, và đặc biệt hơn họ là nước Tây Ban Nha. Cừu Thiên Xích vốn là em gái của Cừu Thiên Lý và Cừu Thiên Nhận và lúc nào cũng đề cao Thiết Chương Bang nên có thể xem như là tượng trưng cho nhánh nhỏ yếu nhất của phong trào Phát Xít trên thế giới. Trong lịch sử thì sau khi Mussolini thực hiện chế độ Phát Xít ở Ý và Hitler thực hiện chế độ Quốc Xã ở Đức thì hữu phái Tây Ban Nha đã nổi lên chống lại chánh quyền thiên tả của nước mình. Trong cuộc nội chiến này, hữu phái Tây Ban Nha đã được Ý Phát Xít và Đức Quốc Xã tận lực giúp đỡ. Đức Quốc Xã có lực lượng hùng hậu hơn và có kỹ thuật chiến đấu cao hơn nên đã giúp hữu phái Tây Ban Nha một cách đắc lực hơn. Tuy nhiên, vì người Tây Ban Nha cùng thuộc nòi giống La Tinh như người Ý nên hữu phái Tây Ban Nha đã có cảm tình với Ý Phát Xít nhiều hơn với Đức Quốc Xã. Sự kiện này đã được Kim Dung ám chỉ khi cho biết rằng Cừu Thiên Xích học võ với Cừu Thiên Nhận, nhưng thương Cừu Thiên Lý nhiều hơn.

2. Công Tôn Chỉ, tiêu biểu cho cánh hữu ôn hòa ở các nước nhỏ bé, và đặc biệt là Tướng Franco của Tây Ban Nha.

a. Về phần Công Tôn Chỉ là người đã cưới Cừu Thiên Xích làm vợ, ông có thể xem như là tiêu biểu của cánh hữu tương đối ôn hòa hơn ở các nước nhỏ yếu. Họ Công Tôn vốn phát xuất từ các dòng vua đã làm chủ các nước chư hầu ở Trung Quốc thời

cổ. Khi dùng họ đó để đặt cho người chồng của Cừ Thiên Xích, Kim Dung đã có dụng ý cho biết rằng ông này thuộc hạng sang cả của một quốc gia.

b. Điều trên đây và một số chi tiết khác liên hệ đến Công Tôn Chỉ cho thấy rằng nhà chánh khách cận đại có sự tích phù hợp nhứt với nhơn vật kể trên đây là Tướng Franco.

Tướng Franco vốn là một trong những người lãnh đạo cuộc tranh đấu do quân đội Tây Ban Nha khởi xướng chống lại chánh phủ tả phái. Với sự giúp đỡ của Đức Quốc Xã và Ý Phát Xít, ông đã nắm phần thắng lợi rồi trở thành Quốc Trưởng Tây Ban Nha năm 1936. Ông đã tổ chức một chánh đảng độc tài để cai trị nước mình và đứng về phía các nước Phát Xít cho đến khi Thế Chiến II nổ bùng. Tuy nhiên, Franco đã không chịu gia nhập cuộc chiến đấu của phe Phát Xít chống lại các nước Đồng Minh theo chế độ dân chủ tự do. Ở hội nghị với Hitler tại Hendaye (một thành phố Pháp ở sát biên giới Tây Ban Nha) năm 1941, Tướng Franco đã nhứt quyết không chấp nhận việc cho phép quân Đức Quốc Xã kéo ngang lãnh thổ Tây Ban Nha để sang tác chiến ở Bắc Phi. Điều này rất lợi cho các nước Đồng Minh, vì nếu được chuyển quân qua lãnh thổ Tây Ban Nha, Đức Quốc Xã đã có thể mạnh hơn ở Bắc Phi và lực lượng Đồng Minh đã khó có thể thắng nổi họ. Đến năm 1944, Tướng Franco lại thỏa thuận với Hoa Kỳ: để Hoa Kỳ hủy bỏ lệnh cấm bán dầu lửa cho Tây Ban Nha, ông đã chấp nhận giảm bớt việc cho chở các khoáng sản sang Đức Quốc Xã, đồng thời hạn chế hoạt động của các cán bộ Đức Quốc Xã và Ý Phát Xít tại Tây Ban Nha.

Sau khi trận Thế Chiến II chấm dứt, Tướng Franco vẫn duy trì chế độ độc tài ở Tây Ban Nha, nhưng đã vì xu hướng chung của thế giới mà bỏ chủ trương Phát Xít. Về mặt đối ngoại, ông đã tìm cách kết thân với các nước trong Khối Tự Do. Năm 1953,

ông đã ký với Hoa Kỳ một thỏa ước cho Hoa Kỳ được dùng một số căn cứ Hải Quân và Không Quân của Tây Ban Nha để bù lại, Hoa Kỳ viện trợ cho Tây Ban Nha về kinh tế và quân sự. Về mặt nội bộ thì từ năm 1945, Tướng Franco đã ngỏ ý là chế độ quân chủ sẽ được khôi phục. Năm 1947, ông cho ban hành đạo luật ấn định rằng sau khi ông chết người kế vị ông làm Quốc Trưởng sẽ là một nhà vua. Đến năm 1969 ông chỉ định Hoàng Tử Juan Carlos De Bourbon làm người kế vị này. Mặt khác, năm 1964, ông đã ban hành một Hiến Pháp mới tương đối cởi mở hơn.

Nói chung lại, ông Franco gốc là người độc tài hữu phái thuộc phe Phát Xít nhưng đã vì tình thế mà nghiêng hẳn về phía các nước theo chế độ dân chủ tự do. Ông đã dọn đường cho việc thiết lập chế độ quân chủ lập hiến theo chánh thể dân chủ tự do và sau khi ông chết năm 1975, chế độ và chánh thể này đã thật sự thiết lập được ở Tây Ban Nha. Khi nói đến việc Công Tôn Chi cắt đứt gân chơn của Cừ Thiên Xích và quăng bà này xuống đáy Tuyệt Tình Cốc, Kim Dung có lẽ đã muốn mô tả việc Franco công khai từ bỏ phong trào Phát Xít sau Thế Chiến II. Và khi mô tả cảnh Công Tôn Chi và Cừ Thiên Xích đánh nhau rồi cùng chết một lượt, tác giả của bộ THẦN ĐIỀU ĐẠI HIỆP có thể đã muốn bảo rằng khi Tướng Franco chết thì nước Tây Ban Nha cũng hoàn toàn từ bỏ ý thức hệ Phát Xít và chế độ độc tài hữu phái.

VII- SỰ GIAO THIỆP GIỮA CÁC NƯỚC ĐƯỢC CÁC CAO THỦ VÕ LÂM BIỂU TƯỢNG, THEO CÁI NHÌN CỦA KIM DUNG

Kim Dung là người Trung Hoa nên trong các tác phẩm của ông, nhơn vật tượng trưng cho nước Trung Hoa cổ điển được mô tả như là một bậc tài đức song toàn. Đó

là việc dĩ nhiên nên chúng ta không cần phải bàn đến nó. Điều cần phải lưu ý là khi viết các bộ VÕ LÂM NGŨ BÁ và ANH HÙNG XẠ ĐIỀU, Kim Dung hãy còn thiên tả và có cảm tình nồng hậu với phe xã hội chủ nghĩa mà lại rất thù ghét phe hữu, nhất là phe hữu quá khích. Đến lúc ông viết bộ THẦN ĐIỀU ĐẠI HIỆP, ông bắt đầu bớt ghét phe hữu, nhưng vẫn còn cảm tình với phe xã hội chủ nghĩa. Tình cảm của ông cùng với một số cố sự liên hệ đến sự giao thiệp giữa các nước đã được diễn tả trong thái độ của các cao thủ võ lâm đối với nhau.

A. SỰ GIAO THIỆP GIỮA CÁC NƯỚC TÂY PHƯƠNG VỚI TRUNG QUỐC, BIỂU LỘ QUA SỰ GIAO THIỆP GIỮA TÂY ĐỘC VÀ DƯƠNG QUÁ VỚI PHÁI TOÀN CHÂN

Trong lịch sử, các nước Tây Phương, như là các nước Âu Châu, đã nhiều lần lần hiếp khinh thị dân Trung Hoa. Thế kỷ thứ 19, người Tây Phương đã bắt triều đình nhà Thanh cắt những phần đất Trung Quốc cho họ muốn gọi là tô giới. Các tô giới này đặt dưới sự quản trị của người Tây Phương và người Trung Hoa sống ở đó bị xem là thuộc dân. Do đó, người Tây Phương nhiều khi đã có thái độ rất trịch thượng đối với người Trung Hoa. Người Anh đã dựng một tấm bảng cấm chó và người Trung Hoa vào một công viên mà họ thiết lập trong tô giới của họ. Người Trung Hoa đã xem việc này là một đại sỉ nhục cho dân tộc họ và mỗi khi nhắc lại nó, họ không thể nén được lòng căm hận. Mặt khác, nếp sống theo lý tưởng Tự Do và Dân Chủ của người Tây Phương lại trái ngược với nền văn hóa cổ Trung Hoa mà cơ sở được đặt trên sự tự tu tự chế và sự tôn trọng thứ bậc tôn ty một cách nghiêm khắc. Bởi đó, Tây Độc biểu tượng cho các nước Âu Châu nói riêng và khối Tây Phương nói chung, đã bị Kim Dung mô tả như là một nhon vật xấu xa, đáng khinh đáng ghét. Nhon vật này chỉ nghĩ

đến quyền lợi riêng của mình, không biết gì đến đạo lý, cũng không có chút nhơn tình nào.

Lần đầu tiên gặp Trung Thần Thông, Tây Độc đã dùng những đòn độc hại chí tử để đánh Trung Thần Thông. Mặt khác, ông đã nhiều lần đến căn cứ của phái Toàn Chân để toan cướp CỬU ÂM CHƠN KINH. Lúc nghe tin Trung Thần Thông chết, ông đến nơi để lợi dụng cơ hội phái Toàn Chân bối rối vì mất kẻ cầm đầu mà thực hiện ý nguyện. Nhưng Trung Thần Thông đã dự liệu trước việc đó và đã giả chết, dụ cho Tây Độc đến gần quan tài mình rồi dùng Nhút Dương Chỉ đánh cho ông bị trọng thương phải bỏ chạy, sau đó Trung Thần Thông mới thật sự lia trần. Đối với các đệ tử của Trung Thần Thông, Tây Độc cũng đã có dụng độ. Ông đã đánh cho Đàm Xứ Đoan làm cho Thiên Cương Bắc Đẩu Trận của phái Toàn Chân bị rối loạn khi phái này đang tranh đấu với Đông Tà. Nói chung thì phái Toàn Chân không hề đến Bạch Đà Sơn là căn cứ của Tây Độc để tranh đấu với chú cháu Tây Độc, chỉ có việc Tây Độc đi tìm các nhơn vật của phái Toàn Chân để gây sự. Điều này ám chỉ việc Trung Quốc không hề xâm lấn các nước Âu Châu, chỉ có các nước Âu Châu đến Trung Quốc để uy hiếp Trung Quốc.

Khi viết bộ THẦN ĐIỀU ĐẠI HIỆP, Kim Dung đã phần nào bớt ác cảm đối với các nước Tây Phương. Do đó trong tác phẩm này, ông không còn biểu lộ sự khinh miệt và thù ghét Tây Độc thái quá như trong hai bộ VÕ LÂM NGŨ BÁ và ANH HÙNG XẠ ĐIỀU. Riêng đối với Dương Quá, tượng trưng cho nước Mỹ, Kim Dung đã có một cái nhìn khác hơn cái nhìn đối với Tây Độc. Tuy vẫn có nêu ra các tánh xấu của Dương Quá, nói chung thì hình ảnh mà tác giả bộ THẦN ĐIỀU ĐẠI HIỆP tạo ra về Dương Quá là hình ảnh của một con người đáng kính trọng. Việc đem ngoại hiệu

Tây Cường thay cho Tây Độc để gọi nhơn vật tượng trưng cho các nước Tây Phương nói chung làm bộc lộ rõ rệt sự thay đổi quan điểm của Kim Dung về các nước này.

B- SỰ GIAO THIỆP GIỮA NGƯỜI NHỰT VỚI TRUNG QUỐC VÀ CÁC NƯỚC TÂY PHƯƠNG, BIỂU LỘ QUA SỰ GIAO THIỆP GIỮA ĐÔNG TÀ VỚI PHÁI TOÀN CHÂN VÀ TÂY ĐỘC CÙNG DƯƠNG QUÁ

Về phần dân Nhựt thì đã có nhiều mối liên hệ với Trung Quốc từ ngàn xưa. Người Nhựt đã học nơi người Trung Hoa rất nhiều và nền văn hóa của họ đã chịu ảnh hưởng sâu rộng của nền văn hóa Trung Quốc. Nhưng nước Nhựt không theo hẳn văn hóa Trung Quốc mà có những điểm đặc thù. Hơn nữa, người Nhựt đã nhiều lần gây hấn với Trung Quốc ngay từ thời trước. Đến lúc tiếp xúc với nền văn hóa Tây Phương và canh tân tự cường, nước Nhựt đã cùng với các nước Tây Phương lấn hiếp Trung Quốc. Vậy giữa Trung Quốc với Nhựt, một mặt có mối thân tình do sự tương đồng văn hóa mà ra, một mặt lại có sự hiềm khích vì sự xung đột quyền lợi, mà sự hiềm khích này phần lớn lại do Nhựt mà ra. Bởi đó. Kim Dung đã gọi nhơn vật tượng trưng cho nước nhựt là Đông Tà. Danh hiệu này hàm ý rằng nước Nhựt không phải quá tệ hại như các nước Âu Châu do Tây Độc tượng trưng vì dầu sao dân Nhựt cũng vẫn còn giữ được phần nào những đức tánh cao quý do nền văn hóa Trung Hoa mà ra, nhưng nước Nhựt cũng không phải là một nước có chánh sách tốt và là thân hữu của Trung Quốc. Điều này đã được Kim Dung nói đến khi ông cho biết rằng đối với Trung Thần Thông và phái Toàn Chân, Đông Tà ở giữa ranh giới bạn và địch.

Lúc mới gặp nhau lần đầu tiên trên hoang đảo. Đông Tà đã có ý hại Trung Thần Thông với tiếng tiêu tàn độc của mình. Trong việc tìm cách lấy CỬU ÂM CHƠN KINH hay học các môn võ của phái Toàn Chân, ông không đến nỗi quá tệ hại như

Tây Độc, nhưng cũng có những thủ đoạn không chánh đáng, như việc bắt giam hay dùng mưu gạt gẫm Châu Bá Thông chẳng hạn. Đối với những người kế vị Trung Thần Thông để lãnh đạo phái Toàn Chân, Đông Tà nhiều khi đã tỏ ra thiếu sự kính trọng và đã có ý muốn lấn áp họ. Khi các đạo sĩ kế vị Trung Thần Thông lãnh đạo phái Toàn Chân lầm tưởng rằng ông đã giam sư thúc họ là Châu Bả Thông và tấn công ông, Đông Tà không thềm giải thích ngay để giải tỏa sự hiểu lầm và sự thù hận. Ông đã tận lực giao đấu với họ và có dụng ý phá tan Thiên Cương Bắc Đẩu Trận của họ rồi mới nói sự thật cho họ biết. Điều này hàm ý rằng người Nhựt không phải xem Trung Quốc như bạn và ngay đến những lúc không có chủ trương làm hại cho Trung Quốc, họ cũng muốn áp đảo Trung Quốc về mặt tinh thần. Tuy nhiên, Đông Tà cũng có khi giúp phái Toàn Chân. Ông đã cứu Châu Bá Thông thoát khỏi sự hãm hại của hai anh em Âm Trường Giang và Âm Trường Hà trên đảo Lục Hoành. Tuy mục đích cuối cùng của ông là đưa Châu Bả Thông về đảo Đào Hoa để dùng Châu Bá Thông trong việc nghiên cứu võ công của phái Toàn Chân, ông cũng đã làm một điều có lợi cho phái này.

Đối với các nước Tây Phương, nước Nhựt cũng vừa theo vừa chống. Khi áp dụng chánh sách canh tân tự cường vào hậu bán thế kỷ thứ 19, người Nhựt đã học hỏi nhiều nơi các nước Tây Phương. Họ đã thâm nhận một số lẽ lỗi làm việc của người Tây Phương. Nhưng ngay đến lúc nước họ đã kỹ nghệ hóa, họ vẫn duy trì một số phong tục cổ truyền của họ và vẫn tự phân biệt với người Tây Phương. Điều này đã được Kim Dung ám chỉ qua một số chi tiết trong hai bộ **VÕ LÂM NGŨ BÁ** và **ANH HÙNG XẠ ĐIỀU**. Đông Tà tượng trưng cho nước Nhựt có lúc đã muốn gả con gái là Hoàng Dung cho Âu Dương Công Tử là cháu của Tây Độc, tượng trưng cho các nước Tây Phương. Tuy nhiên, Đông Tà cũng đã nhiều lần chống lại Tây Độc. Cuối cùng,

ông đã cho Tây Độc biết rõ rằng ông không phải thuộc loại người của Tây Độc. Tuy có tánh cao ngạo, hay nói và làm ngược lại thế tục, ông vẫn kính trọng các anh hùng liệt sĩ và tôn trọng lễ phải chớ không phải tàn ngược như Tây Độc. Tây Độc đã giết một ông thầy đồ chỉ vì ông này giảng dạy những điều mà Tây Độc bảo là đạo đức giả, nhưng Đông Tà đã đem chôn cái đầu của ông đồ ấy và tỏ vẻ cảm thương về cái chết của ông ta.

Trong bộ THẦN ĐIỀU ĐẠI HIỆP, tuy vẫn duy trì ngoại hiệu Đông Tà cho nhơn vật tượng trưng cho nước Nhựt, Kim Dung đã nói đến ông với nhiều thiện cảm hơn. Mặt khác, Đông Tà đã tỏ ra rất ưa thích Dương Quá. Ông đã dạy cho Dương Quá các môn công phu độc đáo của ông và đã kết bạn với Dương Quá mặc dầu tuổi tác hai người cách biệt nhau xa. Điều này đã được Kim Dung dùng để ám chỉ việc Nhựt và Mỹ đã trở thành hai nước thân hữu sau trận Thế Chiến II, mặc dầu một bên có nền văn hóa cổ truyền lâu đời, một bên là một quốc gia mới được xây dựng trong hai thế kỷ sau này.

C- SỰ GIAO THIỆP GIỮA LIÊN SÔ VỚI TRUNG QUỐC, NHỰT VÀ CÁC NƯỚC TÂY PHƯƠNG, BIỂU LỘ QUA SỰ GIAO THIỆP GIỮA BẮC CẢI VỚI TRUNG THẦN THÔNG, ĐÔNG TÀ, TÂY ĐỘC

Về Liên Sô thì lúc mới thành lập, nước ấy đã có một chánh sách thân hữu với Trung Quốc và đã giúp Trung Quốc tự tổ chức để chống lại các nước Tây phương. Liên Sô đã gọi sang Trung Quốc một phái bộ do Borodin cầm đầu và phái bộ này đã có một vai tuồng đáng kể trong việc xây dựng các cơ cấu của Trung Hoa Dân Quốc thời ông Tôn Văn cầm quyền. Phần Kim Dung thì khi viết các bộ VÕ LÂM NGŨ BÁ, ANH HÙNG XẠ ĐIỀU, THẦN ĐIỀU ĐẠI HIỆP, ông hãy còn thiên tả. Bởi đó, ông

đã mô tả Bắc Cái, nhơn vật tượng trưng cho Liên Sô và Đảng Cộng Sản Quốc Tế như là một bức anh hùng cái thế và giàu lòng nghĩa hiệp. Tuy có tỷ thí với Trung Thần Thông để phân hơn kém, Bắc Cái không nuôi ý đồ cướp đoạt CỬU ÂM CHÂN KINH trong tay phái Toàn Chân như Tây Độc, Đông Tà. Ông và Trung Thần Thông đã tỏ ra rất tôn trọng nhau và đã có giúp đỡ nhau. Trung Thần Thông đã từng cứu Bắc Cái khỏi thuật Chiêu Hồn và ngón đòn độc hại của Ô Vụ Đạo Nhơn. Trong cuộc luận võ đầu tiên ở Hoa Sơn, Bắc Cái lại nói khéo cho Trung Thần Thông lưu ý đến các âm mưu gian hiểm của Tây Độc, đồng thời dùng tiếng hú để nhắc Trung Thần Thông là phải có thái độ tích cực chứ không thể ngồi yên mà nghe tiếng đàn tranh của Tây Độc và tiếng tiêu của Đông Tà, vì hai loại âm thanh này phụ họa với nhau làm cho thần trí Trung Thần Thông khó tránh được sự dao động thành ra phải thua trận.

Đôi vót Đông Tà, Bắc Cái không thân như đôi với Trung Thần Thông, nhưng Bắc Cái vẫn có sự tôn trọng Đông Tà. Riêng đối với Tây Độc thì Bắc Cái ra mặt chống đối mạnh mẽ và liên tục. Phên Tây Độc cũng rất ghét Bắc Cái. Khi hai bên từ đảo Đào Hoa về đất liền và cùng ở trên một chiếc thuyền, họ đã gây sự đánh nhau. Bắc Cái đã tha cho cho Tây Độc một lần và đã cứu Tây Độc hai lần khỏi chết. Nhưng liền theo đó, Tây Độc lại thừa lúc Bắc Cái ơ hờ để tấn công Bắc Cái bằng công phu Cáp Mô Công làm cho Bắc Cái bị trọng thương đến mất hết công lực. Khi cho thấy Bắc Cái và Tây Độc luôn luôn xung đột và kích bác lẫn nhau, Kim Dung đã có ý làm nổi bật việc sau Thế Chiến II, Liên Sô và các nước Tây Phương đã trực diện đối đầu nhau về mọi phương diện và phản tuyên truyền nhau một cách mạnh mẽ. Nhưng trong bộ THẦN ĐIỀU ĐẠI HIỆP, Kim Dung đã cho ta thấy Bắc Cái và Tây Độc ôm nhau cười và chết một lượt với nhau sau khi đã đấu võ với nhau và cảm phục tài nhau. Với hình ảnh này, tác giả bộ THẦN ĐIỀU ĐẠI HIỆP có thể muốn bảo rằng Liên Sô và các nước

Tây Phương không bên nào nắm phần thắng lợi được trong cuộc tranh đấu với nhau. Nếu khinh suất gây chiến tranh hạch tâm để triệt hạ nhau thì cả hai bên đều sẽ bị tiêu diệt hết. Vậy, hai bên đã bị dồn vào cái thế phải chịu chung sống hay là cùng chết với nhau. Đó là một thông điệp liên hệ đến chủ trương “Giảm Bớt Căng Thẳng” đã lưu hành trên thế giới từ cuối thập niên 1960.

D- SỰ GIAO THIỆP GIỮA CÁC NƯỚC THUỘC ĐỆ TAM THẾ GIỚI ĐẶC BIỆT LÀ THÁI LAN VỚI TRUNG QUỐC, NHẬT, CÁC NƯỚC TÂY PHƯƠNG VÀ LIÊN SÔ, BIỂU LỘ QUA SỰ GIAO THIỆP GIỮA NAM ĐẾ VỚI TRUNG THẦN THÔNG, ĐÔNG TÀ, TÂY ĐỘC VÀ BẮC CÁI

Trong chủ nghĩa Tam Dân, Tôn Văn đã bảo rằng Trung Quốc cần phải có thái độ thân hữu đối với các nước nhược tiểu và phải tận lực giúp đỡ các nước nhược tiểu. Riêng đối với Thái Lan, Trung Quốc đã có những liên hệ văn hóa trong quá khứ. Bởi đó, Nam Đế là nhơn vật tượng trưng cho các nước thuộc Đệ Tam Thế Giới nói chung và nước Thái Lan nói riêng, cũng được Kim Dung mô tả như là một thân hữu của Trung Thần Thông và có chịu ơn Trung Thần Thông. Trung Thần Thông đã giúp Nam Đế cứu được cha mẹ và lấy lại được ngôi báu đã bị người chú cướp đoạt. Vì vậy, mặc dầu có đến Hoa Sơn luận võ theo lời mời của Trung Thần Thông, Nam Đế đã tỏ vẻ rất kính trọng Trung Thần Thông và không có ý muốn giành lấy CỬU ÂM CHƠN KINH. Nam Đế và phái Toàn Chân không hề có sự xung đột với nhau, mặc dầu Châu Bá Thông đã tư tình với một vương phi của Nam Đế là bà Anh Cô. Đã thế, khi cảm thấy mình đã già yếu, Trung Thần Thông đã đến nước Đại Lý và dạy Nam Đế công phu Nhứt Dương Chỉ để Nam Đế có khả năng chống lại Tây Độc hầu giữ cho CỬU ÂM CHƠN KINH không lọt vào tay Tây Độc.

Đối với Đông Tà và Tây Độc, Nam Đế không có sự hiềm khích, và ngoài lần tỷ thí ở Hoa Sơn, ông không có dịp đấu võ với họ. Tuy nhiên, ông đã tỏ ra kính trọng Đông Tà hơn Tây Độc. Điều này có thể được Kim Dung dùng để ám chỉ việc giữa hai trận Thế Chiến, Thái Lan đã thân cận với Nhật nhiều hơn các nước Tây Phương. Riêng đối với Bắc Cối, Nam Đế đã có nhiều cảm tình. Ông đã mời Bắc Cối đến vùng nước Đại Lý và khi xuống tóc đi tu, ông đã mời Bắc Cối dự kiến. Nói chung thì các chi tiết trên đây biểu lộ ý kiến của Kim Dung trong thời kỳ còn thiên tả. Vì lập trường thiên tả này, ông xem Liên Xô là thân hữu của các dân tộc nhược tiểu và có chủ trương giúp đỡ các dân tộc nhược tiểu chống lại các nước đế quốc thực dân.

Trong bộ THẦN ĐIỀU ĐẠI HIỆP, Nam Đế đã trở thành Nam Tăng và đã được kính trọng nhiều hơn trước. Điều này hàm ý là các nước thuộc Đế Tam Thế Giới sau này đã có một vị thế quan trọng hơn trên chánh trường quốc tế.

Đ- SỰ GIAO THIỆP GIỮA NƯỚC ĐỨC VỚI TRUNG QUỐC, CÁC NƯỚC TÂY PHƯƠNG KHÁC, LIÊN SÔ VÀ CÁC NƯỚC THUỘC ĐẾ TAM THẾ GIỚI, BIỂU LỘ QUA SỰ GIAO THIỆP CỦA CỪU THIÊN NHẬN VỚI PHÁI TOÀN CHÂN, TÂY ĐỘC, BẮC CỐI, NAM ĐẾ

Về phần Cừu Thiên Nhận, Bang Chủ Thiết Chương Bang, ông không có đụng độ với Trung Thần Thông. Nhưng người tiền nhiệm của ông đã hai lần xung đột với vị Giáo Chủ phái Toàn Chân mà lần xung đột sau đã xảy ra ngay tại căn cứ của phái này. Điều này có thể được dùng để ám chỉ việc nước Đức trước thời kỳ Hitler cầm quyền, đã lấn hiếp Trung Quốc và bắt Trung Quốc nhường đất Thanh Đảo cho mình làm tô giới.

Trong bộ ANH HÙNG XẠ ĐIỀU, Cừ Thiên Nhận đã hợp tác với Hoàn Nhan Liệt là một thân vương nước Đại Kim, một quốc gia đã từng lấn hiếp Trung Quốc và có thể xem như là tượng trưng của chủ nghĩa đế quốc. Tây Độc cũng đã được Hoàn Nhan Liệt mời hợp tác để tìm bộ Vũ Mục Di Thư và do đó mà cũng đứng về một phe với Cừ Thiên Nhận trong một cuộc đụng độ với phái Toàn Chân, Bắc Cái và Đông Tà. Các sự kiện này được dùng nói lên việc Đức Quốc Xã và Ý Phát Xít tuy có xung đột với các nước Tây Phương khác, nhưng vẫn áp dụng chánh sách đế quốc xâm lược như các nước ấy. Mặt khác, một số người trong Cái Bang đã vì binh vực dân chúng bị áp bức mà chọi lại hành động của Thiết Chương Bang. Sau đó lúc Cái Bang hội họp lại để chỉ định người làm Bang Chủ, Cừ Thiên Nhận đã đến nơi hội họp và khuyến dụ Cái Bang nên nhận lễ vật của Hoàn Nhan Liệt mà dời hết về phương nam để nhường phương bắc lại cho nước Đại Kim. Sau khi Cái Bang đã nhận Hoàng Dung làm quyền Bang Chủ, Cừ Thiên Nhận đã gặp lại Hoàng Dung và đánh bà này một đòn rất nặng làm cho bà bị trọng thương suýt chết. Với các việc này, Kim Dung đã nhắc lại một số biến cố thời Thế Chiến II. Hai phe Phái Xít và Cộng Sản vốn là kẻ thù của nhau. Nhưng trước khi mở cuộc tấn công các nước Tây Âu, Đức Quốc Xã đã ký hiệp ước với Liên Xô để chia vùng ảnh hưởng ở Đông Âu, rồi sau đó, lại thỉnh thoảng mở cuộc tấn công Liên Xô làm cho nước này suýt chút nữa là bị lâm nguy. Chúng ta nên lưu ý chỗ Hitler đã mở cuộc tấn công Liên Xô lúc nước ấy nằm dưới quyền lãnh đạo của Stalin, mà trong bộ ANH HÙNG XẠ ĐIỀU, nhơn vật tượng trưng cho Stalin chính là Hoàng Dung.

Trong bộ THẦN ĐIỀU ĐẠI HIỆP, Bang Chủ Thiết Chương Bang đã trở thành Tù Ân Đại Sư và đã cố gắng tranh đấu với bản chất hung ác của mình để theo đúng lời thầy là Nhứt Đẳng Đại Sư dạy. Điều này có thể đã được dùng để ám chỉ việc Tây Đức

hiện nay đã theo chế độ dân chủ tự do và có thái độ thân hữu, sẵn sàng viện trợ cho các nước khác, nhất là các nước thuộc Hệ Tam Thế Giới.

Nói chung lại thì sự giao thiệp giữa Trung Thần Thông, Đông Tà, Tây Độc, Bắc Cối, Nam Đế và Bang Chủ Thiết Chuồng Bang với nhau cũng như với các nhơn vật liên hệ đến họ không phải mô tả hết lịch sử bang giao thật sự giữa Trung Quốc, Nhật, các nước Tây Phương, Liên Xô, các nước thuộc Hệ Tam Thế Giới và các nước Đức Quốc Xã và Ý Phát Xít. Ta phải công nhận rằng nếu Kim Dung theo sát lịch sử bang giao thật sự đó thì ông rất khó có thể làm cho các bộ truyện võ hiệp của ông hấp dẫn được. Bởi đó, ông chỉ dùng một số chi tiết trong sự giao thiệp giữa các cao thủ võ lâm để ám chỉ các biến cố quan trọng trên trường chánh trị quốc tế và chúng tôi chỉ nêu các chi tiết này ra để cho quý vị độc giả suy nghiệm.

- CHƯƠNG I

- MỤC II

CÁC NHƠN VẬT ĐƯỢC DÙNG ĐỂ MÔ TẢ MỘT VÀI CHÁNH KHÁCH NỔI TIẾNG TRONG LỊCH SỬ TRUNG QUỐC CẬN ĐẠI

Khi viết bộ **VÕ LÂM NGŨ BÁ, ANH HÙNG XẠ ĐIỀU** và **THẦN ĐIỀU ĐẠI HIỆP**, Kim Dung đã dùng một số cao thủ võ lâm để ám chỉ một vài quốc gia đặc biệt trên thế giới. Trong khuôn khổ tổng quát đó, một vài chánh khách nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc cận đại đã được đề cập đến rồi. Như chúng tôi đã trình bày trong Mục 1 của Chương này, Trung Thần Thông có thể xem như là nhơn vật biểu tượng cho Tôn Văn, còn Quách Tĩnh với Dương Khang thì một người biểu tượng cho Mao Trạch

Đông, một người biểu tượng cho Uông Tinh Vệ. Về sau lúc viết bộ TIỂU NGẠO GIANG HỒ và LỘC ĐỈNH KÝ, Kim Dung lại đặc biệt dùng một số nhơn vật để ám chỉ các chánh khách Trung Quốc cận đại trong cả hai phe Cộng Sản và Quốc Gia .

I – CÁC CHÁNH KHÁCH TRUNG QUỐC VỀ PHÍA CỘNG SẢN.

Trong thời kỳ sáng tác ba bộ VÕ LÂM NGŨ BẮC, ANH HÙNG XẠ ĐIỀU và THẦN ĐIỀU ĐẠI HIỆP, Kim Dung hãy còn thiên tả và có cảm tình nồng hậu với phe xã hội chủ nghĩa. Do đó, các nhơn vật biểu tượng cho phong trào Cộng Sản Quốc Tế đã được ông trình bày như là những bậc anh hùng nghĩa hiệp, giàu lòng thương nước thương dân. Điều này biểu lộ rõ rệt trong việc ông dùng Quách Tĩnh để ám chỉ nhà lãnh tụ Trung Cộng là Mao Trạch Đông. Qua nhơn vật Quách Tĩnh, Mao Trạch Đông được xem như là một người hoàn toàn đáng cho chúng ta mến phục. Nhưng đến khi viết hai bộ TIỂU NGẠO GIANG HỒ và LỘC ĐỈNH KÝ, Kim Dung đã nhận chân được sự thật về Cộng Sản Quốc Tế nói chung và Trung Cộng nói riêng. bởi đó, trong hai bộ truyện võ hiệp này, ông đã dùng những nhơn vật đáng sợ hãi hơn là đáng trọng để ám chỉ các lãnh tụ Trung Cộng

A. CÁC NHƠN VẬT BIỂU TƯỢNG CHO CÁCH LÃNH TỰ TRUNG CỘNG TRONG BỘ TIỂU NGẠO GIANG HỒ

Trong bộ TIỂU NGẠO GIANG HỒ, đề tài chánh yếu là cuộc xung đột đẫm máu giữa Triều Dương Thần Giáo và các phe được gọi chung là bạch đạo. Đọc kỹ tác phẩm này, ta có thể tìm thấy nhiều dữ kiện chứng tỏ rằng Kim Dung đã dùng tổ chức Triều Dương Thần Giáo để ám chỉ Đảng Trung Cộng và hai vị Giáo Chủ Nhậm Ngã Hành

và Đông Phương Bất Bại để biểu tượng cho hai nhà lãnh tụ quan trọng nhất của Trung Cộng là Mao Trạch Đông và Lưu Thiểu Kỳ.

1 – Các điểm tương đồng giữa Triều Dương Thần Giáo và Đảng Trung Cộng

a. Điều đáng lưu ý trước hết là tên của Triều Dương Thần Giáo. Triều Dương vốn có nghĩa là buổi sớm mai, tức là lúc mặt trời đã mọc, nhưng vẫn còn ở phía đông. Danh hiệu của Trung Cộng không hàm ý mặt trời mọc, cũng không có một liên hệ gì đến hướng đông. Nhưng bản quốc thiều của Trung Hoa Nhân Dân Cộng Hòa Quốc do Trung Cộng thiết lập lại là bản Đông Phương Hồng. Nó bộc lộ rõ rệt ý kiến của các nhà lãnh đạo Trung Cộng xem Trung Quốc dưới sự điều khiển của họ là một nước lớn ở phương Đông và có chánh nghĩa sáng rực, lại đang lúc hưng thịnh như mặt trời mọc, làm cho nước ấy cuối cùng sẽ thắng các nước Tây Phương theo chế độ tư bản. Khẩu hiệu mà các nhà lãnh tụ Trung Cộng tung ra để khẳng định việc này là “Gió đông thắng gió tây”.

Mặt khác, Đảng Trung Cộng được tổ chức theo các nguyên tắc chung của Cộng Sản Quốc Tế do Lenin nêu ra và được Stalin cải thiện. Với các nguyên tắc này, Cộng Sản tuy là một chánh đảng, nhưng không khác một đoàn thể tôn giáo. Đoàn thể tôn giáo thường đòi hỏi giáo đồ tuyệt đối tin tưởng nơi giáo lý, tuyệt đối phục tùng Giáo Hội và sẵn sàng làm mọi việc theo mạng lệnh của Giáo Hội. Đảng Cộng Sản tuy không dựa vào thần quyền, nhưng cũng đòi hỏi đảng viên phải tuyệt đối tin tưởng nơi chủ nghĩa cộng sản, tuyệt đối phục tùng cấp chỉ huy và sẵn sàng làm mọi việc theo mạng lệnh cấp chỉ huy. Bởi đó, mặc dầu không phải là một Giáo Hội trên danh nghĩa, Đảng Cộng Sản trong thực tế vẫn không khác một Giáo Hội. Điều này đã được các nhà chánh trị học và xã hội học xác nhận. Phần Triều Dương Thần Giáo thì tuy mang

danh nghĩa là tôn giáo, nhưng trong bộ TIỂU NGẠO GIANG HỒ, ta không thấy nó thờ phụng vị thần nào. Với các dữ kiện trên đây, ta có thể xác nhận rằng Triều Dương Thần Giáo đã được dùng để ám chỉ Trung Cộng.

b. Nghiên cứu kỹ hơn cách Kim Dung mô tả Triều Dương Thần Giáo, chúng ta có thể tìm thấy thêm nhiều chi tiết làm bộc lộ sự tương đồng giữa tổ chức này với Đảng Trung Cộng.

- Theo Kim Dung thì từ khi thành lập, Triều Dương Thần Giáo đã tự đứng vào thế thù nghịch với các đoàn thể và nhơn vật thuộc giới bạch đạo. Chẳng những có nguyên tắc làm việc hoàn toàn trái với đạo lý thông thường đương hữu, Triều Dương Thần Giáo lại còn có chủ trương trừ diệt các nhơn vật và đoàn thể bạch đạo hoặc bắt buộc các nhơn vật và đoàn thể này phải thần phục mình để có thể thống trị cả giới võ lâm. Bởi đó, các nhơn vật và đoàn thể thuộc giới bạch đạo đều hết sức thù hận Triều Dương Thần Giáo mà họ gọi là Ma Giáo. Ta có thể xem các nhơn vật và đoàn thể được Kim Dung gọi là bạch đạo như là các nhơn vật và đoàn thể theo xu hướng quốc gia, chánh thức tôn trọng nền luân lý cổ truyền và nếp sinh hoạt đương hữu của dân tộc Trung Hoa. Phần Trung Cộng được Triều Dương Thần Giáo biểu tượng thì theo đường lối cách mạng, chống lại nền luân lý cổ truyền và chủ trương cải tạo xã hội Trung Hoa theo quan niệm của mình. Muốn đạt mục đích này, Trung Cộng phải trừ diệt hay chế ngự các nhơn vật và đoàn thể quốc gia nên bị họ thù hận và gọi là cộng phỉ, tức là bọn giặc cướp theo chủ nghĩa cộng sản.

- Trong sự tổ chức và hành động, Trung Cộng đã theo kỹ thuật chung của Cộng Sản Quốc Tế do Lenin sáng chế và được Stalin cải thiện. Đó là một kỹ thuật rất khoa học, nhưng cũng rất tàn nhẫn vì nó sẵn sàng chà đạp trên các tình cảm sâu đậm nhất

của con người. Điều này đã được Kim Dung ám chỉ khi ông mô tả lễ lới tổ chức và hoạt động của Triều Dương Thần Giáo.

Theo Kim Dung, Triều Dương Thần Giáo là một đoàn thể tổ chức rất chặt chẽ và theo lối quyền uy. Nhà lãnh đạo tối cao là một Giáo Chủ nắm trọn quyền quyết định, kế đó là hai vị Quang Minh Tả Sứ và Quang Minh Hữu Sứ, dưới nữa là mười vị Trưởng Lão rồi mới đến các cấp chỉ huy thấp hơn và giáo chúng. Ngoài những người chánh thức gia nhập, Triều Dương Thần Giáo lại còn có những cá nhân và đoàn thể vì bị chế ngự hay vì sợ uy thế mà phải theo phụ lực cho nó. Nói chung thì trong thời kỳ ông Mao Trạch Đông còn sống, nhà lãnh tụ cao cấp nhất của Trung Cộng là Chủ Tịch của Trung Ương Ủy Viên Hội tức là Chủ Tịch của Đảng, kế đó, có một hay nhiều Phó Chủ Tịch, và Tổng Thư Ký của Trung Ương Thư Ký Xứ. Dưới họ là các Ủy Viên trong Trung Ương Chánh Trị Cục, Trung Ương Thư Ký Xứ; dưới nữa là các Ủy Viên trong Trung Ương Ủy Viên Hội, rồi đến các cấp chỉ huy và cán bộ ở các địa phương và các đảng viên. Ngoài các nhân viên chánh thức của Đảng, lại còn có những người tùy thuộc và những đoàn thể ngoại vi vì cảm tình hay vì sự uy hiếp mà hoạt động cho Đảng. Nguyên tắc làm việc của Trung Cộng được gọi là dân chủ tập quyền và thật sự dành cho Chủ Tịch Đảng một uy quyền rất lớn.

Về kỹ thuật tranh đấu, Kim Dung cho biết rằng người của Triều Dương Thần Giáo luyện nội ngoại công theo một đường lối riêng biệt nên các nhân vật danh môn chánh phái tuy võ nghệ cao cường mà vẫn không địch lại. Đáng lưu ý hơn hết là các công phu về võ thuật của hai nhân vật đã thay nhau làm Giáo Chủ của Triều Dương Thần Giáo là Đông Phương Bất Bại và Nhậm Ngã Hành.

- Đông Phương Bất Bại đã được Kim Dung trình bày như là nhơn vật có võ công cao diệu nhất trong bộ TIỂU NGẠO GIANG HỒ. Tên Bất Bại của ông hàm ý là ông không thua ai trong những trận chiến đấu. Cả tên và họ của ông hợp lại có nghĩa là phương đông nhất định sẽ thắng y như khẳng định của các nhà lãnh đạo Trung Cộng. Vậy, tên họ của vị Giáo Chủ Triều Dương Thần Giáo xác nhận thêm dụng ý của Kim Dung muốn ám chỉ Trung Cộng khi nói đến giáo phái này. Mặt khác, công phu độc đáo làm cho Giáo Chủ Triều Dương Thần Giáo trở thành vô địch lại được ghi chép trong một bí kíp mang tên là QUÌ HOA BẢO ĐIỀN và được xem là vật chí bảo trấn sơn của Triều Dương Thần Giáo. Trong ngôn ngữ Trung Hoa và Việt Nam, hoa quì cũng được gọi là hoa hướng dương vì nó luôn luôn quay về phía mặt trời. Danh hiệu của bí kíp ghi chép công phu độc đáo nói trên đây rõ rệt là có liên hệ với danh hiệu của giáo phái và tên họ vị Giáo Chủ của giáo phái này. Với các chi tiết trên đây Kim Dung đã có ý cho chúng ta biết rằng công phu được ông nói đến biểu tượng cho kỹ thuật làm việc đặc biệt của Trung Cộng.

Cứ theo sự mô tả của Kim Dung thì người muốn luyện võ công theo QUÌ HOA BẢO ĐIỀN trước hết phải tự thiến; nếu không làm như vậy thì khi luyện, lửa dục thiêu đốt ruột gan thành tẩu hỏa nhập ma khiến người cứng đơ ra mà chết. Do chỗ phải tự thiến này mà người luyện võ công theo QUÌ HOA BẢO ĐIỀN lần lần hóa ra ái nam ái nữ. Râu họ mỗi ngày rụng bớt đi một ít, cho đến khi không còn sợi nào; cử chỉ họ mất tính cách cứng rắn của người đàn ông; thanh âm họ cũng thành ra đàn bà.

Luyện đến mức tuyệt đỉnh như Đông Phương Bất Bại thì người hoàn toàn cư xử giống hệt một phụ nữ. Đông Phương Bất Bại ở một chỗ giống như chốn thâm khuê, ăn mặc diêm dúa y như đàn bà. Ông đã mê say một thanh niên trẻ tuổi và to lớn vạm

võ là Dương Liên Đình. Chẳng những tin cậy người thanh niên này và để cho anh ta trọn quyền quản lãnh hết mọi công việc của Triều Dương Thần Giáo, ông còn hết sức chiều chuộng anh ta y như người vợ đối với chồng. Ông không ngần ngại biểu lộ sự thương yêu và từng phục của ông đối với Dương Liên Đình ngay trong lúc những người thù địch của ông đang đứng trước mặt ông và sẵn sàng tấn công để giết ông. Vậy theo Kim Dung, muốn trở thành một cao thủ vô địch trong võ lâm xứng đáng với tên Bất Bại, Giáo Chủ của Triều Dương Thần Giáo đã phải chấp nhận tự thiến và trở thành một con người quái đản, có hình thái và tâm lý trái với người thường. Với hình ảnh này, tác giả bộ TIỂU NGẠO GIANG HỒ đã có ý đưa ra một nhận xét về kỹ thuật làm việc của Cộng Sản do Lenin sáng chế và được Stalin cải thiện thêm. Kỹ thuật này đã làm cho Cộng Sản Quốc Tế trở thành một đoàn thể chánh trị hữu hiệu đủ sức đánh bại các đối thủ của mình để cướp đoạt và duy trì chánh quyền ở nhiều nước, đồng thời chống chọi lại các cường quốc Tây Phương một cách hữu hiệu.

Nhưng muốn đạt mức độ hiệu lực này, Cộng Sản Quốc Tế đã áp dụng một phương pháp rất đặc biệt để huấn luyện các đảng viên của mình, làm cho họ hoàn toàn khác với người thường.

Người đảng viên cộng sản được hướng dẫn đến chỗ có một lòng tin tưởng tuyệt đối nơi chánh nghĩa và sự tất thắng của chủ nghĩa cộng sản và sẵn sàng làm mọi việc theo quyết định của cấp trên. Họ phải trừ bỏ hết mọi ý kiến, tư tưởng và tình cảm cá nhân. Họ phải xem là đúng bất cứ quyết định nào của cấp trên, dầu nó trái với lẽ phải thông thường, mâu thuẫn với một quyết định đã có trước, hay đụng chạm nặng nề đến những tình cảm sâu đậm nhất, thiêng liêng nhất trong lòng họ. Khi Đảng ra lệnh tố cáo, nguyên rủa hay sát hại các thân nhân ngay cả đến cha mẹ ông bà mình, người đảng

viên cũng phải cương quyết và mạnh bạo thi hành. Những người không chấp nhận làm như vậy thì bị trừ diệt hay ít nhất cũng bị loại ra khỏi Đảng. Chỉ có các đảng viên hoàn toàn chấp nhận tùng phục Đảng và được uốn nắn theo khuôn khổ Đảng đưa ra mới được trọng dụng và lần lần thăng cấp để leo lên địa vị lãnh đạo trong Đảng.

Nhờ kỹ thuật này mà Đảng Cộng Sản có một sức mạnh lớn lao và đã nắm phần chiến thắng trong cuộc tranh đấu nó đeo đuổi. Nhưng muốn đi đến mục đích này, nó đã phải làm cho các đảng viên của nó bị thương tổn nặng nề về mặt tâm lý. Việc hủy diệt các ý kiến, tư tưởng và nhứt là tình cảm cá nhân đến mức tố cáo, nguyên rủa hay sát hại cha mẹ ông bà mình là một hành động làm cho người bị mất hơn tránh. Nó giúp người đạt mức “bất bại” trong cuộc tranh đấu chánh trị, nhưng cũng làm cho người không còn hoàn toàn là người. Nó đã được Kim Dung so sánh với việc tự thiến để luyện võ công theo QUIL HOA BẢO ĐIỀN, làm cho người đạt mức “bất bại” trong cuộc tranh đấu bằng võ công, nhưng cũng đồng thời làm cho người trở thành ái nam ái nữ tức là một con người tàn tật, bất cụ. Qua các dữ kiện trên đây, ta có thể bảo rằng Kim Dung đã dùng QUIL HOA BẢO ĐIỀN để ám chỉ chủ nghĩa Lenin-Stalin đã được Trung Cộng áp dụng trong việc tổ chức và hoạt động của mình.

- Về phần Nhậm Ngã Hành, công phu độc đáo của ông là Hấp Tinh Đại Pháp. Luyện được công phu này rồi thì khi thân thể mình đụng chạm với thân thể người khác, mình có thể thâm hút công lực của họ vào thân thể mình. Nếu không chấm dứt sự đụng chạm thì sự thâm hút công lực này vẫn tiếp tục cho đến khi người mà công lực bị thâm hút hoàn toàn kiệt quệ.

Đây là một công phu kỳ diệu làm cho người luyện nó lấy được công phu luyện tập của kẻ khác, kể cả của địch thủ để làm sức mạnh của chính mình. Nhưng sau khi thâm

hút được công lực một kẻ khác vào thân thể mình, người luyện Hấp Tinh Đại Pháp phải hóa tán nó và đưa nó vào các kinh mạch của mình để sử dụng. Nếu các luồng công lực mình thu hút được vốn thuộc những người luyện tập theo những cách thức khác nhau thì người luyện tập Hấp Tinh Đại Pháp phải có khả năng dung hợp nó làm một công tác thuần nhất. Không dung hợp nổi các công lực dị biệt mà mình thu hút được thì nó sẽ phản lại để cấu xé mình và mình phải dùng công lực của chính mình để đối phó. Trong trường hợp công lực của mình không đủ mạnh để chế ngự các luồng công lực dị biệt mình đã thu hút vào người mà không dung hợp nổi thì mình phải lâm nguy. Nhậm Ngã Hành cuối cùng đã chết một cách đột ngột vì mặc dầu đã cố công nghiên cứu tìm tòi ông vẫn không thành công trong việc dung hợp một cách êm xuôi các công lực ông đã thu hút và phải dùng đến một nội công cực kỳ bá đạo để khử trừ các công lực ấy.

Mặt khác, nếu kẻ địch có một công lực quá đặc biệt và có thể gây hại cho thân thể người thu hút nó thì người sử dụng công phu Hấp Tinh Đại Pháp phải lâm nguy. Việc này đã xảy ra cho Nhậm Ngã Hành sau khi ông thu hút công lực của Tả Lãnh Thiền. Luồng công lực đặc biệt này đã được luyện theo phép Hàn Ngọc Chơn Khí nên làm cho người thu hút nó vào thân thể mình phải bị lạnh cóng.

Nhậm Ngã Hành đã suýt bị thiệt mạng vì luồng công lực âm hàn này. Nhậm Ngã Hành làm Giáo Chủ Triều Dương Thần Giáo trước và sau Đông Phương Bất Bại, mà như ta đã thấy, Triều Dương Thần Giáo là biểu tượng của Trung Cộng. Vậy, Hấp Tinh Đại Pháp cũng đã được Kim Dung dùng để ám chỉ một kỹ thuật làm việc đã được Trung Cộng áp dụng. Qua cách thức ông mô tả Hấp Tinh Đại Pháp, ta có thể nghĩ

rằng ông đã muốn nói đến một kỹ thuật đặc biệt của Trung Cộng nói riêng và Cộng Sản các nước nói chung trong việc đối phó với các đoàn thể chánh trị khác.

Nói chung thì Đảng Cộng Sản nhắm mục đích nắm độc quyền chánh trị trong quốc gia nên phải đối phó với tất cả các đoàn thể chánh trị khác. Nhưng lúc còn yếu, họ không thể đồng thời đương đầu lại tất cả các đoàn thể chánh trị khác. Bởi đó, họ phải sắp hạng các đoàn thể cần phải trừ diệt theo một thứ tự trước sau rất rõ rệt. Thường thì họ chia mũi dùi vào đoàn thể bị xem là kẻ thù số một và sẵn sàng liên minh với các đoàn thể khác, hoặc thành lập một Mặt Trận với các đoàn thể khác này để triệt hạ kẻ thù bị đặt lên hàng số một. Khi kẻ thù số một này đã bị hạ rồi thì đoàn thể trước đây bị xem là kẻ thù số hai và đang liên minh với họ hay đang ở trong một Mặt Trận với họ bị họ nâng lên hàng kẻ thù số một và tìm cách triệt hạ. Nếu có sự thay đổi trong tình thế quốc gia làm xuất hiện một mối nguy lớn cho tất cả, người cộng sản có thể quay lại liên minh hay lập Mặt Trận với kẻ thù số một của họ. Đó là việc xảy ra ở Trung Quốc sau khi nước này bị người Nhật tấn công. Lúc ấy, Trung Quốc đã quay lại bắt tay với Trung Hoa Quốc Dân Đảng để chống lại Nhật mặc dầu trước đó, hai bên đã xem nhau như thù địch và đã tìm cách triệt hạ nhau.

Đối với kẻ thù đang đối địch với họ, cũng như đối với các đoàn thể đang liên minh với họ hoặc cùng đứng chung với họ trong một Mặt Trận, người cộng sản đều áp dụng kỹ thuật vận động để lôi kéo người của đoàn thể khác theo mình. Kỹ thuật địch vận của họ nhằm mục đích khuyến dụ hoặc cưỡng bách người trong lực lượng kẻ địch ngầm theo họ và giúp họ chống lại địch. Việc ngầm vận động cho người của các đoàn thể chánh trị khác theo mình mà chống lại đoàn thể gốc của họ cũng được áp dụng đối với các đoàn thể đang liên minh với người cộng sản hoặc cùng đứng chung với người

cộng sản trong một Mặt Trận. Vậy, dầu là địch hay bạn, hễ có sự tiếp xúc liên lạc với Cộng Sản thì đều bị Cộng Sản dùng kỹ thuật vận động đặc biệt của họ để lôi kéo người của mình đi theo họ làm cho mình mất dần tiềm lực đến mức phải kiệt quệ và bị tiêu diệt. Điều này đã được Kim Dung nói lên một cách bóng bẩy qua hình ảnh của Nhậm Ngã Hành dùng Hấp Tinh Đại Pháp để thu hút công lực của những người đụng đến thân thể ông.

Về mối nguy phát xuất từ việc thu hút nội lực kẻ khác, nó có thể được dùng để ám chỉ nhiều việc. Trước hết là việc kẻ địch lợi dụng cách hoạt động của Cộng Sản để cho người nội tuyến Đảng này và gây những lung củng nội bộ, hoặc cố tình đưa ra những tin tức sai lạc để lái Đảng Cộng Sản theo một đường lối cuối cùng bất lợi cho Đảng ấy. Kế đó, là việc chinh phục các nhóm người có văn hóa và nếp sống khác nhau có thể gây những khó khăn lớn cho nhà cầm quyền cộng sản. Ta có thể lấy làm thí dụ cho tình trạng này, việc Cộng Sản Việt Nam bị khủng hoảng trầm trọng từ khi chinh phục được Miền Nam Việt Nam năm 1975. Trước đó, chánh quyền Cộng Sản Việt Nam không gặp trở ngại gì nhiều trong việc thống trị hơn dân Miền Bắc Việt Nam. Nhưng từ năm 1975, nó đã phải đương đầu với nhiều vấn đề phát xuất từ chỗ hơn dân Miền Nam Việt Nam đã quen với nếp sống tự do nên chống chọi lại nó, và việc hơn dân Miền Bắc Việt Nam sau khi tiếp xúc với hơn dân Miền Nam Việt Nam và biết được sự thật về Miền này cũng đã quay ra mất tin cậy nơi nó và chống chọi lại nó.

- Theo sự mô tả của Kim Dung thì về mục đích tối hậu và quan niệm căn bản cùng các hệ luận tất yếu của mục đích và quan niệm này, Triều Dương Thần Giáo thật sự cũng giống như Cộng Sản nói chung và Trung Cộng nói riêng.

* Triều Dương Thần Giáo đã tìm mọi cách để triệt hạ tất cả các môn phái võ lâm và bắt quân hào hùng phục mình. Mưu đồ này đã được nói lên rõ rệt qua câu của giáo chủ chúc tụng Giáo Chủ Triều Dương Thần Giáo “trường trị thiên thu, nhất thống giang hồ”, nghĩa là lãnh đạo đền hàng ngàn năm và họp tập tất cả anh hùng trong thiên hạ dưới quyền điều khiển của mình. Giác mộng của Triều Dương Thần Giáo như Kim Dung nêu ra thật chẳng khác nào lý tưởng chánh thức của người cộng sản, được các lãnh tụ Trung Cộng công khai chấp nhận, là thực hiện cảnh thế giới đại đồng vô sản, tức là làm cho toàn thể nhân loại đều theo chế độ cộng sản và đặt dưới quyền điều khiển của các nhà lãnh đạo cộng sản.

* Để thực hiện giác mộng của mình, người của Triều Dương Thần Giáo đã áp dụng nguyên tắc “cứu cánh biện minh cho phương tiện”. Bởi đó, họ không ngần ngại thi hành mọi biện pháp, dầu cho tàn độc đến đâu cũng được, nếu các biện pháp đó cần thiết cho sự thắng lợi của họ. Kim Dung cho biết rằng người của Triều Dương Thần Giáo chẳng những dùng võ lực với những công phu âm độc, mà còn thi hành nhiều mưu kế đa đoan, làm cho đối thủ của họ không biết đâu mà đề phòng. Họ đã tìm mọi cách chiêu dụ, mua chuộc, cưỡng bách người của các đoàn thể khác theo họ, và dùng kỹ thuật ly gián để làm phân hóa các đoàn thể đó. Đối với những kẻ hiếu sắc họ dùng mỹ nhân kế. Đối với người ưa thích một môn nào, thí dụ như đối với người say mê âm nhạc chẳng hạn, họ sai kẻ có tài về môn đó đến làm quen rồi gây cảm tình và kết bạn, để cuối cùng lôi kéo người ấy theo họ, hay làm cho người ấy bị người cùng đoàn thể nghi kỵ mà xa lánh hoặc xua đuổi. Nguyên tắc làm việc cũng như các biện pháp cụ thể mà Triều Dương Thần Giáo áp dụng kể trên đây thật sự cũng không khác gì nguyên tắc căn bản đã được Lenin nêu ra và được Stalin cùng các nhà lãnh đạo cộng sản các nước áp dụng.

* Một trong các biện pháp mà Triều Dương Thần Giáo áp dụng là sự khủng bố để làm cho mọi người phải sợ hãi mà tùng phục mình. Theo Kim Dung thì giới giang hồ đã kể cho nhau nghe những việc kinh khủng mà người theo Triều Dương Thần Giáo đã làm: nào là bắt người đóng đinh vào cột, nào là trong một đám cưới cắt đầu hai vợ chồng tân hôn đặt giữa tiệc và bảo đó là lễ mừng; nào là đặt chất nổ trong một bữa tiệc khánh thọ làm cho nhiều người thiệt mạng .. . Những người bị liệt vào hạng thù địch của Triều Dương Thần Giáo có thể bị chặt đứt tay chân hay móc mắt hoặc sát hại. Ngoài ra, tất cả già trẻ gái trai trong nhà những người ấy đều bị giết sạch không chừa một mạng, theo nguyên tắc “nhỏ cỏ phải trừ rễ”. Việc dùng sự khủng bố để cho mọi người sợ hãi cũng như việc tàn sát những người bị liệt vào hạng thù địch, đồng thời trừng phạt luôn đến cả thân nhân những người ấy như Triều Dương Thần Giáo chủ trương thật sự cũng là những việc mà người cộng sản đã làm ở mọi nơi. Cộng Sản Việt Nam đã bắt người ra mỏ bưng đồn trâu, hoặc chôn sống, hoặc quăng xuống sông, gọi là cho “mò tôm”. Họ cũng đã áp dụng sự trừng phạt không những đối với những kẻ chống lại họ mà cho cả người trong gia quyến những kẻ ấy. Họ đã quăng lựu đạn vào những nơi có người tập hợp đông đảo, làm trật đường rầy xe lửa... khiến cho nhiều người vô tội chết oan. Nguyên tắc làm việc trên đây đã được Cộng Sản mọi nơi áp dụng. Vậy, khi nói đến hành động khủng bố của Triều Dương Thần Giáo và cách thức tàn độc mà giáo phái này dùng để đối phó với địch thủ, Kim Dung đã có ý ám chỉ một lẽ lỗi làm việc của Trung Cộng

* Để có thể đối phó với các nhơn vật quan trọng và các đoàn thể như là các nhơn vật và đoàn thể không theo họ, Triều Dương Thần Giáo đã điều tra thật kỹ về các nhơn vật và đoàn thể này. Khi nói chuyện với Hương Vãn Thiên là một nhà lãnh đạo cao cấp của giáo phái này, Linh Hồ Xung đã rất kinh ngạc mà nhận thấy rằng ông ta

biết rõ lai lịch, võ công và cá tánh từng người trong võ lâm, chẳng những trong hàng nhơn vật đã nổi tiếng mà còn ngay cả trong số những đệ tử tầm thường của các môn phái. Đây cũng là một phương pháp làm việc thông thường của người cộng sản ở mọi nơi.

* Đối với người trong hàng ngũ của mình, Triều Dương Thần Giáo áp dụng một kỷ luật nghiêm khắc. Những kẻ bị buộc vào tội phản loạn hay không tuân giáo lệnh, dầu đã có công lớn với môn phái hay có ơn riêng với người cấp trên đều bị trừng phạt nặng nề. Chẳng những bản thân họ bị xử lăng trì mà toàn gia họ còn bị tru lục theo. Bởi đó, khi Đông Bách Hùng bị truy nã về tội thông đồng với Nhậm Ngã Hành để chống lại Đông Phương Bất Bại thì vợ, con và cháu ông ta, ngay cả đến những đứa bé 7, 8 tuổi, cũng bị bắt theo.

Ngoài ra, các lãnh tụ của Triều Dương Thần Giáo đã tỏ ra không tin cậy nơi những người cộng sự của mình và dùng mọi cách để kềm chế họ. Các cao thủ võ lâm gia nhập giáo phái này đã bị Giáo Chủ bắt uống Tam Thi Nảo Thần Đơn. Những người đã uống thuốc này rồi thì đến giờ Ngọ ngày Tết Đoan Ngọ phải uống thêm thuốc do Giáo Chủ phát cho, nếu không uống thuốc thêm như vậy thì họ trở thành điên cuồng, có thể cắn cả cha mẹ vợ con để ăn thịt. Muốn được phát thuốc uống thêm hầu thoát nạn đó, người đã uống Tam Thi Nảo Thần Đơn rồi thì phải hoàn toàn tuân lệnh cấp trên.

Một kỹ thuật khác được các nhà lãnh đạo Triều Dương Thần Giáo áp dụng là dùng cộng sự viên này để kiểm soát và kềm chế cộng sự viên khác. Sự nghi kỵ thuộc hạ và dùng người này để kiểm soát và kềm chế người kia đã được Kim Dung mô tả qua cách thức Đông Phương Bất Bại giam giữ Nhậm Ngã Hành. Muốn mở cánh cửa sắt của gian phòng nhốt ông này, phải dùng bốn cái chìa khóa và bốn vị trong Giang Nam

Tứ Hữu có nhiệm vụ canh giữ Nhậm Ngã Hành mỗi người chỉ giữ một trong bốn cái chìa khoá đó mà thôi. Bởi vậy, chỉ cần một trong bốn người nói trên đây không đồng ý là cánh cửa này không thể mở được. Mặt khác, người lãnh nhiệm vụ đem cơm nước cho Nhậm Ngã Hành ăn uống mỗi ngày là một người vừa đui vừa điếc và lưỡi bị cắt để không nói được nên Nhậm Ngã Hành không cách nào nói chuyện với anh ta được để âm mưu vượt ngục.

Các kỹ thuật tổ chức nói trên đây: từ việc áp dụng kỷ luật nghiêm khắc với người trong đoàn thể qua việc dùng biện pháp hữu hiệu để kèm chế họ đến việc nghi kỵ mọi người và dùng người này để theo dõi, kiểm soát, kèm chế người kia . . . đều là những kỹ thuật làm việc do Lenin sáng chế rồi được Stalin cải thiện và được người cộng sản áp dụng ở khắp nơi. Nhờ các kỹ thuật đó, Đảng Cộng Sản đã làm cho các đảng viên bị bắt buộc phải luôn luôn theo đúng đường lối của Đảng và không dám chống lại cấp trên.

* Ngoài việc kèm chế giáo chúng bằng biện pháp vật chất, Triều Dương Thần Giáo còn nắm giữ họ bằng sự huấn luyện nhồi sọ. Ngay cả đền trẻ con cũng phải học thuộc lòng những điều gọi là bảo huấn của Giáo Chủ. Sự huấn luyện nhồi sọ này làm cho phần lớn nếu không phải là tất cả giáo chúng luôn luôn thấy rằng Giáo Chủ có lý và không ngần ngại theo Giáo Chủ để chống lại cả thân nhon của mình. Những điều này đã được Kim Dung nói đến qua việc đưa cháu nội của Đồng Bách Hùng chỉ độ 10 tuổi, nhưng đã thuộc lòng các bảo huấn của Giáo Chủ và khẳng định rằng ông nội mình đã làm lỗi khi phản đối Giáo Chủ. Việc huấn luyện nhồi sọ làm cho mọi người từ bé đến lớn đều chỉ biết lặp lại lý luận của nhà lãnh đạo tối cao và lúc nào cũng cho nhà lãnh đạo tối cao là có lý, cũng là một kỹ thuật làm việc của Cộng Sản.

Với lễ lối tổ chức và hành động như kể trên đây, Triều Dương Thần Giáo đã làm cho mọi người sợ hãi và hoàn toàn tòng phục cấp trên. Ngay cả đến các cao thủ võ lâm vốn gan góc bướng bỉnh và những người có công lớn đối với tổ chức hay đã từng giúp Giáo Chủ nhiều việc trọng đại cũng lần lần bị khép vào khuôn khổ. Họ phải ca ngợi Giáo Chủ với những lời lẽ nịnh bợ quá đáng mà không ngượng miệng, nào là “Giáo Chủ văn thánh võ đức, hơn nghĩa anh minh”, nào là “Giáo Chủ thiên thu trường trị, hút thống giang hồ”, nào là “Giáo Chủ trạch bị thương sinh”(nghĩa là ơn đức nhuần thấm cả dân chúng), nào là “Giáo Chủ hơn nghĩa ngang trời, lượng rộng như biển” ... Trái ngược lại, những người bị xem là thù địch của Giáo Chủ thì bị sỉ mạ không tiếc lời. Trong số những người bị xem là thù địch của Giáo Chủ đương nhiệm, có cả vi Giáo Chủ tiền nhiệm. Sau khi Nhậm Ngã Hành hạ sát Đông Phương Bất Bại để cướp lại ngôi Giáo Chủ, Đông Phương Bất Bại đã bị những thuộc hạ đã từng ca ngợi ông ta lên mây xanh quay lạt chửi bới sỉ vả và bọn này còn bịa ra nhiều việc xấu xa tưởng tượng để bôi lọ thêm Đông Phương Bất Bại . Chánh sách đề cao và ca ngợi nhà lãnh đạo tối cao và sỉ mạ các địch thủ của ông ta một cách quá đáng đã được Cộng Sản Liên Xô áp dụng từ thời Stalin. Sau đó, nó đã được Cộng Sản các nước bắt chước áp dụng. Việc trở mặt sỉ mạ nhà lãnh tụ tối cao hết còn nắm quyền bính đã được cả thế giới thấy rõ sau khi Tổng Bí Thư Đảng Cộng Sản Liên Xô là Khrushchcv hạ bệ Stalin.

Vậy, nói chung lại, hình ảnh của Triều Dương Thần Giáo dưới ngòi bút Kim Dung quả là hình ảnh của Đảng Cộng Sản nói chung và Trung Cộng không ra khỏi công lệ này.

2. Nhậm Ngã Hành, biểu tượng Mao Trạch Đông và Đông Phương Bất Bại, biểu tượng Lưu Thiểu Kỳ

Nếu Triều Dương Thần Giáo được dùng để ám chỉ Đảng Trung Cộng thì các nhơn vật đã làm giáo chủ của giáo phái này dĩ nhiên là phải được dùng để biểu tượng cho các nhà lãnh tụ của Đảng ấy.

Trong bộ TIỂU NGẠO GIANG HỒ, có nhiều dữ kiện làm cho chúng ta có thể nghĩ rằng Nhậm Ngã Hành là nhơn vật tượng trưng cho Mao Trạch Đông trong khi Đông Phương Bất Bại là nhơn vật tượng trưng cho Lưu Thiểu Kỳ. Cũng như đối với các nhơn vật tượng trưng cho một số quốc gia đặc biệt mà chúng tôi đã trình bày trong Mục I của Chương này, Kim Dung không phải dùng cốt chuyện của TIỂU NGẠO GIANG HỒ để kể hết lại tiểu sử của các lãnh tụ Trung Cộng nói trên đây, mà chỉ nêu ra một số chi tiết liên hệ đến tiểu sử đó.

a. Mối liên hệ giữa Nhậm Ngã Hành với Đông Phương Bất Bại bên trong Triều Dương Thần Giáo so với mối liên hệ giữa Mao Trạch Đông với Lưu Thiểu Kỳ bên trong Đảng Trung Cộng.

Cứ theo Kim Dung thì Nhậm Ngã Hành là một trong những người sáng lập Triều Dương Thần Giáo và là vị Giáo Chủ đầu tiên của giáo phái đó. Đông Phương Bất Bại là một thuộc hạ của ông. Chính do sự cất nhắc của Nhậm Ngã Hành mà Đông Phương Bất Bại đã được đưa lên chức Quang Minh Tả Sứ tức là người giữ địa vị số hai trong Triều Dương Thần Giáo. Sau khi sáng chế được công phu HẤP TINH ĐẠI PHÁP và thôn hút được công lực của một số cao thủ võ lâm đối địch với mình, Nhậm Ngã Hành thấy khó chịu vì các luồng công lực được luyện theo những cách thức khác nhau mà

ông đã thâm hút được vào mình thỉnh thoảng quay ra hành hạ cơ thể ông. Do đó, ông phải để hết thì giờ và tâm trí vào việc nghiên cứu cách thức hóa tán và dung hợp các công lực ông đã thâm hút. Điều này bắt buộc ông phải giao hết quyền điều khiển công việc hằng ngày của Triều Dương Thần Giáo cho Đông Phương Bất Bại.

Ông này bề ngoài tỏ vẻ cung kính trung thành với Nhậm Ngã Hành, nhưng bên trong lại ngấm ngầm xây dựng thế lực riêng và dùng nhiều thủ đoạn để trừ khử những thuộc hạ thật sự trung thành với Nhậm Ngã Hành. Để tỏ ý tin cậy Đông Phương Bất Bại hoàn toàn và sẽ chọn lựa ông ta làm người kế vị, Nhậm Ngã Hành đã giao cho ông ta bảo vật trấn sơn của Triều Dương Thần Giáo là bộ QUIL HOA BẢO ĐIỀN. Nhưng Đông Phương Bất Bại đã nhờn lúc Nhậm Ngã Hành ơ hờ mà đánh thuốc mê ông ta rồi đem giam giữ ông ta ở một ngục thất xây cất dưới đáy Tây Hồ.

Trong số các nhơn vật quan trọng và võ công cao cường của Triều Dương Thần Giáo, có Hướg Vắn Thiên, nguyên là Quang Minh Hữu Sứ, là người vẫn còn trung thành với Nhậm Ngã Hành và âm mưu giúp Nhậm Ngã Hành thoát khỏi ngục thất. Sau đó, với sự giúp đỡ của Hướg Vắn Thiên, Lệnh Hồ Xung và Nhậm Doanh Doanh, Nhậm Ngã Hành đã hạ sát được Đông Phương Bất Bại để đoạt lại ngôi Giáo Chủ Triều Dương Thần Giáo.

Trong nét chánh, mối liên hệ giữa Nhậm Ngã Hành với Đông Phương Bất Bại bên trong Triều Dương Thần Giáo cũng tương tự mối liên hệ giữa ông Mao Trạch Đông với ông Lưu Thiều Kỳ bên trong Đảng Trung Cộng.

Ông Mao Trạch Đông vẫn là một trong những người đã sáng lập Đảng Trung Cộng. Ban đầu, ông chưa phải là nhà lãnh đạo tối cao, nhưng thế lực ông trong Đảng

lần lần tăng gia. Từ năm 1927, ông đã nắm được thực quyền điều khiển Trung Cộng và chính ông đã lãnh đạo Đảng này trong cuộc kháng chiến chống lại sự xâm lăng của người Nhật. Trong Đại Hội kỳ 7 của Đảng Trung Cộng năm 1945, ông đã được bầu làm Chủ Tịch Trung Ương Ủy Viên Hội tức là Chủ Tịch Đảng, lại kiêm nhiệm chức Chủ Tịch Trung Ương Chánh Trị Cục và Tổng Thư Ký của Trung Ương Thư Kỳ Xứ. Năm 1949, khi Đảng Trung Cộng thiết lập Trung Hoa Nhân Dân Cộng Hòa Quốc, ông vẫn giữ các chức vụ trên đây của Đảng và kiêm nhiệm chức Chủ Tịch Nhà Nước.

Ông Lưu Thiếu Kỳ là người đã cộng sự với ông Mao Trạch Đông. Năm 1945, ông được bầu vào Trung Ương Thư Kỳ Xứ. Năm 1949, ông lại được bầu làm Phó Chủ Tịch của Trung Hoa Nhân Dân Cộng Hòa Quốc và đến năm 1956, trong Đại Hội kỳ 8 của Đảng Trung Cộng, ông được bầu làm Phó Chủ Tịch Trung Ương Ủy Viên Hội, tức là Phó Chủ Tịch của Đảng. Vậy, từ năm 1945, ông Lưu Thiếu Kỳ đã là một nhân vật quan trọng của Đảng Trung Cộng và từ năm 1956, ông đã là nhà lãnh đạo số hai của Đảng sau ông Mao Trạch Đông. Nhưng đến năm 1959, lợi dụng sự thất bại của ông Mao Trạch Đông trong việc thực hiện kế hoạch gọi là Nhảy Vọt Tới Trước, ông Lưu Thiếu Kỳ đã vận động với một số đồng chí trong Đảng Trung Cộng để được bầu lên giữ chức Chủ Tịch Nhà Nước và nắm thực quyền điều khiển mọi công việc của Trung Hoa Nhân Dân Cộng Hòa Quốc và của Đảng Trung Cộng. Ông Mao Trạch Đông vẫn còn giữ chức Chủ Tịch Đảng, nhưng thật sự đã bị dồn vào địa vị vô quyền.

Ông Lưu Thiếu Kỳ đã giữ chức Chủ Tịch Nhà Nước Trung Cộng trong chín năm. Đến năm 1968, nhờ sự ủng hộ của một số người thân tín còn trung thành với mình, ông Mao Trạch Đông đã thành công trong việc loại ông Lưu Thiếu Kỳ khỏi chức vụ Chủ Tịch Nhà Nước và nắm lại thực quyền điều khiển mọi việc của Trung Hoa Nhân

Dân Cộng Hòa Quốc và của Đảng Trung Cộng. Phần ông Lưu Thiếu Kỳ thì bị bắt hạ ngục và đã bị sát hại năm 1969.

b. Các đặc tánh của Nhậm Ngã Hành và Đông Phương Bất Bại so với các đặc tánh của Mao Trạch Đông và Lưu Thiếu Kỳ.

Kim Dung đã mô tả Nhậm Ngã Hành như là một người hào sảng, có kiến thức rất rộng. Tên họ ông ghép lại vốn có nghĩa là làm mọi việc theo ý mình và hề thích đi đâu thì cứ đi ngay đến đó . Ông đã tự sáng chế ra công phu HẤP TINH ĐẠI PHÁP, và khi nhận thấy có sự trục trặc thì tự mình suy nghĩ để tìm giải pháp sửa chữa. Phần Đông Phương Bất Bại thì sau khi luyện được công phu ghi trong QUIL HOA BẢO ĐIỀN, đã có một võ công cao thâm hơn Nhậm Ngã Hành. Tuy nhiên, ông chỉ biết luyện tập theo một bí kíp đã có, chớ không tự mình sáng chế ra được một môn võ đặc biệt nào, cũng không cải thiện được các môn võ mình đã học. Các đặc điểm trên đây của Nhậm Ngã Hành và Đông Phương Bất Bại cũng phù hợp với đặc tánh của hai ông Mao Trạch Đông và Lưu Thiếu Kỳ.

Ông Mao Trạch Đông là người có những ý tưởng tân kỳ. Tuy cũng học theo chủ nghĩa Marx-Lenin, ông đã có những sáng kiến riêng của ông. Chủ nghĩa đặc biệt ông xây dựng đặt nền tảng trên thuyết nhơn định thắng thiên. Nó hàm ý rằng con người nếu có đủ ý chí cương kiên cần thiết thì có thể thay đổi xã hội theo lý tưởng mình . Thuyết nhơn đinh thắng thiên của ông Mao Trạch Đông vẫn chọi lại thuyết tiền định khoa học của Marx. Trong khi chủ nghĩa Marx dựa vào thuyết tiền định khoa học cho rằng chế độ cộng sản chỉ có thể thực hiện khi xã hội đã được kỹ nghệ hóa và có nhiều thợ thuyền thì chủ nghĩa Mao Trạch Đông với thuyết nhơn đinh thắng thiên lại khẳng định rằng với các Công Xã Nhơn Dân, Trung Hoa Nhơn Dân Cộng Hoà Quốc có thể

tiến thẳng đến chế độ cộng sản với một nền kinh tế nông nghiệp. Khi gọi nhơn vật biểu tượng cho ông Mao Trạch Đông là Nhậm Ngã Hành, Kim Dung đã nhấn mạnh trên việc họ Mao đề cao chủ trương nhơn định thắng thiên. Chính vì ông Mao Trạch Đông bất chấp thực tế khách quan nên kế hoạch Nhảy Vọt Tới Trước của ông đã thất bại. Sự thất bại này đã làm cho ông mất uy tín và do đó, một số nhà lãnh đạo của Trung Cộng đã ủng hộ ông Lưu Thiệu Kỳ lên nắm thực quyền thay ông.

Ông Lưu Thiệu Kỳ đã được Kim Dung dùng Đông Phương Bất Bại để biểu tượng. Tên Đông Phương Bất Bại có ý nghĩa liên hệ đến Nhà Nước Trung Cộng vì Nhà Nước này lấy bản Đông Phương Hồng làm quốc ca và lấy câu “Gió đông thẳng gió tây” làm khẩu hiệu. Khi trực tiếp dùng tên Đông Phương Bất Bại để gọi người biểu tượng ông Lưu Thiệu Kỳ, Kim Dung đã nhấn mạnh trên chỗ ông này là Quốc Trưởng của Trung Hoa Nhơn Dân Cộng Hoà Quốc. Mặt khác, ông Lưu Thiệu Kỳ vốn là một lãnh tụ theo đúng chủ nghĩa Marx-Lenin và chủ trương theo đúng lẽ lối của Liên Xô để xây dựng xã hội Trung Quốc. Kỹ thuật làm việc giúp Đảng trở thành “bất bại” nhưng cũng đồng thời làm cho đảng viên mất nhơn tánh vốn do Lenin sáng chế và được Kim Dung so sánh với công phu ghi trong QUIL HOA BẢO ĐIỀN là một công phu vô địch, nhưng bắt buộc người luyện tập theo nó phải tự thiến. Bởi đó, việc ông Lưu Thiệu Kỳ trung thành với đường lối làm việc của Lenin có thể so sánh với việc Đông Phương Bất Bại luyện võ công theo bộ QUIL HOA BẢO ĐIỀN.

Theo Kim Dung thì bộ QUIL HOA BẢO ĐIỀN vốn do Nhậm Ngã Hành nắm giữ, nhưng ông không chịu theo nó để luyện tập. Sau khi giao cho Đông Phương Bất Bại quyền giải quyết các công việc thường nhật của Triều Dương Thần Giáo để chính mình được rảnh rang và chuyên tâm tìm cách chữa trị những cái hại của công phu

HẤP TINH ĐẠI PHÁP, Nhậm Ngã Hành đã nghi ngờ Đông Phương Bất Bại có dã tâm cướp đoạt địa vị Giáo Chủ. Việc ông trao QUIL HOA BẢO ĐIỀN cho Đông Phương Bất Bại bề ngoài là một dấu hiệu của sự tin cậy, nhưng thật sự là có dụng ý làm cho Đông Phương Bất Bại ham mê công phu của QUIL HOA BẢO ĐIỀN và tự thiến để luyện tập nó, thành ra phải lâm vào tình trạng ái nam ái nữ .

Các chi tiết trên đây đã được dùng để ám chỉ sự khác nhau về quan niệm giữa ông Mao Trạch Đông và ông Lưu Thiệu Kỳ, làm cho cuối cùng hai bên trở thành thù địch với nhau.

c. Cách Đông Phương Bất Bại đối xử với Nhậm Ngã Hành sau khi bắt giam ông này để làm Giáo Chủ Triều Dương Thần Giáo, so với cách Lưu Thiệu Kỳ đối xử với Mao Trạch Đông sau khi giành địa vị Chủ tịch Nhà Nước Trung Cộng.

Khi đã nhờ đánh thuốc mê mà bắt được Nhậm Ngã Hành, Đông Phương Bất Bại đã không giết ông mà chỉ đem giam trong ngục thất dưới đáy Tây Hồ. Trên ngục thất này là một tòa biệt thự rộng rãi khang trang tên là Cô Sơn Mai Trang. Việc canh giữ Nhậm Ngã Hành được giao cho bốn cao thủ võ lâm gọi chung là Giang Nam Tứ Hữu. Trong bốn người này, Hoàng Chung Công là người say mê âm nhạc, Hắc Bạch Tử là người say mê đánh cờ, Ngọc Bút Ông là người say mê bút thiếp đẹp và Đan Thanh Tiên Sinh là người say mê hội họa, đồng thời thích uống rượu. Sự canh giữ Nhậm Ngã Hành được tổ chức một cách nghiêm mật trong khi Đông Phương Bất Bại được tôn lên làm Giáo Chủ Triều Dương Thần Giáo. Tuy nhiên, Đông Phương Bất Bại không muốn mang tiếng là đã cướp đoạt ngôi Giáo Chủ này. Do đó, ông công khai cho biết rằng Nhậm Ngã Hành đã chết và có trôi lại để cho ông lên thay thế trong việc lãnh đạo Triều Dương Thần Giáo. Để mọi người tin nơi thuyết nầy, Đông Phương Bất Bại

đã tỏ ra rất tôn trọng và chiều chuộng con gái Nhậm Ngã Hành là Nhậm Doanh Doanh. Do đó, Nhậm Doanh Doanh mới xin được thuộc thêm cho những người đã uống Tam Thi Nảo Thần Đơn thành ra tất cả những người trong giới giang hồ tuy thuộc Triều Dương Thần Giáo đều mến phục Nhậm Doanh Doanh mà họ gọi tôn là Thánh Cô.

Ta có thể đem đối chiến lỗi Đông Phương Bất Bại cư xử với Nhậm Ngã Hành với lỗi cư xử của ông Lưu Thiếu Kỳ đối với ông Mao Trạch Đông. Sau khi vận động để được bầu làm Chủ tịch Nhà Nước Trung Cộng, ông Lưu Thiếu Kỳ đã nắm thực quyền điều khiển mọi việc và dồn ông Mao Trạch Đông vào chỗ vô quyền. Để nắm vững địa vị, ông Lưu Thiếu Kỳ đã cô lập hóa ông Mao Trạch Đông không cho tiếp xúc nhiều với bên ngoài và với bộ máy Đảng Trung Cộng. Tuy nhiên, ông Lưu Thiếu Kỳ vẫn để cho ông Mao Trạch Đông giữ chức Chủ tịch Đảng và bên ngoài đã tỏ ra rất tôn trọng ông Mao Trạch Đông. Điều này đã được Kim Dung ám chỉ qua một sổ chi tiết nói về nơi và cách thức Đông Phương Bất Bại giam giữ Nhậm Ngã Hành.

Như ta đã thấy trên đây, nơi giam giữ Nhậm Ngã Hành được gọi là Cô Sơn Mai Trang. Cô Sơn là một ngọn núi thuộc vùng Tây Hồ tại thành phố Hàng Châu trong tỉnh Triết Giang. Chữ **Cô** trong Cô Sơn vốn có nghĩa là cô gái tức là không còn cha mẹ, nhưng cũng được dùng về chỉ cái thể biệt lập của một người hay một vật. Ngọn Cô Sơn sở dĩ mang tên này là vì nó đứng chót vót một mình. Trong ngôn ngữ Trung Hoa, chữ **cô** cùng với chữ **quả** (vốn có nghĩa là góa bụa tức là mất chồng hay mất vợ) đã được dùng một cách đặc biệt để chỉ địa vị người lãnh đạo tối cao trong một nước. Các bậc vua chúa thời xưa thường dùng tính từ **cô** hay **quả** (như **cô gia**, **quả nhơn**) để tự xưng. Đây là một cách nói khiêm tốn để bảo rằng địa vị họ là địa vị duy nhất trong

nước, không có ai là kẻ đồng hàng. Lối dùng chữ này đã được thi hào Nguyễn Du áp dụng trong truyện Kiều với câu: “*Nghinh ngang một cỗi biên thù; Thiếu gì cô quả, thiếu gì bá vương*” mô tả Tử Hải lúc ông này chiếm được một lãnh thổ khá rộng lớn và tự xưng là chúa tể của lãnh thổ ấy. Về hoa mai thì nó vốn được người Trung hoa gọi là quốc hoa, tức là loài hoa biểu tượng cho nước họ. Khi gọi nơi giam giữ Nhậm Ngã Hành là Cô Sơn Mai Trang, Kim Dung đã có ý cho biết rằng nhơn vật mà Nhậm Ngã Hành tượng trưng là một nhơn vật thuộc hạng lãnh đạo tối cao trong nước.

Đặc tánh của Giang Nam Tứ Hữu lãnh nhiệm vụ canh giữ Nhậm Ngã Hành – một người mê âm nhạc, một người mê đánh cờ, một người mê bút thiếp đẹp và một người mê hội họa, lại thích rượu – cũng là một chi tiết đáng để ý. Việc Đông Phương Bất Bại dùng họ để canh giữ Nhậm Ngã Hành đã được Kim Dung dùng để ám chỉ rằng trong thời kỳ ông Lưu Thiếu Kỳ nắm quyền điều khiển Nhà Nước và Đảng Trung Cộng, ông Mao Trạch Đông suốt ngày chỉ tiêu khiển với các thú cầm, kỳ, thi, họa và lấy việc uống rượu làm vui chớ không còn làm việc gì khác được. Vậy, ông Mao Trạch Đông đã bị cầm, kỳ, thi, họa và tửu giam giữ một cách chặt chẽ.

Tuy nhiên, ông Mao Trạch Đông vẫn được xem là Chủ Tịch Đảng Trung Cộng và trên lý thuyết, ông Lưu Thiếu Kỳ vẫn nhận ông Mao Trạch Đông là nhà lãnh tụ của mình. Đồng thời, ông Lưu Thiếu Kỳ vẫn phải đề cao chủ nghĩa Mao Trạch Đông và lý tưởng mà ông Mao Trạch Đông nêu ra cho nhơn dân Trung Hoa. Kim Dung đã nói đến việc này khi cho biết rằng Đông Phương Bất Bại tôn trọng và chiều chuộng Nhậm Doanh Doanh là con gái Nhậm Ngã Hành và là biểu tượng cho chủ nghĩa và lý tưởng Mao Trạch Đông. Vì chủ nghĩa và lý tưởng này hướng đến việc làm cho dân tộc Trung Hoa giàu mạnh và hạnh phúc nên người Trung Hoa vừa phải tôn trọng nó, vừa

đặt nhiều kỳ vọng nơi nó. Thái độ này đã được Kim Dung mô tả qua việc Nhậm Doanh Doanh xin thuốc uống thêm cho những người đã uống Tam Thi Nảo Thần Đơn và được người trong giới giang hồ tùy thuộc Triều Dương Thần Giáo sợ hãi và hết mực kính trọng.

d. Thái độ Nhậm Ngã Hành trước khi bị bắt giam và sau khi giành lại được chức vị Giáo Chủ Triều Dương Thần Giáo, so với thái độ Mao Trạch Đông trước khi mất chức Chủ Tịch Nhà Nước Trung Cộng và sau khi lật đổ được Lưu Thiếu Kỳ để nắm lại thực quyền.

Theo Kim Dung thì trước khi bị Đông Phương Bất Bại cướp ngôi Giáo Chủ, Nhậm Ngã Hành đã tỏ ra thân mật với giáo chúng và xem họ như anh em. Đến lúc ông đoạt lại được ngôi Giáo Chủ trong tay Đông Phương Bất Bại, những người đã cộng sự với Đông Phương Bất Bại vì quen ca ngợi Giáo Chủ với những lời tán tụng quá đáng đã quay sang ca ngợi ông theo lối đó. Phản ứng đầu tiên của Nhậm Ngã Hành là thấy chướng tai, nhưng ông lại nghĩ ngay rằng sở dĩ ông bị cướp ngôi là vì trước đây, ông đã tỏ ra dễ dãi với giáo chúng và không làm cho họ hoàn toàn sợ hãi và từng phục mình đến mức không còn dám nghĩ đến việc tranh quyền Giáo Chủ với mình. Do đó, ông đã chấp nhận sự ca ngợi y như Đông Phương Bất Bại rồi lại thấy thích thú khi được ca ngợi.

Vậy cứ theo Kim Dung thì giáo chúng Triều Dương Thần Giáo chỉ bị bắt buộc ca ngợi Giáo Chủ với những lời tán tụng quả đáng sau khi Đông Phương Bất Bại nắm quyền lãnh đạo và sau đó, Nhậm Ngã Hành đã vui thích mà chấp nhận những lời ca ngợi lối này khi đoạt lại được quyền hành trong tay Đông Phương Bất Bại. Điều này

đã được Kim Dung dùng để mô tả một sự thay đổi trong lề lối làm việc của Đảng Trung Cộng.

Lúc mới nắm được quyền lãnh đạo cả Trung Quốc, Đảng này vẫn còn dung nạp phần nào việc phê bình chỉ trích. Đặc biệt trong thời kỳ áp dụng chánh sách được gọi là Trăm Hoa Đua Nở năm 1956, nó đã để cho mọi người phát biểu ý kiến một cách tự do. Nhưng vì nhiều người chống đối đã nhờn cơ hội này đã kích chế độ cộng sản một cách mạnh mẽ và tỏ ý không chấp nhận chế độ cộng sản, các nhà lãnh đạo Trung Cộng đã phải chấm dứt chánh sách Trăm Hoa Đua Nở và trong chiến dịch chống hữu khuynh năm 1957, họ đã triệt hạ những người chống đối. Từ đó, người Trung Hoa đã bị bắt buộc phải nhiệt liệt ca ngợi Đảng Trung Cộng. Tuy nhiên, giữa các giới chỉ huy của Đảng, vẫn còn có sự phê bình chỉ trích nhau. Chính vì một số người trong cấp lãnh đạo công khai chống đối lại ông Mao Trạch Đông nên ông Lưu Thiểu Kỳ mới được đưa lên điều khiển công việc của Đảng và của Nhà Nước Trung Cộng thay ông Mao Trạch Đông năm 1959. Sau đó, sự phê bình chỉ trích nhà lãnh đạo tối cao bên trong Đảng cũng chấm dứt và lúc ông Mao Trạch Đông lật đổ được ông Lưu Thiểu Kỳ để đoạt lại quyền điều khiển, Đảng Trung Cộng vẫn tiếp tục chánh sách bắt buộc mọi người phải ca ngợi nhà lãnh đạo tối cao.

đ. Cái chết của Nhậm Ngã Hành và ý kiến của Kim Dung đối với Mao Trạch Đông, cùng ước vọng của Kim Dung về chánh sách tương lai của Trung Cộng.

Vậy, đời sống của Nhậm Ngã Hành có rất nhiều điểm tương ứng với tiểu sử ông Mao Trạch Đông. Nhưng lúc Kim Dung kết thúc bộ TIỂU NGẠO GIANG HỒ, ông Mao Trạch Đông vẫn còn sống và vẫn lãnh đạo cả Đảng lẫn Nhà nước Trung Cộng. Trong khi đó thì theo bộ truyện võ hiệp này, Nhậm Ngã Hành đã chết một cách thình

linh chẳng bao lâu sau khi ông đoạt lại ngôi Giáo Chủ Triều Dương Thần Giáo và trong lúc việc ông mưu đồ chế ngự hết các môn phái đang có nhiều triển vọng tốt đẹp theo sự tính toán của ông. Sau khi ông chết, các nhà lãnh đạo Triều Dương Thần Giáo đã tôn Nhậm Doanh Doanh lên kế vị, và Nhậm Doanh Doanh đã bỏ chủ trương mưu đồ chế ngự các lực lượng võ lâm khác để quay sang chánh sách hòa giải với họ. Đến lúc mãn tang Nhậm Ngã Hành, Nhậm Doanh Doanh đã trao quyền lãnh đạo Triều Dương Thần Giáo lại cho Hướng Vãn Thiên và thành hôn với Linh Hồ Xung. Chánh sách hòa giải với các lực lượng võ lâm khác được Hướng Vãn Thiên tiếp tục nên cuối cùng giới võ lâm đã được yên ổn. Với lối kết thúc bộ TIỂU NGẠO GIANG HỒ như vậy, Kim Dung đã không còn đi sát với sự thật về Trung Cộng, mà đã đưa ra một ý kiến và một ước vọng của riêng ông.

Trước hết, có thể Kim Dung nghĩ rằng với chánh sách độc tài toàn diện khắc nghiệt đã được áp dụng, ông Mao Trạch Đông không còn có thể được xem là một thần tượng của dân tộc Trung Hoa, và ông có chết sớm đi thì mới giữ được sự tôn kính mà người Trung Hoa dành cho ông vì công lao kháng chiến chống Nhật và thực hiện cuộc cách mạng xã hội ở Trung Quốc. Mặt khác, Kim Dung cũng bộc lộ muốn thấy Trung Cộng thay đổi chánh sách theo một chiều hướng cởi mở hơn. Ước vọng của Kim Dung là người của Trung Cộng và của các đoàn thể Quốc Gia Trung Hoa bắt tay nhau và hoạt động chung nhau để cho mọi người đều có thể đem hết tài hay ý tốt của mình ra giúp cho dân tộc Trung Hoa tiến bộ. Ước vọng này được ông biểu lộ trong cuộc hòa tấu của Linh Hồ Xung và Nhậm Doanh Doanh trong ngày hai nhơn vật này làm lễ thành hôn với nhau. Bản nhạc được hòa tấu là bản Tiểu Ngạo Giang Hồ vốn đã do Khúc Dương và Lưu Chánh Phong soạn ra. Trong hai người này, một là Trưởng Lão của Triều Dương Thần Giáo, một là cao thủ của Kiếm Phái Hành Sơn thuộc phe bạch đạo.

Sự hòa hợp giữa hai bên Triều Dương Thần Giáo và bạch đạo đã được Kim Dung dùng để biểu tượng cho sự hòa giải mà ông mơ ước giữa hai phe Cộng Sản và Quốc Gia ở Trung Hoa.

Khi kết thúc bộ TIỂU NGẠO GIANG HỒ, Kim Dung chưa biết nhà lãnh tụ nào sẽ kế vị ông Mao Trạch Đông và chánh sách mà Trung Cộng sẽ áp dụng sau khi ông Mao Trạch Đông chết. Bởi đó, ông chỉ có thể nêu vấn đề ra mà thôi. Điều này bộc lộ trong tên họ mà ông đặt cho nhơn vật lãnh đạo Triều Dương Thần Giáo khi Nhậm Doanh Doanh từ nhiệm để thành hôn với Linh Hồ Xung. Đó là Hương Vãn Thiên. Cả tên họ của nhà lãnh đạo này có nghĩa là ngó lên về hỏi Trời. Chánh sách mà Hương Vãn Thiên áp dụng khi lên làm Giáo Chủ Triều Dương Thần Giáo biểu lộ ước vọng của Kim Dung, nhưng ý nghĩa của tên họ nhà lãnh đạo này cho thấy rằng Kim Dung đã muốn hỏi Trời xem ước vọng này có thể sẽ trở thành sự thật được hay không.

- CHƯƠNG I

- MỤC II

CÁC NHƠN VẬT ĐƯỢC DÙNG ĐỂ MÔ TẢ MỘT VÀI CHÁNH KHÁCH NỔI TIẾNG TRONG LỊCH SỬ TRUNG QUỐC CẬN ĐẠI

B. CÁC NHƠN VẬT BIỂU TƯỢNG CHO CÁC LÃNH TỰ TRUNG CỘNG TRONG BỘ LỘC ĐỈNH KÝ

Khi Kim Dung viết bộ LỘC ĐỈNH KÝ, ông Mao Trạch Đông vẫn còn sống và lãnh đạo Đảng và Nhà Nước Trung Cộng. Chánh sách độc tài toàn diện cũng vẫn còn được Trung Cộng áp dụng. Bởi đó trong tác phẩm này, Kim Dung lại nói đến Đảng Trung Cộng và các nhà lãnh đạo Đảng này một lần nữa, mà lần này, ông còn tỏ ra nghiêm khắc hơn. Tổ chức tượng trưng cho đảng Trung Cộng là Thần Long Giáo và nhơn vật tượng trưng cho ông Mao Trạch Đông là Hồng Giáo Chủ đã được mô tả bằng những hình ảnh xấu xa hơn và đáng chê trách hơn.

1- Thần Long Giáo tượng trưng cho Đảng Trung Cộng trong bộ LỘC ĐỈNH KÝ

Trong bộ LỘC ĐỈNH KÝ, Thần Long Giáo mà Kim Dung dùng để ám chỉ Đảng Trung Cộng có những nét chánh gần giống Triều Dương Thần Giáo. Nhưng tác giả LỘC ĐỈNH KÝ đã có đưa ra thêm một số chi tiết về Thần Long Giáo đã nói đến một số dữ kiện liên hệ đến Trung Cộng mà chúng ta không tìm thấy nơi Triều Dương Thần Giáo.

a. Các điểm giống nhau giữa Thần Long Giáo và Triều Dương Thần Giáo.

Cũng như Triều Dương Thần Giáo, Thần Long Giáo là một đoàn thể tôn giáo, nhưng không thấy thờ vị thần nào, lại bắt buộc giáo chúng phải tuyệt đối phục tùng giáo chủ và sẵn sàng làm theo mọi mạng lệnh của giáo chủ. Mục đích mà nhà lãnh đạo Thần Long Giáo đeo đuổi là bành trướng thế lực và chế ngự hết các đoàn thể khác, y như Triều Dương Thần Giáo.

Về mặt tổ chức và hoạt động, Thần Long Giáo theo những nguyên tắc tương tự Triều Dương Thần Giáo : bên trên là một Giáo Chủ nắm trọn quyền quyết định, kế đó là năm vị Chương Môn Sứ, dưới nữa là các cấp chỉ huy thấp hơn và giáo chúng. Cũng như những người theo Triều Dương Thần Giáo, những người theo Thần Long Giáo có võ nghệ cao cường và âm độc. Với công phu Hóa Cốt Miên Chương, họ có thể làm cho xương cốt người bị họ đánh nát ra hết. Ngoài ra, họ còn có nhiều quỷ kế. Họ mở những cuộc điều tra kỹ lưỡng về các đoàn thể khác và cho người xâm nhập những nơi cần thiết để thực hiện các kế hoạch của họ. Một người trong bọn họ đã vào hoàng cung chế ngự được hoàng thái hậu nhà Thanh và đóng vai tuồng hoàng thái hậu giả trong mười mấy năm. Để thực hiện các chủ trương của mình, Thần Long Giáo áp dụng chánh sách khủng bố như Triều Dương Thần Giáo làm cho mọi người nghe nói đến họ thì đều sợ hãi.

Đối với giáo chúng, nhà lãnh đạo tối cao cũng áp dụng một kỷ luật nghiêm khắc, đồng thời không tin nhiệm một ai. Những người bị khép vào tội bội phản hoặc không tuân giáo lệnh đều bị trừng phạt nặng nề. Trong khi Giáo Chủ Triều Dương Thần Giáo bắt thuộc hạ uống Tam Thi Nảo Thần Đơn để kèm chế họ thì Giáo Chủ Thần Long Giáo cũng bắt thuộc hạ uống Độc Long Dịch Cân Hoàn để kèm chế họ. Nếu không uống thuốc giải kịp thời, chất thuốc trong Độc Long Dịch Cân Hoàn phát tác, làm cho người đau đớn khổ sở không chịu được. Vì về căn cứ trể và không uống thuốc giải kịp thời, hai vị tôn giả của Giáo Chủ Thần Long Giáo đã bị biến hình một cách đau đớn: người cao trở thành lùn và người lùn lại hóa ra cao. Để Giáo Chủ cho thuốc giải uống kịp thời, những người đã uống Độc Long Dịch Cân Hoàn rồi đều phải hoàn toàn phục tùng Giáo Chủ. Về sau, Giáo Chủ Thần Long Giáo còn dùng nọc độc của loài rắn để chế Bách Diên Hoàn mà độc tánh còn tệ hại hơn để lừa gạt thuộc hạ uống vào mà kèm

chế họ. Ngoài phương pháp cho uống thuốc độc để kèm chế, Thần Long Giáo còn giống Triều Dương Thần Giáo ở chỗ huấn luyện nhồi sọ, bắt giáo chúng đọc thuộc lòng những điều gọi là bảo huấn của Giáo Chủ.

Kết quả của chánh sách áp dụng đối với giáo chúng Thần Long Giáo cũng y hệt kết quả mà Triều Dương Thần Giáo đã đạt được: mọi người đều hết sức sợ hãi Giáo Chủ và ca ngợi Giáo Chủ một cách quá đáng mà không ngượng miệng. Nếu giáo chúng Triều Dương Thần Giáo chúc tụng Giáo Chủ mình là văn thánh vô đức, nhân nghĩa anh minh, thiên thu trường tri, nhứt thống giang hồ thì giáo chúng Thần Long Giáo cũng chúc tụng Giáo Chủ mình là thần thông quảng đại, hưởng phúc trọn đời, thọ ngang Thượng Đế

b. Vài điểm đặc biệt của Thần Long Giáo so với Triều Dương Thần Giáo nhưng cũng dùng để ám chỉ đường lối và phương pháp làm việc của Đảng Trung Cộng

Các điểm tương đồng kể trên đây giữa Triều Dương Thần Giáo và Thần Long Giáo đều được dùng để ám chỉ các dữ kiện liên hệ đến Đảng Trung Cộng. Ngoài ra, trong bộ LỘC ĐÌNH KÝ, ta còn có thể nhìn lấy một số đặc điểm của Thần Long Giáo so với Triều Dương Thần Giáo, nhưng cũng được dùng để nói đến đường lối và phương pháp làm việc của Cộng Sản nói chung và Trung Cộng nói riêng.

- Về mặt phương pháp làm việc, Thần Long Giáo còn gắt gao hơn Triều Dương Thần Giáo. Nó nêu rõ nguyên tắc người đã gia nhập nó rồi thì phải hoạt động cho nó đến chết, chớ không ai có thể sống sót mà rời bỏ nó. Mặt khác, Giáo Chủ Thần Long Giáo cũng biểu lộ sự nghi ngờ thuộc hạ và ý muốn kèm chế họ một cách mạnh mẽ hơn Giáo Chủ Triều Dương Thần Giáo. Điều này đã được Kim Dung nói đến qua mấy

sự kiện. Trước hết, là nguyên tắc không được đem gia quyến đi theo mình khi được phái đi hoạt động ngoài căn cứ: đây là nguyên tắc mà các nước cộng sản đã áp dụng cho các nhơn viên của mình được gởi đi làm việc ở nước ngoài. Kế đó là Giáo Chủ Thần Long Giáo không cho ai giữ thuốc giải Độc Long Dịch Cân Hoàn ngoài trường hợp gởi sứ giả mang thuốc ấy cho một thuộc hạ đã uống loại thuốc độc này rồi, khi người thuộc hạ này đã tỏ ra hoàn toàn trung thành và ở trong tình trạng không thể về căn cứ để lãnh thuốc giải như trường hợp người ở trong cung vua nhà Thanh và đóng vai tuồng hoàng thái hậu giả. Dụng ý của Giáo chủ Thần long Giáo là giữ cho các thuộc hạ không thông đồng nhau được để chống lại mình. Chánh sách được Giáo Chủ Thần Long Giáo áp dụng về mặt này còn gắt gao hơn chánh sách của Đông Phương Bất Bại lúc ông này làm Giáo Chủ Triều Dương Thần Giáo, vì Đông Phương Bất Bại đã để cho Nhậm Doanh Doanh giữ thuốc giải và do đó mà người trong giới giang hồ tùy thuộc Triều Dương Thần Giáo đều tôn trọng và sợ hãi Nhậm Doanh Doanh.

Về việc huấn luyện nhồi sọ, Thần Long Giáo còn đi xa hơn Triều Dương Thần Giáo: việc bắt giáo chúng đọc huấn từ của Giáo Chủ đã được tổ chức qui củ hơn. Khi nhóm họp, một người trong giáo chúng được chọn để đọc các huấn từ này rồi mọi người khác cùng đọc theo. Kết quả của sự huấn luyện nhồi sọ được Thần Long Giáo áp dụng cũng lớn hơn so với Triều Dương Thần Giáo. Những người theo Thần Long Giáo đều bị bắt phải học thuộc lòng một bài hát ca ngợi tinh thần tranh đấu và tài năng của Giáo Chủ họ. Khi đánh nhau với kẻ khác, họ đọc bài hát đó lên và hoá ra gần như ngây dại điên khùng, nhưng võ công của họ lại tăng thêm khả năng làm cho không ai đánh lại họ. Điều này đã được Kim Dung dùng để nói lên việc người cộng sản sở dĩ hoạt động hữu hiệu là vì họ cuồng tín nơi chủ nghĩa và nơi người lãnh đạo của họ.

- Nhưng điều đáng để ý hơn hết là danh hiệu của Thần Long Giáo. Danh hiệu này phát xuất từ nơi chỗ giáo phái này dùng làm căn cứ. Đó là một hòn đảo vốn tên là đảo Kim Xà, nhưng được người của Thần Long Giáo đổi lại làm đảo Thần Long và có khi dùng một biệt hiệu là đảo Thần Tiên để gọi. Kim Xà có nghĩa là con rắn vàng và hòn đảo mà Thần Long Giáo lấy làm căn cứ sở dĩ mang tên đó là vì nó có nhiều rắn độc. Rồng là một con vật thiêng liêng và có khả năng. Bởi đó, nó đáng được tôn trọng hơn là con rắn vốn là một động vật tầm thường, lại có nọc độc. Vậy, những kẻ đổi tên Kim Xà thành Thần Long đã tỏ ra đề cao và tôn trọng quá mức một vật chẳng những không có chơn giá trị mà lại còn có thể làm hại cho người. Về việc dùng danh hiệu đảo Thần Tiên để chỉ một hòn đảo có nhiều rắn độc có thể cắn người chết, nó hàm ý cố tâm lừa dối người khác về tình trạng của một sự vật.

Các chi tiết trên đây về Thần Long Giáo có thể đã được Kim Dung đưa ra với nhiều ngụ ý. Như chúng tôi đã trình bày ở Mục 1 của Chương này, trong đoạn nói đến Tây Độc Âu Dương Phong, con rắn là một động vật có liên hệ mật thiết đến nền văn hóa Tây Phương. Thần Long Giáo vẫn được Kim Dung dùng để tượng trưng cho Đảng Trung Cộng nên các chi tiết trên đây về Thần Long Giáo hàm ý rằng Đảng Trung Cộng đã theo chủ nghĩa Marx-Lenin là một chủ nghĩa phát xuất từ các nước Tây Phương, lại tỏ ra tôn sùng chủ nghĩa này qua mức và gặt gẫm nhơn dân Trung Hoa làm cho nhơn dân Trung Hoa nghĩ rằng chủ nghĩa Marx-Lenin có thể đưa họ đến ấm no hạnh phúc trong khi thật sự chủ nghĩa đó chỉ làm hại cho họ mà thôi.

Với các điểm đặc biệt trên đây, Thần Long Giáo so ra còn tệ hại hơn Triều Dương Thần Giáo và vì cả hai giáo phái này đều được dùng để biểu tượng Đảng Trung Cộng,

ta có thể bảo rằng khi viết bộ LỘC ĐỈNH KÝ , Kim Dung đã tỏ ra có ác cảm nhiều hơn đối với Đảng Trung Cộng so với lúc ông sang tác bộ TIỂU NGẠO GIANG HỒ

2. Hồng Giáo Chủ, biểu tượng Mao Trạch Đông trong bộ LỘC ĐỈNH KÝ

Thần Long Giáo đã được Kim Dung dùng để tượng trưng cho Đảng Trung Cộng thì Hồng Giáo Chủ dĩ nhiên là người biểu tượng cho nhà lãnh tụ Trung Cộng là ông Mao Trạch Đông. Và nếu Thần Long Giáo đã được mô tả bằng một hình ảnh xấu xa hơn hình ảnh Triệu Dương Thần Giáo thì Hồng Giáo Chủ so với Nhậm Ngã Hành cũng tệ hại hơn.

a. Ý nghĩa của tên họ Giáo Chủ Thần Long Giáo.

Điều ta nên lưu ý là vị Giáo Chủ của Thần Long Giáo họ Hồng. Đây cũng là họ của Bắc Cái, một nhơn vật thuộc Võ Lâm Ngũ Bá, được Kim Dung dùng để tượng trưng cho Liên Sô nói chung và cho nhà lãnh tụ Lenin nói riêng, lúc ông còn có nhiều cảm tình đối với Cộng Sản Quốc Tế. Chữ **Hồng** này có nghĩa là lớn rộng minh mông, lại đồng âm với chữ **Hồng** là màu đỏ và viết ra chữ Hán thì gồm có chữ **Cộng** bên trong. Những điều này xác nhận thêm là nhơn vật mà vị Giáo Chủ Thần Long Giáo biểu tượng là một lãnh tụ cộng sản. Điều đáng chú ý hơn hết là trong khi Bắc Cái mang tên là *Thông* thì Hồng Giáo Chủ lại mang tên là *An Thông*. Vậy, về mặt tên họ, Hồng Giáo Chủ chỉ khác Bắc Cái là có thêm một chữ An. Nhưng xét về mặt tư cách thì Bắc Cái đã được trình bày như là một bức anh hùng có tinh thần nghĩa hiệp và đáng cho mọi người tôn trọng trong khi Hồng Giáo Chủ lại được mô tả như là một nhơn vật đáng sợ mà không đáng khen.

Chữ **An** vốn có nghĩa là bình yên, ổn định. Rất có thể là việc tên Bắc Cái và Hồng Giáo Chủ chỉ khác nhau ở chỗ một bên có và một bên không có chữ **An** đã được Kim Dung dùng để ám chỉ hai thời kỳ khác nhau của chủ nghĩa và tổ chức cộng sản trong thời kỳ còn phải đương đầu lại lực lượng mạnh mẽ của địch và chưa ổn định được địa vị, chủ nghĩa và tổ chức cộng sản còn chưa *an* nhưng tiêu biểu cho tinh thần chiến đấu để bình vực hạng người nghèo khổ bị bóc lột nên được tượng trưng bằng vị anh hùng nghĩa hiệp Bắc Cái. Khi đã chinh phục và củng cố được chánh quyền bên trong một nước, chủ nghĩa và tổ chức cộng sản đã *an*, nhưng lại áp dụng một chánh sách độc tài toàn diện đối với nhơn dân nên được tượng trưng bằng một nhơn vật kinh khủng là Hồng Giáo Chủ.

b . Thể chất và khả năng Giáo Chủ Thần Long Giáo so với Mao Trạch Đông.

Về mặt thể chất, Hồng Giáo Chủ được Kim Dung mô tả như là một lão già mặt đầy vết sẹo, da mặt nhăn nheo, tướng mạo cực kỳ xấu xa hủ lậu. Tuy nhiên, ông lại là một nhơn vật võ công siêu phàm và có khả năng sáng chế ra những chiêu thức mới như các chiêu thức mà ông nghĩ ra để dạy Vi Tiểu Bảo là người mà ông vừa bổ nhiệm vào chức Bạch Long Chương Môn Sứ. Các chi tiết trên đây cho thấy là trong bộ LỘC ĐỈNH KÝ, Kim Dung không còn xem ông Mao Trạch Đông là người tốt, nhưng vẫn công nhận ông này là người có đại tài và có sáng kiến, đáng mặt lãnh tụ một tổ chức quan trọng.

c Chánh sách của Giáo Chủ Thần Long Giáo đối với nước La Sát, tức là nước Nga, so với chánh sách của Trung Cộng đối với Liên Xô.

Tuy nhiên về mặt chánh sách, Hồng Giáo Chủ đã vì lòng ham mê quyền thế và ý muốn chống lại triều đình nhà Thanh đương hữu mà thông đồng với nước La Sát tức là nước Nga. Trong bộ LỘC ĐỈNH KÝ, Kim Dung cho biết rằng Hồng Giáo Chủ đã nhận sắc phong của hoàng đế nước La Sát và được nhà vua này giao cho quyền quản lãnh các đảo ở Đông Hải. Sau đó, trong dịp yết kiến viên tổng đốc La Sát có nhiệm vụ nghiên cứu kế hoạch thôn tính Trung Quốc, Hồng Giáo Chủ đã bày mưu cho viên tổng đốc này có thể chiếm Bắc Kinh trước Ngô Tam Quế và có được ưu thế hơn hết trong các lực lượng họp lại chống nhà Thanh. Vì thế, người đại diện nước La Sát đã hứa cho Hồng Giáo Chủ được thêm một phần đất để có thể tự lập làm vua một nước nhỏ.

Lúc Kim Dung viết bộ LỘC ĐỈNH KÝ, Đảng Trung Cộng đã chống lại Liên Xô rất mãnh liệt. Nhưng lúc mới thành lập, Đảng này vốn là một phân bộ của Đảng Cộng Sản Độ Tam Quốc Tế mà cơ quan đầu não được đặt ở Liên Xô tức là ở nước Nga. Có thể Kim Dung đã muốn nhắc khéo lại việc đó với các chi tiết nêu ra trong bộ LỘC ĐỈNH KÝ Việc hoàng đế La Sát giao cho Hồng Giáo Chủ quyền quản lãnh các đảo hàm ý rằng Đảng Trung Cộng vốn chỉ là một bộ phận hải ngoại của Độ Tam Quốc Tế do Nga lãnh đạo, và việc đại diện nước La Sát hứa cắt thêm một phần đất Trung Quốc cho Hồng Giáo Chủ có đủ lãnh thổ để làm vua một nước nhỏ được dùng để ám chỉ là theo tinh thần của tổ chức Cộng Sản Độ Tam Quốc Tế nước Trung Hoa do Trung Cộng điều khiển phải là một nước chư hầu của Liên Xô.

d. Nội bộ của Thần Long Giáo liên hệ đến Hồng Phụ Nhơn, so với nội bộ của Đảng Trung Cộng liên hệ đến Bà Giang Thanh.

Về mặt nội bộ của Thần Long Giáo thì sự kiện quan trọng hơn hết là việc Hồng Giáo Chủ mặc dầu tuổi đã già, lại cưới một người đàn bà trẻ đẹp tên là Tô Thuyên làm vợ. Trong khi tỏ ra cực kỳ tàn nhẫn và nghiêm khắc đối với các thuộc hạ khác, Hồng Giáo Chủ đã hết sức thương yêu và chiều chuộng Hồng Phu Nhon. Cứ theo sự giải thích của Kim Dung thì vì cần phải rèn luyện một công phu nội công thượng thặng, Hồng Giáo Chủ phải kiêng kỵ nữ sắc thành ra không thể chung chăn gối với Hồng Phu Nhon được mặc dầu bề ngoài ông tỏ ra yêu mến bà một cách mặn mà. Điều này làm cho Hồng Giáo Chủ có mặc cảm tội lỗi đối với Hồng Phu Nhon và có phần ủy kỵ bà.

Các vị lãnh đạo khác của Thần Long Giáo vốn đã hợp tác với Hồng Giáo Chủ từ lâu và đã cùng ông xây dựng rồi phải triển Thần Long Giáo dĩ nhiên là không thể có thiện cảm đối với Hồng Phu Nhon. Trước sự hiềm khích của các vị lãnh đạo đó, Hồng Phu Nhon phải tìm phương tự vệ. Bà lợi dụng chỗ thân cận hằng ngày với Hồng Giáo Chủ và việc Hồng Giáo Chủ thương yêu và nghe lời để tự tạo cho mình một lực lượng riêng. Lực lượng này gồm các thanh niên và thiếu nữ được gọi chung là Ngũ Long Thiếu Niên. Họ được rèn luyện về võ công và về kỹ thuật chiến đấu tập thể. Họ cũng bị kèm chế bằng kỹ thuật chung của Thần Long Giáo là bị bắt uống Độc Long Dịch Cân Hoàn để vì nhu cầu có thuốc giới mà tuyệt đối trung thành với Hồng Phu Nhon. Hồng Phu Nhon đã dùng nhóm Ngũ Long Thiếu Niên này để triệt hạ các nhà lãnh đạo khác của Thần Long Giáo, làm cho tổ chức này bị lung củng nội bộ và suýt bị gãy đổ luôn.

Xét sự liên hệ giữa Hồng Giáo Chủ với Hồng Phu Nhon, ta có thể nhận thấy rằng nó cũng tương tự như sự liên hệ giữa ông Mao Trạch Đông với Bà Giang Thanh . Bà

này cũng là một đảng viên cộng sản. Người Trung Hoa gọi Liên Sô là Tô Liên và họ Tô của Hồng Phu Nhon có thể đã được Kim Dung dùng để xác nhận tư cách đảng viên cộng sản theo Đề Tam Quốc Tế của Bà Giang Thanh. Dầu sao thì bà này cũng trẻ hơn ông Mao Trạch Đông nhiều và các nhà lãnh đạo Trung Cộng khác đều không tán thành việc họ Mao cưới bà làm vợ. Để làm dịu sự chống đối của các đồng chí, ông Mao Trạch Đông đã phải chấp nhận nguyên tắc không cho bà tham dự sự hoạt động chánh trị và nhất là tham dự vào việc quyết định của Đảng Trung Cộng ở cấp tối cao. Ông Mao Trạch Đông đã giữ đúng nguyên tắc này trong thời kỳ tranh đấu chống lại chánh quyền của Trung Hoa Dân Quốc và kháng chiến chống Nhật.

Tuy nhiên, đến khi ông Mao Trạch Đông đã làm chủ Hoa lục, Bà Giang Thanh không còn chịu giữ vai tuồng của một người vợ ngoan ngoãn và kín đáo bên cạnh chồng nhưng không can dự vào việc chánh trị của chồng. Vì đã già yếu không gần gũi được bà vợ trẻ như trong thời kỳ còn tráng kiện, ông Mao Trạch Đông đã có mặc cảm tội lỗi đối với bà Giang Thanh và không còn kềm chế bà như trước nữa. Bà Giang Thanh ức uất vì ngoài ông Mao Trạch Đông, các nhà lãnh đạo Trung Cộng khác cùng với vợ họ đã tỏ ra khinh thị bà trước đó nên đã cố gắng xây dựng một lực lượng riêng cho mình.

Việc này đã thành công được vì bà ở sát bên cạnh ông Mao Trạch Đông và có thể mượn uy thế của ông để làm việc riêng của mình. Bà đã lôi kéo được một số cán bộ trẻ theo bà. Lúc ông Mao Trạch Đông bị nhóm lãnh tụ Trung Cộng theo phe ông Lưu Thiểu Kỳ công khai chống báng ông và dồn ông vào địa vị vô quyền, bà Giang Thanh đã hợp tác với các cán bộ trẻ tung ra tổ chức Vệ Binh Đỏ và Phong Trào Cách Mạng Văn Hoá để chống chọi lại. Nhờ sự yểm trợ của Tướng Lâm Bưu, bà đã thành công

trong việc triệt hạ phe ông Lưu Thiếu Kỳ và chen được vào nhóm nắm quyền điều khiển Đảng và Nhà Nước Trung Cộng.

Vậy trong bộ LỘC ĐỈNH KÝ. Kim Dung đã dùng Hồng Phu Nhon để ám chỉ bà Giang Thanh và dùng Ngũ Long Thiếu Niên để ám chỉ Vệ Binh Đỏ. Về cuộc xung đột giữa Hồng Phu Nhon và các Chương Môn Sứ làm cho Thần Long Giáo suy yếu, nó được dùng để nói đến cuộc xung đột giữa bà Giang Thanh với các lãnh tụ Trung Cộng phe ông Lưu Thiếu Kỳ làm cho Trung Cộng mất nhiều tiềm lực.

đ- Cái chết của Hồng Giáo Chủ đối chiếu với cái chết của Nhậm Ngã Hành, và ý kiến của Kim Dung đối với Mao Trạch Đông và Đảng Trung Cộng.

Lúc Kim Dung kết thúc bộ LỘC ĐỈNH KÝ, ông Mao Trạch Đông vẫn còn sống và nắm quyền điều khiển cả Đảng lẫn Nhà Nước Trung Cộng. Tuy nhiên, tác giả LỘC ĐỈNH KÝ đã để cho Hồng Giáo Chủ chết, cũng như ông để cho Nhậm Ngã Hành chết khi kết thúc bộ TIỂU NGẠO GIANG HỒ. Điều đáng để ý là mặc dầu Nhậm Ngã Hành và Hồng Giáo Chủ đều được dùng để ám chỉ ông Mao Trạch Đông, cái chết của Nhậm Ngã Hành có những điểm khác với cái chết của Hồng Giáo Chủ.

Nhậm Ngã Hành đã chết lúc đã cướp đoạt lại ngôi Giáo Chủ Triều Dương Thần Giáo và có một thế lực lớn hơn bất cứ lúc nào khác trong đời ông. Lý do làm cho ông đột nhiên lìa trần là sự phát tác của các lượng công lực mà ông đã thu hút vào người bằng công phu HẤP TINH ĐẠI PHÁP. Hồng Giáo Chủ, trái lại, đã chết vì sự chống báng công khai của các thuộc hạ thân tín trong khi ông mưu đồ cùng họ xây dựng lại Thần Long Giáo đã bị suy sụp. Lúc ấy, bề ngoài ông công khai tuyên bố là hoàn toàn thay đổi lẽ lối làm việc, lấy lòng thành thật và tin cậy mà cư xử với thuộc hạ, đồng

thời tránh việc tuyển mộ và trọng dụng bọn người nịnh bợ. Nhưng trong thực tế, ông lại gạt cho họ uống Bách Diên Hoàn để sau này kèm chế họ. Cùng lúc đó Hồng Giáo Chủ lại phát giác rằng Hồng Phu Nhon đã có thai với Vi Tiểu Bảo. Đó là một điều sỉ nhục cho ông nên ông không muốn cho ai được biết. Vì thế, ông thấy cần phải giết hết mọi người để bịt miệng. Phần các thuộc hạ của ông thì đã nhận chân rằng ông vẫn theo lẽ lối làm việc bá đạo như trước nên đồng lòng chống lại ông. Cuối cùng, ông đã giết được các thuộc hạ võ công cao cường đã được ông giao cho chức vụ Chương Môn Sứ, nhưng ông cũng đã bị giết trong khi Hồng Phu Nhon về với Vi Tiểu Bảo.

Việc Hồng Giáo Chủ bị thuộc hạ giết chết và sự sụp đổ hoàn toàn của Thần Long Giáo là những chi tiết không phù hợp với sự thật lịch sử về ông Mao Trạch Đông và Đảng Trung Cộng, vì Đảng Trung Cộng cho đến nay vẫn còn nắm quyền cai trị Trung Quốc và ông Mao Trạch Đông đã tiếp tục được xem là nhà lãnh đạo số một của Đảng này cho đến khi ông từ trần vì già yếu. Vậy, cũng như cái chết của Nhậm Ngã Hành, cái chết của Hồng Giáo Chủ đã được Kim Dung dùng không phải để ám chỉ một dữ kiện liên hệ đến Đảng Trung Cộng mà để nêu ra một ý kiến của ông về tổ chức này. Theo quan điểm của Kim Dung được biểu lộ trong bộ LỘC ĐỈNH KÝ, ông Mao Trạch Đông đã vì chánh sách độc tài toàn diện khắc nghiệt được ông áp dụng mà không còn chỗ đứng trong lòng của dân tộc Trung Hoa. Mặt khác, nếu vẫn giữ lẽ lối làm việc khắc nghiệt, đặt nền tảng trên sự nghi ngờ các đảng viên và các biện pháp kèm chế các đảng viên một cách chặt chẽ, đồng thời bắt buộc các đảng viên biểu lộ sự trung thành đối với thượng cấp bằng những lời tán tụng quá đáng, thì Đảng Trung Cộng cũng không đáng được tồn tại. Nói tóm lại, từ thái độ ngưỡng mộ Đảng Cộng Sản và xem các lãnh tụ cộng sản như những bức anh hùng nghĩa hiệp trong các bộ VÕ LÂM NGŨ BÁ, ANH HÙNG XẠ ĐIỀU và THẦN ĐIỀU ĐẠI HIỆP, Kim Dung đã

quay sang thái độ chống báng và miệt thị Đảng Cộng Sản và các lãnh tụ của Đảng này trong bộ LỘC ĐÌNH KÝ.

II- CÁC CHÁNH KHÁCH TRUNG QUỐC VỀ PHÍA NGƯỜI QUỐC GIA

B. NHẠC BÁT QUẦN, TƯỢNG TRƯNG CHO ÔNG TƯỚNG GIỚI THẠCH

Nếu Tả Lãnh Thiền là người đầu tiên trong giới bạch đạo đã biểu lộ ý muốn thống nhứt giang hồ, ông lại không phải là nhơn vật tranh đoạt được địa vị lãnh đạo số một mà ông thêm muốn. Tuy đã được bầu làm Minh Chủ của năm kiếm phái : Tung Sơn, Thái Sơn, Hành Sơn, Hoa Sơn và Hằng Sơn, rồi âm mưu sáp nhập các kiếm phái ấy lại làm một với tên là Ngũ Nhạc Kiếm Phái, ông đã không đoạt được chức vụ Chương Môn Nhơn của kiếm phái thống nhất này. Người đã chiếm được chức vụ đó là Nhạc Bát Quần, nguyên là Chương Môn Nhơn của phái Hoa Sơn. Các dữ kiện liên hệ đến vấn đề này đã được dùng để ám chỉ cuộc giành quyền lãnh đạo quốc gia giữa các nhơn vật và đoàn thể không cộng sản ở Trung Quốc. Đó là một cuộc tranh đấu gay go giữa nhiều người thuộc nhiều phe phái và cuối cùng, người đã đoạt được địa vị cao nhất về phía người quốc gia để đương đầu lại phe Cộng Sản là ông Tướng Giới Thạch. Bởi đó ta có thể nghĩ rằng Nhạc Bát Quần chính là biểu tượng của ông Tướng Giới Thạch, nhà lãnh đạo số một của phe Quốc Gia Trung Hoa.

1- Nhơn vật Nhạc Bát Quần dưới ngòi bút Kim Dung.

a. Bề ngoài khả kính của nhơn vật mang ngoại hiệu Quân Tử Kiếm

Theo sự mô tả của Kim Dung thì Nhạc Bất Quần lúc đầu đã hiện ra như là một nhơn vật khả kính. Mặc dầu là một cao thủ võ lâm làm Chương Môn Nhơn của phái Hoa Sơn, ông có dáng điệu của một nhà nho hòa nhã, ngay đến lúc đấu võ với người cũng có một thái độ rất ung dung. Ông lại có lối ăn nói điềm đạm và phù hợp với đạo lý.

Đối với các đệ tử, ông tỏ ra nghiêm minh, nhưng lại có sự thân mật vui vẻ với họ chứ không cách biệt. Ông dạy họ phải thương mến nhau như người trong một nhà, tâm niệm lấy nhân nghĩa làm gốc và quên lợi riêng để phục vụ công lợi. Đối với các môn phái khác, ông chủ trương tránh sự đụng chạm và gây hiềm khích. Nói tóm lại, về cả hai mặt hình thái và tinh thần, Nhạc Bất Quần đều có phong độ của một bậc chánh nhơn quân tử. Bởi đó, ông đã có ngoại hiệu là Quân Tử Kiếm và người trong giới võ lâm nói chung đều cho rằng ông xứng đáng mang ngoại hiệu này.

b. Tánh chất ngụy quân tử của Nhạc Bất Quần.

Tuy nhiên, Nhạc Bất Quần thật sự lại không phải là một bậc chánh nhơn quân tử. Kim Dung đã kín đáo cho biết việc này từ đầu câu chuyện qua cái tên của vị cao thủ võ lâm lãnh đạo phái Hoa Sơn. Cứ theo quan niệm của Nho gia thì “quân tử căng nhi bất tranh, **quần** nhi **bất đảng**” (LUẬN NGŨ, Vệ Linh Công). Câu này có nghĩa là người quân tử có tinh thần cầu tiến nhưng không tranh đua với kẻ khác, và sẵn sàng hợp quần với kẻ khác nhưng không cùng kẻ khác kết bè kết phái. Vậy, trong sự giao thiệp với kẻ khác, hễ là người quân tử thì phải “quần” mà “bất đảng” và trái lại, kẻ “bất quần” tự nhiên là có tinh thần bè đảng thiên vị và không phải là người quân tử.

Như thế, tên “Bất Quân” tự nó hàm ý là vị Chưởng Môn Nhơn phái Hoa Sơn chỉ là một “ngụy quân tử” tức là một quân tử giả hiệu. Nhưng tư cách ngụy quân tử nhơn vật này chỉ biểu lộ lần lần qua các chi tiết được Kim Dung nêu ra theo dòng diễn tiến của cốt chuyện trong bộ TIỂU NGẠO GIANG HỒ.

Đọc hết bộ truyện võ hiệp này, ta biết rằng Nhạc Bất Quân thật sự là một người hung ác và nham hiểm. Ông cũng nuôi mộng thống nhất các môn phái bạch đạo dưới quyền ông và tiêu diệt Triều Dương Thần Giáo để lãnh đạo tất cả giới giang hồ, và sẵn sàng làm mọi việc dẫu tàn ác phi nhân để đạt mục đích. Nhưng ông kín đáo thâm trầm hơn Tả Lãnh Thiên nên đã che giấu được bản chất và ý đồ của mình, và cuối cùng đã thắng được Tả Lãnh Thiên để đoạt chức Chưởng Môn Nhơn Ngũ Nhạc Kiếm Phái.

- Ngay từ tức đầu, Nhạc Bất Quân đã lưu ý đến việc tranh đoạt bộ TỊCH TÀ KIỂM PHỔ của nhà họ Lâm cũng như một số môn phái bạch đạo khác. Bởi đó, ông đã sai Lao Đức Nặc và Nhạc Linh San giả trang đến gần Phước Oai Tiêu Cục và tạo một quán rượu nhỏ ở gần đó để thăm dò tin tức. Phái Hoá Sơn của ông đã chứng kiến việc phái Thanh Thành hạ độc thủ, giết hết các tiêu sư và gia dịch của Phước Oai Tiêu Cục và bắt vợ chồng Lâm Chấn Nam, nhưng không can thiệp để cứu họ. Sau đó, Nhạc Bất Quân đã ngấm ngấm theo dõi Lâm Bình Chi và ra mặt cứu Lâm Bình Chi khỏi tay Mộc Cao Phong, rồi nhận Lâm Bình Chi làm đệ tử với dụng ý qua Lâm Bình Chi mà truy ra được tung tích của bộ TỊCH TÀ KIỂM PHỔ. Tuy nhiên, khi Linh Hồ Xung thuật lại lời trần trời của Lâm Chấn Nam nhấn lại cho Lâm Bình Chi, Nhạc Bất Quân giả bộ không muốn biết những bí mật của nhà họ Lâm và bảo Linh Hồ Xung chỉ nên nói riêng cho Lâm Bình Chi biết lời trần trời đó.

Nhưng thật sự thì Nhạc Bất Quần đã tích cực tìm kiếm bộ TỊCH TÀ KIỂM PHỔ. Lúc hai cao thủ phái Tung Sơn đến trụ sở của Phước Oai Tiêu Cục ở Phước Châu (trong tỉnh Phước Kiến) đành ngã Lâm Bình Chi và Nhạc Linh San rồi tìm ra được kiếm phổ này, Linh Hồ Xung đã đuổi theo họ rồi đoạt nó lại được, nhưng lại bị đánh trọng thương và ngất xỉu đi. Nhạc Bất Quần và vợ đã cứu được Linh Hồ Xung. Nhon cơ hội Linh Hồ Xung còn bất tỉnh, Nhạc Bất Quần đã lấy bộ TỊCH TÀ KIỂM PHỔ trong người Linh Hồ Xung. Sau đó, ông đã tự thiến để luyện tập theo bộ kiếm phổ này. Nhưng trái với Đông Phương Bất Bại đã ăn mặc như phụ nữ sau khi tự thiến để luyện tập theo QUÌ HOA BẢO ĐIỀN, Nhạc Bất Quần đã cố giấu sự thay đổi trong hình thể của mình. Ông đã mang râu giả để thay chòm râu đã bị rụng lần lần sau khi ông tự thiến.

- Mặc dầu đã khám phá rằng Lao Đức Nặc là người của phái Tung Sơn gởi đến làm đệ tử mình đề nội tuyến phái Hoa Sơn, Nhạc Bất Quần đã giả vờ như không hay biết việc này và tỏ ra thương mến tin cậy Lao Đức Nặc như thường. Ông lại chép một phần của TỊCH TÀ KIỂM PHỔ ra làm tài liệu để cho Lao Đức Nặc đánh cắp đem về cho Tả Lãnh Thiên. Trong tài liệu này, Nhạc Bất Quần đã bỏ qua không chép phần quan trọng nhất là người phải tự thiến trước khi bắt đầu luyện tập. Mặt khác, khi đấu kiếm với Linh Hồ Xung tại chùa Thiếu Lâm, Nhạc Bất Quần mặc dầu kém thế hơn, đã không sử dụng Tịch Tà Kiếm Pháp. Lúc bị Linh Hồ Xung đánh cho rớt kiếm, ông lại đá vào ngực Linh Hồ Xung, nhưng đồng thời tự làm gãy xương chôn mình. Mục đích ông là làm cho Tả Lãnh Thiên tưởng lầm rằng nội công và kiếm thuật của ông kém xa Tả Lãnh Thiên. Đến lúc Tả Lãnh Thiên mời các Kiếm Phái Tung Sơn, Thái Sơn, Hành Sơn, Hoa Sơn và Hằng Sơn đến họp nhau ở căn cứ của mình để đặt ra vấn đề thống nhất các phái này lại thành Ngũ Nhạc Kiếm Phái, Nhạc Bất Quần mới đứng ra

đấu võ với Tả Lãnh Thiên để tranh ngôi Chương Môn Nhon của kiếm phái thống nhất này. Vì chương lực kém Tả Lãnh Thiên, ông đã lén dùng độc châm để làm cho Tả Lãnh Thiên bị thương. Sau đó, hai bên đã dùng Tịch Tà Kiếm Pháp để đánh nhau. Tả Lãnh Thiên vì chỉ được học theo bản TỊCH TÀ KIẾM PHỔ không đầy đủ do Lao Đức Nặc đánh cắp đem về nên đã bị Nhạc Bất Quần đâm cho đui mắt thành ra cuối cùng, Nhạc Bất Quần đoạt được ngôi Chương Môn Nhon của Ngũ Nhạc Kiếm Phái.

- Để đạt các mục tiêu của mình, Nhạc Bất Quần đã tỏ ra kiên trì, kín đáo và khôn ngoan, nhưng cũng đồng thời biểu lộ một sự tàn nhẫn hiếm có. Vì các vị Sư Thái phái Hằng Sơn cương quyết chống lại việc thống nhất các kiếm phái nên ông đã hạ sát họ. Mặt khác, sau khi lấy bộ TỊCH TÀ KIẾM PHỔ trong người Linh Hồ Xung lúc Linh Hồ Xung bị hôn mê, ông đã công khai tố cáo Linh Hồ Xung cướp đoạt tài liệu này để cho người khác không biết là ông giữ nó. Sau đó, ông lại đâm vào lưng Lâm Bình Chi cốt ý để không còn ai có quyền đòi hỏi tài liệu đó. Người đệ tử thứ tám của ông đã bị Lao Đức Nặc đâm trọng thương vừa tỉnh lại thấy việc này và kêu lên nên bị Nhạc Bất Quần hạ sát luôn. Nhạc Bất Quần định đâm thêm cho Lâm Bình Chi chết, nhưng vì Lao Đức Nặc nấp trong bóng tối tăng hăng lên nên ông phải hấp tấp vào nhà. Sau vụ này, Nhạc Bất Quần lại làm cho mọi người nghĩ rằng chính Linh Hồ Xung đã giết Lao Đức Nặc và người đệ tử thứ tám của ông và đâm vào lưng Lâm Bình Chi.

Trong khi cư xử tàn tệ với Linh Hồ Xung như vậy, Nhạc Bất Quần lại khai thác đúng mức tình cảm của Linh Hồ Xung đối với ông. Ông biết rằng mặc dầu ông đã công khai trục xuất Linh Hồ Xung ra khỏi phái Hoa Sơn, Linh Hồ Xung vẫn kính trọng thương mến ông và tha thiết muốn được ông nhìn nhận trở lại làm đệ tử. Bởi đó, ông đã tìm cách lợi dụng tình cảm này để thực hiện mưu đồ của ông. Lúc đầu kiếm

với Linh Hồ Xung ở chùa Thiếu Lâm, ông đã không dùng Tịch Tà Kiếm Pháp, một mặt vì không muốn cho Tả Lãnh Thiền thấy bản lĩnh ông nhưng một mặt cũng vì ông nghĩ rằng Linh Hồ Xung không dám đánh bại ông. Mặt khác, ông lại dùng ba chiêu kiếm đặc biệt để ngầm bảo rằng nếu Linh Hồ Xung chịu trở về làm đệ tử phái Hoa Sơn thì sẽ được mọi người hoan nghênh và được ông gả con gái là Nhạc Linh San cho. Chỉ vì Linh Hồ Xung nhớ đến tình nghĩa thâm trọng của Nhậm Doanh Doanh và biết rằng nếu mình thua Nhạc Bất Quần thì Nhậm Ngã Hành và Nhậm Doanh Doanh đều sẽ bị chung thân giam giữ ở chùa Thiếu Lâm nên phân tâm và vô tình đánh rơi kiếm Nhạc Bất Quần.

Kể đó, Nhạc Bất Quần lại gả Nhạc Linh San cho Lâm Bình Chi. Từ trước, ông đã để cho Nhạc Linh San thân cận với Lâm Bình Chi và Nhạc Linh San đã vô tình giúp cha theo dõi Lâm Bình Chi. Lúc gả Nhạc Linh San cho Lâm Bình Chi thì Nhạc Bất Quần đã có dụng ý dùng con gái để thử xem Lâm Bình Chi có lấy được TỊCH TÀ KIẾM PHỔ và tự thiên để luyện theo kiếm phổ đó hay không. Sau khi Nhạc Linh San bị Lâm Bình Chi giết chết, ông lại đổ cho Linh Hồ Xung cái tội giết con gái mình, và lấy cớ đó để tìm giết Linh Hồ Xung.

Khi ông gặp Linh Hồ Xung và Nhậm Doanh Doanh thì vợ ông đã bị người của Triều Dương Thần Giao bắt, nhưng ông không kể gì đến vợ, chỉ lo tìm cách giết Linh Hồ Xung và Nhậm Doanh Doanh. Linh Hồ Xung đánh thắng Nhạc Bất Quần nhưng không hạ sát ông và bỏ kiếm xuống rồi yêu cầu ông cùng lo cứu Nhạc Phu Nhon. Nhưng Nhạc Bất Quần đã thành linh tấn công để cố hạ sát Linh Hồ Xung. Chỉ vì ông lọt vào cái hầm do phe Triều Dương Thần Giáo đào sẵn để đợi ông, Linh Hồ Xung mới thoát chết. Với hành động này, Nhạc Bất Quần đã tỏ ra tàn nhẫn và đê hèn đến

mức Nhạc Phu Nhon đã cảm thấy xấu hổ và tự tử. Sau đó, Nhạc Bất Quần được tha ra, nhưng ông không nghĩ đến việc chôn cất vợ và phó mặc việc đó cho Linh Hồ Xung.

2. Nhon vật mà Nhạc Bất Quần biểu tượng: ông Tưởng Giới Thạch.

Nếu hai vị Giáo Chủ của Triều Dương Thần Giáo là Nhậm Ngã Hành và Đông Phương Bất Bại đã được Kim Dung dùng để ám chỉ hai nhà lãnh đạo của Đảng và Nhà Nước Trung Cộng là hai ông Mao Trạch Đông và Lưu Thiểu Kỳ thì việc người tranh được chức Chương Môn Nhon của Ngũ Nhạc Kiếm Phái là Nhạc Bất Quần biểu tượng cho ông Tưởng Giới Thạch, nhà lãnh tụ số một của phe Quốc Gia Trung Hoa, là việc rất tự nhiên. Chúng ta có thể tìm thấy trong bộ TIỂU NGẠO GIANG HỒ một số dấu hiệu cho thấy dụng ý của Kim Dung về mặt này.

a. Tên họ của Nhạc Bất Quần so với tên ông Tưởng Giới Thạch

Trước hết là họ Nhạc của Bất Quần. **Nhạc** có nghĩa là hòn núi lớn. Trong Hán văn, chữ **Nhạc** lại gồm hai chữ **Khâu** là gò và **Sơn** là núi. Cả ba chữ Nhạc, Khâu và Sơn đều chỉ những khối lớn do đó cấu tạo nên mà trong tên của nhà lãnh đạo phe Quốc Gia Trung Hoa có chữ Thạch nghĩa là đá.

b. Đời sống chánh trị của ông Tưởng Giới Thạch so với đời sống Nhạc Bất Quần.

Kể đó, nói chung thì đời sống chánh trị của ông Tưởng Giới Thạch có những nét chánh tương tự với đời sống Nhạc Bất Quần.

- Nhạc Bất Quần nguyên là Chương Môn Nhon phái Hoa Sơn, mà Hoa Sơn là một trong năm hòn núi lớn của Trung Quốc được gọi chung là Ngũ Nhạc. Xét vị trí tương

đồi của năm hòn núi lớn này thì Tung Sơn ở chính giữa nên được gọi là Trung Nhạc, Thái Sơn ở phía đông nên được gọi là Đông Nhạc, Hành Sơn ở phía nam nên được gọi là Nam Nhạc và Hằng Sơn ở phía bắc nên được gọi là Bắc Nhạc. Phần Hoa Sơn thì ở phía tây nên được gọi là Tây Nhạc. Vậy, Nhạc Bất Quần là người lãnh đạo kiếm phái lấy Tây Nhạc làm căn cứ. Kiếm phái này đã được dùng để ám chỉ Trung Hoa Quốc Dân Đảng, và Chương Môn Nhơn của nó chính là lãnh tụ của Trung Hoa Quốc Dân Đảng. Sở dĩ Kim Dung lấy phái Hoa Sơn tức là phái Tây Nhạc làm biểu tượng cho Trung Hoa Quốc Dân Đảng là vì các nhà lãnh đạo của Đảng này là ông Tôn Văn cũng như ông Tưởng Giới Thạch kế vị cho ông về sau đều là người theo Đạo Tin Lành và chịu nhiều ảnh hưởng của nền văn hóa Tây Phương.

- Trong phái Hoa Sơn có sự xung đột mãnh liệt giữa hai phe Kiếm Tông và Khí Tông để giành địa vị Chương Môn Nhơn. Phe Kiếm Tông cho rằng muốn thắng địch thủ, cần phải có những chiêu thức ảo diệu cao minh hơn các chiêu thức của địch thủ. Theo phe Khí Tông thì nội công thâm hậu mới là điều cốt yếu cho việc thủ thắng, vì người có nội công thâm hậu rồi thì có thể phát huy một kinh lực mạnh, dầu chỉ dùng một chiêu thức tầm thường cũng có thể chế ngự được địch thủ. Hai phe Kiếm Tông và Khí Tông đã chiến đấu nhau một cách mãnh liệt và đẫm máu. Cuối cùng, phe Khí Tông đã thắng thế và giành được địa vị Chương Môn Nhơn. Nhạc Bất Quần là lãnh tụ phe Khí Tông. Nhưng sau khi địa vị Chương Môn Nhơn phái Hoa Sơn của ông đã được chấp nhận lâu rồi, người của phe Kiếm Tông vẫn còn tìm cách tranh đoạt nó trở lại và đã không ngần ngại dựa vào phái Tung Sơn để đạt mục đích.

Cuộc xung đột nội bộ của phái Hoa Sơn đã được dùng để ám chỉ cuộc xung đột nội bộ của Trung Hoa Quốc Dân Đảng. Trong Đảng này, từ lúc ông Tôn Văn còn sống và

nhất là sau khi ông Tôn Văn đã chết, đã có sự tranh nhau giữa hai cánh Chánh Trị và Quân Sự để giành quyền lãnh đạo. Cánh Chánh Trị của Trung Hoa Quốc Dân Đảng có thể so sánh với phe Kiêm Tông của phái Hoa Sơn, vì nó nhấn mạnh trên nhu cầu phải có một đường lối chánh sách khôn khéo, trong khi cánh Quân Sự của Trung Hoa Quốc Dân Đảng cũng như phe Khí Tông của phái Hoa Sơn dựa vào cường lực trước hết.

Cũng như trong phái Hoa Sơn, phe Kiêm Tông đã thua phe Khí Tông, trong Trung Hoa Quốc Dân Đảng, cánh Chánh Trị đã thua cánh Quân Sự sau những cuộc tranh đấu gay go và đẫm máu. Nhà lãnh đạo cánh Quân Sự là ông Tưởng Giới Thạch đã được đưa lên làm lãnh tụ của Trung Hoa Quốc Dân Đảng, cũng như truyền nhơn của phe Khí Tông là Nhạc Bất Quần đã được đưa lên làm Chương Môn Nhơn phái Hoa Sơn. Nhưng cuộc tranh đấu giữa hai phe đối nghịch nhau bên trong đoàn thể vẫn chưa chấm dứt sau khi địa vị nhà lãnh đạo số một đã được công nhận. Cũng như một số người trong phe Kiêm Tông còn vận động để tranh quyền Chương Môn Nhơn phái Hoa Sơn và không ngần ngại dựa vào phái Tung Sơn để thực hơn nguyện vọng, các nhà lãnh tụ thuộc cánh Chánh Trị của Trung Hoa Quốc Dân Đảng đã tiếp tục tranh quyền lãnh đạo Đảng này và một trong các lãnh tụ đó là ông Uông Tinh Vệ đã đi đến mức hợp tác với người Nhật để chọi lại ông Tưởng Giới Thạch.

- Ngoài cuộc tranh đấu gay go để giữ địa vị Chương Môn Nhơn phái Hoa Sơn, Nhạc Bất Quần còn phải hao tổn nhiều tâm huyết và nghị lực mới tranh được địa vị Chương Môn Nhơn của Ngũ Nhạc Kiếm Phái. Cuộc tranh đấu cuối cùng đưa đến kết quả này đã thực hiện ở Phong Thiên Đài núi Tung Sơn. Phong Thiên Đài vốn là nơi được thiết lập để các vị đế vương đời trước làm lễ phong cho các núi lớn. Như chúng

tôi đã trình bày trên đây, trong năm hòn núi lớn, Tung Sơn là hòn núi ở chính giữa nên được gọi là Trung Nhạc. Tả Lãnh Thiên, Chương Môn Nhon phái Tung Sơn lại được tôn làm Minh Chủ của năm kiếm phái Tung Sơn, Thái Sơn , Hành Sơn, Hoa Sơn và Hằng Sơn. Qua các dữ kiện trên đây, ta có thể nghĩ rằng Kim Dung đã xem các kiếm phái của năm hòn núi lớn như là các lực lượng địa phương của Trung Quốc và kiếm phái Tung Sơn đặc biệt biểu tượng cho lực lượng ở thủ đô. Việc hợp nhứt năm kiếm phái làm một tượng trưng cho việc thống nhứt Trung Quốc và cuộc tranh đấu ở Phong Thiên Đài núi Tung Sơn chính là cuộc tranh quyền lãnh đạo cả Trung Quốc. Vậy, chức vụ Chương Môn Nhon của Ngũ Nhạc kiếm phái đã được dùng để ám chỉ địa vị Quốc Trưởng Trung Hoa.

Với tư cách là lãnh tụ của Trung Hoa Dân Đảng, ông Tưởng Giới Thạch chỉ mới là người cầm đầu một đoàn thể chánh trị mà địa bàn hoạt động chỉ bao gồm một phần lãnh thổ Trung Quốc cũng như Nhạc Bất Quần làm Chương Môn Nhon phái Hoa Sơn. Chỉ sau khi tranh đấu một cách gay go quyết liệt với các vi độc quân làm chủ các địa phương lớn và với các đoàn thể khác, ông Tưởng Giới Thạch mới được công nhận làm Tổng Thống của Trung Hoa Dân Quốc, cũng như Nhạc Bất Quần cuối cùng đã được công nhận làm Chương Môn Nhon của Ngũ Nhạc kiếm phái.

c- Lề lối làm việc của ông Tưởng Giới Thạch so với lề lối làm việc của Nhạc Bất Quần.

Lề lối làm việc của ông Tưởng Giới Thạch cũng có những điểm giống lề lối làm việc của Nhạc Bất Quần.

- Nhạc Bất Quần có ngoại hiệu là Quân Tử Kiếm. Ông công khai đề cao đạo lý và chánh nghĩa và có một thái độ bề ngoài đáng kính. Ông Tưởng Giới Thạch thì tên thật là Tưởng Trung Chánh vốn hàm ý thành tín ngay thẳng. Khi nắm quyền lãnh đạo Trung Hoa Quốc Dân Đảng và Trung Hoa Dân Quốc, ông Tưởng Giới Thạch đã chánh thức theo chủ nghĩa Tam Dân của ông Tôn Văn. Chủ nghĩa này gồm ba phần: Dân Tộc, Dân Quyền, và Dân Sinh. Nó nhắm mục đích làm cho dân tộc độc lập hùng cường và chủ trương tôn trọng dân quyền trong đó có quyền tự do của con người, đồng thời hướng đến việc phục vụ dân sinh, tức là làm cho người dân ấm no hạnh phúc. Về mặt đạo đức, ông Tưởng Giới Thạch đã hết sức đề cao các tư tưởng đạo lý cổ truyền của dân tộc Trung Hoa. Ông đã phát động phong trào Tân Nho Giáo và nhấn mạnh trên bốn đặc tánh lớn của người Trung Hoa là Lễ, Nghĩa, Liêm, Sỉ. Chủ trương và thái độ công khai của ông Tưởng Giới Thạch phù hợp với chủ trương và thái độ công khai của Nhạc Bất Quần là phục vụ đạo lý và chánh nghĩa. Ngoại hiệu Quân Tử Kiếm của Nhạc Bất Quần cũng phù hợp với ông Tưởng Giới Thạch là một quân nhơn theo Tân Nho Giáo.

- Nhưng việc công khai đề cao đạo lý và chánh nghĩa của Nhạc Bất Quần chỉ là một nước sơn bề ngoài. Trong thực tế, vị cao thủ võ lâm này là một “ngụy quân tử” tức là một quân tử giả hiệu, có những hành động hoàn toàn trái với lập trường chánh thức của mình. Ông Tưởng Giới Thạch cũng làm giống như Nhạc Bất Quần. Tuy đề cao chủ nghĩa Tam Dân trong đó có phần Dân Quyền chủ trương tôn trọng sự tự do của người dân, ông Tưởng Giới Thạch đã thật sự theo tư tưởng quyền uy. Chánh sách được ông áp dụng ở Trung Quốc và ở Đài Loan sau này và được những người kế vị ông noi theo là chánh sách độc tài. Trong nước, không có chánh đảng nào khác hơn

Trung Hoa Quốc Dân Đảng được dung nạp. Những người chống đối chỉ trích thì bị bắt bớ, hành hạ, thủ tiêu.

Một vài việc gần đây đáng cho chúng ta suy gẫm. Một người Trung Hoa đã sang Mỹ từ lâu, nhập quốc tịch Mỹ và làm giáo sư ở một trường đại học Mỹ đã bị bắt và bị giết khi về thăm Đài Loan. Một người khác cũng đã sang Mỹ và nhập quốc tịch Mỹ đã bị ám sát ngay tại Mỹ vì đã viết một quyển sách nói đến gia đình họ Tưởng với những phát giác không có lợi cho gia đình nay. Hiện nay, Trung Hoa Quốc Dân Đảng chỉ còn giữ được đảo Đài Loan, lại mất lần lần thế lực trên trường quốc tế vì các nước bạn của Đài Loan lần lượt đoạn giao với chánh quyền Đài Bắc và thiết lập bang giao với Trung Cộng.

Nước Mỹ tuy cũng đã nhìn nhận Trung Cộng, nhưng vẫn còn yểm trợ Trung Hoa Dân Quốc và Trung Hoa Quốc Dân Đảng rất còn giữ cảm tình của dân Mỹ. Ấy thế mà họ không ngần ngại hạ sát những người Trung Hoa chống đối họ, mặc dầu những người này đã nhập quốc tịch Mỹ và một trong những vụ giết người này đã xảy ra ngay trên lãnh thổ Mỹ.

Qua việc này, chúng ta có thể suy đoán được những gì đã xảy ra cho người dân ở Trung Quốc lúc ông Tưởng Giới Thạch còn làm chủ lục địa Trung Hoa và có một thế lực lớn trên trường quốc tế. Về mặt đạo đức thì mọi người đều biết rằng Trung Hoa Quốc Dân Đảng đã bị Trung Cộng đánh bại một phần cũng vì trong thời kỳ ông Tưởng Giới Thạch lãnh đạo Trung Quốc, xã hội Trung Hoa đã bị ung thúi vì nạn tham nhũng. Chánh quyền của ông Tưởng Giới Thạch đề cao Lễ, Nghĩa, Liêm, Sỉ, nhưng bên trong dung túng che chở cho những kẻ bóc lột hiếp đáp nhơn dân, cũng như cho giới buôn lậu và cho giới làm giàu về nghề chợ đen .

- Nói chung lại thì cũng như Nhạc Bất Quần, ông Tưởng Giới Thạch đã nói một đường, làm một nẻo. Đặc biệt đáng chú ý là lập trường của các nhơn vật này đối với tổ chức mà họ liệt vào hạng đại thù, là Triều Dương Thần Giáo đối với Nhạc Bất Quần và Đảng Trung Cộng đối với ông Tưởng Giới Thạch. Để đối phó với Triều Dương Thần Giáo, Nhạc Bất Quần phải có một lập trường chánh thức trái ngược lại lập trường của giáo phái này, nhưng bên trong ông lại làm theo nó. Nếu Giáo Chủ Triều Dương Thần Giáo bị gọi là Ma Giáo đã tự thiên đề luyện tập theo QUÌ HOA BẢO ĐIỂN thì Chương Môn Nhơn của Ngũ Nhạc Kiếm Phái tự xưng là nhà lãnh tụ của phe bạch đạo cũng đã tự thiên đề luyện tập theo TỊCH TÀ KIẾM PHỔ mà công phu có chung một nguồn gốc với công phu của QUÌ HOA BẢO ĐIỂN. Việc tự thiên đề trở thành bất bại đã được Kim Dung dùng để ám chỉ một kỹ thuật tranh đấu có thể đưa một tổ chức chánh trị đến sự tất thắng, nhưng làm thương tổn đến nhơn tánh.

Điều này liên hệ đến thái độ thật sự của ông Tưởng Giới Thạch. Với tư cách là nhà lãnh đạo phe Quốc Gia Trung Hoa, ông này đã kết án Trung Cộng là tà ngụy bất nhân và có một kỹ thuật tranh đấu làm thương tổn nhơn tánh. Nhưng trong hành động thực tế ông đã áp dụng một chánh sách độc tài tàn ác với nguyên tắc **cứu cánh biện minh cho phương tiện**. Như vậy, ông đã bề ngoài có chủ trương khác với Trung Cộng, nhưng bên trong lại làm y như Trung Cộng, nghĩa là áp dụng một chánh sách tà ngụy bất nhân và theo một kỹ thuật tranh đấu làm thương tổn nhơn tánh.

d. Các điểm không trùng hợp giữa đời sống của ông Tưởng Giới Thạch và Nhạc Bất Quần.

Như chúng tôi đã nhiều lần nhấn mạnh, giữa lịch sử một quốc gia hay tiểu sử một nhơn vật và tiểu sử của cao thủ võ lâm mà Kim Dung dùng để biểu tượng cho quốc

gia hay nhơn vật đó, không phải có sự trùng hợp hoàn toàn. Nhận xét này cũng áp dụng đối với Nhạc Bất Quần và ông Tưởng Giới Thạch. Trong bộ TIỂU NGẠO GIANG HỒ, ta có thể nhận thấy vài điểm xác nhận điều này.

- Trước hết là vai tuồng của các bà vợ những người được nói đến. Trong phái Hoa Sơn, Nhạc Phu Nhơn đã có một địa vị quan trọng. Bà rất được Nhạc Bất Quần kính nể và thường được Nhạc Bất Quần nghe theo. Trong các cuộc họp mặt với các cao thủ võ lâm khác, bà không ngần ngại lên tiếng phát biểu ý kiến và chỉ nhường Nhạc Bất Quần khi ông này cần nêu lập trường hay hành động với tư cách là Chuông Môn Nhơn. Tưởng Phu Nhơn là bà Tống Mỹ Linh cũng có một vai tuồng tương tự đối với chồng. Bà rất được ông Tưởng Giới Thạch kính nể và nghe lời. Ngoài ra bà đã tích cực hoạt động về mặt chánh trị đối nội cũng như đối ngoại để giúp chồng. Tuy nhiên, trong bộ TIỂU NGẠO GIANG HỒ, Nhạc Phu Nhơn đã được mô tả như là một người rất đứng đắn và rất đáng kính. Cả Lâm Bình Chi và Linh Hồ Xung đều còn tôn trọng bà ngay đến lúc đã thấy rõ bộ mặt thật của Nhạc Bất Quần và hết mến phục ông. Trong khi đó, Bà Tống Mỹ Linh đã không gây được hảo cảm của người Trung Hoa. Trong thực tế, bà đã bị chê trách nhiều hơn ông Tưởng Giới Thạch về những điều xấu xa tệ hại đã xảy ra trong lúc Trung Hoa Quốc Dân Đảng nắm quyền cai trị Trung Quốc.

- Mặt khác, lúc Kim Dung kết thúc bộ TIỂU NGẠO GIANG HỒ, cả ông Tưởng Giới Thạch lẫn Bà Tống Mỹ Linh đều còn sống. Nhưng trong bộ truyện võ hiệp này, Nhạc Bất Quần và Nhạc Phu Nhơn đều đã chết. Riêng cái chết của Nhạc Bất Quần rất đáng được lưu ý, nếu ta đem so sánh nó với cái chết của các nhơn vật tượng trưng cho ông Mao Trạch Đông là Nhậm Ngã Hành trong bộ TIỂU NGẠO GIANG HỒ và

Hồng Giáo Chủ trong bộ LỘC ĐỈNH KÝ. Nhậm Ngã Hành đã vì bạo bệnh mà chết sau khi đã đoạt lại được ngôi Giáo Chủ Triều Dương Thần Giáo nghĩa là giữa lúc vinh quang. Trong khi đó, Nhạc Bất Quần đã bị giết sau khi Ngũ Nhạc Kiếm Phái mà ông là Chương Môn Nhon đã bị thiệt hại rất nặng vì phần lớn các đệ tử của phái này đã bị hạ sát trong hậu động núi Hoa Sơn. Cái chết của Nhạc Bất Quần thật ra đã tương tự cái chết của Hồng Giáo Chủ.

Những cái chết trên đây đã mang một ý nghĩa đặc biệt. Trước hết, Kim Dung đã dùng cái chết của Nhậm Ngã Hành đối chiếu với cái chết của Nhạc Bất Quần để ám chỉ việc ông Mao Trạch Đông đã hoàn toàn làm chủ lục địa Trung Hoa trong khi ông Tưởng Giới Thạch bị dồn ra đảo Đài Loan, không còn hy vọng gì trở lại lãnh đạo Trung Quốc.

Với cái chết của Hồng Giáo Chủ đối chiếu với cái chết của Nhạc Bất Quần, Kim Dung đã ngụ ý kiến rằng cả hai ông Mao Trạch Đông và Tưởng Giới Thạch đều là những nhon vật không còn đáng sống trong lòng của nhon dân Trung Hoa vì đã lừa dối họ và phụ niềm tin tưởng của họ.

Nói chung thì hình ảnh mà Kim Dung đưa ra về Nhạc Bất Quần thật là xấu xa tệ hại. Độc giả bộ sách này có thể cho rằng đem vị nguy quân tử này để biểu tượng cho ông Tưởng Giới Thạch thì quả là bất công đối với nhà lãnh đạo Trung Hoa Quốc Dân Đảng. Điều này có thể đúng phần nào. Nhưng chúng ta không nên quên rằng Kim Dung vốn là một người thiên tả và có ác cảm với phe độc tài hữu phái. Trong thời kỳ viết bộ TIỂU NGẠO GIANG HỒ, ông đã nhận chân sự thật về Đảng Trung Cộng, nhưng vẫn còn xem ông Mao Trạch Đông hơn ông Tưởng Giới Thạch. Khi sáng tác

bộ LỘC ĐỈNH KÝ , ông đã chống lại Trung Cộng mạnh hơn và xem hai ông Mao Trạch Đông và Tưởng Giới Thạch cũng đều tệ hại như nhau.

Nhưng đây là ý kiến của Kim Dung và kẻ viết sách này chỉ nêu ra các nhận định của mình về các ẩn số chánh trị của Kim Dung trong các bộ truyện võ hiệp của ông mà thôi.

HẾT CHƯƠNG I

CHƯƠNG II

CÁC THÔNG ĐIỆP CHÁNH TRỊ KÍN ĐÁO CỦA KIM DUNG XÉT QUA MỘT SỐ NHƠN VẬT CHÁNH YẾU VÀ CÁC CỐT CHUYỆN CỦA ÔNG

Ngoài việc dùng một số nhơn vật để tượng trưng cho một vài quốc gia trên thế giới và cho một vài chánh khách nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc cận đại, Kim Dung còn kín đáo gợi cho độc giả của ông một số thông điệp chánh trị qua một số nhơn vật chánh yếu và qua các cốt chuyện của ông. Ta có thể nhờ các thông điệp này mà nhận thấy rõ hơn diễn trình tư tưởng của ông về mặt chánh trị. Để cho độc giả có thể theo dõi dễ dàng các thông điệp trình bày trong chương này, trước hết chúng tôi xin kể lại sơ lược thân thế và sự tích của một số nhơn vật chánh yếu trong các tác phẩm nổi tiếng của Kim Dung

MỤC 1:

SƠ LƯỢC VỀ THÂN THỂ VÀ SỰ TÍCH CÁC NHƠN VẬT CHÁNH YẾU TRONG CÁC BỘ TRUYỆN VÕ HIỆP NỔI TIẾNG CỦA KIM DUNG

KimDung đã viết nhiều bộ truyện võ hiệp, mỗi bộ đều có một hay nhiều nhân vật chính yếu. Nếu chỉ lấy các tác phẩm nổi tiếng nhất của ông làm đề tài nghiên cứu, chúng ta có thể kể các nhân vật chính yếu độc đáo sau đây:

-Tiêu Phong tức Kiều Phong, Đoàn Dự, Hư Trúc tức Hư Trúc Tử và Mộ Dung Phục trong hai bộ THIÊN LONG BÁT BỘ và LỤC MẠCH THẦN KIẾM

- Quách Tĩnh, Dương Khang và Dương Quá trong hai bộ ANH HÙNG XẠ ĐIỀU và THẦN ĐIỀU ĐẠI HIỆP.

- Trương Vô Kỵ tức Tạ Vô Kỵ trong bộ CÔ GÁI ĐỒ LONG (vốn tên là Y THIÊN ĐỒ LONG KÝ theo nguyên tác)

- Lệnh Hồ Xung trong bộ TIỂU NGẠO GIANG HỒ

- Vi Tiểu Bảo trong bộ LỘC ĐỈNH KÝ.

Chúng tôi đã sắp thứ tự các nhân vật trên đây theo thời gian trước sau của giai đoạn lịch sử Trung Quốc làm khung cảnh hoạt động của họ hoặc của việc trước tác bộ truyện:

1- Tiêu Phong, Đoàn Dự, Hư Trúc và Mộ Dung Phục là những nhân vật của thời kỳ nhà Đại Tống còn làm chủ Hoa Bắc và bị sự uy hiếp nặng nề của người Khiết Đan làm chủ nước Đại Liêu. Trong bộ LỤC MẠCH THẦN KIẾM có hai niên biểu làm mốc thời gian cho khung cảnh hoạt động của các nhân vật này. Theo Kim Dung thì bức thơ mà Ôn gia Thông, Bang Chủ Cái Bang gửi cho Mã Đại Nguyên dặn phải ngầm ngầm giám thị Kiều Phong lúc ông truyền chức Bang Chủ cho Kiều Phong được viết năm Nguyên Phong thứ 6. Nguyên Phong là một trong hai niên hiệu của Vua Tống Thần Tông (t.v. 1068-1085) và năm thứ 6 của niên hiệu này là năm 1083. Ngoài ra bộ LỤC MẠCH THẦN KIẾM còn cho biết rằng việc vua nước Đại Liêu dự liệu xâm lăng nhà Đại Tống đã xảy ra lúc Vua Tống Triết Tông (t.v. 1086-1100) bãi chức các vị đại thần theo phe bảo thủ của Tư Mã Quang để áp dụng trở lại chính sách của Vương An Thạch. Trong lịch sử Trung Quốc, đó là việc xảy ra trong những năm chót của niên hiệu Nguyên Hựu, tức là vào khoảng đầu thập niên 90 của thế kỷ thứ 11.

2- Quách Tĩnh, Dương Khang và Dương Quá là những nhân vật xuất hiện vào cuối đời nhà Tống, lúc người Mông Cổ vừa quật khởi và diệt nước Đại Kim của người Nữ Chân rồi chuẩn bị xâm chiếm Đại Tống và Đại Lý. Các việc này đã xảy ra trong thế kỷ thứ 13. Trong bộ ANH HÙNG XẠ ĐIỀU, có hai niên biểu có thể dùng làm mốc thời gian cho hoạt động của Quách Tĩnh:

- năm 1227 là năm băng hà của Thành Cát Tư Hãn tức là Nguyên Thái Tổ
- kể đó là năm 1234 nước Đại Kim bị người Mông Cổ diệt.

Trong bộ THẦN ĐIỀU ĐẠI HIỆP, thì biến cố có thể làm mốc thời gian cho hoạt động của Quách Tĩnh và Dương Quá là cái chết của Mông Kha tức là Nguyên Hiến Tông khi nhà vua này mở cuộc tấn công thành Tương Dương (tức là Tương Phán trong tỉnh Hồ Bắc ngày nay) năm 1259. Và theo bộ CÔ GÁI ĐỒ LONG thì Quách Tĩnh đã chết khi thành Tương Dương bị quân Nguyên phá vỡ mà việc này đã xảy ra năm 1273.

3- Trương Vô Kỵ là một nhơn vật đã tham dự cuộc khởi nghĩa của người Trung Hoa nổi lên đánh đổ nhà Nguyên do người Mông Cổ xây dựng để thiết lập nhà Minh năm 1368. Vậy, thời gian hoạt động của ông là vào cuối đời Nguyên, tức là vào khoảng giữa thế kỷ thứ 14.

4- Phần Vi Tiểu Bảo thì sống trong lúc nhà Thanh vừa chiếm được Trung Hoa trước đó do nhà Minh làm chủ. Trong bộ LỘC ĐỈNH KÝ, ông được mô tả là gần như đồng tuổi với vua Khương Hy là một nhà vua trị vì từ năm 1662 đến năm 1722. Các biến cố có thể làm mốc thời gian cho hoạt động của Vi Tiểu Bảo là việc Trịnh Khắc Sảng đầu hàng nhà Thanh và đem đảo Đài Loan sáp nhập vào bản đồ Trung Quốc năm 1683, và việc nhà Thanh ký với người Nga một hiệp ước ấn định biên giới hai nước (mà lịch sử Tây Phương gọi là Hiệp Ước Nerchinsk) năm 1689

Riêng bộ TIỂU NGẠO GIANG HỒ không trực tiếp nói đến thời đại nào, nhưng khi kể chuyện Lưu Chánh Phong rửa tay treo kiếm, nó có đề cập đến chức vụ tuần phủ tỉnh Hà Nam.. Ở Trung Quốc, tên tỉnh Hà Nam đã có từ đời Nguyên. Về chức tuần phủ, nó có từ đời Minh, nhưng dưới triều đại này, đó là một chức vụ giao cho một viên quan ở chánh quyền trung ương được gởi đi giải quyết các công việc địa phương khi cần. Chỉ đến đời nhà Thanh, tuần phủ mới là một chức quan ở luôn tại chỗ để điều khiển công việc một tỉnh. Vậy, với chức vụ tuần phủ tỉnh Hà Nam được nói đến trong TIỂU NGẠO GIANG HỒ, ta có thể bảo rằng câu chuyện được bộ truyện võ hiệp này kể lại đã được xảy ra dưới đời nhà Thanh. Nhưng vì bộ TIỂU NGẠO GIANG HỒ được sáng tác trước bộ LỘC ĐỈNH KÝ nên chúng tôi sẽ nói đến Lĩnh Hồ Xung là nhơn vật chánh yếu trong bộ TIỂU NGẠO GIANG HỒ trước Vi Tiểu Bảo là nhơn vật chánh yếu trong bộ LỘC ĐỈNH KÝ.

I- TIÊU PHONG (tức KIỀU PHONG)

Tiêu Phong là con một nhà quý tộc của nước Đại Liêu và thuộc nòi giống Khiết Đôn. Lúc ông còn bé, gia đình ông đã bị một số cao thủ võ lâm người Hán là dân nước Đại Tống đón đường và tấn công ở bên ngoài cửa ải Nhạn Mông (ở địa phận

tỉnh Sơn Tây ngày nay). Mẹ ông cùng các bộ hạ của gia đình ông bị sát hại, thân phụ ông nhảy xuống vực sâu tự tử sau khi đã giết hay đánh ngã hết những người tấn công gia đình mình. Các cao thủ võ lâm người Hán còn sống sót trong cuộc đánh nhau này đã ý thức rằng họ đã nhầm lẫn khi tấn công gia đình này. Do đó họ thấy có trách nhiệm phải dung tha và bảo bọc cho đứa bé còn sống và được cha nó vắt trên mình của một người trong bọn họ. Họ đã giao nó cho một cặp vợ chồng nông dân không con họ Kiều nuôi làm con và đặt tên đứa bé là Kiều Phong.

Lúc bảy tuổi, Kiều Phong đã bị một con chó sói sấp vồ, nhưng được một nhà sư ở chùa Thiếu Lâm là Huyền Khô cứu rồi dạy võ công cho. Sau đó ông lại được Uông Kiếm Thông là Bang Chủ Cái Bang thu nhận làm đồ đệ và cho vào Cái Bang. Nhờ thông minh dũng cảm, lại võ nghệ cao cường, Kiều Phong đã lập được nhiều công lao cho Cái Bang và được Uông Kiếm Thông chọn làm người kế vị để điều khiển Cái Bang.

Với tư cách Bang Chủ Cái Bang, Kiều Phong được phần lớn người trong bang chúng mến phục. Tuy nhiên, vì không ưa nữ sắc, ông bị Mã Phu Nhon là vợ của Phó Bang Chủ Mã Đại Nguyên thù hận, chỉ vì lý do bà là một phụ nữ sắc đẹp lộng lẫy, ai cũng ngắm nhìn một cách mê say mà riêng Kiều Phong lại không để ý đến bà. Mã Phu Nhon biết rằng chồng bà có giữ một mật thư ủa Uông Kiếm Thông dặn phải giám thị Kiều Phong và nếu thấy ông này có hành vi thân Liêu phản Tống thì phải hạ sát ngay. Bà đã xui giục chồng tiết lộ nguồn gốc Khiết Đôn của Kiều Phong để truất ngôi bang chủ của ông. Nhưng mặc dầu không thân cận với Kiều Phong vì tâm tánh không thích hợp nhau, Mã Đại Nguyên rất mến phục Kiều Phong nên không nghe lời vợ. Mã Phu Nhon bèn tư thông với một Trưởng Lão của Cái Bang là Bạch Thê Kính và âm mưu với ông này giết Mã Đại Nguyên rồi vận động để hạ bệ Kiều Phong. Việc Kiều Phong gốc là người Khiết Đôn đã được công khai chứng minh trong một phiên họp sôi nổi của Cái Bang và mặc dầu một phần bang chúng vẫn còn mến phục ông, Kiều Phong đã từ chức Bang Chủ.

Từ lúc bé, Kiều Phong đã được người Hán nuôi dưỡng và dạy dỗ nên theo tinh thần người Hán, thù ghét và khinh thị người Khiết Đôn vốn bị người Hán cho là một giống người dã man hung ác. Khi hoạt động cho Cái Bang, ông đã mạnh mẽ chống lại người Khiết Đôn và đã phá được nhiều mưu đồ của họ. Bởi đó, Kiều Phong rất uất ức về chỗ ông bị cho là người Khiết Đôn. Tuy không thể bác bỏ các bằng chứng đã được đưa ra, ông vẫn chưa tin chắc rằng mình thuộc nòi giống Khiết Đôn. Thêm nữa, những người đã xác nhận ông là người Khiết Đôn trong phiên họp của Cái Bang đã không cho ông biết rõ về thân thế của ông. Họ cũng giấu tên người cầm đầu cuộc tấn công gia đình ông mà chỉ gọi đó là Thủ Lãnh Đại Ca. Vì thế, Kiều Phong cố điều tra tra để biết rõ hơn về thân thế thật sự của mình. Nhưng khi ông về thăm cha mẹ nuôi và thầy là Huyền Khô Đại Sư thì tất cả đều bị giết và ông đã bị nghi là thủ phạm,

thành ra phần lớn giới võ lâm người Hán đã lên án ông là tàn độc và vong ơn bội nghĩa.

Trong khi vào chùa Thiếu Lâm thăm thầy rồi bị nghi là đã hạ sát thầy và bị các nhà sư trong chùa lùng bắt, Kiều Phong đã gặp lại A Châu là người nhà của Mộ Dung Phục. Cô này vốn giỏi về thuật hóa trang nên đã trá hình làm một nhà sư Thiếu Lâm và lén ở trong chùa để đánh cắp bộ DIỆCH CÂN KINH rồi lại tỉnh cờ vào ẩn nấp chung một chỗ với Kiều Phong. Do đó, khi bị các nhà sư Thiếu Lâm phát giác được chỗ ẩn nấp và mở cuộc tấn công, Kiều Phong đã mang A Châu chạy đi, nhưng cô này đã bị đánh trọng thương. Vì nhận thấy mình có phần trách nhiệm trong việc làm cho A Châu bị thương như vậy Kiều Phong nhứt định phải cứu cô khỏi chết nên đã mang cô đến Tự Hiền Trang của nhà họ Du để nhờ một thần y nổi tiếng đương thời là Tiết Mộ Hoa chữa trị cho cô, mặc dầu biết rằng quần hào người Hán đang họp tập ở đó để luận tội ông. Kiều Phong đã đánh nhau với quần hào. Ông đã hạ sát nhiều người, nhưng chính ông cũng bị lâm nguy và chỉ thoát được nhờ sự giúp đỡ của một người bịt mặt mặc áo đen.

Khi đã bình phục, Kiều phong ra cửa ải Nhạn Môn để quan sát chỗ cha mẹ mình chết và gặp lại A Châu ở đó. Cô này nguyên đã được Tiết Mộ Hoa chữa trị cho vì sự uy hiếp của người thuộc Cái Bang chịu sự ủy thác của Kiều Phong, rồi đã trốn đi được khi lành bệnh. Cô đoán là Kiều Phong thế nào cũng ra ải Nhạn Môn nên đã đến đó để đón ông và quả nhiên đã gặp ông.

Lúc ấy, một đám dân Khiết Đôn bị một toán quân Đại Tổng săn đuổi và tàn sát chạy ngang qua. Kiều Phong động lòng nghĩa hiệp ra binh vực những người dân này và do đó mà thấy trước ngực của một cụ già Khiết Đôn có xăm hình một cái đầu chó sói xanh, y hệt như hình xăm trên ngực mình. Điều này làm cho Kiều Phong tin chắc mình thuộc nòi giống Khiết Đôn. Nhưng lúc đó, ông đã đồng thời nhận chân rằng người Hán cũng có thể hung ác và tàn sát dân vô tội của nước khác chứ không phải chỉ có người Khiết Đôn là dã man như ông đã được dạy từ nhỏ. Nhận định này làm cho ông không còn lấy việc mình là người Khiết Đôn làm một điều xấu hổ. Mặt khác, vì thấy A Châu vẫn tỏ ra khâm phục mình và cảm kích mình mặc dầu biết mình là người Khiết Đôn, Kiều Phong bắt đầu yêu A Châu.

Khi đã biết chắc rằng cha mẹ mình đã bị hại một cách oan ức, Kiều Phong quyết định báo thù và cố tìm để biết Thủ Lãnh Đại Ca là ai. Nhưng những người có thể cho ông biết tên của vị cao thủ võ lâm đó đều bị giết chết. Riêng một người đã tham dự cuộc tấn công ở ngoài ải Nhạn Môn là Trí Quang Đại Sư đã gặp lại Kiều Phong và cho biết rằng thân phụ ông tên là Tiêu Viễn Sơn, nhưng không chịu cho biết tên của Thủ Lãnh Đại Ca và tự làm cho mình viên tịch. Khi đã biết thân thế của thân phụ, Kiều Phong đã trở về với họ thật của mình là họ Tiêu.

A Châu đã cố giúp Tiêu Phong tìm tung tích của Thủ Lãnh Đại Ca và được Mã Phu Nhon bảo cho biết đó là Đoàn Chánh Thuần, em ruột của vua nước Đại Lý. Nhưng đến lúc tìm ra chỗ ở của Đoàn Chánh Thuần, A Châu lại phải giác rằng mình là con tư sinh của ông này với bà Nguyễn Tinh Trúc và ngoài mình ra hai ông bà này còn một đứa con gái khác nhỏ hơn tên là A Tử. Cô biết rằng cô không thể ngăn cản Tiêu Phong giết cha mình để trả thù, đồng thời cũng muốn cho Tiêu Phong thấy rằng ai cũng có thể vô tình gây nên tội và thứ lỗi cho cha mình nên quyết định chết thay cha. Cô trá hình làm Đoàn Chánh Thuần đến nơi ông này ước hẹn gặp Tiêu Phong và bị Tiêu Phong đánh trọng thương. Trước khi chết, cô xin Tiêu Phong chiếu cố cho em gái mình là A Tử. Tiêu Phong rất đau đớn vì đã có mối tình sâu đậm với A Châu. Ông càng hối hận hơn vì đã phát giác liền theo đó rằng Đoàn Chánh Thuần không phải là Thủ Lãnh Đại Ca. Nhưng vì ý muốn tìm cho ra chân tướng của nhơn vật này ông bỏ ý định tự tử theo A Châu.

Tuy nhiên, vì Mã Phu Nhon đã chết trước khi ông hỏi được bà ta về việc này nên Tiêu Phong không còn cách nào tìm ra manh mối kẻ thù và quyết định trở về cửa ải Nhạn Môn... Lúc ấy A Tử đã yêu ông và nhất định theo ông. Vì có lời hứa với A Châu lúc cô này sắp tắt hơi nên Tiêu Phong không thể rời bỏ A Tử mặc dầu ông không thấy thích cô vì cô là đồ đệ phái Tinh Tú và bị ảnh hưởng của phái này nên rất ác độc và xảo trá. A Tử định phun độc châm vào người Tiêu Phong để ông bị tê liệt không tự đi đứng được và ông phải mãi mãi ở gần cô. Nhưng Tiêu Phong đã phản ứng đề tự vệ và do đó mà làm cho A Tử bị trọng thương. Vì muốn cứu chữa cho A Tử, ông phải mang cô lên miền bắc lạnh lẽo để có thể tìm nhiều nhơn âm, cao hổ cốt và mật gấu cho cô dùng.

Trong khi ở miền bắc, Tiêu Phong đã hợp tác với người Nữ Chân và nhơn một cuộc đi săn, đã bắt được một nhà lãnh tụ Khiết Đơn làm tù binh. Nhưng thay vì bắt ông này bỏ tài sản ra đề tự chuộc mình, Tiêu Phong đã thả ông và kết nghĩa anh em với ông. Nhà lãnh tụ bị Tiêu Phong bắt chính là vua nước Đại Liêu. Khi Tiêu Phong sang nước này để gặp ông thì địa vị ông đang lâm nguy vì một cuộc biến loạn. Nhờ Tiêu Phong giúp, ông chế ngự được những người muốn cướp ngôi ông. Do đó, ông đã phong Tiêu Phong chức tước lớn nhất trong triều đình là Nam Văn Đại Vương, lý sở ở Nam Kinh của nước Đại Liêu (tức là Bắc Kinh ngày nay).

Lúc này, A Tử đã hoàn toàn bình phục và bỏ đi mà không cho Tiêu Phong biết. Tiêu Phong phải đi về phía nam để tìm cô và đến chùa Thiếu Lâm ngay lúc quần hào gặp nhau ở đó vì có cuộc tỷ thí để tranh ngôi Minh Chủ Võ Lâm. Trong dịp này, Tiêu Phong đã gặp được thân phụ mình là Tiêu Viễn Sơn. Ông này đã không chết khi nhảy xuống vực sâu nhờ rớt nhằm một cành cây, và không còn ý định tự tử nữa mà lại muốn báo thù. Ông đã trá hình làm một nhà sư bịt mặt mặc áo đen và lên vào chùa Thiếu Lâm ở đó trong 30 năm nên đã biết hết tự sự. Chính ông đã cứu Tiêu Phong khỏi bị quần hào giết ở Tụ Hiền Trang. Và cũng chính ông đã giết cha mẹ nuôi và

thầy của Tiêu Phong cùng những người đã biết vụ xảy ra ở ngoài cửa ải Nhạn Môn mà cố tình che giấu tung tích Thủ Lãnh Đại Ca để bảo vệ cho ông này. Phần Tiêu Viễn Sơn thì đã biết đó là Huyền Từ Đại Sư, Phương Trượng chùa Thiếu Lâm. Tuy là một cao tăng, ông này đã tư tình với một thiếu nữ và có một đứa con trai. Tiêu Viễn Sơn đã bắt cóc đứa con trai này từ lúc nhỏ cho Huyền Từ và tình nhờn phải đau khổ. Đứa con trai đó là một nhà sư pháp danh Hư Trúc cũng tu trong chùa Thiếu Lâm. Trong cuộc hội họp quần hào kỳ này, Tiêu Viễn Sơn đã tố giác rằng cha Hư Trúc là một vị cao tăng. Thế chẳngặng đừng, Huyền Từ phải công khai nhìn nhận rằng mình đã phạm tội tà dâm và tự quyết định sự trừng phạt mình là đánh 200 gậy. Ông đã nhận chịu hình phạt này rồi tự cắt đứt kinh mạch mà chết.

Sau đó, Tiêu Viễn Sơn nhờ sự chỉ điểm của một nhà sư già mặc áo xám trong chùa Thiếu Lâm mà giác ngộ và qui y ở chùa này. Ông căn dặn Tiêu Phong là phải cố giữ cho hai nước Đại Liêu và Đại Tống không đánh nhau. Vì đã bị mù, A Tử muốn đi chữa cho mắt sáng lại. Bởi đó sau khi đi Tây Hạ để giúp Đoàn Dự trong yêu cầu thân với công chúa nước ấy, Tiêu Phong đã về nước Đại Liêu một mình. Lúc ấy, vua Đại Liêu nghe tin vua nhà Đại Tống có sự bất hòa với các đại thần và bị dân chúng oán thán nên có ý định dấy binh chinh phạt Đại Tống. Ông muốn phong cho Tiêu Phong chức Bình Nam Đại Nguyên Soái và giao cho Tiêu Phong nhiệm vụ chánh trong công cuộc xâm lăng này. Nhưng Tiêu Phong không muốn có sự chiến tranh giữa người Khiết Đan với người Hán.

Trong khi đó, A Tử đã chữa được mắt nhờ một người mê say cô là Du Thản Chi cho cô cặp mắt của anh ta và cô đã trở về Đại Liêu. Tiêu Phong cho A Tử biết rằng ông chỉ yêu A Châu và tự xem như anh hay chú của A Tử. Ông khuyên A Tử nên nhận Du Thản Chi làm chồng. Sau đó, ông treo ấn từ quan nhưng bị vua Đại Liêu bắt giam. A Tử đã thoát được và huy động các bạn hữu của Tiêu Phong đến cứu ông. Họ đã giải thoát được Tiêu Phong khỏi ngục, nhưng bị quân Đại Liêu do chính nhà vua nước này điều khiển đuổi theo rất gấp Để giải nguy, hai người bạn võ công cao cường của Tiêu Phong là Đoàn Dự và Hư Trúc Tử đã liều mạng xông vào giữa đám quân địch để bắt vua Đại Liêu đem về phía mình. Tiêu Phong đã đoạt lại được nhà vua này rồi yêu cầu ông ta công khai xem Đại Tống là nước anh em của Đại Liêu và chịu bãi binh, nếu không thì mọi người cùng chết. Vua Đại Liêu phải chấp nhận điều kiện này. Vậy, Tiêu Phong đã thực hiện được tâm nguyện của thân phụ và của chính mình. Nhưng vì muốn thực hiện tâm nguyện này, ông đã uy hiếp vua Đại Liêu nên tự xem là mình có tội đối với Tổ Quốc và tự tử ngay tại chỗ. A Tử móc mắt trả cho Du Thản Chi rồi ôm thầy ông nhảy xuống vực sâu để được mãi mãi ở gần ông như tâm nguyện của cô.

II- ĐOÀN DỰ

Đoàn Dự là người thuộc hoàng tộc nước Đại Lý. Ông được biết với tư cách là con của Trần Nam Vương Đoàn Chánh Thuần, em ruột của vua Đại Lý là Đoàn Chánh Minh. Vì Đoàn Chánh Minh không có con nên ai cũng biết rằng ngôi vua Đại Lý sẽ truyền cho Đoàn Chánh Thuần, rồi sau đó thì đến Đoàn Dự.

Nước Đại Lý là một nước tôn sùng Phật Giáo. Bởi đó, từ nhỏ, Đoàn Dự đã được dạy về giáo lý đạo này cùng với Nho Giáo thành ra thấm nhuần tư tưởng từ bi và nhân nghĩa. Nhưng ngoài ra, ông còn bị bác và cha bắt phải học môn võ gia truyền trứ danh của gia tộc mình là Nhứt Dương Chỉ. Ông thấy võ nghệ là môn học dùng để đánh và giết người trái với lòng từ bi của Phật Giáo và chủ trương nhân nghĩa của Nho Giáo nên không chịu học. Vì đó, ông đã bị bác và cha ông phạt, và bỏ nhà trốn đi.

Vì không biết võ công cũng không biết lễ luật giang hồ, lại có tính ngay thẳng và hay can thiệp để bình vực người mà ông cho là bị ức hiếp, Đoàn Dự đã nhiều lần nguy hiểm vì đụng chạm với các phe phái võ lâm chống đối nhau. Do sự tình cờ, ông vào được trong một thạch động chứa đựng những bí ẩn của Kiếm Phái Vô Lượng và học được phép Lăng Ba Vi Bộ là một phương pháp né tránh rất tài tình làm cho kẻ địch không đánh trúng mình được. Cũng trong lúc bỏ nhà trốn đi như vậy, Đoàn Dự đã gặp được hai cô gái là Chung Linh và Mộc Uyển Thanh. Riêng Mộc Uyển Thanh đã nhận làm vợ Đoàn Dự. Nhờ các cao thủ của triều đình Đại Lý đến cứu nên Đoàn Dự và Mộc Uyển Thanh đã được đưa về thủ đô Đại Lý. Nhưng cả Chung Linh và Mộc Uyển Thanh đều là con tư sinh của Đoàn Chánh Thuần nên hôn sự của Đoàn Dự và Mộc Uyển Thanh đã không thành tựu được.

Trong số những kẻ địch đã uy hiếp Đoàn Dự lúc ông bỏ nhà ra đi có nhóm Tứ ác mà người cầm đầu là Đoàn Diên Khánh. Ông này vốn là người trong hoàng tộc họ Đoàn, nhưng vì một cuộc chánh biến trong triều trước đó, thân phụ ông đã mất ngôi báu và ngôi này về sau đã về Đoàn Chánh Minh. Đoàn Diên Khánh không chấp nhận việc này và cố tìm cách tranh ngôi báu trở lại. Do chủ trương của ông, Đoàn Dự đã bị bắt và nhốt chung với Mộc Uyển Thanh. Cả hai người đều bị cho uống thuốc kích thích dục tình để hai anh em phạm tội loạn luân. Như vậy, dòng của Đoàn Chánh Minh và Đoàn Chánh Thuần phải mất thanh danh không còn giữ ngôi vua được và phải giao nó về cho Đoàn Diên Khánh.

Đoàn Dự sợ không tự chế ngự nổi dục tình và phạm tội loạn luân với em gái nên đã cố ý tự tử bằng cách nuốt hai con Mãnh Cỗ Châu Cáp mà Chung Linh đã giao cho ông trước đó. Mãnh Cỗ Châu Cáp là một loại ảnh ương nhỏ màu đỏ rất độc. Nhưng sau khi nuốt hai con vật này, Đoàn Dự đã không chết mà lại có khả năng thu hút nội lực những người có võ công đụng chạm đến mình ông. Ông đã thật sự thu hút nội lực nhiều cao thủ có ý muốn cứu ông hay chữa trị cho ông. Sau khi giải thoát Đoàn Dự, Đoàn Chánh Minh đã nhận thấy điều này. Ông đã đưa cháu đến chùa Thiên Long là chùa của hoàng tộc Đại Lý để xin các đại sư của chùa này chữa trị cho cháu.

Chính lúc ấy, chùa Thiên Long lại phải đương đầu với một kẻ địch mạnh đến viếng. Đó là Cưu Ma Trí, quốc sư nước Thổ Phồn. Ông này đề nghị đem đồ phổ của 72 môn tuyệt kỹ Thiếu Lâm đòi lấy kiếm phổ dạy môn Lục Mạch Thần Kiếm là kiếm phổ độc đáo của gia tộc họ Đoàn phát xuất từ môn võ Nhứt Dương Chỉ. Mục đích của Cưu Ma Trí là lấy kiếm phổ này đến đốt ở mộ của người bạn là Mộ Dung Bác để thực hiện một lời hứa của mình đối với người bạn ấy. Lục Mạch Thần Kiếm vốn là một kiếm pháp dựa vào sáu mạch trong cơ thể con người. Nó rất cao siêu, nhưng rất khó luyện nên chưa ai luyện được nó trọn vẹn. Bởi vậy, các nhà sư chùa Thiên Long phải lựa sáu cao thủ, mỗi người chỉ luyện một đường kiếm thuộc về một mạch và liên hợp nhau để đối phó với Cưu Ma Trí. Đoàn Chánh Minh đã được yêu cầu xuống tóc làm một nhà sư để giữ vai tuồng cao thủ thứ sáu trong cuộc chiến đấu. Nhưng các nhà sư chùa Thiên Long vẫn không thắng nổi Cưu Ma Trí và phải hủy phá kiếm phổ để nó không lọt vào tay Cưu Ma Trí.

Vì phải đối phó với Cưu Ma Trí nên các nhà sư chùa Thiên Long không chữa trị cho Đoàn Dự được, nhưng Đoàn Dự nhờ chứng kiến sự luyện tập của họ mà thuộc hết các bí quyết của Lục Mạch Thần Kiếm. Tuy nhiên, ông không có võ công nên không vận chơn khí để sử dụng kiếm pháp này như ý muốn được Cưu Ma Trí nên Đoàn Dự bị Cưu Ma Trí mang đi.

Nhưng khi Cưu Ma Trí đến nơi căn cứ của Mộ Dung Phục là con của Mộ Dung Bác, ông đã không được đón tiếp, mà người nhà của Mộ Dung Phục là A Bích và A Châu còn tìm cách giải thoát Đoàn Dự. Họ cùng Đoàn Dự chạy trốn, nhưng vì hoảng hốt, lại lạc vào Mạn Đà Sơn Trang của Vương Phu Nhơn. Bà này là cô của Mộ Dung Phục, nhưng không thuận với ông. Trong khi đó, con gái bà là Vương Ngọc Yến lại yêu Mộ Dung Phục. Cô sợ nếu mẹ cô trừng phạt người nhà của Mộ Dung Phục thì cô sẽ không còn kết hôn với Mộ Dung Phục được. Do đó, cô cùng với họ tìm cách trốn đi để tìm Mộ Dung Phục. Đoàn Dự khi thấy Vương Ngọc Yến, đã mê sắc đẹp của cô. Ông đã luôn luôn theo dõi cô và đã nhiều lần liều mạng để cứu cô ra khỏi sự nguy hiểm. Mặc dầu cô cho ông biết rằng quả tim của cô đã thuộc về Mộ Dung Phục, và cô thật sự lúc nào cũng chỉ quan tâm đến Mộ Dung Phục, Đoàn Dự vẫn giữ nguyên mối tình đối với Vương Ngọc Yến. Nhưng Đoàn Dự đã không tỏ ra ganh tỵ với Mộ Dung Phục mà chỉ mong cho Vương Ngọc Yến được hạnh phúc.

Trong khi lẫn lộn trong chốn giang hồ lần này, Đoàn Dự đã kết làm anh em với Tiêu Phong và Hư Trúc tức là Hư Trúc Tử.

Khi hay tin vua Tây Hạ chánh thức chọn phò mã, triều đình Đại Lý đã bảo Đoàn Dự đi dự cuộc tuyển lựa này, vì nghĩ rằng nếu Đoàn Dự cưới được công chúa Tây Hạ thì Đại Lý sẽ có một nước đồng minh mạnh giúp mình tự vệ đối với các nước khác. Đoàn Dự phải tuân lệnh triều đình, nhưng thật sự lòng ông chỉ nghĩ đến Vương Ngọc Yến. Cuối cùng, Vương Ngọc Yến thấy rõ chân tình của ông và chịu chấp nhận làm

vợ của ông. Trong dịp đi Tây Hạ, Đoàn Dự lại tăng thêm công lực vì sự ngẫu nhiên làm cho ông tiêu hết nội lực của Cửu Ma Trí.

Trong lúc Đoàn Dự vừa bị Cửu Ma Trí bắt đi thì thân phụ ông là Đoàn Chính Thuần đã được Đoàn Chính Minh phải đi tìm ông với sự phụ lực của một số cao thủ của nước Đại Lý. Đoàn Chính Thuần vốn là người đa tình nên ngoài bà vợ cả là Thư Bạch Phụng, mẹ Đoàn Dự, ông lại còn nhiều người yêu khác. Trong số các tình nhân này, chẳng những có Tần Hồng Miên là mẹ Mộc Uyển Thanh, Chung Phu Nhon là mẹ Chung Linh, Nguyễn Tinh Trúc là mẹ A Châu và A Tử, mà lại còn có Mã Phu Nhon và cả đến Vương Phu Nhon là mẹ Vương Ngọc Yên. Trừ Chung Phu Nhon đã có chồng và trung thành với người chồng hiện tại, những người khác đều còn nặng tình với Đoàn Chính Thuần. Nhưng người nào cũng rất ghen tương và muốn độc chiếm Đoàn Chính Thuần. Có người như Mã Phu Nhon nếu không độc chiếm được ông thì thà thấy ông chết còn hơn là để ông sống với người đàn bà khác. Bà đã nói với A Châu rằng Đoàn Chính Thuần là Thủ Lãnh Đại Ca để cho Kiều Phong giết Đoàn Chính Thuần, vì lúc ấy, bà cho rằng Đoàn Chính Thuần không còn nghĩ gì đến bà.

Khi được lệnh đi tìm Đoàn Dự, Đoàn Chính Thuần đã nhờ cơ hội đi thăm lại các tình nhân. Nhưng ông đã không tìm đến Vương Phu Nhon vì bà này trước đó đã quyết liệt yêu cầu ông phải giết Thư Bạch Phụng để lấy bà làm vợ cả. Mặt khác, Đoàn Chính Thuần lại phải né tránh Đoàn Diên Khánh đang đi tìm ông để gia hạn.

Do kế hoạch của Vương Phu Nhon, về sau có sự tiếp tay của Đoàn Diên Khánh và Mộ Dung Phục, cả Đoàn Chính Thân, các bà vợ cùng tình nhân của ông cũng như Đoàn Dự đều bị bắt đưa về Mạn Đà Sơn Trang. Nhưng mỗi bên trong nhóm các người mưu đồ việc bất bớ này đều có dụng ý riêng. Vương Phu Nhon muốn buộc Đoàn Chính Thuần phải từ bỏ chức vụ và vợ cả cùng các tình nhân khác để đến ở với bà vĩnh viễn. Đoàn Diên Khánh thì muốn ép Đoàn Chính Thuần và Đoàn Dự nhường việc kế vị ngôi vua Đại Lý cho mình. Phần Mộ Dung Phục, ông muốn lấy thế nước Đại Lý để khôi phục nước Đại Yên.

Theo kế hoạch của Mộ Dung Phục thì Đoàn Dự phải bị hạ sát. Nhưng mặc dầu đã dùng hơi độc chế ngự được hết mọi người, Mộ Dung Phục đã không đạt ý nguyện được, vì bất ngờ Thư Bạch Phụng đã dùng ẩn ngữ để cho Đoàn Diên Khánh biết rằng Đoàn Dự chính là con ông. Nguyên trước đó, Thư Bạch Phụng tức giận Đoàn Chính Thuần không trung thành với bà nên trả thù bằng cách tìm lấy bất cứ người nào bà gặp trước hết, và người đó ngẫu nhiên lại là Đoàn Diên Khánh. Khi đã nhận được Đoàn Dự quả là con mình, Đoàn Diên Khánh không còn muốn cho Mộ Dung Phục giết Đoàn Dự như dự liệu. Nhưng lúc đó, ông đã bị chế ngự nên không còn đối phó với Mộ Dung Phục được. Tuy nhiên, lúc Mộ Dung Phục đã giết hết các bà tình nhân của Đoàn Chính Thuần và sắp hạ sát Thư Bạch Phụng thì Đoàn Dự bị kích thích được

mối nguy của mẹ nên thỉnh linh phát huy được chơn lực và bứt đứt dây trói rồi dùng Lục Mạch Thần Kiếm đánh Mộ Dung Phục làm cho Mộ Dung Phục phải bỏ chạy.

Đoàn Chánh Thuần thấy các mối tình phóng đảng của mình đã gây nhiều oan nghiệt và đau lòng vì cái chết của các tình nương nên đã tự tử. Thư Bạch Phụng cũng tự tử, nhưng trước khi chết, đã kín đáo cho Đoàn Dự biết rằng ông là con Đoàn Diên Khánh và do đó mà có thể cưới Vương Ngọc Yến làm vợ, vì Vương Ngọc Yến là con của Đoàn Chánh Thuần và Vương Phu Nương nên không có mối liên hệ anh em với Đoàn Dự.

Đoàn Dự về nước Đại Lý rồi thì nói hết sự thật cho Đoàn Chánh Minh nghe. ông này nghĩ rằng nếu Đoàn Dự là con Đoàn Diên Khánh thì vấn đề xung đột nội bộ giữa người trong hoàng tộc họ Đoàn tự nhiên giải quyết và việc tranh ngôi báu không còn được đặt ra. Ông vốn đã xuống tóc làm sư khi đến chùa Thiên Long và tham dự cuộc chiến đấu chống Cưu Ma Trí nên thoái vị để nhường ngôi cho Đoàn Dự, nhưng cần dặn Đoàn Dự giữ bí mật thân thế mình để bảo toàn danh dự cho Đoàn Chánh Thuần và Thư Bạch Phụng.

Mặc dầu đã làm vua Đại Lý, Đoàn Dự đã cùng bộ hạ đi Đại Liêu để cứu Tiêu Phong khi được tin là ông này bị vua Đại Liêu hạ ngục. Lúc này, công lực và võ nghệ của Đoàn Dự đã rất cao và chính ông đã cùng Hư Trúc xông vào giữa quân Đại Liêu để bắt nhà vua Đại Liêu và giải nguy cho mọi người

III- HƯ TRÚC tức HƯ TRÚC TỬ

Hư Trúc tức Hư Trúc Tử là con tư sinh của Huyền Từ Đại Sư, Phương Trượng chùa Thiếu Lâm và Diệp Nhị Nương. Vì lúc ông còn bé, Tiêu Viễn Sơn đã bắt cóc ông để báo thù nên Diệp Nhị Nương đã trở thành điên loạn và độc ác, đi bắt trẻ con về để nâng niu rồi sau đó, cắn cổ uống huyết và móc tim để ăn. Với một võ công rất cao và tâm tánh như vậy, Diệp Nhị Nương đã nhập bọn với nhóm Tứ Ác và được liệt vào hàng thứ nhì sau Đoàn Diên Khánh.

Phần Hư Trúc thì được Tiêu Viễn Sơn cho vào chùa Thiếu Lâm làm sư và học võ, nhưng Phương Trượng Huyền Từ vẫn không dè đó là con của mình .

Vì được học theo giáo lý nhà Phật nên Hư Trúc có tánh từ bi, sẵn sàng cứu giúp những người bị nạn. Ông gặp Diệp Nhị Nương đang bắt một đứa trẻ con để uống huyết nên can thiệp. Diệp Nhị Nương lúc đó chưa biết Hư Trúc là con mình nên bắt ông và phe Tứ Ác đã đưa Hư Trúc đến căn cứ của Tô Tinh Hà là đại đệ tử của Vô Nhai Tử, Chương Môn Nương phái Tiêu Dao. Theo lệnh Vô Nhai Tử cứ mỗi mười năm, Tô Tinh Hà lại mở cuộc đánh cờ để chọn người phá một thế cơ do Vô Nhai Tử nghĩ ra. Nhiều người trong giới võ lâm đã tề tựu về đó tham dự cuộc đánh cờ này. Thế

cờ của Vô Nhai Tử rất đặc biệt nên không người nào tìm ra được cách phá nó. Hư Trúc vẫn không biết nhiều về cờ. Nhưng ông thấy Đoàn Diên Khánh đang bị mê loạn vì đánh cờ với Tô Tinh Hà nên muốn cứu Đoàn Diên Khánh và đặt bừa một quân cờ đen vào một chỗ làm cho nhiều quân cờ đen khác bị loại. Nước cờ này có vẻ bất lợi cho phía đen, nhưng chính vì chỗ nhiều quân cờ đen bị loại mà phía đen có nhiều thế hơn để đi và cuối cùng nằm phần thắng lợi. Vậy, ngẫu nhiên, Hư Trúc đã phá được thế cờ bí hiểm của Vô Nhai Tử.

Vì Hư Trúc phá được thế cờ nên Tô Tinh Hà đã đưa Hư Trúc vào gặp thầy là Vô Nhai Tử. Mặc dầu Hư Trúc vẫn muốn trung thành với phái Thiếu Lâm, ông không nỡ cự tuyệt một cụ già tha thiết muốn nhờ cậy mình. Cuối cùng, Vô Nhai Tử đã phá bỏ công lực mà Hư Trúc đã luyện theo lối Thiếu Lâm, truyền hết công lực dồi dào của ông vào người Hư Trúc, giao cho Hư Trúc đồ hình liên hệ đến phái Tiêu Dao và chức Chương Môn Nhơn phái này; với chiếc nhẫn biểu hiện uy quyền của chức vụ đó. Ông chỉ yêu cầu Hư Trúc một việc là giết Đinh Xuân Thu, một đồ đệ của ông nhưng đã trở mặt đánh thầy và sáng lập phái Tinh Tú chuyên làm những việc ác độc.

Sau đó, Hư Trúc định về chùa Thiếu Lâm, nhưng dọc trường lại lạc vào nơi hội họp của người thuộc 36 động, 72 đảo. Những người này đã bị Chủ Nhơn cung Linh Thửu là Thiên Sơn Đồng Mộc cây Sinh Tử Phù vào người để kèm chế và ức hiếp nên rất oán hận. Nghe tin Thiên Sơn Đồng Mộc đang gặp một việc rắc rối mà họ không đoán ra được là việc gì, họ bàn nhau tìm cách để đối phó. Người cầm đầu cuộc âm mưu này là Ô Lão Đại; đã lén vào cung Linh Thửu thám thính và bắt được một đứa bé gái nhỏ và câm. Ông đề nghị với đám quần hùng tham dự phiên họp là ai cũng cầm dao đâm hay chém vào mình cô bé mỗi người một lát để kết mối thù với cung Linh Thửu và không phản bội lời mình ước được. Hư Trúc vừa đi ngang qua đó đã động lòng bất nhẫn và cướp cô bé gái ấy mang đi.

Cô bé này chính là Thiên Sơn Đồng Mộc. Vì luyện một môn võ công đặc biệt, bà này cứ mỗi 30 năm thì phản lão hoàn đồng một lần. Lúc trở thành bé nhỏ như vậy, bà không có công lực nên đã bị Ô Lão Đại bắt một cách dễ dàng. Bà cần phải có một thời gian để phục hồi công lực và trong lúc đó, phải có người bảo vệ cho bà. Về mặt môn phái thì bà chính là sư tỷ Vô Nhai Tử. Bà có mối hận với sư muội là Lý Thu Thủy, vì cả hai đều có lòng yêu Vô Nhai Tử và đã hại nhau vì mối tình này. Trong khi Hư Trúc mang Thiên Sơn Đồng Mộc chạy trốn phe hội họp nhau để chống bà thì Lý Thu Thủy lại đến với mục đích sát hại Thiên Sơn Đồng Mộc và đã làm cho bà bị thương. Hư Trúc phải làm theo sự chỉ dẫn của bà và mang bà vào ẩn núp ở một hầm nước đá bên trong hoàng cung nước Tây Hạ.

Trong lúc ở chỗ ẩn núp này, Thiên Sơn Đồng Mộc lần lần phục hồi công lực. Bà đã tìm mọi cách bắt Hư Trúc phải ăn mặn. Bà lại bắt một cô con gái đến để ân ái với Hư Trúc, làm cho Hư Trúc phạm luôn vào giới cấm tà dâm. Thỉnh thoảng, bà lại đưa cô

này vào hầm nước đá với Hư Trúc và Hư Trúc đã mê cô này, mặc dầu hai bên chỉ gặp nhau trong bóng tối và không thấy được mặt nhau, chỉ biết nhau với tên Mộng Lang và Mộng Cô.

Lý Thu Thủy đã phát giác được chỗ ẩn núp của Thiên Sơn Đồng Mã trước khi bà này hoàn toàn luyện xong môn võ đặc biệt của mình. Vì cùng chung một mối tình với Vô Nhại Tử, hai người ganh tỵ nhau và tranh nhau ráo riết về mọi mặt từ lúc còn ở trong hầm nước đá cho đến lúc đã ra ngoài. Do sự tranh nhau này mà họ đã dạy cho Hư Trúc hết tuyệt nghệ của họ về võ thuật, lại truyền hết công lực vào người Hư Trúc và cùng chết. Trước khi chết, Thiên Sơn Đồng Mã đã giao cho Hư Trúc chiếc nhẫn biểu hiệu của uy quyền Chủ Nhon cung Linh Thứu.

Khi người của cung này đi tìm Thiên Sơn Đồng Mã và gặp Hư Trúc để đưa về cung thì Hư Trúc đã có một nội lực kinh người mà võ nghệ cũng đã rất cao cường. Ông về đến cung Linh Thứu đúng lúc phe hội họp nhau chống Thiên Sơn Đồng Mã mở cuộc tấn công. Họ đã chế ngự được những người được để lại giữ cung.

Nhưng lúc ấy, các Sinh Tử Phù mà Thiên Sơn Đồng Mã đã cấy vào người họ phát tác làm cho họ rất đau khổ. Do sự dàn xếp của Đoàn Dự, hai bên đã tìm được phương thức hòa giải với nhau. Phe hội họp chống cung Linh Thứu chịu thần phục cung này và hứa từ đó về sau sẽ không sát sanh bừa bãi, còn Hư Trúc thì giải Sinh Tử Phù cho họ. Vì cần phải nghiên cứu thêm võ công của phái Tiêu Dao khác trong một mật thất để giải Sinh Tử Phù cho quần hùng, khả năng võ thuật của Hư Trúc lại càng tăng thêm. Trong dịp này, Hư Trúc đã kết nghĩa anh em với Đoàn Dự, và tuy không có mặt Tiêu Phong, họ vẫn đồng ý xem Tiêu Phong là anh cả.

Mặc dầu đã được nhận làm Chương Môn Nhon phái Tiêu Dao, đồng thời làm Chủ Nhon cung Linh Thứu, Hư Trúc vẫn trung thành với chùa Thiếu Lâm và quyết định trở về chùa này để thú nhận các tội phạm giới cấm của mình. Ông đã tình nguyện xin chịu sự trừng phạt của chùa này. Nhưng bốn người thị tỳ của cung Linh Thứu đã lên đến chùa Thiếu Lâm và giả làm nhà sư ở đó để uy hiếp vì sư coi về giới luật của chùa, làm cho ông này không dám hành hạ Hư Trúc. Ít lâu sau đó, Cưu Ma Trí lại đến chùa Thiếu Lâm và dùng võ thuật uy hiếp các nhà sư chùa này. Hư Trúc vì muốn bình vực các nhà sư chùa Thiếu Lâm nên đã đụng độ với Cưu Ma Trí. Nhưng khi chiến đấu với Cưu Ma Trí, ông đã dùng nhiều đòn của phái Tiêu Dao. Do đó, người của chùa Thiếu Lâm biết rằng ông có học võ công bên ngoài. Đó là một điều trái qui luật của chùa cho nên tuy ông thắng được Cưu Ma Trí, Phương Trượng chùa Thiếu Lâm là Huyền Từ Đại Sư đã phạt ông bị phệ võ công của chùa Thiếu Lâm, bị đánh 100 gậy và không còn được xem là đệ tử phái Thiếu Lâm. Thầy của Hư Trúc cũng bị phạt đánh 30 gậy vì giáo dục không nghiêm. Nhưng Hư Trúc đã tình nguyện chịu đánh 30 gậy này thay thầy.

Chùa Thiếu Lâm chưa kịp thi hành quyết định trừng phạt trên đây đối với Hư Trúc thì quần hào lại ủa đền chùa này vì vấn đề tranh nhau ngôi Minh Chủ Võ Lâm. Trong cuộc xung đột tiếp theo đó, Hư Trúc đã đánh nhau với Đinh Xuân Thu và đã cầy được Sinh Tử Phù vào mình ông này. Do đó, Đinh Xuân Thu bị kèm chế và bị giao cho Viện Giới Luật của chùa Thiếu Lâm quản chế. Như thế, Hư Trúc đã phần nào thỏa mãn ý muốn của Vô Nhai Tử và chấm dứt mối lo của phái Tiêu Dao. Cũng trong dịp hội họp quần hào này, Hư Trúc được gặp Tiêu Phong và chánh thức kết nghĩa anh em với Tiêu Phong.

Lúc cuộc đánh nhau chấm dứt, chùa Thiếu Lâm thí hành lệnh trừng phạt Hư Trúc. Khi cởi áo ông ra để đánh gây thì Diệp Nhị Nương thấy các dấu hiệu trong người ông và nhận ra đó là con mình. Do sự tố giác của Tiêu Viễn Sơn, Huyền Từ Đại Sư đã công nhận rằng mình chính là thân phụ của Hư Trúc và tự cắt đứt kinh mạch mà chết sau khi nhận sự trừng phạt mà chính ông đã ấn định với tư cách là Phương Trượng chùa Thiếu Lâm. Diệp Nhị Nương đã tự tử chết theo ông. Phần Hư Trúc thì sau khi nhận chịu sự trừng phạt của chùa Thiếu Lâm rồi thì không còn được xem là đệ tử chùa này và trở thành Hư Trúc Tử, Chương Môn Nhon phái Tiêu Dao, đồng thời là Chủ Nhon cung Linh Thứu.

Khi Đoàn Dự được triều đình Đại Lý bảo đi Tây Hạ dự cuộc kén chọn phò mã, Hư Trúc Tử đã cùng Tiêu Phong đi theo để giúp Đoàn Dự. Nhưng cuối cùng, Hư Trúc Tử đã được chọn làm phò mã vì vị công chúa Tây Hạ kén chồng lại chính là Mộ Dung Cô. Sau đó, khi Tiêu Phong về Đại Liêu và bị bắt, Hư Trúc Tử đã mang người của cung Linh Thứu đến cứu. Nhờ công lực và võ nghệ siêu tuyệt, ông đã cùng Đoàn Dự xông vào giữa đám quân Đại Liêu để bắt nhà vua Đại Liêu và nhờ đó mà làm cho người Đại Liêu phải bãi binh.

IV- MỘ DUNG PHỤC

Mộ Dung Phục Là con Mộ Dung Bác ở Cô Tô (tức là vùng Tô Châu trong tỉnh Giang Tô ngày nay). Ông là người thuộc chủng tộc Tiên Ti. Từ năm 307 đến năm 410, trong thời kỳ mà sử gia Trung Quốc gọi là Ngũ Hồ loạn Hoa, người Tiên Ti do họ Mộ Dung lãnh đạo đã nhiều lần thành lập được một nước mà họ đặt tên là Đại Yên và lãnh thổ bao gồm các tỉnh Liêu Ninh, Hà Bắc, Sơn Đông, Sơn Tây, Hà Nam, lại có thời lan rộng đến đông bộ tỉnh Thiểm Tây và góc đông bắc tỉnh Giang Tô ngày nay. Mộ Dung Bác và Mộ Dung Phục là hậu duệ các nhà vua nước Đại Yên trước đây và nuôi giắc mộng khôi phục lại nước này. Để đạt mục đích, họ cố rèn luyện võ nghệ. Họ đặc biệt có một kỹ thuật làm cho kẻ địch tự hại mình với chính ngón đòn của mình. Kỹ thuật này được giới giang hồ gọi là đòn “gây ông đập lưng ông”. Cha con Mộ Dung Bác và Mộ Dung Phục cũng gia công nghiên cứu và luyện tập võ nghệ của các phái khác. Ngoài ra, họ còn tìm cách tạo cơ hội thuận tiện cho việc cử đồ đại sự của mình.

Mộ Dung Bác nghĩ rằng nếu có cuộc xung đột giữa nhà Đại Tổng với các nước Thổ Phồn và Đại Liêu thì tình thế rồi beng và ông có thể thừa cơ hội thực hiện được giấc mộng của ông. Bởi đó ông đã đem 72 môn võ công tuyệt kỹ của chùa Thiếu Lâm cho Cưu Ma Trí là quốc sư nước Thổ Phồn với dụng ý gây hiềm khích giữa Đại Tổng và Thổ Phồn. Mặt khác, ông đã bảo một số cao thủ võ lâm người Hán là có một đoàn võ sĩ Khiết Đơn mưu đồ đến chùa Thiếu Lâm cướp đoạt các đồ phỏ võ công với mục đích biết rõ kỹ thuật chiến đấu của người Hán và nhờ đó mà dễ dàng chế ngự người Hán khi họ dấy binh đánh nước Đại Tổng. Vì tin theo lời Mộ Dung Bác, một số cao thủ võ lâm người Hán mới rủ nhau ra núp bên ngoài cửa ải Nhạn Môn để đón đánh người Khiết Đơn và làm lạc tấn công gia đình Tiêu Viễn Sơn. Sau đó, họ biết mình bị gạt, và Mộ Dung Bác sợ họ chật vắn nên giả chết, để cho Mộ Dung Phục đứng ra điều khiển công việc của nhà họ Mộ Dung. Phần Mộ Dung Bác thì trá hình làm một nhà sư bịt mặt mặc áo trắng và lén vào ở trong chùa Thiếu Lâm để nghiên cứu thêm võ công của phái Thiếu Lâm.

Nổi chí Mộ Dung Bác, Mộ Dung Phục lãnh đạo công cuộc mưu đồ tái lập nước Đại Yên với sự giúp đỡ của một số gia thần trung kiên, dũng cảm và võ nghệ cao cường. Với kỹ thuật “gây ông đập lưng ông”, Mộ Dung Phục đã làm cho giới giang hồ kính trọng và nể sợ. Với câu ca ngợi “Bắc Kiều Phong, Nam Mộ Dung”, giới này mặc nhiên cho rằng võ công Mộ Dung Phục tương đương với Kiều Phong mặc dầu hai bên chưa hề so tài nhau.

Vương Phu Nhon là cô của Mộ Dung Phục sợ bị liên lụy vì công cuộc mưu đồ tái lập nước Đại Yên nên tỏ vẻ lãnh đạm không chịu thân cận với Mộ Dung Phục. Nhưng Vương Ngọc Yến vì yêu Mộ Dung Phục nên cố công đọc hết các sách nghiên cứu về võ công của tất cả các môn phái. Bởi đó, tuy chính mình không có võ công, cô biết rõ võ công của các môn phái và có thể chỉ nhìn cách đánh của một người mà biết ngay là người ấy thuộc môn phái nào, lại biết phải dùng chiêu thức gì để đỡ một đòn của người ấy hoặc để phản công người ấy. Mộ Dung Phục cũng có cảm tình với Vương Ngọc Yến, nhưng vì lòng tự ái, ông ít khi hỏi Vương Ngọc Yến về vấn đề võ thuật mặc dầu ông cố gắng học tập võ nghệ. Mặt khác, vì chỉ chú tâm đến việc tái lập nước Đại Yên, Mộ Dung Phục đã không để ý săn sóc đến Vương Ngọc Yến.

Đối với Đoàn Dự, Mộ Dung Phục ban đầu rất khinh thường. Lúc Vương Ngọc Yến bị người Tây Hạ định bắt và được Đoàn Dự cứu rồi đưa cô đi trốn, Mộ Dung Phục có dò theo. Ông giả làm một người Tây Hạ để đánh nhau với Đoàn Dự và thử tài Đoàn Dự. Ông biết chắc là mặc dầu đương ở gần Đoàn Dự và mang ơn Đoàn Dự, Vương Ngọc Yến vẫn yêu ông hơn. Nhưng vì ông mang mặt nạ và dùng nhiều ngón đòn của nhiều môn phái khác nhau nên Vương Ngọc Yến không nhận ra ông, và ông rất phiền về chỗ Vương Ngọc Yến bảo rằng võ nghệ ông có nhiều khuyết điểm, lại khẳng định là Đoàn Dự tuy hiện còn yếu kém, nhưng về sau sẽ là người có võ công cao nhất. Dầu vậy, Mộ Dung Phục vẫn không giết Đoàn Dự vì ông đã thấy rõ là Đoàn Dự chỉ có thể

chiến đấu một cách có hiệu lực khi có Vương Ngọc Yến chỉ cho cách đánh đỡ nên cho rằng Đoàn Dự không thể bằng ông được.

Tuy nhiên, trong cuộc gặp gỡ tại chùa Thiếu Lâm lúc có cuộc tỷ thí giành ngôi Minh Chủ Võ Lâm, Mộ Dung Phục đã đụng độ với Đoàn Dự. Lúc ấy, Đoàn Dự vì nóng lòng bình vực thân phụ mà phát huy được công lực, lại được Tiêu Phong dùng lời chỉ dẫn cho lối đánh nên đã thắng được Mộ Dung Phục. Nhờ Vương Ngọc Yến yêu cầu Đoàn Dự nương tay nên Mộ Dung Phục không bị thương nhưng Mộ Dung Phục tức tối lại tấn công Đoàn Dự một cách bất ngờ và làm cho Đoàn Dự bị thương. Do đó, Tiêu Phong can thiệp, mắng Mộ Dung Phục là không có phong độ anh hùng hảo hán và xách Mộ Dung Phục ném ra xa. Mộ Dung Phục vừa thẹn vừa tức nên toan tự tử. Nhưng Mộ Dung Bác nấp dưới giả trang của nhà sư bịt mặt mặc áo trắng đã xuất hiện và nhắc Mộ Dung Phục là họ Mộ Dung không có ai nổi dỗi ngoài ông ta ra, lại dạy rằng muốn lập sự nghiệp đế vương thì phải biết nhẫn nhục. Vì hành động này Phương Trượng chùa Thiếu Lâm đã đoán biết được chân tướng Mộ Dung Bác.

Tiếp theo đó, cha con họ Mộ Dung lại chạm mặt với cha con nhà họ Tiêu, và Mộ Dung Bác đã nói rõ ý mình với cha con nhà họ Tiêu. Theo ông, nếu Đại Liêu, Tây Hạ, Thổ Phồn và Đại Lý hợp tác với họ Mộ Dung thì các nhóm này có thể chia nhau lãnh thổ Đại Tống được. Trong trường hợp cha con nhà họ Tiêu chấp nhận sự hợp tác như vậy thì ông sẵn sàng tự tử để cha con nhà họ Tiêu nguôi cái hận về việc vì ông mà Tiêu Phu Nhon bị giết oan. Nhưng Tiêu Phong đã bác bỏ đề nghị này. Lúc nhà sư già mặc áo xám xuất hiện và cho Tiêu Viễn Sơn và Mộ Dung Bác biết rằng cả hai đều bị nội thương vì đã quá tham và học quá nhiều môn võ công thượng thặng thì Tiêu Phong đã xin nhà sư chữa cho Tiêu Viễn Sơn, trong khi Mộ Dung Phục đã quyết định đưa Mộ Dung Bác đi mặc dầu ông này đương thống khổ vì nội thương hành hạ. Nhưng rồi nhà sư áo xám cũng chữa trị cho Mộ Dung Bác và chỉ điểm cho ông này giác ngộ và qui y, trong khi Mộ Dung Phục vẫn giữ quyết tâm khôi phục nước Đại Yên.

Việc vua Tây Hạ kén phò mã đã được Mộ Dung Phục cho là một cơ hội hiếm có giúp ông thực hiện giấc mộng của ông. Bởi đó, ông đã nhút quyết tranh cho bằng được chức phò mã Tây Hạ, mặc dầu điều này làm cho Vương Ngọc Yến thất vọng đến mức toan tự tử. Chính vì thái độ Mộ Dung Phục trong việc cầu thân này mà Vương Ngọc Yến thấy rõ là tư cách Đoàn Dự hơn Mộ Dung Phục nhiều và cuối cùng đã bỏ Mộ Dung Phục để theo Đoàn Dự.

Sau khi thất bại trong việc mưu cầu làm phò mã nước Tây Hạ, Mộ Dung Phục lại âm mưu mượn thế nước Đại Lý để khôi phục nước Đại Yên. Chính ông đã đóng vai chủ động trong việc xảy ra tại Mạn Đà Sơn Trang. Kế hoạch của ông là: giết Đoàn Dự để Đoàn Chánh Thuần không còn con nối nghiệp và nhận Đoàn Diên Khánh làm người kế vị, nhưng Đoàn Chánh Thuần sẽ phải ở lại Mạn Đà Sơn Trang với Vương

Phu Nhon thành ra khi vua Đại Lý là Đoàn Chánh Minh băng thì Đoàn Diên Khánh có thể lên ngôi tức khắc. Khi giúp Đoàn Diên Khánh được làm vua Đại Lý một cách danh chánh ngôn thuận như vậy, Mộ Dung Phục chỉ yêu cầu ông này giúp cho mình một số quân để có cái thế mà cơ đồ đại sự.

Vì Đoàn Diên Khánh không nhận kế hoạch của Mộ Dung Phục sau khi biết rằng Đoàn Dự là con mình, Mộ Dung Phục tưởng rằng Đoàn Diên Khánh còn do dự là vì không tin cậy nơi ông. Do đó, ông đã cho biết rằng ông sẵn sàng nhận làm con nuôi của Đoàn Diên Khánh và đổi họ lại thành họ Đoàn theo sự đòi hỏi của Đoàn Diên Khánh. Ngoài việc làm cho Đoàn Diên Khánh tin cậy ông, Mộ Dung Phục còn tính rằng làm như vậy, ông có thể làm vua nước Đại Lý sau này. Dự liệu của ông là lúc đó, ông sẽ trở về với họ Mộ Dung và đổi tên nước Đại Lý ra nước Đại Yên.

Nhưng khi thấy Mộ Dung Phục chịu làm con nuôi Đoàn Diên Khánh và đổi họ thành họ Đoàn, các gia thần của ông đã phản đối ông. Trong số các gia thần này, có Bao Bất Đồng là người hay nói thẳng. Ông đã phân tích quyết định và các tính toán của Mộ Dung Phục và cho rằng với kế hoạch của mình, Mộ Dung Phục đã tỏ ra bất trung, bất hiếu, bất nhân và bất nghĩa. Do đó, Mộ Dung Phục đã giết ông và điều này làm cho các gia thần khác ức uất và bỏ đi.

Mộ Dung Phục đã không thực hiện được kế hoạch vì Đoàn Dự đã bứt được dây trói và dùng Lục Mạch Thần Kiếm đánh cho ông phải bỏ chạy. Vì các gia thần có khả năng đã bỏ ông hết nên Mộ Dung Phục không còn cách nào thực hiện giấc mộng của ông và cuối cùng đã hóa điên. Ông đã mua kẹo bánh cho trẻ con ăn và bắt chúng quì lạy tụng hô mình là hoàng đế để thỏa mãn lòng mơ ước của mình

V- QUÁCH TỈNH

Quách Tĩnh là con Quách Khiếu Thiên, dòng dõi Quách Thận là một người trong các anh hùng Lương Sơn Bạc. Gia đình của Quách Khiếu Thiên ở vùng phụ cận Lâm An là kinh đô của nhà Đại Tống lúc đã dời về phương nam (nay là Hàng Châu, thủ phủ tỉnh Triết Giang). Thời đó, nhà Đại Tống suy yếu và bị nước Đại Kim uy hiếp. Bởi vậy, một số quan lại Đại Tống vì tham phú quý vinh hoa, đã ngầm làm việc cho người Đại Kim. Do lệnh của Hoàn Nhan Liệt là một thân vương nước Đại Kim, một võ quan của nhà Đại Tống là Đoàn Thiên Đức đã sát hại Quách Khiếu Thiên.

Lúc Quách Khiếu Thiên chết, vợ là Lý Bình đương có thai và bị Đoàn Thiên Đức bắt theo mình. Vì bị sự lũng bắt của Khưu Xứ Cơ là một đạo sĩ phái Toàn Chân đã kết bạn với Quách Khiếu Thiên, Đoàn Thiên Đức đã mang bà Lý Bình chạy sang nước Đại Kim, rồi theo một phái bộ Đại Kim sang Mông Cổ. Phái bộ này đã bị địch tấn công và bà Lý Bình đã nhơn lúc hỗn loạn gây ra vì cuộc tấn công này mà chạy thoát được.

Bà Lý Bình đã sanh Quách Tĩnh trong sa mạc Mông Cổ và cùng con sống luôn tại đó. Cậu bé Quách Trĩnh đã tỏ ra gan dạ và trọng nghĩa khí khi toan cứu Triết Biệt là một tướng Mông Cổ đã chống lại Thiết Mộc Chân nhưng sau lại đầu hàng Thiết Mộc Chân. Nhờ việc này, Quách Tĩnh được đưa về sống trong trại quân của Thiết Mộc Chân và kết bạn với Đà Lô là con trai Thiết Mộc Chân. Kể đó Quách Tĩnh đã cứu được con gái Thiết Mộc Chân là Hoa Tranh khỏi bị beo vồ. Sau hết ông lại có dịp cứu giúp Thiết Mộc Chân khi ông này bị sự chống đối và mưu hại của một số nhà lãnh đạo Mông Cổ khác bị sự mua chuộc của người Đại Kim. Bởi vậy, Thiết Mộc Chân rất tin yêu Quách Tĩnh và khi đã tự tôn làm Thành Cát Tư Hãn, ông đã cho Quách Tĩnh làm Kim Dao Phò Mã và hứa gả Công Chúa Hoa Tranh cho Quách Tĩnh.

Về võ nghệ thì Quách Tĩnh đã được Triết Biệt dạy cho về các khoa chiến đấu của người Mông Cổ, đặc biệt là bắn cung. Lúc còn trẻ, ông đã từng dùng một mũi tên mà hạ được hai con chim diều bay trên mây và nhờ đó mà được nổi tiếng là Anh Hùng Xạ Điêu. Ngoài ra, Quách Tĩnh lại còn được sự dạy dỗ kín đáo nhưng tận tâm của một số cao thủ võ lâm người Hán thuộc phái Giang Nam. Họ nguyên có bảy người và được gọi chung là Giang Nam Thất Quái, nhưng lúc bắt đầu dạy Quách Tĩnh thì một người đã chết nên chỉ còn lại có sáu người thành ra Giang Nam Lục Quái.

Các cao thủ người Hán này đều có nghĩa khí và có tâm huyết. Họ đã cố công tìm ra tung tích của Quách Tĩnh để huấn luyện vì họ đã đánh cuộc với Đạo Sĩ Khưu Xứ Cơ thuộc phái Toàn Chân và ước hẹn khi Quách Tĩnh được 18 tuổi thì đấu võ với đệ tử Khưu Xứ Cơ để phân hơn kém. Do sự đánh cuộc này, họ đã cố sức dạy Quách Tĩnh và Quách Tĩnh cũng cố sức học tập. Nhưng Giang Nam Lục Quái không có phép luyện nội công mà võ thuật của họ đã phức tạp lại không mấy cao siêu trong khi Quách Tĩnh lại vốn triền miên nên kết quả thâm hoạch được rất ít. Quách Tĩnh chỉ tiến bộ mạnh mẽ về võ thuật sau khi được Mã Ngọc là Chứng Môn Nhơn phái Toàn Chân bí mật dạy phép luyện nội công cho. Nhưng để tránh sự kiêng kỵ về phép thâm nhập đệ tử thời đó, Mã Ngọc đã không nhận mình là thầy Quách Tĩnh.

Khi Quách Tĩnh lớn lên, Giang Nam Lục Quái đã theo lời ước hẹn, cho Quách Tĩnh sang nước Đại Kim để đấu nhau với Dương Khang là đệ tử Khưu Xứ Cơ. Thật sự thì lúc ấy, về võ nghệ và sự ứng biến trong khi giao đấu, Quách Tĩnh đã không hơn được Dương Khang. Nhưng vì Dương Khang bị tội bất hiếu nên Khưu Xứ Cơ đã nhận thua phe Giang Nam Lục Quái.

Cuộc du hành kỳ này không những đưa Quách Tĩnh sang nước Đại Kim mà còn đưa ông về nước Đại Tống. Trong dịp đi mọi nơi như vậy, Quách Tĩnh đã gặp nhiều cơ hội may mắn.

Trước hết, ông đã gặp Hoàng Dung là con gái của Đông Tà Hoàng Dục Sư, chúa đảo Đào Hoa. Cô này rất thông minh lanh lợi, nhưng vì bị cha quở nên đã bỏ đảo Đào Hoa ra đi. Cô đã gặp Quách Tĩnh lúc cô giả trai. Vì thấy Quách Tĩnh tánh tình hào hiệp và thành thật nên cô đem lòng yêu và tận lực giúp đỡ Quách Tĩnh.

Về mặt võ thuật, Quách Tĩnh đã tiến bộ vượt bậc nhờ nhiều lý do. Trước hết, trong dịp đi tìm thuốc về chữa bệnh cho Đạo Sĩ Vương Xứ Nhút, ông đã ngẫu nhiên hút được huyết con rắn quý của Lương Tử Ông và nhờ đó mà tăng thêm công lực rất nhiều. Kế đó, nhờ sự khéo léo của Hoàng Dung, rồi nhờ sự chơn chất của mình, Quách Tĩnh đã được Bắc Cái là Hồng Thất Công thương mến và dạy cho môn võ Hàng Long Thập Bát Chưởng. Ngoài ra, ông lại được Lão Ngoan Đồng Châu Bá Thông kết nghĩa anh em và dạy cho hết cả hai phần của CỬU ÂM CHƠN KINH. Khi đi tìm Đoàn Nam Đế (lúc ấy trở thành Nhất Đăng Đại Sư) để yêu cầu ông này chữa thương cho Hoàng Dung, Quách Tĩnh lại được ông này giải thích cho nên hiểu được hết các câu tiếng Phạn chen lẫn trong bản Hán văn của bộ kinh này thành ra đã thông hiểu nó hoàn toàn. Và trong lúc cùng Hoàng Dung ra đảo Đào Hoa để tìm Hoàng Dục Sư, Quách Tĩnh đã nhờ chứng kiến cuộc tranh tài giữa Đông Tà Hoàng Dục Sư, Tây Độc Âu Dương Phong và Bắc Cái Hồng Thất Công mà hiểu hết các điểm ẩn ảo cao siêu của võ thuật. Sau hết, Quách Tĩnh đã nhờ tìm được bộ VŨ MỤC DI THƯ do danh tướng nhà Tống là Nhạc Phi sáng tác nên biết cách điều khiển quân sĩ đánh giặc.

Tuy nhiên, mối tình giữa Quách Tĩnh và Hoàng Dung đã gặp nhiều trở lực. Ban đầu, Giang Nam Lục Quái không muốn cho Quách Tĩnh gần Hoàng Dung vì cho rằng cô này không phải là người tốt. Sau đó, Đông Tà lại hận Quách Tĩnh vì Quách Tĩnh lúc nhỏ đã ngẫu nhiên hạ sát Trần Huyền Phong là đệ tử của ông thành ra ông đã có lúc muốn đem Hoàng Dung gả cho Âu Dương Công Tử là cháu của Tây Độc. Khi ông chấp nhận gả Hoàng Dung cho Quách Tĩnh thì Quách Tĩnh đã tỏ ra quả chơn chất không biết lên tiếng tôn ông làm nhạc phụ ngay. Sau đó, Đông Tà lại tưởng rằng Quách Tĩnh đã nói dối ông khi bảo rằng mình không biết CỬU ÂM CHƠN KINH trong khi Quách Tĩnh thật sự đã không biết rằng cái mà Lão Ngoan Đồng đem dạy mình chính là bộ kinh trứ danh này. Lúc bị Linh Trí Thượng Nhon gạt và tưởng rằng Hoàng Dung đã chết khi vượt biển đi tìm Quách Tĩnh, Đông Tà càng thù Quách Tĩnh thêm và có ý định triệt hạ luôn thầy Quách Tĩnh là nhóm Giang Nam Lục Quái.

Về phần Quách Tĩnh thì cũng hiềm Đông Tà vì ông này đã có sự đụng chạm với phái Toàn Chân. Sau đó, ông lại nghĩ rằng chính Đông Tà đã giữ năm người thầy của mình trong nhóm Giang Nam Lục Quái nên quay ra hận hủi Hoàng Dung. Nhờ lanh lợi, thông minh và có nhiều mưu kế Hoàng Dung đã nhẫn nhục cứu giúp Kha Trấn Ác là người duy nhất còn sống sót trong

nhóm Giang Nam Thất Quái và làm cho ông thấy rõ rằng thủ phạm giết năm người anh em kết nghĩa với ông là Tây Độc và Dương Khang. Đến lúc đó, Quách Tĩnh mới nhận thấy sự thật và yêu Hoàng Dung trở lại.

Nhưng mặc dầu lòng Quách Tĩnh chỉ yêu Hoàng Dung, ông lại còn vướng víu vì lời hứa cưới Hoa Tranh làm vợ. Vì muốn giữ lời hứa, ông đã về Mông Cổ khi không tìm ra tung tích Hoàng Dung lúc ấy đang bị Tây Độc bắt giữ. Quách Tĩnh đã được Thành Cát Tư Hãn phong làm tướng đi đánh giặc. Phần Hoàng Dung thì đã trốn khỏi sự kềm chế của Tây Độc. Vì đương giữ chức Bang Chủ Cái Bang, Bà đã huy động được người của đoàn thể này ngầm giúp Quách Tĩnh, nhắc Quách Tĩnh sử dụng VŨ MỤC DI THƯ và nhờ đó mà lập công lớn với Thành Cát Tư Hãn, đồng thời giết được Hoàn Nhan Liệt báo thù cho cha. Quách Tĩnh đã định bụng lấy công trạng mình đã thu hoạch được trong cuộc chiến đấu để đổi lại lời hứa cưới Công Chúa Hoa Tranh làm vợ và được kết duyên với Hoàng Dung. Nhưng vì ông bất nhẫn khi thấy người Mông Cổ tàn sát dân chúng của thành phố bị triệt hạ, ông đã lấy công ông để xin Thành Cát Tư Hãn tha cho dân chúng thành phố này.

Việc Công Chúa Hoa Tranh chỉ được giải quyết bằng một thảm kịch cho Quách Tĩnh. Mặc dầu không mấy hài lòng về việc Quách Tĩnh xin tha cho dân chúng, Thành Cát Tư Hãn vẫn còn tin cậy và quý mến ông. Bởi đó, nhà vua Mông Cổ này đã phong cho Quách Tĩnh làm tướng đi đánh Đại Kim với Đà Lôi, nhưng đồng thời có mật lệnh theo đó Quách Tĩnh phải kéo quân đánh luôn Đại Tổng sau khi hạ Đại Kim. Theo mưu đồ của Thành Cát Tư Hãn, nếu Quách Tĩnh từ chối không tuân lệnh đánh Đại Tổng thì ông phải bị hạ sát ngay. Do chủ trương này, Thành Cát Tư Hãn đã giữ Bà Lý Bình là mẹ Quách Tĩnh ở lại Mông Cổ. Mẹ con Quách Tĩnh đã biết được dụng ý Thành Cát Tư Hãn nên định bỏ trốn về Đại Tổng. Vì sợ Quách Tĩnh đi luôn, Công Chúa Hoa Tranh đã tố cáo âm mưu này với hy vọng giữ mẹ con Quách Tĩnh lại. Nhưng bà Lý Bình không muốn cho con vì vướng víu mình mà bắt buộc phải phục vụ người Mông Cổ trong việc lần đánh Đại Tổng nên đã tự tử.

Do chỗ Công Chúa Hoa Tranh có trách nhiệm về cái chết của Bà Lý Bình mà Quách Tĩnh có thể quay về với Hoàng Dung. Nhưng khi thấy Quách Tĩnh xin với Thành Cát Tư Hãn cho dân khỏi chết thay vì xin khỏi lấy Công Chúa Hoa Tranh, Hoàng Dung lại nghĩ rằng Quách Tĩnh ham chức Phò Mã Mông Cổ mà phụ bạc mình nên bỏ đi và bị Tây Độc bắt trở lại. Quách Tĩnh phải đi tìm và giải thoát Hoàng Dung. Khi quân Mông Cổ vây thành Tương Dương, Quách Tĩnh và Hoàng Dung đã đến phụ giúp vào việc giữ thành này. Quách Tĩnh đã lên vào đại bản dinh Mông Cổ với ý định hành thích chủ tướng Mông Cổ là Đà Lôi mặc dầu ông này đã kết nghĩa anh em với mình.

Nhưng lúc đó, Thành Cát Tư Hãn đương hấp hối và có lệnh gọi Đà Lôi về gặp mặt trước khi chết. Thành Cát Tư Hãn lại nhắc với Đà Lôi là nếu có gặp

Quách Tĩnh thì cũng đưa về gặp mình và Quách Tĩnh đã trở về Mông Cổ để hội kiến với Thành Cát Tư Hãn trước khi nhà vua này băng hà.

Sau đó, Quách Tĩnh và hoàng Dung về đảo Đào Hoa và kết hôn với nhau sanh ra đứa con đầu lòng là Quách Phù. Đông Tà Hoàng Dục Sư đã giao đảo Đào Hoa cho họ để đi chơi xa, không cho biết tin tức gì về mình. Lúc Quách Phù đã trên 10 tuổi, Quách Tĩnh và Hoàng Dung đã bỏ đảo Đào Hoa về Đại Tống thăm dò tin tức Đông Tà nhưng không tìm được ông. Khi người Mông Cổ đã diệt xong nước Đại Kim rồi chủ trương chinh phục Đại Tống, Quách Tĩnh và Hoàng Dung lại đến thành Tương Dương lúc ấy là địa điểm then chốt cho việc phòng thủ lãnh thổ Đại Tống. Họ đã ở đó trong hơn mười năm để giúp chánh quyền và nhơn dân chống chọi lại các đạo quân Mông Cổ đến tấn công. Đến lúc nhà vua Mông Cổ Mông Kha (tức là Nguyên Hiến Tông) bị tử trận khi công phá Tương Dương và thất bại, Quách Tĩnh và Hoàng Dung mới tạm thời rời bỏ thành này. Nhờ công ơn giữ thành giúp dân chúng nên Quách Tĩnh đã được tôn làm đại hiệp và được gọi là Bắc Hiệp để thay thế Bắc Cái đã chết trong số năm vị bá chủ võ lâm.

Cứ theo bộ CÔ GÁI ĐỒ LONG thì sau đó Quách Tĩnh và Hoàng Dung lại trở lại giúp chánh quyền và dân chúng Tương Dương giữ thành này và đã tử nạn khi quân Nguyên phá được thành. Nhưng trước đó, hai nhơn vật này đã dự liệu rằng thế nhà Đại Tống không thể chống cự nổi quân Mông Cổ. Để chuẩn bị cho việc đánh người Mông Cổ giải thoát Hán tộc trong tương lai, họ đã làm một bí kíp ghi võ công của CỬU ÂM CHƠN KINH và Hàng Long Thập Bát Chương giấu vào một thanh kiếm đặt tên là Ý Thiên, và đem VŨ MỤC DI THƯ giấu vào một thanh đao đặt tên là Đồ Long. Đồ Long hàm ý giết nhà cầm quyền Mông Cổ để giải thoát Hán tộc và Ý Thiên hàm ý thể theo ý trời mà trừ diệt những kẻ cầm quyền gian ác, tham nhũng, hại dân. Hai võ khí này được chế tạo bằng chất kim loại đặc biệt lấy từ cây Huyền Thiết Kiếm của Dương Quá nên rất sắc bén có thể chém gãy các võ khí khác, nhưng nếu dùng hai võ khí ấy để chặt nhau thì cả hai đều gãy và để lộ các bí kíp. Người Hán tộc thời Quách Tĩnh và Hoàng Dung vừa bị xâm lấn của người Mông Cổ, vừa bị khổ sở vì nạn tham quan ô lại của nhà Đại Tống. Do đó, khi chế tạo đao Đồ Long và kiếm Ý Thiên, Quách Tĩnh và Hoàng Dung có dụng ý truyền lại cho kẻ có cơ duyên bộ VŨ MỤC DI THƯ để họ đánh đuổi người Mông Cổ khỏi đất Hán và các bí kíp võ công để họ trừ gian diệt bạo, bảo vệ nhơn dân đối với bất cứ chánh quyền nào.

VI- DƯƠNG KHANG tức HOÀN NHAN KHANG.

Dương Khang là con Dương Thiết Tâm, dòng dõi của Dương Tái Hưng cũng là một người nổi tiếng anh hùng của nhà Đại Tống. Dương Thiết Tâm là bạn của Quách Khiếu Thiên và cả hai người đều có lòng yêu nước nên rất đau lòng vì người Đại Kim đã xâm lấn và chiếm phần đất phía bắc của nhà Đại

Tổng. Cả hai đã làm quen với một đạo sĩ yêu nước là Khưu Xứ Cơ khi vợ họ cùng có thai một lượt. Do sự đề nghị của vị đạo sĩ này, họ đã đồng ý là sẽ đặt tên con một người là Tĩnh, một người là Khang, để nhớ lại niên hiệu Tĩnh Khang (1126) là năm mà người Đại Kim chiếm được kinh đô nhà Đại Tống và bắt hai vua Tống Huy Tông và Tống Khâm Tông, khiến cho nhà Đại Tống mất Hoa Bắc và phải dời kinh đô về phía nam. Họ còn hẹn với nhau là nếu con họ là con trai cả thì chúng sẽ kết nghĩa anh em với nhau, còn nếu một đứa trai một đứa gái thì chúng sẽ kết hôn với nhau.

Nhưng trong khi vợ Dương Thiết Tâm là Bao Tích Nhược còn mang thai thì một thân vương Đại Kim là Hoàn Nhan Liệt đã gặp bà rồi mê nhan sắc của bà. Ông ta lập kế sai một võ quan Đại Tống là Đoàn Thiên Đức mang quân đến hạ sát Dương Thiết Tâm và Quách Khiếu Thiên. Quách Khiếu Thiên chết, nhưng Dương Thiết Tâm còn sống sót được và đổi tên là Mục Dịch. Ông đã làm người mãi võ đi khắp nơi để tìm vợ và có nuôi một đứa con gái tên là Mục Niệm Từ.

Phần Bao Tích Nhược thì được Hoàn Nhan Liệt tỏ vẻ hào hiệp cứu giúp và yêu thương nên đã nhận làm vương phi cho vị thân vương Đại Kim này. Do đó, khi bà đẻ ra một đứa con trai, bà vẫn đặt tên nó là Khang như dự liệu, nhưng đứa bé này lại mang họ Hoàn Nhan. Đạo sĩ Khưu Xứ Cơ vì đánh cuộc với Giang Nam Thất Quái nên cố tìm ra tung tích Bao Tích Nhược và thu nhận Hoàn Nhan Khang làm đồ đệ. Khưu Xứ Cơ đã rèn luyện nội công và võ nghệ cho Hoàn Nhan Khang, nhưng lại không nói cho Hoàn Nhan Khang biết thân thế thật sự của mình. Do đó, Hoàn Nhan Khang vẫn tưởng mình là con Hoàn Nhan Liệt.

Lúc Mục Dịch đến kinh đô Đại Kim mở cuộc thí võ chiêu phu cho con gái nuôi là Mục Niệm Từ, Hoàn Nhan Khang đã thí võ để đùa chơi. Nhưng trong dịp này, Mục Niệm Từ đã yêu Hoàn Nhan Khang. Sau đó, Hoàn Nhan Khang đã mời cha con Mục Dịch vào vương phủ giả là để nói chuyện hôn ước, nhưng thật sự để thủ tiêu họ. Nhờ cơ hội này Bao tích Nhược đã gặp được Mục Dịch và nhìn ra đó là Dương Thiết Tâm, chồng mình. Hai người đã cùng nhau trốn khỏi vương phủ và bị Hoàn Nhan Liệt cùng Hoàn Nhan Khang rượt theo. Vì đã cùng đường, hai người đã cùng nhau tự tử. Trước khi chết họ đã cho Hoàn Nhan Khang biết sự thật, nhưng Hoàn Nhan Khang không chịu nhận Dương Thiết Tâm là cha mình. Do đó, Khưu Xứ Cơ đã tuyên bố chịu thua Giang Nam Lục Quái vì nhận chân rằng đệ tử mình không có tư cách đứng đắn đáng trọng.

Sau khi mẹ chết, Hoàn Nhan Khang vẫn ở với Hoàn Nhan Liệt và xem Hoàn Nhan Liệt như cha. Trong một dịp đi công cán cho Hoàn Nhan Liệt trên đất Đại Tống, Hoàn Nhan Khang đã gặp Đoàn Thiên Đức và ông này đã cung khai hết việc ông đã theo lệnh Hoàn Nhan Liệt đi bắt và giết Quách Khiếu

Thiên và Dương Thiết Tâm để cho Hoàn Nhan Liệt cướp Bao Tích Nhược làm vợ. Lúc ấy, Hoàn Nhan Khang vì thấy mình cô thế nên giả vờ nhận chân được sự thật. Ông tự nhận mình là Dương Khang và kết nghĩa anh em với Quách Tĩnh. Nhưng thật sự ông vẫn còn tiếc tước vị thân vương của nước Đại Kim nên không quyết tâm đổi phò với Hoàn Nhan Liệt để trả thù cho cha. Trái lại, ông vẫn còn trung thành với nước Đại Kim, nhứt là sau khi được Hoàn Nhan Liệt hứa sẽ cho ông kế vị sau này.

Do sự ham mê phú quý như vậy, Dương Khang đã che chở cho Hoàn Nhan Liệt không bị nhóm Quách Tĩnh bắt, và nhận nhiều công tác chánh trị quan trọng của nhóm Đại Kim có mục đích tạo thế thuận tiện cho Đại Kim tấn công Đại Tống. Một trong các mưu đồ của Dương Khang trong chiều hướng này là giành chức Bang Chủ Cái Bang rồi chấp nhận lời yêu cầu của Hoàn Nhan Liệt nhờ Cừu Thiên Nhận, Bang Chủ Thiết Chưởng Bang chuyển đến. Theo lời yêu cầu này, Cái Bang phải dẫn bang chúng về phía nam để cho phía bắc của lãnh thổ Đại Tống còn lại không có tổ chức dân chúng nào hữu hiệu đối phó lại cuộc xâm lăng mà Đại Kim dự liệu. Ngoài ra, Dương Khang còn phụ lực với Hoàn Nhan Liệt trong việc đi tìm bộ VÕ MỤC DI THƯ của Nhạc Phi để lại dạy về phép hành quân.

Với các chủ trương trên đây, Dương Khang phải đối phó với Quách Tĩnh và Hoàng Dung và nhiều lần tìm cách hãm hại hai người này cùng những kẻ thuộc một phe với họ. Dương Khang đã cùng với Tây Độc Âu Dương Phong lên đến đảo Đào Hoa hạ sát năm người trong Giang Nam Lục Quái để làm cho Quách Tĩnh ngỡ là Hoàng Dục Sư giết và căm thù Hoàng Dục Sư, đồng thời tuyệt tình với Hoàng Dung. Hai người này cũng đã huy động quân bao vây để tấn công phái Toàn Chân, Hoàng Dục Sư, Hồng Thất Công và Quách Tĩnh khi những người này họp nhau ở lầu Yên Vũ.

Mặc dầu đã yêu Mục Niệm Từ sau khi cô này lộng hiểm cứu mình lúc bị phe địch bắt, Dương Khang vẫn không nghe lời cô yêu cầu bỏ nước Đại Kim. Lúc bị Hoàng Dung đoạt chức Bang Chủ Cái Bang, Dương Khang đã chạy vào núi Thiết Chưởng nương tựa Thiết Chưởng Bang và đã hãm hiếp Tần Nam Cầm, một cô gái chuyên nghề bắt rắn đã bị Thiết Chưởng Bang bắt về để làm thú tiêu khiển cho người của mình.

Về mặt võ thuật Dương Khang là đệ tử chánh thức của đạo sĩ Khưu Xứ Cơ phái Toàn Chân nhưng lại còn lên học với Mai Siêu Phong là đệ tử của Hoàng Dục Sư lúc bà này đã bị Hoàng Dục Sư loại trừ khỏi môn phái. Nhưng điều ước mơ của Dương Khang là được làm đệ tử của Tây Độc Âu Dương Phong. Ông này chủ trương chỉ có một đệ tử và đã chánh thức truyền võ nghệ cho Âu Dương Công Tử là đứa cháu gọi ông bằng chú (nhưng thật sự là con ruột của ông). Để có thể được Âu Dương Phong nhận làm đệ tử, Dương Khang đã hạ sát Âu Dương Công Tử.

Các hành động âm độc của Dương Khang đã bị Hoàng Dung khám phá và tiết lộ trong Thiết Thương Thần Miếu. Lúc ấy, Hoàng Dung nấp trong miếu với Kha Trấn ác. Nhưng khi nghe thấy phe Hoàn Nhan Liệt, Âu Dương Phong và Dương Khang đến, bà lộng hiểm ra gặp mặt họ trong khi vẫn để Kha Trấn Ác nấp bên trong. Bà dùng lời khéo léo để chất vấn Cô Khùng là con của Khúc Linh Phong, một đệ tử của Hoàng Dược Sư, và được Hoàng Dược Sư đem về đảo Đào Hoa để nuôi và dạy. Do sự trả lời của Cô Khùng mà Kha Trấn Ác nấp bên trong biết rõ là chính Dương Khang đã cùng Âu Dương Phong đến đảo Đào Hoa để giết các bạn ông trong Giang Nam Lục Quái. Hoàng Dung cũng dùng lời khéo léo để Cô Khùng nói lên cho mọi người biết rằng chính Dương Khang đã giết Âu Dương Công Tử.

Thấy các việc làm của mình bị phá giắc, Dương Khang nổi xung nhảy đến tấn công Hoàng Dung và đánh vào người Hoàng Dung. Nhưng vì Hoàng Dung có mặc cái áo giáp làm bằng da con nhím bên trong nên Dương Khang bị thương chảy máu. Lúc trở về đảo Đào Hoa sau khi Âu Dương Phong và Dương Khang đến hạ sát năm người của phe Giang Nam Lục Quái, Hoàng Dung đã bị một trong những người này là Nam Hi Nhân đánh vào vai trong lúc mê man. Nam Hi Nhân vốn đã bị Âu Dương Phong hại bằng chất độc lấy ra từ nọc rắn nên trong máu ông có chất độc này. Khi đánh vào vai Hoàng Dung trúng cái giáp da nhím, tay Nam Hi Nhân bị thương chảy máu và máu này dính vào cái áo giáp đó. Dương Khang đánh trúng nhằm chỗ Nam Hi Nhân đã đánh Hoàng Dung nên khi ông bị áo giáp da nhím làm cho bị thương, chất độc trên áo giáp truyền vào máu ông làm cho ông ngộ độc tức khắc. Âu Dương Phong có thuốc giải, nhưng vì đã biết rằng chính Dương Khang đã giết con mình là Âu Dương Công Tử nên không chịu cho thuốc giải đó thành ra Dương Khang bị điên loạn mà chết. Mọi người, ngay cả đến người Dương Khang thờ làm cha là Hoàn Nhan Liệt đều bỏ chạy để lánh xa ông vì sợ ông truyền chất độc vào người và bị chết thảm, chỉ có Mục Niệm Tử vẫn còn yêu ông nên tự tử chết theo ông.

VII – DƯƠNG QUÁ.

Dương Quá là đứa con mà Tàn Nam Cầm sanh ra vì bị Dương Khang hãm hiếp. Khi bà sanh đứa trẻ này thì gặp Quách Tĩnh và Quách Tĩnh đã đặt tên cho nó là Quá vốn có ý nghĩa là lỗi lầm với mục đích ghi nhận sự sai quấy của Dương Khang. Vì Tàn Nam Cầm sanh nhai với nghề bắt rắn nên từ nhỏ, Dương Quá cũng theo mẹ bắt rắn. Mặt khác, để Tàn Nam Cầm khỏi bị người ta hà hiếp, Quách Tĩnh đã dạy cho bà phép luyện nội công của phái Toàn Chân. Tàn Nam Cầm đã theo phép đó mà luyện tập, đồng thời dạy Dương Quá luyện tập theo. Lúc Dương Quá được 10 tuổi, Tàn Nam Cầm chết vì bị rắn độc cắn nhầm lúc quên không mang thuốc giải theo mình. Sau khi chôn mẹ, cậu bé Dương Quá cảm thấy bơ vơ. Vì lúc Tàn Nam Cầm còn sống, bà có kể cho con nghe câu chuyện của một dị nhon ở Tây Vực chuyên luyện tập rắn

làm theo ý mình nên cậu bé nảy ra cái ý đi phiêu lưu để tìm thầy học các thuật chiến đấu.

Trên đường đi phiêu lưu, cậu bé Dương Quá đã lượm nhầm một cây kim có tẩm chất cực độc và bị ngộ độc. Nhưng cậu lại may mắn gặp Tây Độc Âu Dương Phong và nhận ông này làm cha nuôi để nhờ ông chữa cho. Âu Dương Phong chỉ mới tạm chữa cho Dương Quá thì phải lánh mặt vì có Quách Tĩnh và Hoàng Dung đến. Hai người này lúc đó đã thành vợ chồng và có đứa con gái khoảng 10 tuổi là Quách Phù. Vì Đông Tà Hoàng Dược Sư đã bỏ đảo Đào Hoa đi vân du lâu quá mà không về nên họ vào lục địa để thăm dò tin tức và tình cờ gặp Dương Quá.

Khi gặp Dương Quá, Quách Tĩnh và Hoàng Dung nhận ra ngay đó là con Dương Khang. Họ thấy Dương Quá mồ côi nên thương xót và nhận bảo bọc cậu bé này. Nhưng mặc dầu Dương Quá đã theo Quách Tĩnh và Hoàng Dung, Âu Dương Phong đã lên đến gặp Dương Quá, dạy cho Dương Quá phép luyện tập để trừ chất độc còn lại trong người và dạy luôn cả công phu Cáp Mô Công đặc biệt của mình. Dương Quá cũng mến Âu Dương Phong nên đã ngầm giúp ông khỏi bị hại khi ông phải đối đầu với Quách Tĩnh và Hoàng Dung cùng Kha Trấn Ác là thầy Quách Tĩnh, vốn rất thù hận Âu Dương Phong vì ông này đã giết những anh em kết nghĩa với mình trong nhóm Giang Nam Lục Quái.

Liệu không thể tìm thấy Hoàng Dược Sư, Quách Tĩnh và Hoàng Dung lại trở về đảo Đào Hoa và mang Dương Quá theo. Quách Tĩnh nhớ đến mối tình thân thiết giữa thân phụ mình và thân phụ Dương Khang nên rất yêu Dương Quá và muốn rèn luyện võ công cho Dương Quá thật giỏi rồi đem gả con gái mình là Quách Phù cho Dương Quá. Bởi đó, ông đã cho Dương Quá chánh thức nhập môn phái Giang Nam cùng với Quách Phù và hai người con của Võ Tam Thông là Võ Đôn Nho và Võ Tu Văn cũng được vợ chồng Quách Tĩnh đem về nuôi vì mẹ chúng đã bị Lý Mạc Sầu giết, còn cha chúng thì điên loạn bỏ đi mất. Phần Hoàng Dung thì lại rất e ngại về sau Dương Quá phát giác được là bà có liên hệ đến cái chết của Dương Khang và tìm cách báo thù. Bởi đó, bà đã yêu cầu hoãn việc hứa gả Quách Phù cho Dương Quá. Mặt khác, bà đã dàn xếp với Quách Tĩnh để lãnh dạy Dương Quá. Quách Tĩnh vô tình nên theo ý kiến của vợ và Hoàng Dung chỉ dạy Dương Quá về văn chương chứ không dạy võ nghệ. Dương Quá cảm thấy việc đó và lên luyện tập Cáp Mô Công mà Âu Dương Phong đã chỉ cho mình. Ngoài ra cậu bé này còn rình xem cách Quách Tĩnh chỉ dạy cho anh em họ Võ để học và luyện tập theo.

Vì có người lạ mặt lên đến đảo Đào Hoa và bị Dương Quá đánh chết với một đòn của Cáp Mô Công Quách Tĩnh phát giác được là Dương Quá có học một môn võ khác hơn môn võ của mình. Sau khi thảo luận với thầy là Kha Trấn Ác và vợ là Hoàng Dung, ông đã mang Dương Quá lên Chung Nam Sơn để gọi Dương Quá cho phái Toàn Chân dạy dỗ. Đạo sĩ Khưu Xứ Cơ lúc đó là nhơn vật số hai trong phái này rất

mừng khi gặp đứa con trai của đồ đệ mình trước đây là Dương Quá. Ông rất mến Dương Quá, nhưng không trực tiếp dạy cậu bé này mà lại giao nhiệm vụ giáo huấn cậu cho một đệ tử Toàn Chân hàng dưới mình là Triệu Chí Kính. Nhưng ngay từ lúc đầu Triệu Chí Kính và Dương Quá đã có sự xung khắc nhau. Bởi đó Triệu Chí tính chỉ dạy Dương Qua các khẩu quyết mà không dạy cách đánh thật sự. Đến lúc có cuộc giao đấu giữa tất cả các đệ tử của phái Toàn Chân để xem kết quả luyện tập, Triệu Chí Kính lại sai Dương Quá ra đấu để cho cậu học trò này bị đòn và mang nhục. Nhưng Dương Quá đã uất ức nên đánh bừa bãi và dùng đòn Cáp Mô Công đánh chết một đệ tử phái Toàn Chân và làm cho một đệ tử khác bị thương. Do đó, cậu bé này phải chạy trốn và lọt vào địa phận của phái Cổ Mộ.

Tổ sư của phái này là một phụ nữ tên Lâm Triều Anh trước đây bà có mối tình thâm hậu với tổ sư phái Toàn Chân là Vương Trùng Dương. Nhưng vì phải lo việc nước, Vương Trùng Dương không đáp ứng đúng mức mối tình của bà nên bà thống hận và lập môn phái Cổ Mộ, lại nghiên cứu một võ thuật khắc chế võ thuật của phái Toàn Chân. Bà lại đánh cuộc với Vương Trùng Dương và đã thắng cuộc.

Do đó, phái Toàn Chân phải nhượng cho bà một phần núi Chung Nam ở sát căn cứ của mình với lời hứa không bao giờ xâm phạm đến phần núi đó. Căn cứ của Bà Lâm Triều Anh là một toà cổ mộ và giới luật bà đặt cho môn phái bà là chỉ nhận phụ nữ làm đệ tử, mà người này đã vào ở trong Cổ Mộ rồi thì vĩnh viễn không được ra, trừ ra khi nào có một người đàn ông yêu mình đến mức sẵn sàng chịu chết thay mình.

Tuy ở sát bên nhau, người của hai phái Toàn Chân và Cổ Mộ không hề có tiếp xúc với nhau. Nhưng vì thương Dương Quá còn nhỏ mà bị cả phái Toàn Chân hiếp đáp nên một người trong Cổ Mộ là Tôn Bà đã bình vực cậu bé này và bị người của phái Toàn Chân đánh trọng thương. Do sự nài nỉ của bà trước khi tắt hơi mà cậu bé Dương Quá đã được chấp nhận vào ở trong Cổ Mộ. Lúc ấy, trong căn cứ này chỉ còn có Tiểu Long Nữ, một thiếu nữ rất đẹp nhưng lớn tuổi hơn Dương Quá. Tiểu Long Nữ đã nhận làm thầy Dương Quá và dạy Dương Quá các tuyệt nghệ của phái Cổ Mộ. Nhưng sau đó, hai người đã yêu nhau.

Cuộc tình duyên giữa Dương Quá và Tiểu Long Nữ đã gặp rất nhiều trắc trở. Trước hết là vì sự chống phá của Lý Mạc Sầu, sư tỷ của Tiểu Long Nữ. Vì trái môn qui nên bà này bị thầy đuổi và khi ra khỏi Cổ Mộ rồi thì bà đã phạm nhiều tội ác. Bà rất muốn lấy bộ sách võ thuật của môn phái là NGỌC NỮ TÂM KINH để luyện tập nên tìm mọi cách uy hiếp Tiểu Long Nữ và Dương Quá để đạt mục đích.

Chính vì Lý Mạc Sầu xâm nhập Cổ Mộ nên Tiểu Long Nữ và Dương Quá phải rời căn cứ này. Nhưng Tiểu Long Nữ đã không phạm môn qui khi ra khỏi Cổ Mộ vì trong khi đụng độ với Lý Mạc Sầu, Dương Quá đã tỏ quyết tâm chịu chết thay cho Tiểu Long Nữ. Trở lực thứ nhì cho sự kết thân giữa Tiểu Long Nữ với Dương Quá phát

xuất từ nơi phải Toàn Chân. Một đạo sĩ của phái này là Doãn Chí Bình đã gặp Tiểu Long Nữ lúc cô này bị điểm huyết và mê man. Vì đã thâm vưu cô từ trước nên Doãn Chí Bình đã thừa cơ hội hãm hiếp cô. Khi tỉnh dậy, cô ngỡ là Dương Quá đã làm việc đó nên ngỏ ý muốn làm vợ Dương Quá. Nhưng Dương Quá không biết việc này và trong lòng vẫn còn xem cô như thầy nên tỏ ý do dự. Do đó, cô giận dỗi bỏ đi. Đến sau, khi gặp lại Dương Quá, Tiểu Long Nữ lại phát giác rằng người đã làm cho mình mất trinh không phải là Dương Quá mà là Doãn Chí Bình. Cô nghĩ rằng mình không xứng đáng làm vợ Dương Quá nên lại bỏ Dương Quá ra đi một lần nữa.

Áp lực của dư luận cũng đã gây nhiều trở ngại cho cuộc tình duyên giữa hai người. Do sự gợi ý của Hoàng Dung, Tiểu Long Nữ nghĩ rằng sự kết hôn với mình sẽ đặt Dương Quá trong một tình trạng khó xử. Nếu hai người kết hôn với nhau mà sống trong xã hội thì Dương Quá suốt đời sẽ bị thiên hạ khinh khi sỉ vả vì là học trò mà giày đạp lễ giáo để lấy thầy. Trái lại, nếu hai người lui về Cổ Mộ ở ẩn thì Dương Quá có thể khổ sở vì cuộc đời quá tích mịch tại đó. Ý nghĩ này cũng đã làm cho Tiểu Long Nữ tìm cách xa lánh Dương Quá.

Phân Dương Quá thì trên đường lưu lạc đã gặp nhiều thiếu nữ khác có cảm tình với mình, như Lục Vô Song, Trình Anh, Công Tôn Lục Ngạc. Nhưng ông chỉ có mối chân tình với Tiểu Long Nữ và trung thành với mối tình đó. Và sau nhiều lần phân cách, mà lần chót trong một thời gian 16 năm dài đằng đẳng, Dương Quá đã vui duyên phu phụ với Tiểu Long Nữ, với sự tán thành, kính trọng và yêu mến của mọi người.

Đối với Quách Tĩnh và Hoàng Dung, Dương Quá đã có những tình cảm rất phức tạp. Ông biết rằng Quách Tĩnh hết dạ thương ông, lại muốn gả Quách Phù cho ông. Ông có hờn Hoàng Dung về chỗ lừa dối chỉ dạy văn mà không dạy võ cho ông, nhưng cũng đã tỏ ra thông cảm khi Hoàng Dung phân trần là mình có dụng ý tốt khi đã có hành động như vậy. Nhưng sau khi được biết chắc là thân phụ mình đã vì Quách Tĩnh và Hoàng Dung mà chết, ông đã hết sức thù hận Quách Tĩnh và Hoàng Dung và lập tâm sát hại hai người này để báo thù.

Nhưng lúc đó là lúc Quách Tĩnh và Hoàng Dung lo giúp đỡ nhơn dân và chánh quyền thành Tương Dương chống lại cuộc xâm lăng của người Mông Cổ. Dương Quá thấy rõ Quách Tĩnh là người đại nhân đại nghĩa, một lòng vì nước vì dân nên không nỡ xuống tay. Nhưng mặt khác, Dương Quá biết rằng vì việc nghĩa, Quách Tĩnh có thể hạ sát người thân nên càng tin chắc là Quách Tĩnh có trách nhiệm trong việc làm cho thân phụ mình chết. Sự xung đột trong tâm thức Dương Quá chỉ chấm dứt khi ông được Khá Trấn Ác kể hết lại sự tích thân phụ mình và nhận chân rằng ông này quả đáng chết vì đã có tội lớn đối với gia đình họ Dương và nhơn dân nước Đại Tống.

Sự giao thiệp giữa Dương Quá và gia đình họ Quách còn trở thành phức tạp hơn vì thái độ và tâm tánh của Quách Phù là con gái lớn của Quách Tĩnh. Từ nhỏ, Dương Quá đã nhiều lần tủi hổ vì lời nói hay cử chỉ của cô này. Lớn lên, ông lại bị cô chạt rụng cánh tay mặt trong lúc nóng giận và hiểu lầm. Tuy nhiều lần muốn trả thù, Dương Quá đã không nỡ xuống tay khi có cơ hội. Trái lại, ông đã nhiều lần giúp đỡ và cứu nguy cho Quách Phù. Cuối cùng, Quách Phù đã bị lòng quảng đại của ông cảm hóa và thành thật xin lỗi ông. Đối với người con gái thứ hai của Quách Tĩnh là Quách Tường thì Dương Quá chỉ có cảm tình. Chính vì muốn làm cho cô bé này vui lòng mà Dương Quá đã phụ giúp vào việc triệt hạ lực lượng Mông Cổ vây đánh Tương Dương, và làm cho ngôi Bang Chủ Cải Bang không lọt vào tay của một người Mông Cổ mà giao về cho Gia Luật Tề là chồng của Quách Phù.

Trong thời kỳ lưu lạc khắp nơi, Dương Quá đã gặp nhiều cơ duyên và học được hết các kỹ thuật chiến đấu. Ngoài môn võ của phái Cô Mộ và phái Toàn Chân, ông còn được học các tuyệt nghệ của Tây Độc Âu Dương Phong, Bắc Cái Hồng Thất Công và Đông Tà Hoàng Dược Sư, chỉ có môn Nhứt Dương Chỉ của Đoàn Nam Đế là ông không có học. Đặc biệt, ông còn được học kiếm pháp của một dị nhơn đã khuất là Độc Cô Cầu Bại. Ông đã nhờ một con thần điêu để bầu bạn với vị dị nhơn này mà tìm được chỗ ẩn cư của vị ấy. Mặt khác, nhờ sự chỉ dẫn của con thần điêu này và nhờ việc nó cho ông ăn một loại trái trăn quý làm tăng thêm công lực, ông đã luyện tập được một nội công và một võ thuật siêu việt. Sau này, khi đi hành hiệp giang hồ, ông đã mang con thần điêu này theo nên đã được ngoại hiệu là Thần Điêu Đại Hiệp. Ông cũng đã được gọi là Tây Cuồng và được thay Tây Độc Âu Dương Phong làm một bá chủ võ lâm, ngang hàng với Trung Ngoan Đồng Châu Bá Thông (thay Trung Thần Thông Vương Trùng Dương), Đông Tà Hoàng Dược Sư, Nam Tăng Pháp Đăng (tức là Đoàn Nam Đế) và Bắc Hiệp Quách Tĩnh (thay Bắc Cái Hồng Thất Công).

VIII- TRƯƠNG VÔ KỶ tức TẠ VÔ KỶ

Trương Vô Kỵ hay Tạ Vô Kỵ là con của Trương Thúy Sơn và Hân Tố Tố, lại là con nuôi của Tạ Tồn. Trương Thúy Sơn là đệ tử thứ năm của Trương Tam Phong, Tổ Sư phái Võ Đang, còn Hân Tố Tố là con gái của Hân Thiên Chính, Giáo Chủ Bạch Mi Giáo, một đoàn thể bị xem là có hành động tàn bạo, bất lương.

Thời đó, trên giới giang hồ có lời đồn đãi là ai giữ được thanh đao Đồ Long thì được làm Minh Chủ Võ Lâm. Vì muốn chiếm đoạt này, Hân Tố Tố với người anh là Hân Dã Vương đã làm cho sư huynh Trương Thúy Sơn là Dư Đại Nham bị trọng thương. Sau đó, Hân Tố Tố còn giả làm Trương Thúy Sơn đã giết nhiều người trong phái Thiếu Lâm. Nhưng vì muốn điều tra về thanh đao Đồ Long, Trương Thúy Sơn đã theo Hân Tố Tố đến dự một đại hội do một Đàn Chủ của Bạch Mi Giáo tổ chức để khoe rằng mình đã chiếm được đao này.

Khi đại hội đang khai diễn thì một vị Hộ Pháp của Minh Giáo là Tạ Tốn đến và cướp được đao Đồ Long. Tạ Tốn vốn là học trò Thành Khôn, sư đệ Dương Pháp Thiên là vị Giáo Chủ trước đây của Minh Giáo. Vì có mối hận riêng với Dương Pháp Thiên, Thành Khôn muốn tiêu diệt Minh Giáo. Để đạt mục đích này, ông một mặt ngầm dựa vào người Mông Cổ lúc ấy đương thống trị Trung Quốc, một mặt cố gây sự thù hiềm giữa Minh Giáo với các môn phái khác. Ông đã sát hại cha mẹ vợ con Tạ Tốn. Để báo thù, Tạ Tốn đã giết người của các môn phái với mục đích đổ tội cho Thành Khôn, nhưng các môn phái lại biết chính Tạ Tốn là thủ phạm nên rất thù hận Tạ Tốn. Tạ Tốn đã cố tìm đao Đồ Long vì hy vọng sẽ tìm được trong đó một bí kíp võ thuật giúp ông thắng được Thành Khôn.

Cướp được đao Đồ Long rồi, Tạ Tốn làm cho mọi người còn sống sót trong đại hội bị điên loạn, chỉ trừ Trương Thúy Sơn và Hân Tố Tố vì đã lỡ đánh cuộc với họ và thua cuộc. Nhưng để giữ cho không ai biết tung tích, ông đã bắt cả hai người này theo ông đi tìm một hoang đảo nơi đó ông hy vọng được yên ổn nghiên cứu về đao Đồ Long. Dọc đường, thỉnh thoảng ông bị điên loạn và có lúc muốn hãm hiếp Hân Tố Tố nên Hân Tố Tố đã dùng ám khí bắn ông mù mắt. Nhưng cả bọn cuối cùng đã đến một hòn băng đảo có núi lửa và phải sống chung với nhau.

Vì đã trải qua nhiều lần nguy hiểm chung nhau nên Trương Thúy Sơn và Hân Tố Tố yêu nhau và lấy nhau. Họ sanh được đứa con trai trên băng đảo. Để cho Tạ Tốn thương mến bảo bọc nó, họ đã cho nó làm con nuôi Tạ Tốn và để cho nó tên Tạ Vô Kỵ vốn là tên của đứa con Tạ Tốn đã bị Thành Khôn giết. Tạ Tốn không tìm được bí mật của đao Đồ Long, nhưng đã đem hết sở đắc của mình về võ nghệ dạy cho cậu bé Tạ Vô Kỵ.

Lúc Vô Kỵ lên mười, Tạ Tốn chỉ cách cho Trương Thúy Sơn và Hân Tố Tố trở về lục địa, còn ông thì tình nguyện ở lại băng đảo một mình. Vợ chồng Trương Thúy Sơn về đến lục địa thì đã gặp ngay nhiều việc rắc rối. Vì trong số người dự đại hội của Bạch Mi Giáo khoe đao Đồ Long, còn có người sống sót mà không điên loạn nên giới võ lâm đã biết là đao này về tay Tạ Tốn và Tạ Tốn đã bắt Trương Thúy Sơn và Hân Tố Tố theo mình. Do đó, họ muốn Trương Thúy Sơn và Hân Tố Tố cho biết tung tích Tạ Tốn và đao Đồ Long. Riêng phái Thiếu Lâm còn muốn báo thù cho những người của họ đã bị sát hại. Trương Thúy Sơn đã được thầy là Trương Tam Phong và các sư huynh sư đệ trong phái Võ Đang triệt để yểm trợ. Nhưng khi được biết rằng chính Hân Tố Tố đã làm cho sư huynh mình là Dư Đại Nham bị trọng thương, Trương Thúy Sơn đã tự sát và Hân Tố Tố đã chết theo chồng. Vì cha mẹ ruột không còn con nối dõi nên Vô Kỵ trở về với họ Trương.

Từ khi về lục địa, chính Vô Kỵ cũng đã bị nhiều người tìm bắt hỏi về tung tích Tạ Tốn và đao Đồ Long. Nhưng cậu bé này nhứt định không nói ra nên đã bị tra khảo và bị một cao thủ làm việc cho người Mông Cổ và có liên hệ với Thành Khôn đánh bằng

Huyền Minh Thần Chương nên bị nội thương trầm trọng. Trương Tam Phong và các đồ đệ ông trong phái Võ Đương đã cố gắng cứu chữa cho Trương Vô Kỵ. Võ công của phái Võ Đương vốn phát xuất từ CỬU DUƠNG CHƠN KINH nhưng phái này chỉ có được một phần ba của kinh ấy, hai phần ba còn lại thì một do phái Thiếu Lâm và một do phái Nga Mi nắm giữ. Vì không biết hết CỬU DUƠNG CHƠN KINH, phái Võ Đương không chữa được nội thương cho Vô Kỵ. Lòng thương đứa con của đệ tử mình đã làm cho Trương Tam Phong chịu nhọc đến chùa Thiếu Lâm nhờ chùa này dạy cho Vô Kỵ phần CỬU DUƠNG CHƠN KINH của họ.

Nhà sư Viên Chân được chùa Thiếu Lâm giao cho nhiệm vụ này chính là Thành Khôn. Khi dạy Trương Vô Kỵ học phần CỬU DUƠNG CHƠN KINH của phái Thiếu Lâm, ông biết rằng cậu bé này do phe mình đánh cho bị nội thương nên đã đả thông kỳ kinh bát mạch cho cậu. Việc đả thông kỳ kinh bát mạch như vậy thường thì làm cho người luyện nội công tăng thêm khả năng rất nhiều, nhưng trong trường hợp Trương Vô Kỵ, nó lại làm cho khí hàn độc của Huyền Minh Thần Chương thâm nhập vào tạng phủ và khó chữa hơn. Để cứu cậu bé Trương Vô Kỵ, Trương Tam Phong đã gọi cậu đến một danh y thời đó là Hồ Thanh Ngưu trị liệu. Tuy không lành bệnh, Trương Vô Kỵ đã nhờ cơ hội học được về nghề y và về các chất độc.

Sau đó, vì nhận lời một người sắp chết là Kỷ Hiểu Phù, cậu bé Trương Vô Kỵ đã đưa con gái của bà này đến núi Côn Luân. Trên đường về, cậu gặp một gia đình võ lâm gạt gẫm cậu để bảo cậu đưa đi kiếm Tạ Tốn. Nhưng cậu tình cờ biết được chân tướng những người này nên chạy trốn rồi lọt vào bên trong một thung lũng cách biệt thế giới bên ngoài. Tại đó, Trương Vô Kỵ ăn được những con nhái huyết có chất chí dương nên nhẹ bệnh đi. Đồng thời, cậu nhờ chữa bệnh cho một con vượn già mà lấy được cả quyển CỬU DUƠNG CHƠN KINH. Nhờ luyện theo kinh này, chẳng những cậu hết bị nội thương mà còn tăng thêm công lực.

Khi trở ra thế giới bên ngoài, Trương Vô Kỵ đã được đưa vào căn cứ của Minh Giáo trong lúc căn cứ đó đương bị người các đại môn phái đến đánh. Nhờ đối đầu với Viên Chân, Trương Vô Kỵ hoàn thành được Cửu Dương Thần Công. Sau đó, ông lọt vào nơi bí mật của Minh Giáo và luyện được Càn Khôn Đại Nã Di Tâm Pháp. Ngoài ra, Trương Vô Kỵ đã gặp lại Trương Tam Phong khi ông này vừa hoàn thành hai môn Thái Cực Quyền và Thái Cực Kiếm Pháp. Vị Tổ Sư của phái Võ Đương đã đem dạy hết hai môn đó cho Trương Vô Kỵ. Về sau, trong khi phải đương đầu lại các sứ giả của Minh Giáo nước Ba Tư, Trương Vô Kỵ lại bổ túc được võ công của Càn Khôn Đại Nã Di Tâm Pháp. Vậy, do sự ngẫu nhiên, Trương Vô Kỵ đã học được đến tột bậc các môn tuyệt nghệ phát xuất từ ba dân tộc lớn: dân tộc Trung Hoa (với Thái Cực Quyền Kiếm Pháp do Tổ Sư phái Võ Đương là Trương Tam Phong sáng tạo), dân tộc Ấn Độ (với CỬU DUƠNG CHƠN KINH do Đạt Ma Tổ Sư phái Thiếu Lâm sáng tạo) và dân tộc Ba Tư (với Càn Khôn Đại Nã Di Tâm Pháp)

Vì cha là người của phái Võ Dương là một đoàn thể được cho là chánh phái, còn mẹ lại là người của Bạch Mi Giáo, một chi nhánh từ Minh Giáo mà tách ra, Trương Vô Kỵ rất muốn cho Minh Giáo và các chánh phái hoà giải nhau. Lúc đến căn cứ của Minh Giáo, ông được biết rằng đó là một đoàn thể đứng đắn và có tinh thần ái quốc. Sở dĩ nó bị chống đối là vì một phần do sự hiểu lầm, một phần do chỗ có vài phần tử làm bậy. Khi biết được việc này thì Trương Vô Kỵ đã có một võ công siêu tuyệt nhờ luyện được Cửu Dương Thần Công và Càn Khôn Đại Nã Di Tâm Pháp. Nhờ đó, ông đã cứu được Minh Giáo khỏi bị tiêu diệt và được tôn làm Giáo Chủ. Trong cuộc chiến đấu với các chánh phái tại căn cứ Minh Giáo, Trương Vô Kỵ đã gác bỏ một bên các mối hận thù riêng và cố tìm cách bảo vệ danh dự các phái đó nên đã hóa giải được một phần thù hận. Sau đó, ông đã tổ chức Minh Giáo lại cho có kỷ luật hơn và tránh các hành động tàn bạo bất nhân, rồi lại cứu các chánh phái bị khốn đốn vì Thành Khôn ngầm liên kết với người Mông Cổ để triệt hạ. Do đó, các chánh phái đã nhận Trương Vô Kỵ làm Minh Chủ Võ Lâm. Riêng phái Nga Mi vì chủ trương của Diệt Tuyệt Sư Thái nên lúc đầu không chấp nhận sự lãnh đạo của Trương Vô Kỵ, nhưng cuối cùng, Châu Chỉ Nhược cũng đã trao cho ông chức Chương Môn Nhon của phái này.

Với sự yểm trợ của nhiều môn phái, Trương Vô Kỵ đã cứu được Tạ Tốn khỏi bị giết. Ông này cuối cùng đã đánh nhau với Thành Khôn và làm cho Thành Khôn bị mù mắt để trả thù, nhưng không giết Thành Khôn, lại còn tự hủy hết võ công để không còn ơn oán gì với Thành Khôn nữa. Phần Trương Vô Kỵ thì lấy được các bí kíp trong đao Đồ Long và kiếm Ý Thiên.

Với tư cách Minh Chủ Võ Lâm, Trương Vô Kỵ là nhơn vật cầm đầu công cuộc nổi lên để đánh người Mông Cổ. Ông đã trao cho Từ Đạt là một đại tướng của Minh Giáo tham dự phong trào giải phóng người Hán, bộ VŨ MỤC DI THU là bí kíp về việc hành quân do Nhạc Phi sáng tác. Nhưng về sau, Châu Nguyên Chương (sau này là Minh Thái Tổ) đã vì muốn giành địa vị lãnh đạo mà ngầm chống lại Trương Vô Kỵ. Hai thuộc hạ mà Trương Vô Kỵ rất mến là Từ Đạt và Thường Ngộ Xuân đã đứng về phía Châu Nguyên Chương. Với võ công của mình, Trương Vô Kỵ có thể sát hại những thuộc hạ trong Minh Giáo đã chống lại ông vì lòng tham danh vọng và quyền lợi. Nhưng ông nhận thấy rằng công cuộc chống người Mông Cổ đương tiền triển khả quan, mà những người trong Minh Giáo theo phe Châu Nguyên Chương lại đương lãnh trọng trách trong việc đánh nhau với quân Mông Cổ. Nếu ông sát hại họ, công việc giải phóng dân Hán khỏi ách thống trị Mông Cổ có thể thất bại. Do đó, ông đã bỏ chức Giáo Chủ Minh Giáo và lui về ở ẩn.

Trên con đường lưu lạc của mình, Trương Vô Kỵ đã gặp nhiều thiếu nữ yêu thương mình và lòng ông cũng nhiều lúc phân vân, không rõ là mình chú tâm đến người nào nhiều nhất. Do đó, cuộc đời tình ái của ông cũng rất phức tạp.

1- Một trong những người đã yêu ông là Hân Ly, con gái của cậu ông. Cô này đã vì binh mẹ mà giết một người vợ lẽ của cha. Do đó, cô bị cha muốn sát hại và được thầy là Kim Hoa Bà Ba cứu. Cô gặp Trương Vô Kỵ lúc ông này còn nhỏ và bị nội thương. Cô muốn ép cậu bé Vô Kỵ về đảo Linh Xà để thầy mình chữa trị cho cậu. Nhưng cậu đã từ khước và cắn ngón tay cô để khỏi bị cô bắt. Cô yêu Vô Kỵ nhưng tưởng là cậu này đã chết. Về sau khi gặp lại Trương Vô Kỵ cô không nhận ra ông và đến lúc nhận ra thì cô đã điên điên rồ rồ chỉ nghĩ đến cậu Trương Vô Kỵ bé nhỏ đã cắn tay mình mà không yêu Trương Vô Kỵ đã trưởng thành.

2- Người thứ nhì yêu Trương Vô Kỵ là Tiểu Siêu, con gái của Kim Hoa Bà Bà . Bà nay vốn là một trong Thanh Sứ Nữ của Minh Giáo Ba Tư được đoàn thể này giao cho sứ mạng đi Trung Quốc để tìm bí quyết của Càn Khôn Đại Nã Di Tâm Pháp . Vì đã có chồng, bà không còn làm Thánh Sứ Nữ được nữa nên trao chức vụ này lại cho con và sai con đến căn cứ của Minh Giáo để thi hành sứ mạng của mình. Chính nhờ Tiểu Siêu giúp đỡ mà Trương Vô Kỵ gặp được miếng da dê ghi bí quyết về Càn Khôn Đại Nã Di Tâm Pháp. Tiểu Siêu yêu Trương Vô Kỵ và quyết tâm ở gần ông mãi mãi. Nhưng về sau, để cứu mẹ khỏi bị Minh Giáo Ba Tư hỏa thiêu vì tội thất trinh, Tiểu Siêu đã nhận làm Giáo Chủ Minh Giáo của Ba Tư và trở về nước này.

3- Người thứ ba yêu Trương Vô Kỵ là Châu Chi Nhược, đệ tử Diệt Tuyệt Sư Thái, Chương Môn Nhon phái Nga Mi. Cô đã gặp cậu bé Trương Vô Kỵ lúc cậu bé này bị nội thương. Về sau, cô đã yêu Trương Vô Kỵ. Nhưng thầy cô là Diệt Tuyệt Sư Thái khi truyền chức Chương Môn Nhon phái Nga Mi cho cô bà đã bắt cô thề độc là không được lấy Trương Vô Kỵ, mà còn phải dùng sắc đẹp để mê hoặc Trương Vô Kỵ hầu thực hiện sứ mạng của môn phái mình. Người thành lập môn phái này vốn là Quách Tường, con gái Quách Tĩnh và Hoàng Dung. Cha mẹ bà đã bị nạn khi quân Mông Cổ hạ thành Tương Dương. Nhưng trước đó, hai người đã trao thanh trao Đồ Long cho con trai là Quách Phá Lỗ và kiếm Ý Thiên cho con gái là Quách Tường. Quách Phá Lỗ đã tử nạn cùng với cha mẹ. Quách Tường thì còn sống sót và thành lập phái Nga Mi . Bà biết được sự bí mật của đao Đồ Long và kiếm Ý Thiên và bí mật này đã được các Chương Môn Nhon liên tiếp của phái này truyền lại cho nhau từ đời này sang đời khác.

Diệt Tuyệt Sư Thái dạy Châu Chi Nhược tìm đao Đồ Long và kiếm Ý Thiên rồi dùng hai vũ khí này chặt vào nhau làm cho cả hai cùng gãy và lấy các bí kíp giấu bên trong. Sau đó, Châu Chi Nhược phải lấy bí kíp võ công để tự luyện thành võ lâm cao thủ số một, làm rạng rỡ cho phái Nga Mi, còn bí kíp về hành quân thì giao cho một người lương thiện và có lòng yêu nước để họ tập luyện cho có đủ khả năng đánh đuổi quân Mông Cổ khỏi Trung Quốc. Vì kiếm Ý Thiên lọt vào tay Triệu Minh còn đao Đồ Long thì do Tạ Tốn nắm giữ mà cả hai đều có mối liên hệ mật thiết với Trương Vô Kỵ nên Diệt Tuyệt Sư Thái bảo Châu Chi Nhược lợi dụng Trương Vô Kỵ để lấy các vũ khí đó.

Châu Chỉ Nhược đã làm theo ý Diệt Tuyệt Sư Thái và đã lấy được các bí kíp, rồi luyện tập theo CỬU ÂM CHƠN KINH. Nhưng vì muốn mau giỏi cô đã cho học phần thấp nhất của kinh này và có những ngón đòn độc hại mà không có đủ công lực cần thiết. Mặt khác, cô vẫn còn yêu thương Trương Vô Kỵ. Để được kết hôn với ông, cô đã tìm cách hại Hân Ly và đổ tội cho Triệu Minh. Nhưng các hành động của cô đã bị Triệu Minh và Tạ Tốn biết và lần lần vạch ra cho Trương Vô Kỵ thấy. Cuối cùng, Châu Chỉ Nhược đã nói hết tâm sự của cô cho Trương Vô Kỵ biết. Cô cũng thành thật xin lỗi Hân Ly, trao chức Chương Môn Nhon phái Nga Mi cho Trương Vô Kỵ rồi cắt tóc đi tu.

4. Phần Triệu Minh thì là con một thân vương Mông Cổ và đã được phong làm quận chúa. Lúc đầu, cô phục vụ triều đình Mông Cổ và tìm cách gây sự xung đột giữa các môn phái người Hán, lại dùng những thủ đoạn tàn độc để sát hại người của các môn phái ấy. Nhưng sau khi gặp Trương Vô Kỵ, cô lại yêu ông. Vì mối tình này, Triệu Minh đã bỏ gia đình mình và hết sức giúp đỡ Trương Vô Kỵ. Tuy có lúc cũng oán hận và e sợ cùng nghi kỵ Triệu Minh, thật sự, Trương Vô Kỵ đã yêu Triệu Minh hơn hết và cuối cùng, khi mọi sự nghi ngờ đã giải tỏa hết, hai người đã kết hôn với nhau, lúc Trương Vô Kỵ rời bỏ võ lâm để đi ở ẩn

IX- LỊNH HỒ XUNG.

Lịnh Hồ Xung nguyên là một đứa trẻ mồ côi cha mẹ và được vợ chồng Nhạc Bất Quần, Chương Môn Nhon phái Hoa Sơn đem về nuôi và cho làm đệ tử. Họ đã hết lòng dạy dỗ nên Lịnh Hồ Xung công lực và võ nghệ khá cao và được xem là đại đệ tử của Nhạc Bất Quần. Nhưng Lịnh Hồ Xung đã sống trong lúc có những cuộc xung đột lớn trong giới võ lâm, đặc biệt nhất là cuộc xung đột giữa Triều Dương Thần Giáo bị gọi là Ma Giáo và các môn phái khác được gọi là chánh phái. Vốn là người lãnh tình phóng khoáng và chuộng lẽ phải, ông không thể khép mình trong sự giáo huấn có tánh cách chật hẹp của thầy. Khi theo thầy đi công tác, ông đã có dịp nhận thấy rằng trong tổ chức bị gọi là Ma Giáo, có những người tốt, và trong các đoàn thể tự xưng là chánh phái, cũng có người tham lam gian ác. Vì đó ông đã không cương quyết xem tất cả người của Ma Giáo là thù địch như Nhạc Bất Quần dạy và điều này làm cho Nhạc Bất Quần không hài lòng.

Mặt khác, như lúc bị thầy phạt lên sám hối trên đỉnh Hoa Sơn, Lịnh Hồ Xung tình cờ khám phá được một thạch động bí mật trong đó các cao thủ Ma Giáo đã khắc trên vách đá những đồ hình dạy cách phá các chiêu thức của các kiếm phái ở năm hòn núi lớn. Ông đã học theo các thể kiếm trong đồ hình này để đối phó với một địch thủ giỏi hơn mình là Điền Bá Quang. Trong dịp đánh nhau với ông này, Lịnh Hồ Xung gặp lại Phong Thanh Dương, một vị tiền bối phái Hoa Sơn, nhưng thuộc phe Kiếm Tông là phe đối nghịch lại phe Khí Tông của Nhạc Bất Quần. Vì tiền bối này đã dạy cho Lịnh Hồ Xung nguyên tắc “vô chiêu thắng hữu chiêu và kiếm pháp Độc Cô Cửu Kiếm của

Độc Cô Cầu Bại để lại. Với các kỳ ngộ này, Linh Hồ Xung đã tiến bộ thêm nhiều về kiếm thuật. Nhưng việc ông học thêm các võ công ngoài sự chỉ dạy của thầy làm cho Nhạc Bất Quần càng bất mãn ông nhiều hơn. Sự bất mãn này đã trở thành sự ghét bỏ khi Nhạc Bất Quần nghi Linh Hồ Xung đã hạ sát một sư đệ là Lục Đại Hữu và lấy TỬ HÀ BÍ LỤC là bí kíp dạy môn nội công đặc biệt của môn phái mình.

Về mặt võ thuật, Linh Hồ Xung càng ngày càng xa thầy là Nhạc Bất Quần. Khi đấu với một cao thủ phe Kiếm Tông đến Hoa Sơn để tranh chức Chương Môn Nhon với Nhạc Bất Quần, Linh Hồ Xung đã bị đánh trọng thương. Để chữa thương cho ông, sáu quái nhơn có nội công rất cao thâm là Đào Cốc Lục Tiên đã dồn chơn khí vào người ông. Nhưng các quái nhơn này đã không thông y lý mà lại còn không đồng ý nhau nên kết quả là làm cho Linh Hồ Xung bị thêm nội /huong trầm trọng. Sau đó, cũng để chữa thương cho ông, Bát Giới Hoà Thường lại cho thêm vào hai luồng chơn khí để chế ngự sáu luồng của Đào Cốc Lục Tiên. Hai luồng chơn khí này đã giúp Linh Hồ Xung tạm bớt đau đớn. Nhưng vì các luồng chơn khí được dồn vào mình Linh Hồ Xung khác nhau và khác nội lực riêng của ông nên tất cả các luồng chơn khí trong mình ông đã xung đột với nhau thành ra ông còn bị nội thương nặng hơn. Ông không còn vận chơn khí được như là người không có chút nội lực nào và chỉ gắng sức một chút là trong ngực nhộn nhạo rất khó chịu. Về sau, Linh Hồ Xung được đưa lên chùa Thiếu Lâm để nhờ các cao tăng trong chùa này chữa trị. Phương Sinh Đại Sư của chùa Thiếu Lâm đã dồn chơn khí của ông vào người Linh Hồ Xung. Nhưng cuối cùng, ông cũng chịu thua và cho Linh Hồ Xung biết rằng ông không đủ sức hóa giải các luồng chơn khí đã có trong mình Linh Hồ Xung, thành ra việc ông dồn chơn khí cho Linh Hồ Xung như vậy chỉ kéo dài thọ mạng cho Linh Hồ Xung trong một thời gian mà thôi.

Sau đó, vì tham dự một cách vô tình vào âm mưu của một cao thủ Triệu Dương Thần Giáo là Hướng Vân Thiên để giải thoát Nhậm Ngã Hành là vị Giáo Chủ tiền nhiệm của tổ chức này, Linh Hồ Xung đã bị nhốt thay Nhậm Ngã Hành trong một nhà ngục dưới đáy Tây Hồ, rồi tình cờ phát giác được bí quyết của Hấp Tinh Đại Pháp mà Nhậm Ngã Hành đã khắc trên tám ván sắt dùng làm giường nằm cho mình. Nguyên tác của phép này vốn là thôn hút nội lực người khác vào cơ thể mình rồi hóa tán nó ra để dùng. Nhờ học được yếu quyết của Hấp Tinh Đại Pháp, Linh Hồ Xung đã hóa tán lần các luồng chơn khí trong người và chẳng những hết khó chịu mà còn tăng thêm công lực.

Tuy nhiên, Hấp Tinh Đại Pháp không hoàn toàn chế phục được các luồng chơn khí ngoại lai và thỉnh thoảng các luồng chơn khí ấy lại phát tác làm cho Linh Hồ Xung đau đớn không thể chịu được. Nhưng cuối cùng, Linh Hồ Xung đã hoàn toàn bình phục nhờ luyện được DỊCH CÂN KINH. Đó là một bí thuật của chùa Thiếu Lâm và Linh Hồ Xung đã từng từ chối không chịu học bí thuật ấy vì không nhận làm đệ tử Thiếu Lâm. Để cứu ông, Phương Trượng chùa Thiếu Lâm là Phương Chứng Đại Sư

đã phải bảo đó là phép luyện tập của một tiền bối phái Hoa Sơn là Phong Thanh Dương chỉ và Lệnh Hồ Xung chấp nhận luyện theo nó để tự chữa thương cho mình.

Trên đường phiêu lưu của mình, Lệnh Hồ Xung đã có dính dáng nhiều đến Triều Dương Thần Giáo nên bị Nhạc Bất Quần chánh thức trục xuất khỏi phái Hoa Sơn. Đã vậy, sau khi đánh cắp TỊCH TÀ KIỂM PHỔ của một đệ tử khác là Lâm Bình Chi, Nhạc Bất Quần còn vu cho Lệnh Hồ Xung làm công việc xấu xa này. Thái độ của Nhạc Bất Quần làm cho Lệnh Hồ Xung rất đau khổ, vì ngoài tình thầy trò với Nhạc Bất Quần, Lệnh Hồ Xung còn tha thiết yêu Nhạc Linh San là con gái Nhạc Bất Quần. Tuy nhiên, ông cũng biết là không thể kết hôn với cô này được, vì tuy thương mến ông, cô đã xem ông như một người anh và chỉ yêu Lâm Bình Chi mặc dầu Lâm Bình Chi không thật sự yêu cô.

Trong khi còn được xem là đại đệ tử của Nhạc Bất Quần, Lệnh Hồ Xung đã cứu được một đệ tử của phái Hằng Sơn là Nghi Lâm khỏi bị Điền Bá Quang làm ô nhục nên cô này rất yêu ông. Nhưng vì cô đã xuất gia mà rất tin tưởng nơi đạo nên không nhận hoàn tục để kết hôn với ông, mặc dầu cha mẹ cô muốn như vậy và đã toan bức bách Lệnh Hồ Xung phải cưới cô làm vợ, dầu cho là vợ lẽ.

Người thiếu nữ thử nài yêu Lệnh Hồ Xung tha thiết sau khi ngẫu nhiên gặp ông, nhưng không bị tin ngưỡng ngăn trở, là Nhậm Doanh Doanh. Lúc hai người mới quen biết nhau, thân phụ Nhậm Doanh Doanh là Nhậm Ngã Hành còn bị giam giữ trong ngục thất. Nhưng người đã cướp đoạt ngôi Giáo Chủ Triều Dương Thần Giáo của ông là Đông Phương Bất Bại không muốn cho người khác biết là mình đã hại Nhậm Ngã Hành nên đã rất nuông chiều Nhậm Doanh Doanh. Cô này thường xin được thuốc giải chất độc trong Tam Thi Nảo Thần Đơn mà Triều Dương Thần Giáo bắt người ta uống để kèm chế. Do đó, cô rất được các hào khách trong giới giang hồ kính trọng và sợ hãi. Các hào khách này biết Nhậm Doanh Doanh yêu Lệnh Hồ Xung nên cũng hết sức tôn trọng ông và tìm mọi cách chữa nội thương cho ông, nhưng họ đã không thành công. Chính Nhậm Doanh Doanh sau khi thấy tánh mạng Lệnh Hồ Xung có thể lâm nguy nên đã đưa ông đến chùa Thiếu Lâm để nhờ các cao tăng của chùa này chữa trị, mặc dầu cô đã sát hại người của chùa này và chắc chắn là sẽ bị bắt giữ khi đến đó.

Khi đã học được Hấp Tinh Đại Pháp và có công lực cao siêu, và biết được rằng Nhậm Doanh Doanh bị giam ở chùa Thiếu Lâm, Lệnh Hồ Xung đã quản lãnh mấy ngàn hào khách giang hồ đến chùa này để giải cứu cho cô. Sau đó, ông lại cùng Nhậm Doanh Doanh giúp Nhậm Ngã Hành triệt hạ Đông Phương Bất Bại để trở lại làm Giáo Chủ Triều Dương Thần Giáo. Nhưng mặc dầu Nhậm Ngã Hành hứa gả Nhậm Doanh Doanh cho ông, Lệnh Hồ Xung vẫn không chấp nhận gia nhập Triều Dương Thần Giáo. Dầu vậy, sự liên hệ chặt chẽ với người của giáo phái này đã làm cho Lệnh Hồ Xung bị các Kiếm Phái Tung Sơn, Thái Sơn, Hành Sơn và Hoa Sơn nhìn với cặp mắt thiếu thiện cảm. Chỉ có phái Hằng Sơn vẫn ủng hộ Lệnh Hồ Xung vì đã được ông tận

lực giúp đỡ khi phái này bị Chưởng Môn Nhon phái Tung Sơn là Tả Lãnh Thiền uy hiếp để bắt buộc phải tự giải tán và gia nhập Ngũ Nhạc Kiếm Phái mà Tả Lãnh Thiền sẽ là Chưởng Môn Nhon. Đã vậy, khi bị Nhạc Bất Quần đánh cho bị tử thương, Đỉnh Nhàn Sư Thái của phái Hằng Sơn còn truyền chức Chưởng Môn Nhon của phái này cho Linh Hồ Xung.

Phản Phương Trượng chùa Thiếu Lâm là Phương Chứng Đại Sư và Chưởng Môn Nhon phái Võ Đang là Xung Hư Đạo Trưởng thì thấy rõ là sau khi thống nhất các kiếm phái của năm hòn núi lớn, Tả Lãnh Thiền sẽ tiến lên, tìm cách chế ngự đoàn thể mình. Bởi vậy, họ đã khuyến khích Linh Hồ Xung giành lấy chức Chưởng Môn Nhon Ngũ Nhạc Kiếm Phái để giữ sự hòa hảo với họ. Tuy nhiên, khi đến Tung sơn để tham dự cuộc tranh chức Chưởng Môn Nhon này, Linh Hồ Xung đã vì muốn nhường nhịn Nhạc Linh San mà để cho mình bị thương. Do đó, cuối cùng chức Chưởng Môn Nhon Ngũ Nhạc Kiếm Phái đã về tay Nhạc Bất Quần. Nhưng trong khi đấu với Tả Lãnh Thiền để tranh đoạt chức đó, Nhạc Bất Quần đã cho mọi người thấy rằng ông ta còn gian xảo độc ác và có âm mưu thâm hiểm hơn Tả Lãnh Thiền. Bởi đó, Linh Hồ Xung không còn tôn kính và thương mến ông ta nữa.

Sau đó, Nhạc Bất Quần đã bị cả Tả Lãnh Thiền lẫn Triều Dương Thần Giáo tìm cách triệt hạ. Các âm mưu và kế hoạch của ông ta chỉ đưa đến cái chết của nhiều cao thủ trong các kiếm phái đã theo ông ta. Phần ông ta cũng đã bị Nghi Lâm giết khi đã mất nội lực thành ra Nghi Lâm đã vô tình trả thù được cho Đỉnh Nhàn Sư Thái. Lúc ấy, trong năm kiếm phái của các hòn núi lớn, chỉ còn có phái Hằng Sơn. Nhậm Ngã Hành đã định kẻ hoạch mở cuộc tấn công cả phái này lẫn hai phái Thiếu Lâm và Võ Đang, nhưng lại thỉnh linh chết vì bạo binh. Nhậm Doanh Doanh kế vị Giáo Chủ đã chủ trương hoà giải với các môn phái khác và chánh sách này được Hương Vân Thiên noi theo khi Nhậm Doanh Doanh từ nhiệm để kết hôn với Linh Hồ Xung lúc ấy cũng đã trao quyền Chưởng Môn Nhon của phái Hằng Sơn cho một người đệ tử của phái này.

X- VI TIỂU BẢO

Vi Tiểu Bảo là con một kỹ nữ gốc người Quảng Đông, nhưng hành nghề ở Dương Châu. Ông rất thông minh lanh lợi, nhưng từ bé đã sống trong kỹ viện, chung chạ với hạng người ăn chơi đàng điếm. Bởi đó, cậu bé Vi Tiểu Bảo ăn nói thô tục, lại rất gian xảo, chuyên môn lừa bịp người và rất thông thạo nghề cờ gian bạc lận. Nhưng vì kiếm tiền để cậu tỏ ra hào phóng, sẵn sàng bỏ tiền ra giúp những người khác những khi cần. Mặt khác, cậu cũng thường nghe khách giang hồ kể chuyện các hiệp sĩ và các anh hùng dân tộc nên cậu cũng có xu hướng tự mình cư xử như người nghĩa hiệp anh hùng.

Vi Tiểu Bảo đã tình cờ cứu được Mao Thập Bát, một người có võ nghệ và chống lại triều đình nhà Thanh. Trong việc thuộc liên thủ với Mao Thập Bát để đối phó với kẻ địch, cậu bé Vi Tiểu Bảo đã có những hành động mà giới giang hồ cho là đồn mạt, như quăng vôi vào mắt kẻ địch, chui vào đũng quần kẻ địch để bóp thận nang, cắn kẻ địch, kêu khóc ầm ĩ hay giả chết gạt kẻ địch. Do đó, Mao Thập Bát đã si và cậu nhưng vì thấy cậu cũng có nghĩa và lại bị cậu dùng lời nói khích nên thuận cho cậu theo mình đi Bắc Kinh. Đến đó, Vi Tiểu Bảo tình cờ bị một lão thái giám là Hải Đại Phú bắt đem về cung vua nhà Thanh.

Vi Tiểu Bảo đã giết đứa tiểu thái giám hầu hạ Hải Đại Phú tên Tiểu Quế Tử. Lúc ấy, Hải Đại Phú đã bị mù mắt. Ông biết rõ Vi Tiểu Bảo giả làm Tiểu Quế Tử nhưng ông thấy cậu bé này thông minh lanh lợi hơn Tiểu Quế Tử và có thể đắc dụng cho ông hơn trong việc mưu đồ đánh cắp bộ TỨ THẬP NHỊ CHUÔNG KINH trong thư viện hoàng gia nên giả vờ không biết. Do sứ mạng Hải Đại Phú giao cho mà Vi Tiểu Bảo gặp được Vua Khương Hy lúc đó cũng trẻ tuổi như mình. Lúc đầu, Vi Tiểu Bảo chỉ biết nhà vua này với tên Tiểu Huyền Tử và đã nhiều lần đấu võ với ông ta. Nhà vua vốn còn nhỏ, nhưng giữ địa vị chí tôn nên cả ngày phải tỏ vẻ nghiêm trang, muốn tỷ thí với ai cũng không được vì không ai dám thật sự đụng đến mình. Bởi đó, ông rất thích thú khi gặp một cậu bé tuổi suýt soát mình và không biết mình là vua nên ăn nói thô tục và dám đánh nhau thật sự với mình.

Vi Tiểu Bảo biết Tiểu Huyền Tử là Vua Khương Hy khi ẩn trong thư viện hoàng gia để tìm bộ TỨ THẬP NHỊ CHUÔNG KINH và đã lanh trí nhảy ra bình vực Vua Khương Hy lúc nhà vua này bị Ngao Bái uy hiếp. Ngao Bái vốn là một đại thần người Mãn Châu, lúc ấy có thế lực lớn nên làm cho nhà vua lo ngại và mưu đồ triệt hạ. Sau đó, Vi Tiểu Bảo đã giúp Vua Khương Hy một cách đắc lực trong việc bắt giam Ngao Bái và về sau hạ sát Ngao Bái trong ngục. Nhưng trong lúc Vi Tiểu Bảo đến ngục thất để đầu độc Ngao Bái, lại có người của Thiên Địa Hội có thâm thù với Ngao Bái đến tấn công ngục thất này và bắt Vi Tiểu Bảo đem đi. Nhơn dịp này Vi Tiểu Bảo gặp được Tổng Đà Chủ Thiên Địa Hội là Trần Cận Nam (cũng có tên là Trần Vĩnh Hoa). Trần Cận Nam thâu nhận Vi Tiểu Bảo làm đệ tử và cho gia nhập Thiên Địa Hội. Ông lại lấy cớ là Vi Tiểu Bảo đã giết được Ngao Bái trả thù cho Hương Chủ Thanh Mộc Đường của Thiên Địa Hội để cho Vi Tiểu Bảo làm hương chủ của đường này. Dụng ý của ông là phái Vi Tiểu Bảo trở vào trong hoàng cung nhà Thanh để thăm dò tin tức và làm nội ứng cho Thiên Địa Hội.

Vi Tiểu Bảo biết Thiên Địa Hội là một tổ chức ái quốc có mưu đồ đánh đuổi người Mãn Châu để khôi phục nhà Minh, và Trần Cận Nam là một bậc đại anh hùng được mọi người tôn trọng và kính phục. Vì thế, ông rất ngưỡng mộ Thiên Địa Hội và Trần Cận Nam, và rất hoan hỉ khi được gia nhập Thiên Địa Hội và làm đệ tử Trần Cận Nam. Tuy nhiên, ông đã thân cận Vua Khương Hy và rất thương mến nhà vua này, nhất là khi đã nhận thấy rằng đó là một nhà lãnh đạo sáng suốt và thương dân, thành

thật hối tiếc về việc người Mãn Châu tàn sát người Hán lúc mới vào chiếm Trung Quốc và muốn sửa chữa các sai lầm của tổ tiên mình. Do đó từ khi gia nhập Thiên Địa Hội, Vi Tiểu Bảo đã đứng trước một tình thế khó xử.

Đối với Vua Khương Hy, Vi Tiểu Bảo đã tỏ ra trung thành và tận lực phục vụ. Ngoài việc giúp vào công cuộc triệt hạ Ngao Bái trước đó, ông còn lập nhiều công trạng cho Vua Khương Hy. Ông đã phát giác được vụ bà hoàng thái hậu nhà Thanh bị Mao Đông Châu là người của Thần Long Giáo kèm chế và đã giải thoát được bà hoàng thái hậu này. Ông cũng đã thay Vua Khương Hy lên Ngũ Đài Sơn (trong tỉnh Sơn Tây ngày nay) để tìm Vua Thuận Trị là thân phụ Vua Khương Hy đương tu trong một ngôi chùa ở núi này. Về sau, theo lệnh Khương Hy, ông lại lên làm hỏa thượng ở chùa đó để bảo vệ cho Vua Thuận Trị lúc ấy là một nhà sư mang pháp danh Hành Si, và giữ cho ông này không bị kẻ địch sát hại hay uy hiếp.

Kể đó Vi Tiểu Bảo phát giác được việc Ngô Tam Quế liên lạc với người Tây Tạng, người Mông Cổ, người La Sát (tức là người Nga) và với Thần Long Giáo để mưu đồ chống lại Vua Khương Hy và chia xẻ lãnh thổ nhà Thanh. Ông đã vận động cho người Tây Tạng và người Mông Cổ bỏ việc liên minh với Ngô Tam Quế để theo về phục vụ Vua Khương Hy. Nhờ đó, Vua Khương Hy đã thắng được Ngô Tam Quế khi ông này nổi lên chống lại nhà Thanh. Được Vua Khương Hy giao cho nhiệm vụ làm Phủ Viễn Đại Tướng Quân thống lãnh quân Thanh đối phó với người La Sát, Vi Tiểu Bảo đã chế ngự được họ và nhờ đó, bản hiệp ước được ký kết giữa hai bên đã rất lợi cho Trung Quốc.

Vi Tiểu Bảo đã không ngần ngại đem thân mình che chở cho Vua Khương Hy lúc nhà vua này bị Ni Sư Cửu Nạn (là con gái Vua Sùng Trinh nhà Minh) đâm ở Ngũ Đài Sơn. Sau đó, khi biết rằng vợ chồng Qui Tân Thụ có mưu đồ vào cung để hạ sát Vua Khương Hy, ông đã cố tìm cách báo tin cho nhà vua biết. Đến lúc bị vợ chồng Qui Tân Thụ bắt bên trong hoàng cung và ép chỉ chỗ nhà vua đương ngự để hành thích. Vi Tiểu Bảo cũng đã liều mạng gạt họ và chỉ cho họ chiếc kiệu không phải có nhà vua ngồi bên trong.

Mặt khác, Vi Tiểu Bảo cũng đã hết lòng phục vụ Thiên Địa Hội. Ông đã tìm cách giải thoát những người của Thiên Địa Hội bị nhà Thanh bắt. Ngoài ra, ông cũng đã làm cho Thiên Địa Hội tăng thêm thế lực và uy tín. Ông đã giúp vào việc hòa giải giữa Thiên Địa Hội với phe Mộc Vương Phủ. Ông cũng đã cố tình dùng uy quyền của mình do nhà Thanh giao cho để thả những người trong giới hào khách chống lại nhà Thanh và tỏ ra có nghĩa khí không phản bội phe mình, lại sát hại những người vì sợ chết mà bỏ người đồng bọn.

Trong việc phục vụ Thiên Địa Hội, chỉ có công tác triệt hạ Ngô Tam Quế là phù hợp với việc phục vụ Vua Khương Hy. Ngoài ra thì Vua Khương Hy và Thiên Địa

Hội ở vào tình thế hoàn toàn đối nghịch nhau và Vi Tiểu Bảo đã nhiều lần bị bắt buộc phải chọn lựa một trong hai bên. Nhờ gián điệp gài trong Thiên Địa Hội, Vua Khương Hy đã biết rằng Vi Tiểu Bảo là một Hương Chủ của tổ chức này. Ông sẵn sàng tha tội cho Vi Tiểu Bảo nhưng bắt Vi Tiểu Bảo phải hạ sát Trần Cận Nam và các nhơn vật khác của Thiên Địa Hội. Nhưng chẳng những đã không tuân lệnh nhà vua về việc đó, Vi Tiểu Bảo còn cố tìm cách cứu những người nói trên đây khỏi bị tan xác vì súng đại bác của Vua Khương Hy được lệnh nã vào phủ đệ của mình. Sau đó, ông thả ở ngoài đảo câu cá chớ không chịu về triều phục vụ nếu phải trả giá bằng việc bội phản Thiên Địa Hội.

Tuy đã được Vua Khương Hy phong đến tước công sau khi ông giúp nhà vua ký với người La Sát một hiệp ước rất thuận lợi cho nhà Thanh, Vi Tiểu Bảo vẫn không vui lòng vì nhà vua đã tun ra tin là chính ông đã giết Trần Cận Nam và triệt hạ Thiên Địa Hội. Ông đã trái lệnh nhà vua, tìm cách tha Mao Thập Bát đã mật sát ông vì việc này. Nhưng ông cũng đồng thời cương quyết từ chối lời nài nỉ của người sống sót trong Thiên Địa Hội yêu cầu ông hạ sát Vua Khương Hy, hoặc đứng lên làm Minh Chủ phong trào phản Thanh. Cuối cùng để thoát khỏi cảnh khó xử vì sự xung khắc giữa hai bên, Vi Tiểu Bảo đã rời bỏ chánh trường và trốn đi biệt tích.

Từ khi bị Hải Đại Phú bắt vào trong cung, Vi Tiểu Bảo đã liên hệ đến việc tìm các bộ TỬ THẬP NHỊ CHUÔNG KINH. Thời đó, rất nhiều người mưu đồ lấy các bộ kinh này: Vua Khương Hy, Ngao Bái, Hải Đại Phú, Ngộ Tam Quế, một cung nữ của nhà Minh là Đào Hồng Anh, các Lạt Ma Tây Tạng và Thần Long Giáo. Đặc biệt tổ chức sau này đã phái Mao Đông Châu vào cung giả làm hoàng thái hậu để thực hiện công tác đó. Nhưng cuối cùng, chính Vi Tiểu Bảo đã nhờ nhiều sự tình cờ mà lấy được cả tám bộ kinh, lại phát giác được sự bị mật của nó. Khi có đủ các bộ kinh và hiểu được tác dụng của nó, Vi Tiểu Bảo đã biết được địa điểm có long mạch của nhà Thanh mà cũng là chỗ chứa đựng một kho tàng lớn do người Mãn Châu tích tụ khi mới vào chiếm đoạt Trung Quốc. Lúc chưa ráp được các mảnh vụn lấy từ các bộ kinh ra cho thành bản địa đồ, ông đã có ý muốn giao các mảnh này cho Trần Cận Nam vì thương mến và kính trọng ông này nhưng Trần Cận Nam không nhận. Đến lúc ông đã ráp được mảnh vụn thành bản đồ thì Trần Cận Nam đã chết. Cuối cùng, vì cảm tình với Vua Khương Hy và sợ việc làm đứt long mạch nhà Thanh gây hại cho nhà vua này, Vi Tiểu Bảo đã bỏ ý định đào lấy kho tàng.

Về mặt võ nghệ thì Vi Tiểu Bảo đã được học rất nhiều người: Hải Đại Phú, Vua Khương Hy, Trần Cận Nam, vợ chồng Hồng Giáo Chủ của Thần Long Giáo, Trùng Quan Đại Sư của chùa Thiếu Lâm và Ni Sư Cửu Nạn. Nhưng Hải Đại Phú đã không thật sự dạy ông, Vua Khương Hy thì võ công tầm thường, vợ chồng Hồng Giáo Chủ thì chỉ dạy cho Vi Tiểu Bảo một vài miếng võ. Riêng Trần Cận Nam, Trùng Quan Đại Sư và Ni Sư Cửu Nạn thì võ công cao thâm và thật tình chỉ dạy. Nhưng Vi Tiểu Bảo không trì chí luyện tập nên không giỏi được. Môn duy nhất mà ông thích và sử dụng

ting thực là môn Thần Hành Bách Biến do Ni Sư Cửu Nạn truyền cho. Đó là một môn khinh công giúp người né tránh và chạy trốn kẻ địch một cách nhanh chóng làm cho kẻ địch không hại mình được. Ngoài ra, Vi Tiểu Bảo còn được Bà Hà Dịch Thủ cho một dụng cụ bắn ám khí là Hàm Sa Xạ Ảnh để tự vệ.

Về mặt tình ái thì Vi Tiểu Bảo đã có bảy người vợ là Song Nhi, Tăng Nhu, Mộc Kiếm Bình, Phương Di, Tô Thuyên, Kiến Ninh Công Chúa và A Kha. Họ đã gặp Vi Tiểu Bảo trong những hoàn cảnh khác nhau.

Song Nhi là người được nhà họ Trang biểu cho Vi Tiểu Bảo để đền ơn đã báo thù cho họ với việc hạ sát Ngao Bái. Cô này lúc nào cũng hoàn toàn trung thành và từng phục Vi Tiểu Bảo.

Tăng Nhu là người thuộc phe chống nhà Thanh và đã theo các đồng chí vào quân dinh của Vi Tiểu Bảo với mục đích hạ sát ông. Nhưng Vi Tiểu Bảo đã chuyển bại thành thắng rồi lại tìm cách tha cô và những đồng chí của cô đã tỏ ra trọng nghĩa khí. Bởi đó, cô đã yêu Vi Tiểu Bảo và từ đó, không còn xung đột với ông.

Mộc Kiếm Bình là quận chúa trong Mộc Vương Phủ. Cô bị phe Thiên Địa Hội bắt cóc rồi đem gởi cho Vi Tiểu Bảo trong hoàng cung. Nhon dịp này, Vi Tiểu Bảo ép cô nhận làm vợ mình, nhưng cô cũng không có hành động gì chống lại Vi Tiểu Bảo.

Phương Di là người cùng một phe với Mộc Kiếm Bình và được Vi Tiểu Bảo cứu khi vào hoàng cung làm thích khách. Cô đã hứa hôn với Lưu Nhứt Châu, nhưng Vi Tiểu Bảo đã lấy việc cứu ông này khỏi chết để ép Phương Di nhận làm vợ mình. Cô bắt buộc phải nhận chừa và cũng không ân hận gì về việc này. Tuy nhiên, khi bị các nhà lãnh đạo Thần Long Giáo kềm chế, cô đã phải nghe theo lệnh họ và làm cho Vi Tiểu Bảo mắc mưu họ nhiều lần. Chỉ đến lúc biết rằng cô bị họ kềm chế Vi Tiểu Bảo mới không để lòng giận cô.

Phản Tô Thuyên thì vốn là Hồng Phu Nhon, vợ của Giáo Chủ Thần Long Giáo. Vi Tiểu Bảo nhỏ tuổi hơn cô, lại có lúc phải nhận cô là người trên trước và được cô dạy cho một vài thế võ. Nhưng mặc dầu làm vợ Hồng Giáo Chủ và được ông này rất mực thương yêu, cô đã không được ông đá động đến vì phải luyện tập một võ công bắt buộc ông phải xa nữ sắc. Trái lại, cô đã bị Vi Tiểu Bảo hãm hiếp lúc bị bắt tại Dương Châu và có thai với Vi Tiểu Bảo. Do đó cuối cùng cô đã nhận Vi Tiểu Bảo là chồng mình khi Hồng Giáo Chủ bị sát hại.

Kiến Ninh Công Chúa thì tiếng là em Vua Khương Hy, nhưng thật sự lại là con của bà hoàng thái hậu giả là Mao Đông Châu. Cô là người bị bệnh bạo dâm, thích hành hạ người và bị người hành hạ. Với địa vị công chúa, cô đã nhiều lần uy hiếp Vi Tiểu Bảo nên tuy đã lấy cô làm vợ, Vi Tiểu Bảo không mặn mà với cô bằng những người khác.

Riêng A Kha là người được Vi Tiểu Bảo mê say hơn họ vì sắc đẹp. Cô vốn là con của Trần Viên Viên với Lý Tự Thành, nhưng bên ngoài, ai cũng tưởng thân phụ cô là Ngô Tam Quế . Do đó.Ni Sư Cửu Nạn đã bắt cóc cô cho làm đồ đệ với mục đích dùng cô hạ sát Ngô Tam Quế để báo thù. Lúc đầu, cô không ưa Vi Tiểu Bảo mà lại yêu Trịnh Khắc Sảng là con Trịnh Kinh, chúa đảo Đài Loan. Vi Tiểu Bảo nhiều lần bày mưu thiết kế để ép cô phải nhận mình làm chồng. Cuối cùng, vì bị Vi Tiểu Bảo hãm hiếp có thai, lại thấy Trịnh Khắc Sảng có thái độ bạc nghĩa với mình, cô đã thành thật theo Vi Tiểu Bảo

(Còn tiếp)

Nguồn: <http://tambut.wordpress.com>